

Chú Giải Kinh Kim Cang Và Chánh Pháp Chư Tăng Có

Thích Huyền Vi

MỤC LỤC

LỜI ĐẦU SÁCH

I.KINH SÁM KIM CANG

CHÚ GIẢI KINH KIM CANG (Phần 1)

1.Giảng nói tên Kinh

2.Lịch sử Kim Cang

3.Lược sử Ngài Tam Tạng Pháp Sư Cưu
Ma La Thập

4.Phân giới hạng Kinh Kim Cang

5.Nguyên do pháp hội thuyết giảng

6.Thuyết vào bản Kinh

Phần 1 – Nguyên nhân pháp hội

Phần 2 - Thiện hiện khái thỉnh

Phần 3 – Chánh tôn đại thừa

Phần 4 – Vô trụ diệu hành

Phần 5 - Thật thấy như lý

Phần 6 – Chánh tín hy hữu

Phần 7 – Vô đắc, vô thuyết

Phần 8 – Y pháp xuất sanh

Phần 9 - Nhứt tướng vô

Phần 10 – Trang nghiêm Tịnh Độ

Phần 11 – Vô vi thắng phước

Phần 12 – Tôn trọng chánh giáo

Phần 13 - Thọ trì như pháp

Phần 14 – Ly tướng tịch diệt

Phần 15 – Công đức trì Kinh

Phần 16 – Hay tịnh nghiệp chương

Phần 17 - Cứu kính vô ngã

Phần 18 - Nhứt thể đồng quán

Phần 19 – Pháp giới thông hóa

Phần 20 – Ly sắc ly tướng

Phần 21 - Phi thuyết sở thuyết

Phần 22 – Không pháp có thể được

Phần 23 - Tịnh tâm hành thiện

Phần 24 - Phước trí không sanh

Phần 25 - Phân hóa, không c hỗ hóa

Phần 26 – Pháp thân phi tướng

Phần 27 – Không đoạn không diệt

Phần 28 – Không thọ không tham

Phần 29 – Oai nghi tịch tĩnh

Phần 30 - Nhứt hiệp ly tướng

Phần 31 – Tri kiến không sanh

Phần 32 - Ứng hóa phi chơn

II. KINH CHÁNH PHÁP CHƯA TỪNG CÓ (Phần 2)

Quyển thứ nhất.

-Lời giải quyển thứ 1.

Kinh C.P.C.T.C. quyển thứ 2

-Lời giải quyển thứ 2

Kinh C.P.C.T.C. quyển thứ 3

-Lời giải quyển thứ 3

Kinh C.P.C.T.C. quyển thứ 4

-Lời giải quyển thứ 4

Kinh C.P.C.T.C quyển thứ 5

-Lời giải quyển thứ 5

Kinh C.P.C.T.C quyển thứ 6

-Lời giải quyển thứ 6.

III. PHỤ TRANG (Phần 3)

i.Lược sử Đức Thế Tôn

ii.Giáng sinh

iii.Xuất gia

iv.Khổ hạnh

v.Thành đạo

vi.Thuyết pháp

TÂM KINH MA HA BÁT NHÃ BA
LA MẬT ĐA

LỜI ĐẦU SÁCH

Trong kinh Phật thường nói “**Hoàng Pháp thị gia vụ, trí tuệ vì sự nghiệp**”. Thời gian làm việc đạo gần đây, ngoài việc giáo dục Tăng, Ni, chúng tôi còn thu xếp ngày giờ soạn dịch các bộ kinh quan yếu, để giảng dạy cho hàng Thích tử, Thích nữ xuất gia, cũng như Phật tử tại

gia, hai tập Kinh trong đây, được cho xuất bản, đó là:

**-KINH KIM CANG
(VAJRACCHEDIKA
PRAJNAPARAMITA SUTRA)**

**-KINH PHẬT THYẾT CHÁNH
PHÁP CHƯA TỪNG CÓ (ABHUTA
PURVA BUDHDA
VACANASADDHARMA SUTRA)**

Ngoài ra trong tập sách này còn phụ trương thêm hai phần quan trọng, đó là LƯỢC SỬ ĐỨC PHẬT THÍCH CA và TÂM KINH BÁT NHÃ. Các Kinh, sử trên đã được giảng giải tại Học Đường Tự Viện Linh Sơn Pháp Quốc. Giờ đây, các vị Tăng Ni thuộc tăng chúng Linh Sơn và Phật tử tại Tự Viện Paris vì muốn lợi lạc chung cho tất cả Phật tử mười phương, nhất là người Việt ở khắp năm châu, nên

đạ xin phép chúng tôi, cố động tài chánh đề xuất bản hai tập kinh sách nói trên cho được vẹn toàn công quả **“ấn thơ, trợ đạo, hoằng dương Chánh Pháp”**.

Kinh Kim Cang, Đức Phật chỉ dạy lý **không**, để cho mọi người thể nhập **chơn không**, từ đầu đến cuối, Đức Phật gọi Trưởng Lãn Tu Bồ Đề, vì Ngài này tu hành chứng ngộ, giải không đê nhứt, để nêu rõ cái không của thế gian và cái không của xuất thế gian, phần còn lại chỉ rõ **chơn không diệu hữu...**

Kinh Chánh Pháp Chưa Từng Có, đức Phật chỉ rõ **“Nhứt thiết chủng trí”** của mỗi người, mong cho hàng thất chúng đê tử của Phật liễu ngộ lý sâu. Cuối Kinh toàn thể đồng tán dương giáo pháp của Phật nói ra chưa từng một ai nghe biết...

Muốn cho hàng Phật tử hiểu thêm sử liệu của Đức Phật qua ống kính Bắc Tông, chúng tôi tóm dịch **Lược sử Đức Phật và Tâm Kinh Bát Nhã**. Cổ Đức đã nói: **“Chưa hiểu lý Bát Nhã, là chưa hiểu được Phật Giáo”**. Chúng tôi cũng nhận thấy rất cần thiết là nên cho in ra các Kinh, Sử nói trên, để giúp thêm yếu lý, cho những ai thành tâm tu trì theo Chánh Pháp, lợi lạc hữu tình.

Tập sách này được xuất bản, công tác chính yếu, về phần tịnh tài, nhờ có chư Phật tử ở Linh Sơn và các nơi khác. Về phần đánh máy, trình bày, trang trí, là do công tác của Phật tử Tịnh-Hảo đã bỏ nhiều thời giờ để hoàn thành tập sách này một cách tận tâm, đặc lực. Riêng về chúng tôi, vì thì giờ quá bận cho công việc hoằng pháp lợi sinh đó đây, nên khó

xem xét kỹ lưỡng được. Xuất bản kỳ đầu, nếu có chỗ nào sơ sót, xin quý vị cao minh giúp cho ý kiến, để kỳ sau tái bản được thập phần hoàn bị.

Mùa Hạ, tại TÙNG LÂM LINH SƠN
LIMOGES

Ngày rằm tháng Bảy, Canh Ngọ

Tức ngày 03-09-1990

Điều Ngự Tử THÍCH HUYỀN VI.

KINH SÁM

KIM CANG

LƯ HƯƠNG TÁN:

Hương vân di bố,

Thánh-đức chiêu chương

Bồ-đề tâm quảng mạc
năng lường,

Xúc xú phóng hào-quang,

Vi thoại, vi tường,

Ngưỡng khái Pháp Trung-
Vương,

Nam-mô Hương-vân-cái
Bồ Tát (3 lần)

Tịnh khẩu nghiệp chơn-ngôn:

Tu rị tu rị, ma ha tu rị tu tu rị, tát
bà ha. (3 lần)

Tịnh tam-nghiệp chơn-ngôn:

Án ta phạ bà phạ, truật đà ta phạ,
đạt mạ ta phạ, bà phạ truật độ hám.

An thổ địa chơn-ngôn:

Nam-mô tam mãn đa một đà nẫm,
án độ rô độ rô, địa vĩ ta hà ha (3
lần)

Phổ cúng dường chơn-ngôn:

Án nga nga năng tam bà phạ phiệt
nhật ra hồng. (3 lần)

PHỤNG THỈNH BÁT KIM-CANG

Phụng thỉnh Thanh-Trừ-Tai Kim-
Cang;

Phụng thỉnh Bích Độc Kim-Cang.

Phụng thỉnh Huỳnh-Tùy-Câu Kim-
Cang

Phụng thỉnh Bạch-Tịnh-Thủy
Kim-Cang

Phụng thỉnh Xích-Thịnh-Hỏa Kim-
Cang

Phụng thỉnh Định-Trì-Tai Kim-
Cang

Phụng thỉnh Tử-Hiền Kim-Cang

Phụng thỉnh Đại-Thần Kim-Cang

PHỤNG THỈNH TỨ BỒ TÁT

Phụng thỉnh Kim-Cang Quyển Bồ-
Tát

Phụng thỉnh Kim-Cang Sách Bồ-
Tát

Phụng thỉnh Kim-Cang Ái Bồ-Tát

Phụng thỉnh Kim-Cang Ngữ Bồ-
Tát

PHÁT NGUYỆN VĂN

Khê thủ tam giới tôn,
Quy mạng thập phương Phật,
Ngã kim phát hoằng nguyện:
Trì tụng Kim-Cang kinh
Thượng báo tứ trọng ân,
Hạ tế tam đồ khổ,
Nhược hữu kiến, văn giả,
Tất phát bồ-đề tâm,
Tận thử nhất báo thân,
Đồng sanh Cực-Lạc quốc.

VÂN HÀ PHẠM

Vân hà đắ¹c trường thọ,
 Kim-Cang bắt¹ hoại thân?
 Phục dĩ hà nhân duyên
 Đắ¹c đại kiên cố lực?
 Vân hà ư¹ thử kinh,
 Cứu cánh đắ¹o bỉ ngạn?
 Nguyên Phật khai vi mật,
 Quảng vị chúng sanh thuyết,
 Nam-Mô Bôn Sư Thích Ca Mâu
 Ni Phật (3 lần)

KHAI KINH KỆ

Vô thượng thậm thâm vi diệu
 pháp,
 Bá thiên vạn kiếp nan tao ngộ,
 Ngã kim kiến văn đắ¹c thọ trì,
 Nguyên giải Như-Lai chơn thiệt
 nghĩa.

KIM CANG BẮT NHẢ BA LA MẬT KINH

Dao-Tần Tam Tạng Pháp-Sư CƯU-MA-LA-THẬP dịch.

Như thị ngã văn: Nhứt thời Phật tại Xá-Vệ quốc, Kỳ-Thọ-Cấp-Cô-Độc viên, dữ đại Tỳ-kheo chúng thiên nhị bá ngũ thập hơn câu.

Nhĩ thời, Thế-Tôn, thực thời, trước y trì bát, nhập Xá-Vệ đại thành khát thực. Ư kỳ thành trung thứ đệ khát dĩ, hườn chí bốn xứ, phạn thực ngật thâu y bát, tẩy túc dĩ, phu tòa nhi tọa.

Thời Trưởng Lão Tu Bồ Đề, tại đại chúng trung, tức tùng tòa khởi, thiên đản hữu kiên, hữu tất trước địa hiệp chương cung kính nhi bạch Phật ngôn:

“Hi hữu Thế Tôn! Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát! Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ

nhơn phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?”

Phật ngôn: “Thiện-tai! Thiện-tai! Tu Bồ Đề! Như nhữ sở thuyết, Như Lai thiện hộ niệm chư Bồ Tát, thiện phó chúc chư Bồ Tát. Nhữ kim đế thính, đương vị nhữ thuyết. Thiện nam tử, thiện nữ nhơn! Phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, ưng như thị trụ, như thị hàng phục kỳ tâm”.

- Dục nhiên, Thế Tôn! Nguyên nhạo dục văn.

Phật cáo Tu Bồ Đề: “Chư Bồ Tát ma ha tát, ưng như thị, hàng phục kỳ tâm: Sở hữu nhứt thiết chúng sanh chi loại, nhược noãn sanh, nhược thai sanh, nhược thấp sanh, nhược hóa sanh, nhược hữu sắc, nhược vô sắc, nhược hữu tướng, nhược vô tướng; nhược phi hữu tướng, phi vô

tướng, ngã giai linh nhập vô dư niết bàn, nhi diệt độ chi. Như thị diệt độ vô lượng vô số, vô biên chúng sanh. thiết vô chúng sanh, đặc diệt độ giả. Hà dĩ cố?

Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát.

Phục thứ, Tu Bồ Đề! Bồ Tát ư pháp, ung vô sở trụ, hành ư bố thí.

Sở vị bất trụ sắc bố thí, bất trụ thanh, hương, vị, xúc, phát bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ Tát ung như thị bố thí, bất trụ ư tướng. Hà dĩ cố! Nhược Bồ Tát bất trụ tướng bố thí, kỳ phước đức bất khả tư lương.

Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Đông phương hư không khả tư lương phủ?

- Phát dã, Thế Tôn!

- Tu BỒ ĐỀ! Nam, Tây, Bắc phương, tứ duy thượng, hạ hư không khả tư lương phủ?

- Phát dã, Thế Tôn!

- Tu BỒ ĐỀ! BỒ Tát vô trụ tướng bồ thí, phước đức diệt phục như thị, bất khả tư lương. Tu BỒ ĐỀ! BỒ Tát đản ung như sở giáo trụ.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Khả dĩ thân tướng kiến Như Lai phủ?

- Phát dã, Thế Tôn! Bất khả dĩ thân tướng đắc kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai sở thuyết thân tướng, tức phi thân tướng.

Phật cáo Tu BỒ ĐỀ: “Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng: Nhược kiến chư tướng phi tướng, tức kiến Như Lai”.

Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh, đắc văn như thị ngôn thuyết chương cú, sanh thiết tín phủ?”

Phật cáo Tu Bồ Đề: “Mạc tác thị thuyết. Như Lai diệt hậu, hậu ngũ bá tuế, hữ trì giới tu phước giả, ư thử chương cú, năng sanh tín tâm, dĩ thử vi thiết.

Đương tri thị nhơn, bất ư nhưt Phật, nhị Phật, tam, tứ, ngũ Phật nhi chủng thiện căn, dĩ ư vô lượng, thiên vạn Phật sở, chủng chư thiện căn . Văn thị chương cú, nãi chí nhưt niệm, sanh tịnh tín giả.

Tu Bồ Đề! Như Lai, tất tri tất kiến, thị chư chúng sanh, đắc như tri vô lượng phước đức.

Hà dĩ cố! Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh

tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng, diệt vô phi pháp tướng.

Hà dĩ cố! Thị chư chúng sanh vô phục ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng, diệt vô phi pháp tướng.

Hà dĩ cố! Thị chư chúng sanh nhược tâm thủ tướng, tác vi trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả; nhược thủ pháp tướng, tức trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Hà dĩ cố? Nhược thủ phi pháp tướng tức trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Thị cố, bất ưng thủ pháp, bất ưng thủ phi pháp. Dĩ thị nghĩa cố, Như Lai thường thuyết: Nhữ đẳng Tỳ Kheo, tri ngã thuyết pháp, như phiệt dụ giả. Pháp thượng ưng xả, hà huống phi pháp!

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Như Lai đắc A nậu đả la tam miệu tam bồ đề gia? Như Lai hữu sở thuyết pháp gia?

Tu BỒ ĐỀ ngôn: “Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa. Vô hữu định pháp danh A nậu đả la tam miệu tam bồ đề, diệc vô hữu định pháp Như Lai khả thuyết.”

Hà dĩ cố? – Như Lai sở thuyết pháp, giai bất khả thủ, bất khả thuyết, phi pháp, phi phi pháp. Sở dĩ giả hà?

Nhứt thiết Hiền Thánh giai dĩ vô vi pháp nhi hữu sai biệt.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà?

Nhược nhơn mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bửu, dĩ dụng bố thí, thị nhơn sở đắc phước đức ninh vi đả phủ?

Tu Bồ Đề ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn, Hà dĩ cố? Thị phước đức tức phi phước đức tánh, thị cố Như Lai thuyết phước đức đa”.

Nhược phục hữu nhơn, ư thử kinh trung thọ trì nãi chí tứ cú kệ đặng, vị tha nhơn thuyết, kỳ phước thắng bi. Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề! Nhứt thiết chư Phật cập chư Phật A nậu đa la tam miệu tam bồ đề pháp, giai tùng thử kinh xuất, Tu Bồ Đề! Sở vị Phật pháp giả tức phi Phật pháp.

Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Tu Đà Hoàn năng tác thị niệm: Ngã đắc Tu Đà Hoàn quả phủ?

Tu Bồ Đề ngôn: “Phát dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Tu Đà Hoàn danh vi Nhập Lưu, nhi vô sở nhập, bất nhập sắc, tinh, hương, vị, xúc, pháp, thị danh Tu Đà Hoàn”.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Tư Đà Hàm năng tác thị niệ̣m: Ngã đặ́c Tư Đà Hàm quả phủ?

Tu BỒ ĐỀ ngôn: “Phát dã, Thê Tôn! Hà dĩ cố? Tư Đà Hàm danh Nhứt Vãng Lai, nhi thiết vô vãng lai, thị danh Tư Đà Hàm”.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? A Na Hàm năng tác thị niệ̣m: ngã đặ́c A Na Hà quả phủ:

Tu BỒ ĐỀ ngôn: “Phát dã, Thê Tôn! Hà dĩ cố? A Na Hàm danh vi Bất Lai, nhi thiết vô bất lai, thị cố danh A Na Hàm”.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? A La Hán năng tác thị niệ̣m: ngã đặ́c A La Hán đạo phủ?

Tu BỒ ĐỀ ngôn: “Phát dã, Thê Tôn! Hà dĩ cố? Thiết vô hữu pháp danh A la Hán. Thê Tôn! Nhược A La Hán tác thị niệ̣m:

Ngã đắc A La Hán đạo, tức vi trước ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả.

Thế Tôn! Phật thuyết ngã đắc Vô tránh tam muội, nhơn trung tối vi đệ nhất, thị đệ nhất ly dục A La Hán, Thế Tôn! Ngã bất tác thị niệm, ngã thị ly dục A La Hán. Thế Tôn! Ngã nhược tác thị niệm: Ngã đắc A La Hán đạo, Thế Tôn!, tác bất thuyết. Tu Bồ Đề! thị nhạo A Lan Na Hạnh giả. Dĩ tu Bồ Đề thiết vô sở hành, nhi danh Tu Bồ Đề, thị nhạo A Lan Na Hạnh”.

Phật cáo Tu Bồ Đề: “U ý vân hà? Như Lai tích tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp hữ sở đắc phủ?”

Phật dã, Thế Tôn!, Như Lai tại Nhiên Đăng Phật sở, ư pháp thiết vô sở đắc.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? BỒ TÁT trang nghiêm Phậ tđộ phủ?

Phát dã, Thế Tôn! Hà dĩ cố? trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm

Thị cố, Tu BỒ ĐỀ! Chư BỒ TÁT ma ha tát ung như thị sanh thanh tịnh tâm; bất ung trụ sắc sanh tâm, bất ung trụ thính, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ung vô sở trụ, nhi sanh kỳ tâm.

Tu BỒ ĐỀ! Thí như hữu nhơn thân như Tu-di sơn vương. Ư ý vân hà? Thị thân vi đại phủ?

Tu BỒ ĐỀ ngôn: “Thậm đại, Thế Tôn. Hà dĩ cố? Phật thuyết phi thân, thị danh đại thân”.

Tu Bồ Đề! Như hăng hà trung sở hữu sa cố, như thị sa đặng hăng hà. Ư ý vân hà? Thị chư hăng hà sa, ninh vi đa phủ?

Tu Bồ Đề ngôn: Thậm đa, Thê Tôn! Đản chư hăng hà, thượng đa vô số, hà huống kỳ sa”.

Tu Bồ Đề! Ngã kim thiết ngôn cáo như. Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, dĩ thất bảo mãn nhĩ sở hăng hà sa số tam thiên đại thiên thế giới dĩ dụng bố thí, đặc phước đa phủ?

Tu Bồ Đề ngôn: “Thậm đa Thê Tôn!”

Phật cáo Tu Bồ Đề: “Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn ư thủ kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đặng, vị tha nhơn thuyết, nhi thủ phước đức, thắng tiền phước đức.

Phục thứ, Tu Bồ Đề! Tùy thuyết thị kinh, nãi chí tứ cú kệ đặng, đương tri thủ

xứ, nhứt thiết thế gian; thiên, nhơn, a tu la giai ung cúng dường như Phật tháp miếu. Hà huông hữu nhơn tận năng thọ trì đọc tụng! Tu BỒ ĐỀ! Đương tri thị nhơn, thành tựu tối thượng đệ nhứt hi hữu chi pháp. Nhược thị kinh điển sở tại chi xứ, tức vi hữu Phật, nhược tôn trọng đệ tử”.

Nhĩ thời Tu BỒ ĐỀ bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh, ngã đẳng vân hà phụng trì”.

Phật cáo Tu BỒ ĐỀ: “Thị kinh danh vi Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, dĩ thị danh tự, nhữ đương phụng trì. Sở dĩ giả hà?”

Tu BỒ ĐỀ! Phật thuyết Bát Nhã Ba La Mật, tức phi Bát Nhã Ba La Mật, thị danh Bát Nhã Ba La Mật.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Như Lai hữu sở thuyết pháp phủ!”

Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như Lai vô sở thuyết”.

Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Tam thiên đại thiên thế giới sở hữu vi trần, thị vi đa phủ?”

Tu Bồ Đề ngôn: “Thậm đa Thế Tôn”

Tu Bồ Đề! Chư vi trần, Như Lai thuyết phi vi trần, thị danh vi trần, Như Lai thuyết thế giới, phi thế giới, thị danh thế giới.

Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai phủ?

Phát dã, Thế Tôn! Bất khả dĩ tam thập nhị tướng kiến Như Lai. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết tam thập nhị tướng, tức thị phi tướng, thị danh tam thập nhị tướng?

Tu BỒ ĐỀ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, dĩ hằng hà sa đấng thân mạng bố thí. Nhược phục hữu nhơn ư thủ kinh trung, nãi chí thọ trì tứ cú kệ đấng, vị tha nhơn thuyết, kỳ phước thậm đa.

Nhĩ thời, Tu BỒ ĐỀ văn thuyết thị Kinh, thâm giải nghĩa thú, thế lệ bi khắp, nhi bạch Phật ngôn: “Hi hữu Thế Tôn! Phật thuyết như thị thậm thâm kinh điển, ngã từng tích lai sở đắc huệ nhãn, vị tăng đắc văn như thị chi kinh.

Thế Tôn! Nhược phục hữu nhơn đắc văn thị kinh, tín tâm thanh tịnh tức sanh thiết tướng. Đương tri thị nhơn, thành tựu đệ nhất hi hữu công đức.

Thế Tôn! Ngã kim đắc văn như thị kinh điển, tín giải thọ trì, bất túc vi nan. Nhược đương lai thế, hậu ngũ bá tuế, kỳ hữu chúng sanh đắc văn thị kinh, tín giải thọ

trì, thị nhờn tức vi đệ nhứt hi hữu. Hà dĩ cố? Thử nhờn vô ngã tướng, vô nhờn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Sở dĩ giả hà?

Ngã tướng tức thị phi tướng , nhờn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức thị phi tướng. Hà dĩ cố? Ly nhứt thiết chư tướng, tức danh chư Phật.

Phật cáo Tu Bồ Đề “N hư thị! N hư thị! N hược phụ hữu nhờn, đắc vắn thị kinh, bắt kinh, bắt bố, bắt úy, đưong tri thị nhờn, thậm vi hi hữu. Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề! N hư Lai thuyết đệ nhứt Ba La Mật, tức phi đệ nhứt Ba La Mật, thị danh đệ nhứt Ba La Mật. Tu Bồ Đề! Nhắn nhực Ba La Mật, N hư Lai thuyết phi nhắn nhực Ba La Mật, thị danh nhắn nhực Ba La Mật. Hà dĩ cố?

Tu Bồ Đề! Như ngã tích vi Ca Lợi Vương cát triệt thân thể, ngã ư nhĩ thời vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng. Hà dĩ cố? Ngã ư vãng tích, tiết tiết chi giải thời, nhược hữu ngã tướng, nhơn tướng chúng sanh tướng, thọ giả tướng, ưng sanh sân hận.

Tu Bồ Đề! Hựu niệm quá khứ, ư ngũ bá thể, tác nhân nhục tiên nhơn. Ư nhĩ sở thể, vô ngã tướng, vô nhơn tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng.

Thị cố, Tu Bồ Đề! Bồ Tát ưng ly nhứt thiết tướng, phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm. Bất ưng trụ sắc sanh tâm, bất ưng trụ thính, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, ưng sanh vô sở trụ tâm. Nhược tâm hữu trụ, tức vi phi trụ. Thị cố, Phật thuyết Bồ Tát tâm bất ưng trụ sắc bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ Tát vị lợi ích nhứt thiết

chúng sanh cố, ưng như thị bồ thí. Như Lai thuyết nhứt chư tướng, tức thị phi tướng, hựu thuyết: Nhứt thiết chúng sanh tức phi chúng sanh. Tu BỒ ĐỀ! Như Lai thị chơn ngữ giả, thiết ngữ giả, như ngữ giả, bất cuống ngữ giả, bất dị ngữ giả. Tu BỒ ĐỀ! Như Lai sở đắc pháp, thử pháp vô thiết vô hư. Tu BỒ ĐỀ! Nhược BỒ TÁT tâm trụ ư pháp phi hành bồ thí, như như nhập ám, tức vô sở kiến. Nhược BỒ TÁT tâm bất trụ pháp nhi hành bồ thí, như như hữu mục, nhựt quang minh chiếu, kiến chủng chủng sắc.

Tu BỒ ĐỀ! Đương lai chi thế, nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhưn, năng ư thử kinh thọ trì đọc tụng, tức vi Như Lai, dĩ Phật trí huệ tất tri thị nhưn, tất kiến thị nhưn giai đắc thành tựu, vô lượng vô biên công đức.

Tu BỒ ĐỀ! Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, sơ nhựt phần dĩ hằng hà sa đẳng thân bồ thí, trung nhựt phần phục dĩ hằng hà sa đẳng thân bồ thí, hậu nhựt phần diệt dĩ hằng hà sa đẳng thân bồ thí; như thị vô lượng bá thiên vạn ức kiếp, dĩ thân bồ thí. Nhược phục hữu nhơn văn thữ kinh điển tín tâm bất nghịch, kỳ phước thắng bỉ. Hà huông thơ tả, thọ trì, đọc tụng, vị nhơn giải thuyết!

Tu BỒ ĐỀ! Dĩ yếu ngôn chi, thị kinh hữu bất khả tư nghị, bất khả xưng lượng vô biên công đức. Như Lai vị phát đại thừa giả thuyết vị phát tối thượng thừa giả thuyết. Nhược hữu nhơn năng thọ trì đọc tụng, quảng vị nhơn thuyết. Như Lai tất tri thị nhơn, tất kiến thị nhơn giai đắc thành tựu bất khả lượng, bất khả xưng, vô hữu biên, bất khả tư nghị công đức. Như thị

nhơn đấng tác vi hạ đả Như Lai A nậu
 đa la tam miệu tam bồ đề. Hà dĩ cố? Tu
 Bồ Đề! Nhược nhạo tiểu pháp giả, trước
 ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ
 giả kiến, tức ư thử kinh bất năng thính
 thọ, đọc tụng vị nhơn giải thuyết.

Tu Bồ Đề! Tại tại xứ xứ nhược hữu thử
 kinh, nhứt thiết thế gian, thiên, nhơn, A
 Tu La sở ưng cúng dường. Đương tri thử
 xứ, tức vi thị tháp, giai ưng cung kính, tác
 lễ vi nhiều, dĩ chư hoa hương, nhi tán kỳ
 xứ.

Phục thứ, Tu Bồ Đề! Thiện nam tử,
 thiện nữ nhơn thọ trì đọc tụng thử kinh,
 nhược vi nhơn khinh tiện, thị nhơn tiên
 thế tội nghiệp, ưng đọa ác đạo, dĩ kim thế
 nhơn khinh tiện cố, tiên thế tội nghiệp tức
 vi tiêu diệt, đương đắc A nậu đa la tam
 miệu tam bồ đề.

Tu Bồ Đề! Ngã niệm quá khứ vô lượng a tăng kỳ kiếp ư Nhiên Đăng Phật tiền đắc trí bá tứ thiên vạn ức na do tha chư Phật, tất giai cúng dường thừa sự, vô không quá giả. Nhược phục hữu nhơn, ư hậu mạng thế, năng thọ trì đọc tụng thữ kinh, sở đắc công đức, ư ngã sở cúng dường chư Phật, công đức bá phần bất cập nhứt, thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ sở bất năng cập.

Tu Bồ Đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn ư hậu mạng thế, hữu thọ trì đọc tụng thữ kinh, sở đắc công đức, ngã nhược cụ thuyết giả, hoặc hữu nhơn văn, tâm tắc cuồng loạn, hồ nghi bất tín. Tu Bồ Đề! Đương tri thị kinh nghĩa bất khả tư nghị, quả báo diệc bất khả tư nghị.

Nhĩ thời, Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Thiện nam tử, thiện nữ nhơn,

phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm, vân hà ưng trụ, vân hà hàng phục kỳ tâm?”

Phật cáo Tu Bồ Đề: “Thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm giả, đương sanh như thị tâm; Ngã ưng diệt độ nhứt thiết chúng sanh, diệt độ nhứt thiết chúng sanh dĩ, nhi vô hữu nhứt chúng sanh thiết diệt độ giả. Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát hữu ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, tức phi Bồ Tát. Sở dĩ giả hà? Tu Bồ Đề! Thiết vô hữu pháp, phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm giả.

Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai ư Nhiên Đăng Phậtg sở, hữu pháp đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề phủ?

Phật dã, Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, Phật ư Nhiên Đăng Phật sở vô hữu pháp đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Phật ngôn: “Như thị! Như thị! Tu Bồ Đề! Thiệt vô hữu pháp, Như Lai đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Tu Bồ Đề! Nhược hữu pháp Như Lai đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề giả, Nhiên Đăng Phật tức bất dữ ngã thọ ký: “Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu Thích Ca Mâu Ni”. Dĩ thiệt vô hữu pháp, đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, thị cố Nhiên Đăng Phật dữ ngã thọ ký, tác thị ngôn: “Nhữ ư lai thế, đương đắc tác Phật, hiệu “Thích Ca Mâu Ni”. Hà dĩ cố? Như Lai giả, tức chư pháp như nghĩa. Nhược hữ như ngôn; “Như Lai đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề”. Tu Bồ Đề! Thiệt vô hữu Pháp

Phật đắc A nậu đả la tam miệu tam bồ đề.
 Tu BỒ ĐỀ! Như Lai sở đắc A nậu đả la
 tam miệu tam bồ đề, ư thị trung vô thiệt
 vô hư, thị cố Như Lai thuyết nhứt thiết
 pháp, giai thị Phật Pháp. Tu BỒ ĐỀ! Sở
 ngôn nhứt thiết pháp giả tức phi nhứt thiết
 pháp, thị cố danh nhứt thiết pháp. Tu BỒ
 ĐỀ! Thí như nhơn thân trường đại”.

Tu BỒ ĐỀ ngôn: “Thế Tôn! Như Lai
 thuyết: Nhơn thân trường đại, tức vi phi
 đại thân, thị danh đại thân”.

Tu BỒ ĐỀ! BỒ Tát diệt như thị. Nhược
 tác thị ngôn: Ngã đương diệt độ vô lượng
 chúng sanh, tức bất danh BỒ Tát. Hà dĩ
 cố? Tu BỒ ĐỀ! Thiệt vô hữu Pháp, danh
 vi BỒ Tát. Thị cố Phật thuyết nhứt thiết
 pháp, vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô
 thọ giả. Tu BỒ ĐỀ! Nhược BỒ Tát thị
 ngôn: Ngã đương trang nghiêm Phật độ.

Thị bất danh BỒ Tát. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết trang nghiêm Phật độ giả, tức phi trang nghiêm, thị danh trang nghiêm. Tu BỒ ĐỀ! Nhược BỒ Tát thông đạt vô ngã pháp giả, Như Lai thuyết danh chơn thị BỒ Tát.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Như Lai hữu nhục nhãn phủ?

Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu nhục nhãn.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Như Lai hữu thiên nhãn phủ?

Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu thiên nhãn.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Như Lai hữu huệ nhãn phủ?

Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu huệ
nhãn.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Như Lai hữu
pháp nhãn phủ?

Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu pháp
nhãn.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Như Lai hữu
Phật nhãn hữu?

Như thị, Thế Tôn! Như Lai hữu Phật
nhãn

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Như Lai hằng
hà trung sở hữu sa, Phật thuyết thị sa phủ?

Như thị, Thế Tôn! Như Lai thuyết thị
sa.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Như nhưt hằng
hà trung sở hữu sa, hữu như thị sa đấng

hằng hà. Thị chư hằng hà sở hữu sa số Phật thế giới, như thị ninh vi đa phủ?

“Thậm đa, Thế Tôn!”

Phật cáo Tu Bồ Đề: “Nhĩ sở quốc độ trung, sở hữu chúng sanh, nhược can chủng tâm, Như Lai tất tri. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tâm, giai vị phi tâm, thị danh vi tâm. Sở dĩ giả hà? Tu Bồ Đề! Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc.

Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Nhược hữu nhơn mãn tam thiên đại thiên thế giới thất bảo, dĩ dụng bố thí, thị nhơn dĩ thị nhơn duyên, đắc phước đa phủ?

Như thị, Thế Tôn! Thử nhơn dĩ thị nhơn duyên, đắc phước thậm đa.

Tu Bồ Đề! Nhược phước đức hữu thiệt, Như Lai bất thuyết đắc phước đức đa. Dĩ

phước đức vô cố, Như Lai thuyết đặc phước đức đa.

Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Phạt khả dĩ cụ túc sắc thân kiến phủ?

Phạt dã, Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc sắc thân kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết cụ túc sắc thân, tức phi cụ túc sắc thân, thị danh cụ túc sắc thân.

Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Như Lai khả dĩ cụ túc chư tướng kiến phủ?

Phạt dã, Thế Tôn! Như Lai bất ưng dĩ cụ túc chư tướng kiến. Hà dĩ cố? Như Lai thuyết chư tướng cụ túc, tức phi cụ túc, thị danh chư tướng cụ túc.

Tu Bồ Đề! Như vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương hữu sở thuyết pháp. Mạc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Nhược như ngôn; Như Lai hữu sở thuyết pháp, tức vi

báng Phật, bất năng giải ngã sở thuyết cố. Tu BỒ ĐỀ thuyết pháp giả, vô pháp khả thuyết, thị danh thuyết pháp.

Nhĩ thời, Huệ Mạng Tu BỒ ĐỀ, bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Phả hữu chúng sanh, ư vị lai thế, văn thuyết thị pháp, sanh tín tâm phủ?”

Phật ngôn: “Tu BỒ ĐỀ! Bĩ phi chúng sanh, phi bất chúng sanh. Hà dĩ cố? Tu BỒ ĐỀ! Chúng sanh chúng sanh giả, Như lai thuyết phi chúng sanh, thị danh chúng sanh”.

Tu BỒ ĐỀ! Bạch Phật ngôn! “Thế Tôn! Phật đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, vi vô sở đắc gia?”

Phật ngôn: “Như thị! Như thị! Tu BỒ ĐỀ! Ngã ư A nậu đa la tam miệu tam bồ

đề, nãi chí vô hữu thiếu pháp khả đắc, thị danh A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Phục thứ, Tu Bồ Đề! Thị pháp bình đẳng vô hữu cao hạ, thị danh A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Dĩ vô ngã, vô nhơn, vô chúng sanh, vô thọ giả. Tu nhứt thiết thiện pháp, tức A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Tu Bồ Đề! Sở ngôn thiện pháp giả. Như Lai thuyết tức phi thiện pháp, thị danh thiện pháp.

Tu Bồ Đề! Nhược tam thiên đại thiên thế giới trung, sở hữu chư Tu Di sơn vương, như thị đẳng thất bảo tụ, hữu nhơn trì dụng bồ thí. Nhược nhơn dĩ thử Bát Nhã Ba La Mật Kinh, nãi chí tứ cú kệ đẳng, thọ trì đọc tụng, vị tha nhơn thuyết, ưu tiên phước đức, bá phần bất cập nhứt, bá thiên vạn ức phần, nãi chí toán số thí dụ, sở bất năng cập.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Nhữ đẳng vật vị Như Lai tác thị niệm: Ngã đương độ chúng sanh. Tu BỒ ĐỀ, mặc tác thị niệm. Hà dĩ cố? Thiết vô hữu chúng sanh, Như Lai độ giả. Nhược hữu chúng sanh Như Lai độ giả, Như Lai tức hữu ngã, nhơn, chúng sanh, thọ giả. Tu BỒ ĐỀ! Như Lai thuyết hữu ngã giả, tức phi hữu ngã, nhi phạm phu chi nhơn, dĩ vi hữu ngã. Tu BỒ ĐỀ! Phạm phu giả, Như Lai thuyết tức phi phạm phu, thị danh phạm phu.

Tu BỒ ĐỀ! Ư ý vân hà? Khả dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai phủ?

Tu BỒ ĐỀ ngôn: “Như thị! Như thị! Dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai”.

Phật ngôn: “Tu BỒ ĐỀ! Nhược dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai giả, Chuyển Luân Thánh Vương tức thị Như Lai?” Tu BỒ ĐỀ bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Như

ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, bất ưng dĩ tam thập nhị tướng quán Như Lai”.

Nhĩ thời Thế Tôn nhi thuyết kệ ngôn:

Nhược dĩ sắc kiến ngã,

Dĩ âm thanh cầu ngã,

Thị như hành tà đạo

Bất năng kiến Như Lai.

Tu Bồ Đề! Nhữ nhược tác thị niệm, Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề. Tu Bồ Đề! Mạc tác thị niệm: Như Lai bất dĩ cụ túc tướng cố, đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Tu Bồ Đề! Nhữ nhược tác thị niệm: Phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm giả, thuyết chư pháp đoạn diệt: mạc tác thị niệm! Hà dĩ cố? Phát A nậu đa la tam

miệu tam bồ đề tâm giả; ư pháp bất thuyết đoạn diệt tướng.

Tu Bồ Đề! Nhược Bồ Tát dĩ mãn hằng hà sa đấng thế giới thất bảo trì dụng bồ thí. Nhược phục hữu nhơn, tri nhứt thiết pháp vô ngã, đắc thành ư nhân. Thử Bồ Tát thắng tiền Bồ Tát, sở đắc phước đức. Hà dĩ cố? Tu Bồ Đề! Dĩ chư Bồ Tát bất thọ phước đức cố?

Tu Bồ Đề bạch Phật ngôn: “Thế Tôn! Vân hà Bồ Tát, bất thọ phước đức?”

Tu Bồ Đề! Bồ Tát sở tác phước đức, bất ưng tham trước, thị cố thuyết bất thọ phước đức.

Tu Bồ Đề! Nhược hữu nhơn ngôn: “N hư Lai, nhược lai, nhược khứ, ngược tọa, nhược ngộ, thị nhơn bất giải ngã sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? N hư Lai giả, vô

sở tòng lai, diệc vô sở khứ, cố danh Như Lai”.

Tu Bồ Đề! Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhơn, dĩ tam thiên đại thiên thế giới, toái vi vi trần. Ư ý vân hà? Thị vi trần chúng, ninh vi đa phủ?

Tu Bồ Đề ngôn: “Thậm đa, Thế Tôn! Hà dĩ cố? Nhược thị vi trần chúng thiết hữu giả, Phật tác bất thuyết thị vi trần chúng. Sở dĩ giả hà? Phật thuyết vi trần chúng, tức phi vi trần chúng, thị danh vi trần chúng. Thế Tôn! Như Lai sở thuyết tam thiên đại thiên thế giới. Hà dĩ cố? Nhược thế giới thiết hữu giả, tức thị nhưt hiệp tướng. Như Lai thuyết nhưt hiệp tướng, tức phi nhưt hiệp tướng, thị danh nhưt hiệp tướng”.

Tu Bồ Đề! Nhứt hiệp tướng giả, tức thị bất khả thuyết, đản phạm phu chi nhơn, tham trước kỳ sự.

Tu Bồ Đề! Nhược nhơn ngôn: Phật thuyết ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tu Bồ Đề! Ư ý vân hà? Thị nhơn giải ngã sở thuyết nghĩa phủ?

Phát dã, Thế Tôn! Thị nhơn bất giải Như Lai sở thuyết nghĩa. Hà dĩ cố? Thế Tôn thuyết, ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức phi ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, thị danh ngã kiến, nhơn kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến.

Tu Bồ Đề! Phát A nậu đa la tam miệu tam bồ đề tâm giả, ư nhứt thiết pháp, ưng như thị tri, như thị kiến, như thị tín giải, bất sanh pháp tướng. Tu Bồ Đề! Sở ngôn

pháp tướng giả, Như Lai thuyết tức phi pháp tướng, thị danh pháp tướng.

Tu Bồ Đề! Nhược hữu nhơn dĩ mãn vô lượng a tăng kỳ thế giới thất bảo trì dụng bồ thí.

Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhơn, phát bồ đề tâm giả, trì u thử kinh, nãi chí tứ cú kệ đấng, thọ trì đọc tụng, vị nhơn diễn thuyết, kỳ phước thắng bỉ.

Vân hà, vị nhơn diễn thuyết? bất hủ u tướng, như như bất động, hà dĩ cố?

Nhứt thiết hữu vi pháp,

Như mộng, huyễn, bào, ảnh,

Như lộ, diệt như điện,

Ứng tác như thị quán.

Phật thuyết thị kinh dĩ, Trưởng lão Tu Bồ Đề, cập chư Tỳ kheo, Tỳ kheo ni, Ưu bà tắc, Ưu bà di, nhứt thiết thế gian: Thiên, Nhơn, A Tu La... văn Phật sở thuyết, giai đoạn hoan hỉ, tín thọ phụng hành.

Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Kinh.

Bát Nhã Vô Tận Chơn Ngôn:

Nạp mô bạt dà phạt đế, bát rị nhã, Ba la mật đa duệ đát diệt tha. Án, hộc rị địa rị thất rị, thú rô thú rô tri, tam mật lật tri, Phật xả duệ tá ha.

Kim Cang Tâm Chơn Ngôn:

Án, hô luân ni, ta bà ha.

Bổ Khuyết Chơn Ngôn:

Nam mô hát ra đát na đá ra dạ da, khê ra khê ra, cu trụ cu trụ ma ra ma ra, hô ra

hông, hạ hạ tô đát noa hông, bát mặt noa, ta bà ha.

Phổ Hồi Hương Chơn Ngôn:

Án, ta ma ra, ta ma ra, di ma nẳng, tát cót ra, ma ha chước ca ra hông.

Kim Cang Bồ Khuyết Chơn Ngôn:

Án, hô lô hô lô, xả duệ mục khế, tá ha.

Nhứt hồi hương: Chơn như thiết tế, tâm tâm khế hiệp.

Nhị hồi hương: Vô thượng Phật quả bồ đề, niệm niệm viên mãn.

Tam hồi hương: Pháp giới nhứt thiết chúng sanh, đồng sanh Tịnh Độ.

TÁN

Kim Cang công đức,

Diệu lý nan lương,

Như Lai vị chúng
quảng tuyên dương,
Thọ thí ngộ chơn
thường,
Dĩ chư hoa hương,
Phổ tán Pháp trung
vương.

Nam mô Kỳ Viên Hội Thượng Phật Bồ
Tát Ma Ha Tát. (3 lần)

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán tự tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã
Ba La Mật đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn
giai không, độ nhất thiết khổ ách.

Xá Lợi Tử! Sắc bất dị không, không bất
dị sắc, sắc tức thị không, không tức thị

sắc, thọ, tướng, hành, thức, diệc phục như thị.

Xá Lợi Tử! Thị chư Pháp không tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất tịnh, bất tăng, bất giảm. Thị cố không trung vô sắc, vô thọ, tướng, hành, thức, vô nhãn, nhĩ, thiệt, thân, ý; vô sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp; vô nhãn giới, nãi chí vô ý thức giới, vô vô minh, diệc vô vô minh tận, nãi chí vô lão tử, diệc vô lão tử tận, vô khổ, tập, diệt, đạo; vô trí diệc vô đắc.

Dĩ vô sở đắc cố, Bồ Đề tát đỏa y Bát Nhã Ba La Mật đa cố, tâm vô quái ngại; vô quái ngại cố, vô hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng tưởng, cứu cánh niết bàn. Tam thế chư Phật, y Bát Nhã Ba La Mật đa cố, đắc A nậu đa la tam miệu tam bồ đề.

Cổ tri Bát Nhã Ba La Mật đà, thị đại thần chú, thị đại minh chú, thị vô thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú, năng trừ nhứt thiết khổ, chơn thiệt bất hư.

Cổ thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết:

Yết đế yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha. (3 lần)

Vãng Sanh Quyết Định Chơn Ngôn:

Nam mô a di đà bà dạ.

Đa tha dà đá dạ,

Đa địa dạ tha,

A di rị đô bà tỳ,

A di rị đa tất đam bà tỳ,

A di rị đa tì ca lan đế,

A di rị đa, tì ca lan đà,

Dà di nị dà dà na,

Chỉ đa ca lệ ta bà ha. (3 lần)

THẬP CHỦNG ĐẠI NGUYỆN

Đệ tử chúng đấng

Tùy thuận tu tập,

Phổ Hiền Bồ Tát,

Thập chủng đại nguyện:

Nhứt giả lễ kính chư Phật,

Nhị giả xưng tát Như Lai,

Tam giả quảng tu cúng dường,

Tứ giả sám hối nghiệp chướng,

Ngũ giả tùy hỷ công đức,

Lục giả thỉnh chuyên pháp luân,

Thất giả thỉnh Phật trụ thế,

Bát giả thường tùy Phật học,
 Cứu giả hằng thuận chúng sanh,
 Thập giả phổ giai hồi hướng.

Nguyện giả tại hội đệ tử, lâm mạng chung thời, các nguyện tam nhật dĩ hậu, thất nhật dĩ tiền, tâm bất điên đảo, ý bất tán loạn, vô chư thống khổ, bất thọ ác triền, dự tri thời chí, thân tâm hoan hỷ, hoặc cát tường nhi thế, hoặc tọa thoát tập vong, A Di Đà Phật dữ Quán Thế Âm Bồ Tát cập Đại Thế Chí Bồ Tát, vô số hóa Phật bá thiên Tỳ Khưu, Thịnh Văn đại chúng, vô lượng Chư Thiên, thất bảo cung điện, cập Kim Cang đài, thiên nhạc nghinh không, dị hương mãn thất, tràng phan bảo cái, thân thù tiếp dẫn, linh chư chúng sanh, kiến giả văn giả, sanh hoan hỷ tâm, pháp bồ đề nguyện, cải ác tùng thiện, phản tà quy chánh.

Duy nguyện A Di Đà Như Lai, Đại từ, Đại bi ai lân nhiếp thọ. Nam Mô Tây Phương Cực Lạc thế giới, đại từ đại bi, A Di Đà Phật.

Nam Mô A Di Đà Phật (108 lần)

NIỆM TỨ THÁNH

Nam mô Đại bi Quán Thế Âm Bồ Tát (10 lần)

Nam mô Đại Thế Chí Bồ Tát (10 lần)

Nam mô Địa Tạng Vương Bồ Tát (10 lần)

Nam mô Thanh Tịnh Đại Hải Chúng Bồ Tát (10 lần).

SÁM NGÃ NIỆM

Ngã niệm tự từng vô lượng kiếp,

Thất viên minh tánh tác trần lao,
Xuất sanh nhập tử thọ luân hồi,
Dị trạng thù hình tao khổ sở.
Túc tư thiếu thiện sanh như đạo,
Hoạch ngộ di phong đặc xuất gia,
Phi truy, tức phát loại Sa-môn,
Hủy giới phá trai đa quá hoạn,
Hoại sanh hại vật vô từ niệm,
Đạm nhục sanh huân dưỡng ược xu,
Chúng như tài thực tứ thâm mãn,
Tam-bảo tư duyên đa hồ dụng,
Tà mạng ác cầu vô yểm túc,
Đam dâm thị tửu dĩ hoang mê,

Mạn Phật, khinh Tăng, báng Đại
Thừa,

Bội nghĩa vô thân hủy sư trưởng,

Văn quá sức phi dương kỷ đức,

Hạnh tai lại họa yểm thân năng,

Hư cuồng khi vu cạnh lợi danh,

Đấu câu thị phi tranh nhơn ngã,

Ác niệm tà tư vô tạm tức,

Kinh phù trạo tán vị thường đình,

Truy phạm nhơn sự dữ tinh chuyên,

Trì tụng Phật kinh duy khốn khổ,

Ngoại hiện oai nghi tăng siểm trá,

Nội hoài ngã mạn cánh sơ cuồng,

Lại đọa huân tu tứ thùy mạnh,

Xan tạt, tham lam vô úy sĩ,
Dã điền uế bổ tương hà dụng,
Đại hải ph2u thi bất cứu đình.
Ký vô nhứt niệm khả tư thân,
Tất đọa tam đồ anh chúng khổ,
Ngưỡng nguyện BỔ Sư Vô Lượng
Thọ.

Quán Âm, Thế Chí, thánh hiền
Tăng,
Đồng triển oai quan phổ chiếu lâm,
Cộng tứ minh gia làm cứu bạt,
Vô thỉ kim sanh chư tội chướng,
Lục căn tam nghiệp chúng khiên
vưu,

Nhứt niệ̣m viện quang tộ̣i tạ́nh
khộng,

Đặ̉ng đọ̀ng Pháp giợ́i hàm thanh
tịṇh.

HỒI HƯƠNG

Phụ́ng kinh công đự́c thù thặ̉ng
hạ̣nh,

Vộ biên thặ̉ng phượ́c giai hồi
hượ́ng,

Phộ̉ nguyệ̣n pháp giợ́i chự chúng
sạnh,

Tộ̀c vậ̃ng vộ lượ̣ng quang Phật sặ́t.

Nguyệ̣n tiêụ tam chượng trự̀ phiệ̀n
nạ̃o,

Nguyệ̣n đặ́c trị́ tuệ̣ chợn minh liệ̃u,

Phộ̉ nguyệ̣n tộ̣i chượng tặ́t tiêụ trự̀,

Thế thế thường hành Bồ Tát đạo.

Nguyên sanh Tây phương Tịnh Độ
trung,

Cửu phẩm Liên Hoa vi phụ mẫu,

Hoa khai kiến Phật ngộ vô sanh,

Bất thối Bồ Tát vi bạn hữu.

Nguyên dĩ thử công đức,

Phổ cập ư nhứt thiết,

Ngã đẳng dĩ chúng sanh

Giai cộng thành Phật đạo.

TỰ QUY Y

Tự quy-y Phật, đương nguyện chúng
sanh, thế giải đại đạo, phát vô thượng
tâm. (1 lạy)

Tự quy-y Phát, đương nguyện chúng sanh, thâm nhập kinh tạng, trí huệ như hải. (1 lạy)

Tự quy-y Tăng, đương nguyện chúng sanh, thống lý đại chúng, nhứt thiết vô ngại. (1 lạy)

Hết phần Kinh Sám Kim Cang.

---o0o---

Mục Lục >> [Phần 1](#) >> [Phần 2](#)>> [Phần 3](#)

Chú Giải Kinh Kim Cang Và Chánh Pháp Chưa Từng Có

Thích Huyền Vi

CHÚ GIẢI KINH KIM CANG

Đức Phật dùng trí tuệ vô thượng nhiệm mầu để quán sát tất cả chúng sanh, biết căn tánh của họ rộng hẹp không đồng, thể

nên dùng trí tuệ phương tiện nói pháp, đem 84,000 pháp môn để đối trị 84,000 phiền não trần lao. Chúng ta biết chắc, đức Thích Ca Như Lai thuyết pháp, là theo trình độ mà giảng giải, cũng như Bác sĩ tùy bệnh mà cho thuốc, đều không có chi nhất định. Ôi! **ĐẠO** vốn không đủ lời diễn tả, song không nhờ lời nói thì làm sao ý thức được đạo, nói có thì khó đạt đạo, diễn đạt **chơn không** để sáng tỏ phần nào!

Đức Phật giảng KINH KIM CANG này, chỉ rõ tâm pháp của Như Lai, dùng đoạn nghi sanh tín làm chủ đích, lấy sự lìa tướng làm tôn chỉ, đem tâm vô trụ làm bản thể nhiệm màu của chơn không, không ở trong ngôn ngữ hình tích mà là nằm trong sự phá ngã phá chấp, phá cả danh ngôn. Sở dĩ tôn chỉ của Kinh quá cao

siêu, người đời khó liễu ngộ, là vì người đọc tụng kinh không chịu hiểu nghĩa lý của kinh, kẻ xem kinh không biết đường hướng Phật dạy. Chính văn Kinh chưa thông suốt, mạch lạc của Kinh còn mịt mờ, thì làm sao dám nói đến **lấy tâm truyền tâm, đem đạo lý để kiến tánh thành Phật** ư?

Xưa nay, các nhà giảng giải **KINH KIM CANG** rất nhiều, hầu hết, các Ngài đều giải nghĩa lý quá cao siêu, phần giải thích còn khó hiểu hơn là chánh văn thì làm sao kẻ đọc người học dễ dàng thấu suốt được!

Toàn bộ **KINH KIM CANG**, từ đầu đến cuối đức Phật dạy ngài Tu Bồ Đề phải phá ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng; phá ngã rồi phá pháp, phá tu rồi pháp chúng để còn lại

Kim Cương tính viên dung vô ngại mà thôi.

Theo ý chính của đấng Thế Tôn, chúng tôi tìm cách giảng giải thật rõ ràng và giản dị, đọc giả có thể từ cạn mà biết sâu, do gần mà ngộ xa. Như văn tự mà biết được chú giải, nhờ chú giải mới ngộ được ý Kinh, thấu triệt lời Phật dạy. Nếu muốn vậy, học giả lòng tin phải chân thành, phát nguyện phải chí thiết, học hành phải thường xuyên. Người trực ngộ được Kim Cương tính mới dẹp hết mê mờ, hoát nhiên lý tánh, đồng triệt chân thường, chánh tâm tu thân, tự như tròn sáng qua khỏi biển khổ, chóng lên bờ giác, bỏ hoa huyền để nhận lấy bông Ưu Đàm, đồng thấu triệt hào quang nhiệm mầu vô thượng, đồng thọ lãnh chân tính an lạc Kim Cương, đồng thành Chánh Giác.

*Kim ngôn Phật dạy tính ta,
Cang tâm tu luyện vượt qua bốn gành;
Bát ngát năm phận trong lành,
Nhã đa tròn sáng bén thành chơn
không.*

BỘ KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA
LA MẬT ĐA bản chữ Phạn còn nguyên,
tên là **VAJRA-PRAJNA-
PARAMITASUTRA** do Ngài Cưu Ma
La Thập (Kumarajiva) dịch từ Phạn ra
Hoa, chúng tôi cố gắng dịch và chú thích
từ Hoa ra Việt, để Phật tử xa gần cùng
đọc tụng, cùng thọ trì, để cùng thể nhập
Kim Cang tính.

*VIỆN CAO ĐẲNG PHẬT HỌC LINH
SƠN*

*Ngày 15 tháng Giêng năm Bính Dần
(1985)*

THÍCH HUYỀN VI

*Kim Cương chất ấy trong ta,
Muôn đời cầu nhiệm vẫn là Kim Cương!*

I - GIẢNG NÓI TÊN KINH:

Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật.
Một câu này để nói tên Kinh, muốn thuyết minh dễ dàng, nên chia làm:

- 1) **Kim Cang**
- 2) **Bát Nhã,**
- 3) **Ba La Mật,**
- 4) **Kinh.**

Bốn đoạn phải giảng:

1) **KIM CANG:** Hai chữ Kim Cang, trong kinh sách giảng nói rất nhiều, hầu hết đều nói Kim Cương là chất cứng chắc trong vàng, nó bén cắt đứt các vật khác. Hiện nay ở Ấn Độ cũng như các nước đều

có nhiều loại kim cương; đá kim cương là một loại quý báu ít có trên thế gian. Nó là một loại khoáng vật, hình trạng rất là trong sáng, tám mặt đều chiều. Khi ánh mặt trời chiếu hay yển sáng đèn rọi vào thì lung linh ngũ sắc chiếu tỏa ra ngoài. Tính chất của nó rất là chắc bèn, hay cắt các loại pha lê, hay điêu khắc trên đá cứng, hay dùi mài tất cả đá quý khác. Kim cương là vật cứng bèn nhất trong tất cả các vật. Thế nên mượn nó đặt tên Kinh này. Kim thì không bao giờ thay đổi; Cương là chất chứng bèn. Nói đến hình trạng của nó vừa sáng, vừa trong, vừa chiều, vừa soi, không bị bụi trần nhiễm vào, dù là mây may. Do đó, nên Kinh này lấy hai chữ Kim Cương đặt tên, dùng nghĩa nói lên sự cứng bèn nhất. Cứng để nói lên dù trải qua trăm kiếp nghìn đời, lưu chuyển trong 6 đường (Trời, Người, A Tu

La, Súc Sinh, Ngạ Quỷ, Địa Ngục) nhưng tính giác chúng sinh không hoại; Bén là để nói lên chiếu phá các sự vật trong thế gian, cắt đứt lưới vô hình, tham ái, không cò một mảy may nào mà không cắt đứt. Tóm lại, chất cứng Kim Cương dụ cho bản thể Bát Nhã. Chất bén của Kim Cương là dụ cho diệu dụng Bát Nhã.

2) BÁT NHÃ: Hai chữ Bát Nhã là tiếng Phạn trong kinh sách Phật giáo có rất nhiều nơi giải nói và dịch ra Hoa văn là trí tuệ, nhưng dùng hai chữ trí tuệ thì quá đơn giản, sợ người đời hiểu lầm như trí tuệ thông thường của thế gian thì quá cạn cợt, theo ý tôi nên thêm chữ **Diệu** để tránh sự lầm lẫn. Cũng như chữ **lý** mà chúng ta thường nói, tế nhị mà phân tách, thực tế có sai khác, có lý thô, lý tế, lý vi, lý huyền, lý diệu. Lý thô rất dễ nói, lý tế thật

khó bày, lý kín rất khó mở, lý màu không dễ gì diễn tả. Nói đến chữ Diệu lý thì tuyệt đối không giải bày được. Thế nên thêm chữ **Diệu** dùng ba chữ **Diệu Trí Tuệ** so sánh mới có thể tương đương với chữ Prajna: Trí Tuệ, trong Kinh này.

3) BA LA MẬT: Ba chữ **Ba La Mật** là dịch âm tiếng Phạn, Trung Hoa dịch là đảo bỉ ngạn. Chúng sinh quá mê lầm vì **cái ngã** hằng ngày lặn hụp trong biển khổ phiền não, từ trong biển lối sinh tử phiền não qua đến bờ thanh tịnh an lạc. Không sanh không diệt, tức là đảo bỉ ngạn vậy. Tỷ dụ này để nói lên thoát ly biển khổ. Nhưng vấn đề đến bờ bên kia có chia ra làm hai phần: **Đốn** và **Tiệm**.

Đốn nghĩa là một khi nghe đại pháp, biết được năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) đều không; Sáu trần (Sắc, thanh,

hương, vị, xúc, pháp) chẳng có, lập tức liễu ngộ thân tâm, thể nhập chơn lý.

Tiệm nghĩa là do tin rồi hiểu, hiểu rồi thật hành, thật hành chắc chắn chứng quả, thứ lớp tiệm tu, cũng có thể ngộ nhập. Đốn, tiệm mặc dù có khác, nhưng đáo bỉ ngạn chỉ có **một** mà thôi.

4) KINH: Chữ Kinh nói cho đủ là khế kinh (Sutra) hợp chơn lý, xứng căn cơ. Mục đích tu hành là để độ mình, độ người. Chơn tính của mỗi người vốn là **hư linh bất muội**, nhiều kiếp vẫn thường còn, vì bị vật dục, vọng tưởng che mờ, nên bị chìm đắm nơi biển khổ sanh tử, chưa được thoát ly. Đức Thế Tôn đã dĩ lòng từ bi, đặc biệt nói Kinh này để cho chúng sanh đoạn phiền não, thoát ly biển khổ, đến bờ an lạc, siêu thoát nơi cứu kính.

Nhưng mỗi người muốn đạt đến mục đích ấy, cần phải được **điều trí tuệ**, mà muốn được Điều Trí Tuệ là phải có Kim Cương tính cứng, bén, sáng, trong, mới được. Một mảy bụi không cho dính vào, dứt trừ tất cả vọng niệm, chém giết tà ma trong mình, tru lục yêu quái muôn năm. Dũng mãnh tinh tiến, tự tính sáng suốt, để đến bờ bên kia, cùng các đức Phật, Bồ Tát đồng hưởng an lạc vậy.

*Mặt trời Phật sáng
thêm,*

*Xe chánh pháp chạy
hoài,*

Trên đèn đáp bốn ơn,

Dưới cứu giúp ba cõi,

*Thế giới được thanh
bình,*

*Nhân sinh thường an
lạc,*

Đệ tử và chúng sinh,

*Đều đi trên đường
sáng!*

II – LỊCH SỬ KINH KIM CANG

Kinh Kim Cang, vốn bao quát trong Kinh Đại Bát Nhã, nằm về quyển thứ 577. Cổ nhân thường bình luận quyển kinh này giống như tập luận của Nho giáo. lời lẽ có hạn, nhưng lý luận không cùng. Đức Thích Ca Như Lai giảng kinh Bát Nhã gồm có 600 quyển; địa phương giảng Kinh cũng như thứ lớp pháp hội, cộng tính có 4 chỗ, 16 hội. Giảng bộ Kinh Kim Cang này tại hội thứ 9 trong 16 hội. Địa điểm giảng Kinh ở tại khu vườn ông Cấp Cô Độc (Anathapindika), phía nam kinh

thành Xá-Vệ (Sravasti), Trung Ấn Độ. Lúc ấy ở Trung Quốc, nhằm triều đại nhà Châu, Vua Mục Vương năm thứ 9.

4 Chỗ 16 Hội	Tại Linh Sơn, thành Vương-Xá	6 hội
	Vườn Cấp Cô Độc, rừng cây của Jéta, thành Thất La Phiệt.	3 hội
	Điện Ma Ni Bửu Tàng tại cung Trời Tha Hóa Tự Tại	1 hội
	Lại, vườn Cấp Cô Độc, rừng cây của Jéta, thành Thất La Phiệt	4 hội
	Lại, Linh Sơn, thành Vương Xá	1 hội
	Bên ao Bạch Lộ trong vườn trúc thuộc thành Vương Xá.	1 hội

III - LƯỢC SỬ VỊ DỊCH KINH NÀY LÀ NGÀI TAM TẠNG PHÁP SƯ CƯU MA LA THẬP, ĐỜI GIAO TÀN.

Ngài Cưu Ma La Thập (Kumarajiva) là người Ấn Độ, tên của Ngài dịch âm từ tiếng Ấn. Trung Hoa dịch là Đồng Thọ. Thân phụ của Ngài tên là Cưu Ma La Đạm. Thân mẫu của Ngài tên là Thập Bà, em gái vua nước Quy Từ (Kucha). Quy Từ ngày nay là tỉnh Tân Cương. Pháp Sư Cưu Ma La Thập sinh tại nước Quy Từ, hợp cả tên cha và mẹ để đặt tên Ngài là Cưu Ma La Thập. Lúc 7 tuổi thường theo thân mẫu là Thập Bà đi du lịch bốn phương, cùng các Chùa. Vị trí nước Kế Tân ở miền Bắc Ấn Độ. Ngài theo Đại Đức Bàn Đầu Đạt Đa (Pandudatta), học về Tiểu Thừa Giáo (Hinayana); rồi đến nước Sơ Lặc (Su-Lo), Ngài theo Đại Sư Tu Lợi Gia Sách Ma (Surya-yaksa) học Đại Thừa Giáo (Mahayana), sau đó Ngài về lại nước Quy Từ, lại theo Ngài Tỳ Ma La Nghĩa (Vimalaksa) học Luật Tạng. Từ

đó tại nước Quy Từ, Ngài long trọng tuyên bố truyền bá về Đại Thừa Giáo.

Niên hiệu Kiến Nguyên năm thứ 19, Chúa Tiên Tần là Ông Phù Kiên, sai các tướng quân, do Lữ Quang cầm đầu, chinh phạt nước Quy Từ, mời Ngài Cưu Ma La Thập về nước. Khi Ngài về đến Lương Châu, thì nghe tin ông Phù Kiên bị ông Giao Tràn sát hại. tướng quân Lữ Quang phải an trụ độc lập tại Lương Châu với đoàn quân hùng mạnh của ông. Về sau, ông Giao Tràn cũng mến danh đức Ngài La Thập, muốn rước về cung, nhưng Lữ Quang không cho. Sau khi Giao Tràn mất rồi, con là Giao Hưng lên ngôi, liền qua xin rước Pháp Sư, Lữ Quang cũng không chịu. Kế Lữ Quang qua đời, con là Lữ Long lên kế vị; Giao Hưng cử đại binh qua, Lữ Long mới chịu đầu hàng. Lúc bấy

giờ nhà Tần rước Ngài Cưu Ma La Thập về Trường An, Giao Hưng suy tôn Ngài làm Quốc Sư, thỉnh ở Tây Minh Các và Tiêu Diêu Viên để phiên dịch các Kinh. Phiên dịch hoàn thành Kinh, Luật, Luận, gồm có 47 bộ, tất cả hơn 380 quyển. Đời Hậu Tần niên hiệu Hoảng Thỉ năm thứ 15, tháng 8, Ngài viên tịch tại ngôi chùa lớn ở Trường An, thọ 74 tuổi.

Hai chữ Tam Tạng là chỉ cho tạng Kinh, tạng Luật và tạng Luận. Nhân vì Ngài tinh thông cả ba Tạng, do đó người đời tôn xưng Ngài là Tam Tạng Pháp Sư. Thế nào gọi là Tam Tạng? Ấy là bao nhiêu giáo pháp đức Thích Tôn đã nói, còn ghi lại, gọi là Tạng Kinh (Sutrapitaka). Những giới luật đức Phật đã chế ra, kết tập thành sách, gọi là tạng Luật (Vinayapitaka), và các pháp tướng vấn đáp, hoặc ý chính do

Phật nói ra, hay các Thượng Túc đệ tử của Phật bàn luận thêm, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn. Nghĩa Kinh của các vị Bồ Tát đã giải thích thêm cùng với Kinh sách biện luận pháp tướng, ấy gọi là tạng Luận (Abhidharmapitaka).

IV – PHÂN GIỚI HẠNG KINH KIM CANG

Toàn bộ Kinh Kim Cang đã chia ra 32 phần, do Thái Tử Chiêu Minh đời nhà Lương phân thành giới hạng. Thật sự thì Chơn Kinh ngày xưa không có phân chia giới hạng. Nay đem 32 phần này chia làm:

- 1 - Phần tựa
- 2 - Phần chánh tôn và
- 3 - Phần lưu thông.

Dùng ba phần để phân giới hạng:

Phần Tựa: Chỉ sự bao quát trong phần thứ nhất. Phần này nói lên nguyên do có pháp hội thuyết pháp. Trong phần tựa này lại còn chia ra thông tựa và biệt tựa (tựa chung và tựa riêng). Từ câu “N hư thị ngã văn” cho đến câu “thiên nhị bách ngũ thập nhân câu” là thông tựa, tức là các Kinh khác đều nói giống như vậy. Từ câu “nhĩ thời Thế Tôn” cho đến câu “tây túc dĩ, phu tòa nhi tọa” là biệt tựa. Đây là những điểm không đồng với các Kinh khác.

Phần Chánh Tôn: Từ phần thứ hai đến phần thứ ba mươi một là phần chánh tôn, hoàn toàn nói rõ tôn chỉ, mục đích của bộ Kinh này.

Phần lưu thông: Là phần nói đến sự lưu truyền Kinh này cho đời sau, tức là phần ba mươi hai mà cũng là đoạn cuối cùng của bộ Kinh.

Kim Cương truyền bá khắp nơi,

Ung vô sở trụ, tâm thời bao la,

Kim Cương ở tại lòng ta,

Tỉnh thành ngọc quý, mê là bùn nhơ!

V – NGUYÊN DO PHÁP HỘI THUYẾT GIẢNG

Nguyên do pháp hội chính là nói Tôn Giả A Nan đầu tiên ghi nhớ lời Kinh. A Nan là một trong mười vị đại đệ tử của đức Phật Như Lai. A Nan là tiếng Ấn Độ, Trung Hoa dịch là Vô Nhiễm, lại dịch là Hoan Hỷ, mà cũng dịch là Khánh Hỷ. A Nan theo hầu Đức Phật Như Lai, khi ở tại thành Câu Thi Na (Kushinagar) và các địa phương phụ cận, bên sông Hê Lan Nhã (Hidda-Lanka). Trong thời gian ấy, đức Phật Như Lai gần viên tịch; A-Nan nhận biết đức Từ Phụ gần nhập Niết Bàn, rất là

buồn bã, hầu cận bên cạnh khóc lóc, thở than! Lúc ấy vị đệ tử chót của Phật là ông Tu Bạt Đà La (Subhadra) thấy A Nan khóc, mới khuyên rằng:

· Từ Phụ còn tại thế, chúng ta tùy thời mà hỏi đạo, sau khi Từ Phụ viên tịch, chúng ta muốn thưa hỏi đạo lý gì, không ai chỉ giáo một cách rõ ràng, khóc than đâu có ích gì, chi bằng đến thẳng Từ Phụ xin hỏi 4 việc đại quan trọng, cầu mong Từ Phụ chỉ dạy rõ ràng cho chúng ta. Đó là điều hay nhất. Bốn sự kiện ấy là gì?

1) Sau khi Thế Tôn nhập Niết Bàn, chúng con lấy ai làm Thầy?

2) Sau khi Thế Tôn nhập Niết Bàn, chúng con dùng pháp gì để tu tập?

3) Sau khi Thế Tôn nhập Niết Bàn, chúng con phải theo cách gì an trụ?

4) Khởi đầu Kinh Kim Cang, cũng như các Kinh khác, chúng con phải dùng câu gì cho đúng?

· Trả lời câu hỏi thứ nhất, đức Thế Tôn dạy: “Sau khi Đức Như Lai nhập Niết Bàn, các hàng thất chúng (Tỳ kheo, Tỳ kheo Ni, Thức Xoa Ma Na Ni, Sa Di, Sa Di Ni, Ưu Bà Tắc, và Ưu Bà Di) đệ tử Phật phải lấy giới luật làm Thầy. Vì sao thế? – Vì giới Luật (Sila-Vinaya) làm mạng mạch của Phật Pháp. Giới Luật còn, giáo pháp của Phật mới còn (Tỳ ni tạng trụ, Phật Pháp cửu trụ)”.

· Trả lời câu hỏi thứ hai: đức Thế Tôn dạy: “Nên dùng 4 Niệm Xứ tu tập”, những gì là bốn niệm xứ?

1. Quán thân bất tịnh: Mỗi thân người đều có 5 điều bất tịnh:

- .1.1. Chung tử bất tịnh
- .1.2. Trụ xứ bất tịnh,
- .1.3. Sanh tiền bất tịnh,
- .1.4. Tử hậu bất tịnh và
- .1.5. Chung cánh bất tịnh

2. **Quán thọ là khổ:** Người sống trên cảnh đời này, tất cả việc đều lạnh thọ, vì lãnh thọ nên mới có các điều thống khổ.

3. **Quán tâm vô thường:** Tâm người vô thường, tức là không phải chân tâm, đó là vọng tưởng. Vì bị vọng tưởng bao phủ nên chân tâm không thể nào hiển hiện được.

4. **Quán pháp vô ngã:** Tất cả khổ não của người đời đều do cái **NGÃ** nó làm chấp, làm cho mê muội. Sự thật những vật trong thế giới đã có, không phải là của ta.

· Trả lời câu hỏi thứ ba, đức Thế Tôn dạy: “Mặc tẩn”. Nguyên như Ngài A-Nan hỏi phải theo cách gì an trụ? Bởi vì hàng đệ tử trong pháp hội, tín tâm không đồng. Như khi gặp vị nào tánh tình thay đổi, phải làm sao điều hộ hộ, do đó mà Như Lai đáp dùng hai chữ mặc tẩn, có nghĩa là yên lặng tẩn xuất, trong một thời gian cho ở riêng, lúc nào thấy tánh tình thay đổi thuận thực, lúc đó mới cho vào đoàn thể tu học như trước.

· Trả lời câu hỏi thứ tư, đức Thế Tôn dạy: “Đề câu **Như thị ngã văn** (Evam me suttam)” . Nguyên là một khẩu hiệu chánh tín để chứng minh bản Kinh này do đức Phật nói, chắc chắn không sai lầm, mà cũng là đề lưu lại hậu thế cho chúng sinh tín thọ. Chẳng những Kinh Kim Cang, mà bất cứ Kinh nào Đức Thế Tôn đã nói, đều

phải đề 4 chữ “**Như Thị Ngã Văn**” dùng làm chính tín.

Thâm trầm lời hỏi A Nan,

Thiên nhân nhờ đó, Kim Cang hiện bày,

Chúng ta khởi sự từ nay,

Tội căn mòn dứt, chuyển thay Pháp mầu!

*Hết Chú Giải Kinh
Kim Cang – Chương V*

VI - THUYẾT VÀO BẢN KINH

PHẦN NGUYÊN NHÂN PHÁP HỘI THỨ 1.

PHÂN GIẢI:

Đức Như Lai vì một đại sự nhân duyên, thuyết pháp độ chúng sanh. Ngài phải tùy địa phương, lòng người và thời gian,

không bao giờ khinh thường trong sự thuyết pháp, thế nên khi cơ duyên chưa đến thì không bao giờ thuyết pháp. Địa phương là cần phải có đạo tràng trang nghiêm, thanh thoát; lòng người là ý nói phải có những hạng người đầy đủ trí tuệ và nhất tâm nghe pháp; thời gian là phải chờ lúc cơ duyên thuận thực. Có đủ ba nguyên nhân này mới có thể khai đàn thuyết pháp. Tóm lại, thành lập pháp hội dễ mà thuyết pháp, không phải dễ dàng.

Như vậy, chân lý như thế. **Tôi**, khi kiết tập kinh điển, Ngài A-Nan tự nói: **nghe, một thuở nọ**, khi thuyết Kinh này. **Đức Phật ngự tại thành Xá Vệ** (Sravasti) thành Xá Vệ là kinh đô của Vua Ba Tư Nặc (Prasenajit). **Rừng cây của ông Kỳ Đà Thái Tử**. Thái Tử Kỳ Đà (Jetakumara) dân rừng cây trong vườn,

cúng lên Đức Phật để làm trợ duyên, **vườn cây của ông Cấp Cô Độc**; Vị đại thần của Vua Ba Tư Nặc, tên là Tu Đạt Đa (Sudatta) ông ưa làm các việc bố thí, nhất là thường giúp cho những người nghèo cùng, quan quả cô độc. Do đó, mà người đời thường gọi Ngài là Cấp Cô Độc. **Cùng với các chúng đại tỳ kheo**, đại tỳ kheo là những bậc có đức hạnh lớn. Trung Hoa dịch là khát sĩ; trên xin giáo pháp của Phật để trưởng dưỡng huệ mạng, dưới xin vật thực của người đàn việt để cho thân mạng sống còn, **một nghìn hai trăm năm mươi vị (1250). Lúc bảy giờ Đức Thế Tôn**. Thế Tôn (Lokaiyestha) lời xưng khen đức Phật. Mỗi đức Phật có 10 hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. **Gần**

đến giờ ngọ trai, chư Phật có giờ ăn nhất định, giờ ngọ, phi thời không bao giờ ăn. Trong luật đã nói: “giờ dân, meo, thìn, là giờ của chư Thiên ăn; giờ ty, ngọ, mùi là giờ của chánh nhơn ăn, giờ thân, dậu, tuất là giờ của quý thần ăn; giờ hợi, tý, sữu là giờ của súc sanh ăn, nay nói gần đến giờ ngọ trai là nói giờ của chánh nhơn ăn. **Đắp Pháp y**; Y tức là áo Ca Sa (Kasaya), **mang bình bát**, bát (Patra) là đồ ứng lượng, có 3 sự tương ưng; tức là sắc tương ưng, thể tương ưng và lớn nhỏ tương ưng. Thế nào là sắc tương ưng? Nghĩa là sắc màu đen, khiến cho người không khởi ý tham lam ưa thích. Thể tương ưng là thế nào? Thể của bát phải là chất thô, khiến cho người không khởi ý tham tâm. Còn lớn nhỏ tương ưng như thế nào? Không quá lượng vậy, tức là đi khát thực không quá bảy nhà, khiến người không tham về

miệng và bụng. Vào trong đại thành Xá Vệ khát thực, ở trong thành phố đó thứ lớp đi khát thực xong, trở về bản xứ, ăn cơm rồi thu xếp y bát, rửa chân, tay và mặt xong, trải tọa cụ ngồi.

KHÁI LUẬN:

Đây là phần tựa của toàn bộ Kinh nói tại pháp hội Kỳ Viên (Jetvana), nơi phát khởi có pháp hội để thuyết Kinh này. Từ câu: **“Như vậy tôi nghe”** cho đến câu **“một nghìn hai trăm năm mươi vị”** là thông tự ở trong phần tựa, chính được nói bởi Đức Phật Như Lai, theo nghi thức trụ thế thuyết pháp. Từ câu: **“Lúc bảy giờ Đức Thế Tôn”** cho đến câu **“trải tọa cụ ngồi”**, là biệt tự ở phần tựa, chính là nói Đức Phật Như Lai tự Ngài phát khởi sự tương trong pháp hội ấy. Đức Phật Như Lai muốn cho chúng sanh hiểu rõ những

việc ăn, mặc, ở hàng ngày, đều chỉ được bản thể chân tâm. Thế nên mượn sự đi khất thực, phát khởi bộ Kinh này, để cho chúng sanh hướng về các việc tầm thường trong ngày như: đi, đứng, ngồi, nằm, ăn cơm, mặc áo, nếu khôn khéo tánh Kim Cang (Phật Tánh) sẽ hiển lộ rõ ràng, để nói lên chính mình cùng chư Phật, đạo lý không sai khác. Chúng ta suy nghĩ kỹ thì biết rõ sự đắp y mang bình bát của Đức Phật Như Lai, đều tiêu biểu cho điều ấy. Sự khất thực của Phật Như Lai chính là muốn dạy cho chúng sanh bổ thí. Thứ lớp đi khất thực là tiêu biểu sự nhẫn nại, kiên tâm, không phân biệt nghèo giàu, với lòng đại từ bình đẳng. Thu xếp y, bát là để tiêu biểu cho sự dứt hẳn các vín níu ở đời, tâm không còn lo nghĩ trần gian. Rửa chân là để tiêu biểu tẩy sạch trần cấu cho thân nghiệp được thanh tịnh. Trái tọa cụ là để

nói lên phải ngồi thiền định, giữ chánh niệm, không lay động, rồi mới khởi sự thuyết pháp.

Chúng ta nên biết rằng: Tất cả các pháp xuất thế gian không thể tách rời pháp thế gian. Do đó, phàm là đệ tử Phật, cần phải tích cực học đạo và thật hành theo chế độ quy củ của Phật, luôn luôn gìn giữ giới luật, tối kỵ là không nên ăn, mặc, quá dư, bông lung vóc huyền, khó mà đạt được bản tính Kim Cang.

GIẢNG NGHĨA:

Ngài A-Nan nói: Bộ Kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật này chính đích thân Ngài nghe Đức Phật Như Lai nói vậy. Thời gian giảng nói Kinh này, Đức Phật ngự tại thành Xá Vệ, trong rừng cây của ông Kỳ Đà Thái Tử, vườn ông Cấp Cô Độc cùng các vị Bồ Tát, La Hôn có đức

hạnh và trong hàng đệ tử một nghìn hai trăm năm mươi vị (1250) câu hội một chỗ. Trong giờ phút ấy, mang bình bát, từ vườn hoa ông Cấp Cô Độc, tiến vào đại thành Xá Vệ, đi khát thực. Thứ lớp đi khát thực xong, trở về chỗ cũ thọ thực. Khi ăn cơm xong, Ngài thu xét y, bát, gọn gàng, rửa hai chân sạch sẽ, thăng tòa thuyết pháp.

Thơ 1

*Nguyên nhân Phật nói Kim Cương,
 Tại thành Xá Vệ, trong vườn Cấp Cô,
 Tỳ kheo trợ hóa thành đô,
 Chuẩn bị y, bát, để vô đại thành.
 Thích Tôn thứ lớp độ sanh,
 Thọ trai đúng ngọ, thi hành đạo thiêng,*

Xếp y, rửa bát, thường xuyên,

Trái xong tọạ cụ, liền tuyên đạo màu.

PHẦN THIỆN HIỆN KHẢI THỈNH THỨ 2.

PHÂN GIẢI:

Thiện Hiện chính là tên của Ngài Tu Bồ Đề (Subhuti). Ngài này biết Đức Phật Thế Tôn muốn nói đại pháp Kim Cang Bát Nhã, do đó, nên ứng cơ mà khai thỉnh. Như Lai mỗi lần thuyết pháp, muốn hòa đồng với hàng đệ tử các giới, v...v...mượn những lời vấn đáp để chỉ rõ chân lý. KIM KIM CANG vốn là **không tôn**, vì Ngài Tu Bồ Đề khéo giải không số một, nên đúng với căn cơ mà khai thỉnh. Thiện Hiện là Ngài Tu Bồ Đề, Trung Hoa còn dịch là Thiện Kiết, cũng gọi là Không Sanh. Ngài sinh trong gia đình có tiền

của, nhưng khi sanh Ngài ra, thì vật phẩm trong kho tàng đều trống không. Do đó, nên gọi Ngài là Không Sanh. Cha mẹ Ngài thỉnh thoảng mời các vị tiên tri, đoán biết các chủ kiếp, do đó nên gọi là Thiện Kiết. Thời gian lâu xa, vật phẩm trong kho tàng hết, rồi bỗng nhiên lại xuất hiện đầy đủ, nên cũng gọi là Thiện Hiện.

Lúc bảy giờ, Ngài Trưởng Lão đức lớn gọi là Trưởng, tuổi già gọi là lão. **Tu Bồ Đề, ở trong đại chúng liền từ chỗ ngồi đứng dậy, mịch trần vai bên hữu, gối bên hữu quỳ sát đất, chấp tay cung kính, rồi bạch Phật rằng: “Rất là ít có”,** ít có chính là lời chân thật, khen ngợi Đức Phật. Điểm này có đủ 4 ý nghĩa:

Một là thời gian ít có, khó tìm ra để cho Đức Phật thuyết pháp.

Hai là nơi chôn ít có, khó được đạo tràng trang nghiêm như thế này.

Ba là đức độ ít có, chẳng những Đức Phật có oai đức rất lớn mà còn trong hàng thánh chúng toàn là những vị đạo đức trọng.

Bốn là sự việc ít có, sự việc đây là chỉ cho đại sự nhân duyên, công việc thuyết pháp độ sanh vậy.

Bạch Đức Thế Tôn, Như Lai khéo léo hộ niệm các vị Bồ Tát, chuyên tu trí tuệ gọi là Bồ, rông thật hành phước nghiệp gọi là Tát. Phước huệ song tu gọi là Bồ Tát, lại còn có nghĩa tự lợi, lợi tha, giác ngộ cho chúng hữu tình cũng gọi là Bồ Tát. **Khéo léo dặn dò các vị Bồ Tát. Bạch Thế Tôn! Các thiện nam cùng thiện nữ, phát tâm Vô Thượng, Chánh Đẳng, Chánh Giác,** nguyên chữ phạm là

Anuttara-sam-yak-sambodhi; **a** là vô, **muttara** là thượng, **samyak** là Chánh Đẳng, **sambodhi** là chánh giác. Nói một cách dễ hiểu là chơn tánh của ta vậy. Chơn tánh ấy bao trùm cả thái hư, không có vật gì cao hơn, nên gọi là vô thượng. Nhưng trên, từ các vật gì cao hơn, nên gọi là vô thượng. Nhưng trên, từ các Đức Phật, dưới đến các loài hàm linh, tánh này là thật tánh bình đẳng, nên nói là Chánh đẳng; lại nữa tính giác của nó, tròn sáng chiếu soi, không thiên không kém nên gọi là Chánh Giác.

Thế nào nên an trụ, thế nào để hàng phục tâm ấy? Đức Phật nói: Lành thay! Quý hóa thay! Nay Tu Bồ Đề! Như lời ông đã nói, Như Lai khéo hộ niệm các Bồ Tát, ông nay phải lắng nghe, lắng nghe nghĩa là đem hết tâm trí để mà nghe,

đem tự tánh thanh tịnh mà nghe. Tôi sẽ vì ông mà nói. Các thiện nam cùng thiện nữ phát tâm vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, phải trụ như vậy, hàng phục tâm kia như thế này.

Dạ, vâng! Dạ là tiếng lãnh giáo, vâng là thọ lời tuân lệnh, đã dạ mà lại vâng, đó là biểu thị ý tuân hành lên Đức Thế Tôn, **Bạch Thế Tôn! Xin ưa muốn nghe.**

KHÁI LUẬN:

Từ đây vào trong phần chánh tôn, nói Trưởng Lão Tu Bồ Đề thỉnh vấn Đức Như Lai hai sự kiện:

Một là làm thế nào khiến tâm bồ đề thường trụ không thối chuyển?

Hai là phải làm thế nào để hàng phục vọng niệm, vọng tâm? (Tâm Bồ Đề chính là bản giác tròn sáng). Xét Ngài Tu Bồ Đề

sở dĩ hỏi hai câu hỏi trên là vì Đức Phật Như Lai tỏ bày quang cảnh rất tầm thường là mặc y, ăn cơm, rửa chân, trải tọa cụ ngồi, cũng ngộ đặng diệu dụng vô trụ của chân tâm, không có chỗ nào mà chẳng đủ bản thể thật tướng Bát Nhã. Do đó, mà Ngài cảm kính từ trong thâm tâm, khen ngợi thốt ra một lời “Ít có Thế Tôn” cũng chính phải đợi cơ duyên thuận thực, mới xin hỏi hai sự kiện trên.

Lâu nay Đức Phật cùng các đệ tử gặp nhau gần 30 năm, các đệ tử một bề không hề biết tâm Phật, chỉ nói với mọi người rằng: Phàm những gì Đức Phật đã nói phần nhiều nghi ngờ mà không tin.

Hôm nay mới được Ngài Tu Bồ Đề khám phá, do đó Ngài Tu Bồ Đề không phải vì cảm động trong tâm mà phát ra câu “ít có, bạch Đức Thế Tôn”, cũng

không phải Ngài khen ngợi ngoài mặt, mà chính là khen ngợi của sự liễu ngộ trong thâm tâm của Ngài. Toàn cả bộ Kinh, cũng để nói lên ý nghĩa câu ấy.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật Như Lai lúc an tọa xong, trong hàng đệ tử, Ngài Tu Bồ Đề đạo đức và niên lap rất cao, ở trong đại chúng, từ trên chỗ ngồi của chính Ngài, cung kính đứng dậy, bày vai bên hữu (để tiêu biểu không dám bội sự) đầu gối bên mặt quỳ sát đất (để tiêu biểu không dám tà đạo), hai tay đồng chấp lại (để tiêu biểu sự bề nương), đối diện Đức Phật Như Lai, thành kính hành lễ (để tiêu biểu sự nghiêm túc) hướng về Như Lai, thốt ra một lời khen ngợi: “Rất ít có, Đức Thế Tôn”. Đấng Từ Phụ của chúng ta đối với hàng đệ tử chưa thành đạo, Ngài đem hết thiện tâm để hộ

cho họ; đối với hàng đệ tử đã thành đạo, Ngài tế nhị dặn dò họ những gì cao thượng. Bạch Thế Tôn! lại có các thiện nam, tín nữ, khi phát tâm bồ đề, phải làm thế nào để cho tâm bồ đề ấy, thường trụ không thối chuyển. Thời gian họ phát khởi vọng niệm, phải làm thế nào để hàng phục vọng niệm cho họ?

Đức Phật đáp rằng hai câu hỏi của ông rất là phù hợp với ý tôi. Nguyên nhân đức Phật ra đời, bản ý muốn chỉ thẳng tâm này, nhưng vì chưa có cơ hội, từ lúc thành đạo cho đến ngày nay thường giữ bản hoài ấy. Nay trên pháp hội Kỳ Viên, được Ngài Tu Bồ Đề đặt ra các câu hỏi này, thật là đúng lúc. Thế nên Đức Phật khen ngợi người đặt câu hỏi.

Chính Đức Phật đã nói với Ngài Tu Bồ Đề rằng theo lời ông đã nói hiện nay Như

Lai khéo suy nghĩ đến hàng đệ tử chưa thành đạo, pháp ra lời chưa hề nói, thế là ông đã rõ đạo lý ấy, mới có thể cùng ông giảng nói. Do đó nên tôi ân cần nhắc ông, nên hết lòng nghe kỹ, tôi sẽ giải bày.

Ngoài ra còn có thiện nam, tín nữ nào đã phát tâm Bồ Đề, chính là tự nhiên đã hiển lộ bản tính chân thật Như Lai, phải giữ bản tính thường trú ấy và lúc nào cũng phải hàng phục tất cả vọng niệm (có chỗ nói hề đạo tâm tiến, thì nhân tâm thoái; mặt trời chiếu sáng thì bóng tối tự nó tiêu tan). Đức Như Lai vừa nói xong, thì Ngài Tu Bồ Đề liền tỏ ngộ ý tứ ấy, cho nên thưa: Dạ, vâng! . Chính là đáp ứng với ý tứ chính của Phật và thay lời cả đại chúng nói: Xin ưa muốn nghe.

Thơ 2

Thiện Hiện khái tỉnh lý sâu,

*Giữ đúng nghi lễ, quý hầu một bên,
Bạch rằng: ít có, bé trên!*

*Hộ niệm, phú chúc vững bền dạy
khuyên.*

*Bồ Tát lương phái cần chuyên,
Thế nào an trụ để yên tu hành?*

Làm sao hàng phục tam bành?

*Làm sao giữ vững lòng thành Kim
Cương?*

Hồi đáp: Phật rải tình thương!

Lý mâu dạy bảo, mỗi phương ghi lòng,

Thiện Hiện đánh lễ phục tòng,

*Chúng con tuân giữ, đề phòng đường
tu.*

PHẦN CHÁNH TÔN ĐẠI THỪA THỨ 3

PHÂN GIẢI:

Thịnh Văn Bồ Tát là tiểu thừa; Duyên Giác Bồ Tát là trung thừa; nay nói Đại Thừa là nói pháp Đại Thừa Bồ Tát .

Thịnh Văn ngộ được pháp Tứ Đế (khổ, tập, diệt, đạo).

Duyên Giác ngộ pháp Thập Nhị Nhân Duyên (vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử).

Đại thừa Bồ Tát ngộ pháp lục độ vạn hành (bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định và trí tuệ).

Tôn môn pháo biệt rất nhiều, đây nói chánh tôn, tức là nói pháp Bát Nhã rất cao siêu. Bát Nhã là mẹ của chư Phật, đó là Pháp Tối Thượng Thừa. Do đó, nên nói là Chánh Tôn.

Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề, các vị Bồ Tát Ma Ha Tát, chữ Ma Ha Tát có nghĩa là rộng lớn, trong hành Bồ Tát, các vị này đầy đủ đại giác tánh, phải đúng cách để hàng phục vọng tâm kia, đã có các loại chúng sanh, hoặc noãn sanh, hoặc thai sanh, hoặc thấp sanh, hoặc hóa sanh, hoặc hữu sanh, hoặc vô sắc, hoặc hữu tướng, hoặc vô tướng, hoặc phi hữu tướng, hoặc phi vô tướng, ta đều khiến các loại trên đều vào Vô Dư Niết Bàn, vô dư nghĩa là không còn mảy may sinh diệt vọng tưởng. Niết Bàn tức là Giác tánh xưa nay không sinh, không diệt.

Vô dư Niết Bàn là niết bàn không còn sinh tử luân hồi, **rồi diệt độ tất cả**, diệt là dứt hết các vọng tưởng, độ là trở lại tánh giác của mỗi loài. Dùng trí tuệ sáng suốt để diệt hết si ám đó là ý nghĩa hai chữ diệt độ. (Ví như người bị mù đôi mắt, thầy thuốc trị lành, sáng suốt trở lại; thầy thuốc chỉ trị bệnh cho người kia, chớ đâu phải cho ánh sáng đến người đau mắt. Thế nên chúng ta biết rằng, ánh sáng của mắt sẵn có, sự ngăn che của con mắt vốn không, như vì vốn không, nên có thể diệt; như vì sẵn có, nên mới trị (độ). **Diệt độ như thế, chúng sanh có vô lượng, vô số, vô biên, thật không có chúng sanh nào diệt độ cả. Vì có sao? Nếu Bồ Tát còn có Ngã tướng**, tướng là hình tích vậy, chấp chặt hình tích, tâm không trống rỗng, bị trệ ngại không thể hóa giải, gọi đó là tướng. Ngã tướng là sự yêu mến thân

mạng mình, trọn ngày cứ lo cho thân, tranh danh đoạt lợi cho thân. Tính toán cho thân mình, rồi lo cho thân con cháu đều thuộc về ngã tướng cả.

Nhơn tướng, các việc phân biệt người khác thấy người có thể lợi, chạy theo bèn gót. Thấy người yếu đuối, giận chán không ưa, ganh ghét người hơn mình, bòn sẻn đối với mọi người, đều là nhơn tướng.

Chúng sanh tướng, phạm sắc, thọ, tướng, hành, chấp cho là chúng hòa hiệp, tham lam giận tức, si mê, ái nhiễm, làm cho chìm đắm nguồn linh, những việc nó trên đều là chúng sanh tướng.

Thọ giả tướng, những việc đốt hương cầu nguyện, cầu cho có phước điền hiện tại, uống thuốc luyện đơn, hy vọng trường sinh không già. Các việc ấy đều là thọ giả tướng, **tức không phải là Bồ Tát.**

KHÁI LUẬN:

Phần căn bản giảng nói phương pháp hàng phục vọng tâm. Đức Phật Như Lai cốt yếu nói lại phần trước, qua lời hỏi của Ngài Tu Bồ Đề: Làm thế nào để trụ tâm? Làm sao để hàng phục vọng tâm? Thuyết minh hai câu hỏi ấy một cách rõ ràng; lẽ ra chỉ cần nó hàng mà không cần nói trụ, vì hàng cũng giống như trụ; ấy là hàng phục tâm vọng niệm kia, trụ tức là đã định tâm kia vậy! Thế nên Đức Phật Như Lai nói những người tu hành mà vọng tưởng còn nhiều thì tâm Bồ Đề không thể nào thường trú. Ai muốn tâm Bồ Đề thường trú, phải xa lìa vọng tưởng. Muốn diệt nó, ta phải ở trong hoàn cảnh phân biệt tất cả tướng. Trong phần căn bản mặc dù nói Pháp-tử hàn g phục vọng tâm, song lại chú trọng phần thể nhập Nhất Thiết Trí và dĩ

nhiên phải xa lìa bốn tướng: Ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả. Hơn nữa, trong phần chánh, không nói đến các thiện nam và thiện nữ, mà chỉ đề cập đến các vị Đại Bồ Tát, bởi vì các Bồ Tát là những đệ tử đã thành đạo, tâm thể rộng lớn, thuyết minh phương pháp, rồi dặn dò các Bồ Tát phải trừ vi tế vô minh, còn các thiện nam, tín nữ cũng phải theo cách Phật chỉ dạy mà hàng phục vọng tâm, khi hàng phục được vọng tâm thì chắc chắn tâm Bồ Đề thường trú.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật bài Ngài Tu Bồ Đề: các vị Đại Bồ Tát, nên theo phương pháp mà tôi đã nói vừa rồi để hàng phục vọng tâm, mới có thể thường trú được tâm Bồ Đề.

Phương pháp hàng phục vọng tâm là phải xa lìa bốn tướng; nếu muốn xa lìa

bốn tướng, phải phân biệt tất cả các tướng. Hiện tại, tướng chúng sanh, ta thấy có 10 loại:

Noãn sanh: Loài sinh trong trứng, như các loại gà, vịt, chim, rùa, rắn.

Thai sanh: Loài sinh con, như người, súc, rồng, tiên. v.v...

Thấp sanh: Chỗ ẩm ướt hòa hợp, cảm sanh, như các loài côn trùng, hay như loài tôm, cá, ở dưới nước.

Hóa sanh: Hóa kiếp ứng hiện, cõi lột đổi hình, như các loài quý, loài súc, loài bướm bởi sâu mà hóa sanh, loài dơi bởi chuột mà hóa sanh.

Loài hữu sắc: Chỉ cho những loài “hữu cửu tinh minh”, tức là các loài có hình sắc.

Loài vô sắc: Chỉ các loài “không tán tiêu trầm; loài không hình sắc như ma, yêu...

Loài hữu tướng: Chỉ cho các loài thần kỳ, quỷ quái.

Loài vô tướng: Chỉ cho những loài tinh thần hóa thành đậy, cây, vàng, đá.

Loài phi hữu tướng: Chỉ cho các loài mùa đông là côn trùng, mùa hạ là cỏ cây.

Loài phi vô tướng: Chỉ cho các loài minh linh sinh trong đất, trong tổ.

Trên đả nói mười loại chúng sanh tràn đầy vọng tâm đều không phải chơn tâm của Bồ Tát. Đức Phật Như Lai muốn cho tất cả chúng sinh diệt hết nghiệp chướng, độ họ thoát khỏi cảnh luân hồi trong 6 đường (trời, người, a tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục) không sanh không tử vào

được ngôi làng vô vi thanh tịnh. Đức Phật, tuy đã diệt độ, nhưng mà tất cả chúng sanh không hạn lượng, không tính kể, không biên tế, thật sự không có một chúng sanh nào cùng Bồ Tát đầy đủ tâm Bồ Đề này, hiện tại bị vọng tâm điên đảo, khi diệt hết vọng tâm điên đảo thì trở lại thanh tịnh cứu kính, ấy là trở về bản tánh sẵn có của mỗi người. Tánh mình thì mình độ được, không thể nhờ đức Phật độ mình được. Ngài chỉ vạch con đường cho chúng sanh: Đức Phật lại bảo Ngài Tu Bồ Đề: nếu chúng sanh nghĩ rằng có được ta diệt độ cho, tức là đã chấp bốn tướng: Ngã, nhơn, chúng sanh và thọ giả; lại bị vọng tưởng đầy dẫy trong tự tánh, như thế làm sao gọi là Vô Dư Niết Bàn, chắc chắn không phải là Bồ Tát.

Theo đạo lý ấy, chính là Bồ Tát chưa tỏ ngộ, trở lại làm chúng sinh. Bồ Tát đã giác ngộ mới là Bồ Tát. Thật tại thì mình phải do tự mình độ, Đức Như Lai chỉ giáo con đường cho chúng sanh, nhưng chúng ta đừng nghĩ rằng Đức Như Lai diệt độ cho chúng sinh, nếu nghĩ như thế tức là chấp trước bốn tướng. Con đường giải thoát còn xa.

Thơ 3

Kiên tâm trì chí công phu,

Chúng sinh mừng loại bị tù khổ sai,

Bởi vì cố chấp ai ai,

Ngã, hơn, thọ, giả, các loài chúng sinh.

Bồ Tát còn có trọng khinh,

Chưa phải Bồ Tát trong tình bao la,

Vô dư diệt độ hằng sa,

Dức trừ bốn tướng mới là viên dung.

PHẦN VÔ TRỤ ĐIỀU HÀNH THỨ 4

PHÂN GIẢI:

Điều hành là gì? Nghĩa là hành động không còn thấy năng hành và sở hành. Ấy là hành mà không thấy ta và người, mặc dù thật hành mà không chấp trước sự hành của mình. Ai chuyên được thức thứ 7 (Manavijnana) trở thành bình đẳng tánh trí thì việc hành động không có trụ trước, tâm mới thanh tịnh, chu biến pháp giới. Do đó, nên dùng diệu lý để hành mà không hành, trụ mà không trụ, chưa tới bậc Cứu Địa (Thiền Huệ Địa) và bậc Thập Địa (Pháp Vân Địa) thì khó biết lý nhiệm mầu ấy.

Thế nên, Tứ Thiên (Ly Sanh hỷ Lạc Địa; Định Sanh Hỷ Lạc Địa Ly Hỷ Diệu Lạc Địa và Xả Niệm Thanh Tịnh Địa).

Tứ Định (Không vô biên xứ định; Thức vô biên xứ định; Vô sở hữu xứ định và Phi phi tướng xứ định) đều không thể thoát ly những khổ hành âm. Nay nói vô trụ diệu hành, chính là nói bố thí không trước tướng. Phạm vật gì có hình tướng đều là hư vọng. Trụ tướng tức là trụ hư vọng; nếu không trụ tướng thì không bao giờ bị vọng cảnh khuấy động. Ai không bị vọng cảnh lay động thì đâu có sanh diệt, thể thanh tịnh tự nhiên tròn sáng; trụ được cái không trụ mới thật là chơn diệu hành.

Lại nữa, ông Tu Bồ Đề, Bồ Tát đối với sự vật, phải không trụ trước để làm việc bố thí. Bố thí là một trong lục độ của Phật Pháp. Có 3 thứ bố thí:

1/ Tài thí

2/ Pháp thí: Tinh tiến không mỏi mệt, thiền định không gián đoạn, trí tuệ không điên đảo, thuyết pháp độ sinh, gọi là Pháp thí.

3/ Vô úy thí: Phàm người nào ở trong hoàn cảnh sợ hãi, lo âu, ta có cách gì giúp cho họ hết sợ, nhất là sợ chết, dù gian lao ta cũng không nản, miễn sao họ đừng sợ hãi, gọi đó là thí vô úy.

Ấy là không trụ nơi sắc mà bố thí, không trụ nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp mà bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ Tát phải bố thí như thế, không nên trụ nơi tướng. Vì sao? Vì nếu Bồ Tát không trụ tướng bố thí, phước đức kia không thể nghĩ lường. Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ thế nào? Phương đông hư không, hư không, giữa thái hư không có mấy may cách ngại,

trông rỗng bao la, tâm suy nghĩ không thể nào đo lường được, **có thể nghĩ lường được không?**

1. Không thể nào nghĩ lường được, bạch Thế Tôn.

2. Nay Tu Bồ Đề! Phương nam, tây, bắc, bốn góc, thượng phương, hạ phương, hư không có thể nghĩ lường được không?

3. Không thể được, bạch Thế Tôn.

4. Tu Bồ Đề! Bồ Tát không trụ tướng bố thí, phước đức cũng lại như thế, không thể nghĩ bàn. Tu Bồ Đề! Bồ Tát phải y như giáo pháp mà trụ.

KHÁI LUẬN:

Phần căn bản nói về phương pháp trụ tâm. Vô sở trụ là thế nào? Trong không

trụ ta, ngoài không trụ người, giữa không trụ những vật đã thí. Như một tấm gương đồng soi cảnh vật, tùy cảnh đến thì hiện, cảnh đi thì thôi, cần phải xa lìa trần tượng của chúng sanh. Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là sáu trần. Vì sao chỉ nói bố thí mà không nói các độ khác? Bởi vì trong Phật Pháp có lục độ:

1. Bố thí
2. Trì giới,
3. Nhẫn nhục,
4. Tinh tấn,
5. Thiên định và
6. Trí tuệ.

Bố thí độ xan tham; trì giới thì độ phá giới; nhẫn nhục thì độ giận tức, tinh tấn

thì độ biếng nhác, thiên định thì độ tán loạn, trí tuệ thì độ ngu si.

Việc tốt nhất trên đời là việc từ thiện, nhưng việc từ thiện, đương nhiên phải dùng bố thí trước tiên. Bồ Thí là một trong những phương pháp lục độ. Có tâm niệm bố thí cao thượng, đối với người có thể thật hành bố thí rồi xả bỏ, đối với tự mình có thể ngăn ngừa việc tham lam, bòn xén. Tâm niệm Bồ Tát thật hành bố thí, không nên trước tướng; nếu tâm còn trước tướng thì bị sa vào mắt đấm sắc, tai ưa tiếng, mũi ngửi mùi, lưỡi nếm vị, thân xúc dục và pháp (những gì bị tâm suy nghĩ, tưởng tượng nói ra có chỗ có cảnh so lường phân biệt, nó nằm trong tánh vọng của chúng sanh, bị các cảnh bên ngoài, vọng tâm tham lam đấm trước? bởi vì nhãn căn cùng sắc nghiệp rất là trọng

yếu. Đức Phật Như Lai sợ người tu hành đời sau sanh lòng nghi, nói Bồ thí vốn là cầu phước, nếu không trụ tướng, chính là không, làm sao có phước? Vì thế, nên Đức Phật lại nói, nếu Bồ Tát không trụ tướng mà Bồ thí, thì phước đức kia mới là vĩ đại.

Tóm lại, Phật nói Bồ Tát Bồ thí, tuy chuyên vì cầu phước đức, nhưng nếu tâm còn trước tướng để cầu phước đức, mặc dù phước đức có, nhưng không vĩ đại. Nếu xa lìa chấp tướng thì phước đức kia không thể nghĩ lường. Nói đến phước đức không thể nghĩ lường, thường ưa mượn thể thức 10 phương hư không vì nó vĩ đại không thể nghĩ lường. Từ đông nhìn, người ta cho kia là tây; từ nam nhìn người ta cho kia là bắc, từ thượng nhìn, ta cho kia là hạ. từ hạ nhìn lên, ta cho là thượng

v.v...đông, tây, nam, bắc, danh xưng do người ta quy định; sự thật thì không có phương hướng nào nhứt định...chỉ có khi sáu căn viên thông rồi thì bốn phương, tám hướng đều vô ngại.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật lại bảo; Tu BỒ ĐỀ! BỒ Tát đối với Pháp vô thượng Chánh Đẳng Chánh Giác phải nên bỏ thí không chấp tướng. Được như thế chắc chắn sáu căn thanh tịnh, ly khai các trần tướng, sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp (người thí quên thí, kẻ thọ quên thọ, vật hay thí bị thí đều quên). Giống như chỗ khác nói tam luân thể không, thí không, thọ không, và vật không). Đức Phật lại nói: Tu BỒ ĐỀ BỒ Tát không nên trụ tướng mà bỏ thí, vì sao? Bởi vì trước tướng bỏ thí, là bị hạn cuộc có tướng, thật tại tướng chúng sanh

bình đẳng như vi trần, dù có phước báu cũng chẳng được bao lâu. Nếu không trước tướng bồ thí, hay đủ tam luân không tịch. Đó thật là vô tướng, công đức không thể nào nghĩ bàn. Đức Phật lại bảo: Tu Bồ Đề! Ông nói phương đông, hư không có ngăn mé không? Dùng tâm có suy nghĩ được không?

Tu Bồ Đề bạch;

- Thưa Thế Tôn! Không thể nghĩ lường được.

Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Ông nói các phương nam, tây, bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, kể cả thượng phương và hạ phương, thành hư không của chín phương, ông nghĩ các phương ấy nó có ngăn mé

không? Tâm ông có thể đo lường được không?

Tu Bồ Đề bạch:

- Thưa Thế Tôn! Không thể nào nghĩ lường được.

Đức Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Bồ Tát nên theo lời chỉ giáo của tôi để khéo hộ niệm, khéo dặn dò; như thế hàng phục vọng tâm, như thế làm cho tâm thường trú. Được như vậy, khỏi tìm cầu tâm nào khác cả.

Thơ 4

Thật hành chiếu tỏ không trung,

Ba la bố thí hình dung pháp mầu,

Sáu trần giải tỏa chớ cầu,

*Tâm không tức Phật đứng đầu thiên
kinh.*

*Mười phương, bốn hướng thình thình,
Tánh chẳng vương bận, oai linh không
cùng,*

Bồ Đề đại giác đại hùng,

Y giáo hành sự, tôn sùng lời khuyên!

PHẦN THẬT THẤY NHƯ LÝ THỨ 5

PHÂN GIẢI:

Như là chơn như. Mười pháp giới (Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thinh Văn, Trời, A Tu La, Người, Súc sanh, Ngạ quỷ, Địa ngục) không có một cõi nào là thật pháp cả; nếu có thật pháp đều là tướng hư vọng. Như lý thế nào? Chính là không thể nào dùng tướng hư vọng để thấy Như Lai,

nên theo lý “vô tướng, đều tướng” mới thấy được Như Lai.

Thế nào gọi là vô tướng?

- Tất cả hình tướng thế gian đều là cảnh vọng, vốn không có thật, nên gọi là vô tướng.

Thế nào gọi là đều tướng?

- Pháp thập như (tướng như, tánh như, thể như, lực như, tác như, nhơn như, duyên như, quả như, báo như, bốn mạng cứu cánh như) trong pháp giới, ứng dụng vô phương, tự tại vô ngại, cho nên gọi là đều tướng.

Thật thấy là sao?

- Thấy tự tính Như Lai, đã ngộ được thể tánh không, thế nên, không thể dùng tướng thấy Như Lai.

Thật thấy như lý là sao?

- Không thể chấp tướng mà cũng không thể ly tướng. Bởi vì chấp tướng đều là hư vọng, còn ly tướng thì bị rơi vào đoạn diệt, cần phải không chấp, không ly, mặc dù có tướng mà tâm không trụ tướng, liền thấy các tướng mà phi tướng, không khéo thấy được Như Lai.

- Tu Bồ Đề! Ý Ông nghĩ sao? Có thể dùng thân tướng, thân tướng, đây là chỉ cho sắc thân. Thấy được Như Lai không? Không thể thấy, bạch Thế Tôn! Không thể dùng thân tướng, thấy được Như lai, vì có sao? Như Lai đã nói thân tướng, tức không phải thân tướng. Không phải thân tướng tức là Pháp thân vậy. Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề, phàm đã có tướng, đều là hư vọng, nếu thấy các tướng mà phi được

tướng, tức là Như Lai. Như Lai là chơn Phật tánh của ta.

KHÁI LUẬN:

Phần chính yếu, phá vọng tưởng tức là phương pháp hàng phục vọng tâm, đã giải nói ở phần trước, ý nói Bồ Tát phải đúng cách phát tâm Bồ Đề, ngoài ra các thiện nam tín nữ cũng nên phát tâm như thế. Nhưng Đức Như Lai lại lo trong hàng đệ tử, thời gian gián nói, giống như đã giác ngộ, nhưng đối cảnh vẫn còn mê lầm nên mới hỏi gạn Ngài Tu Bồ Đề, dùng thân tướng có thể thấy được Phật Như Lai không? để xem Tu Bồ Đề có nhận lãnh được đạo lý hàng phục vọng tâm và lý tướng không? Ngài Tu Bồ Đề nghe qua câu hỏi ấy lãnh hội được ý Phật, do đó, nên Ngài đáp rằng: Không thể dùng thân tướng (sắc thân) mà thấy được Như Lai.

Bởi vì thân Phật đều không phải là sắc thân, ấy là Pháp thân, là chơn không vô tướng, làm sao dùng nhục nhãn mà nhìn thấy được hình thể của Như Lai? Chẳng những phàm phu không thể thấy, mà chính là hàng Nhị Thừa (Thịnh Văn, Duyên Giác) và Bồ Tát cũng khó mà thấy được. Trong Thiên Tôn thường nói: “Trúc xanh, sen trắng đều là pháp thân; cúng vàng, phượng đỏ đều là Bát Nhã”. Ấy chính là nói pháp thân giáp khắp cõi hư không, cỏ cây, hoa là đều là ở trong biển tánh Như Lai. Mượng trúc xanh để hiển lộ thể pháp thân, mà trúc xanh cũng chính là pháp thân. Đem cúc vàng để biểu hiện diệu dụng Bát Nhã, nhưng cúc vàng cũng đâu có gì khác với Bát Nhã! Đức Như Lai qua câu trả lời, Ngài biết Tu Bồ Đề đã ngộ được đạo lý hàng phục vọng tâm và lý tướng; vì thế, nên Đức Phật lại bảo

Ngài Tu Bồ Đề rằng chẳng những tướng Phật như thế, mà là tất cả tướng đã có trong thế gian, đều là giả hợp chuyển biến. Nếu thấy có các tướng, như hay biết để phá bản tướng “Phi ngã chơn thật” quyết không có lỗi “chấp tướng mê chơn”. Tự mình hay hồi quang phản chiếu, liền thấy trong sắc thân, có Như Lai tự tánh pháp thân, tùy mỗi chỗ mà hiển hiện. Trong tập san Định Kỳ chép: “chấp tướng mê chơn, đối diện, nhưng xa nghìn dặm; tâm như hư không đối với vật thể, trời đất một nhà”. Nên biết rằng Như Lai không phải tìm cầu biên ngoài mà được. Lại nữa, phân tách, dùng hai chữ “chư tướng”, vì là hình tướng một có, một không, chẳng phải có, chẳng phải không v.v...có thể tính đến số trăm, tức là chỉ tướng đa số mà nói...

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật bảo Ông Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Người tu hành có thể thấy được hình thể Như Lai không?

Tu Bồ Đề bạch rằng:

- Thưa Thế Tôn! Không thể thấy được hình thể của Như Lai. Ấy là tại duyên có gì?

Bởi vì Từ Phụ đã nói, thân tướng tức không phải là thân tướng, mà là pháp tướng, vì thế mà không thể thấy.

Đức Phật lại bảo Tu Bồ Đề:

- Chẳng những thế, phàm những vật gì có hình tướng trong thế gian này đều là hư vọng không thật; nếu hiểu biết phá được các chấp, hiểu đạo lý các tướng đều là hư

vọng, thì chắc chắn thấy được pháp tướng Như Lai.

Thơ 5:

*Phật hỏi Thiện Hiện căn nguyên,
Ý Ông suy nghĩ, tinh chuyên thế nào?
Dùng thân tướng để ra vào,
Như Lai hiện tướng có chào được
không?*

Bạch Thế Tôn, thật khó mong!

Vì Phật đã nói, tức không thân hình,

Phàm đã có tướng hành trình,

Ấy là không phải thân hình Như Lai!

PHẦN CHÁNH TÍN HY HỮU THỨ 6

PHÂN GIẢI:

Phần trước đã nói không thể dùng thân tướng để thấy Như Lai, lý này rất sâu! Đức Phật sợ chúng sinh nghi ngờ Phật là hư vô, do đó đem Bát Nhã thậm thâm “không trụ tướng” để giải bày cho rõ, khiến chúng sanh đoạn lòng nghi, sanh chánh tinh vậy. Đây sợ nghi từ đoạn văn trước có hai đoạn nói “không trụ tướng bồ thí” và “không thể dùng thân tướng mà thấy Như Lai”. Bởi vì phàm phu bồ thí, đều là trụ tướng bồ thí. Phàm phu quán Phật đều là trụ tướng quán Phật; phàm phu khó mà hiểu biết bồ thí không trụ tướng, công đức của nó rất là vĩ đại. Quán Phật không trụ tướng, trí tuệ rất là sâu sắc. Do đó, Phật dạy người dùng nhưn vô tướng, để khế hợp với quả vô tướng, nhưn sâu quả sâu. Nghĩa này khó tin khó hiểu, nên gọi là chánh tín hy hữu.

Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: thưa Thế Tôn! Vả lại có chúng sinh, được nghe lời nói, câu văn như thế, có sinh lòng tin thật không? Đức Phật bảo Ngài Tu Bồ Đề: Chớ nói như vậy, sau 500 năm, Như Lai diệt độ, có người nào trì giới tu phước, trí giới, giữ gìn giới luật. Trì giới có ba cách:

1) Nhiếp luật nghi giới, phạm đi, ở, ngồi, nằm, ra vào, qua lại, nghiêm trì thân tâm, gọi là luật nghi giới.

2) Nhiếp thiện giới, phạm việc thiện, chính phải làm, gọi đó là nhiếp thiện pháp giới.

3) Nhiêu ích hữu tình giới, phát tâm tu hành muốn dứt khổ của chúng sinh, ban vui đến chúng sinh, phải ra làm các việc lợi ích cho tất cả chúng sinh, gọi là nhiều hữu ích tình giới.

Đối với những câu văn này, hay sinh lòng chánh tín, cho là sự thật, phải biết người ấy, không phải cùng một Đức Phật, hai Đức Phật, ba, bốn, năm Đức Phật trong căn lành, mà là đã cùng với vô lượng nghìn muôn Đức Phật trong các căn lành, nghe đến câu văn ấy, cho đến một niệm, sinh lòng tinh tín. Tu Bồ Đề! Như Lai đều biết đều thấy, các chúng sinh ấy, đặng phước đức vô lượng như thế. Phước đức, người tin kinh này, gọi là đặng phước đức. Người hưởng phước báo trong thế gian, gọi là phước báo. Vì sao? Vì các chúng sinh ấy, không có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng. Phi pháp tức là không pháp, giống như ngoan không. Vì sao? Vì các chúng sinh ấy, không có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng, vô pháp tướng cũng vô phi (đều)

pháp tướng. Phi pháp tức là không pháp, giống như ngoan không. **Vì sao? Vì các chúng sanh ấy, nếu tâm chấp tướng, tức là đắm trước ngã, nhơn, chúng sinh, thọ giả.** Ngã, nhơn, chúng sinh, thọ giả, trong trời đất các tình trạng đã có của chúng sinh, đều không ngoài bốn tướng này. Trừ ngoài bốn tướng này, lại còn có pháp tướng, phi pháp tướng và đoạn diệt tướng, các tướng số này đều là tướng của tâm. Lại nữa, cũng như thân tướng, 32 tướng, nhất hiệp tướng, ấy là hình tướng vậy. Nhưng hình tướng cũng tùy tâm lưu xuất, tâm vô tướng làm sao có hình. Chỉ sanh tướng chân thật, chính là cảnh giác ngộ. **Nếu chấp pháp tướng, tức là chấp ngã, nhơn, chúng sinh, thọ giả. Vì sao? Vì nếu chấp tướng phi pháp, tức là còn chấp ngã, nhơn, chúng sinh, thọ giả, vì thế không nên chấp pháp mà cũng**

chẳng nên chấp phi pháp. Do nghĩa này nên đức Như Lai thường nói: Tỳ kheo các ông , phải biết tôi nói pháp, thí dụ như chiếc bè quý báu, chánh pháp còn phải xả bỏ, huống là phi pháp.

KHÁI LUẬN:

Phân giải về căn bản, nhân vì Ngài Tu Bồ Đề nghe Phật Như Lai nói: “Nếu thấy các tướng là phi tướng, tức là thấy được Như Lai”. Câu nói này là để dành cho Bồ Tát (tức là những chúng sinh đầy đủ tánh giác) những hạng đã tín thọ phụng hành. Nhưng rất lo sợ cho các chúng phàm phu ở đời mặt pháp, nghe lý nhiệm mầu trên khó sinh lòng chánh tín. Tại sao? Bởi vì Phật Như Lai ở trong phần thứ 4 đã nói Bồ Tát không trụ tướng bố thí, ở trong phần thứ 5, Phật nói không có sắc tướng. Do đó, nên không thể nào tránh khỏi cho

người đời sau nghi ngờ Phật cùng Pháp, cả hai đều là vô tướng. Nếu không có Phật, không có Pháp, thì như cùng pháp đều dứt, như thế là không có như quả, có tin được không? Thế nên Ngài Tu Bồ Đề sợ e chúng sinh trong đời mạt pháp, nghe nói đến giáo lý vô tướng chân không này, khó sanh lòng tín niệm, mà Ngài phải đương cơ, phát lên câu hỏi ấy. Tiếp theo đó Phật Như Lai bảo Ngài Tu Bồ Đề rằng, lý nhiệm mầu là như thế, những người sinh tín niệm, không phải là hạng tầm thường. Phải dứt trừ các điều ác (trì giới) vâng làm những việc lành, mới hay sinh tín niệm. Vì sao vậy? Vì tâm niệm của mỗi người, trong mỗi tích tắc có 4 tướng sanh, trụ, dị, và diệt. Mỗi niệm, mỗi niệm không dừng trụ. Trong một khảy móng tay có 90 sát na, trong mỗi sát na có 900 sinh diệt, rất tế nhị mới nhận ra điểm này.

Chúng sinh bỏ giác tánh chạy theo trần cảnh, hễ suy nghĩ là hiện ra tướng trần lao, đã bị mê căn, trần, thức 18 ranh giới, đắm trước vui theo ngũ dục (tài, sắc, danh, thực, thù); lại bị năm ấm (sắc, thọ, tưởng, hành, thức) ngăn chi, ai muốn một niệm được sinh lòng tịnh tín, thật là khó khăn! Nay nghe chương cú của Kinh này, người nào sanh được lòng tin thanh tịnh, người đó chính là hạng người lành có đại căn cơ, hay tín nhiệm đạo lý kia. Bởi vì hạt giống lành ấy đã gieo trồng trong 8 thức tâm điên từ lâu, không luận thời gian nào, hạt giống ấy dễ dàng phát hiện.

Trái lại, những ai tạo tội ác tày trời, không bao giờ nghĩ đến hai chữ sám hối, thì làm sao có được chữ Tín trong pháp môn vô lượng. Tín là bà mẹ sinh ra các công đức lành, các đức Phật Bồ Tát từ khi

mới phát tâm đến lục thành đạo đều nhờ chánh tín mà được kết quả. Chúng sinh đều có tín căn ấy, ai mà phát hiện được nó thì tương lai sẽ có kết quả lành. Thế nên một niệm tín tâm phát khởi, công đức kia không thể nghĩ lường. Do đó, Phật Như Lai chỉ thẳng chỗ thấy, biết của chúng sinh. Mặc dù nói chúng sinh có vô lượng, nhưng đều ở trong biển tánh Như Lai, chúng sanh nhứt cử, nhứt động, Như Lai đều thấy đều biết.

Lại nữa, bảo chúng sanh một niệm sanh tâm tịnh tịnh, thì bị chấp bốn tướng (ngã tướng, nhân tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng), pháp tướng (chấp nơi ngôn thuyết, chương cú Kinh này) và phi pháp tướng (bị sa vào trầm không vô kiến), tức là không thể trở về chơn tâm được. Như vì chấp tướng sở hữu, thì bị trống không

trong bản giác, chúng sanh nếu có tâm “chấp tướng” tức là bị vướng trong 4 tướng: nếu để tâm “chấp pháp tướng”, cũng là bị chìm trong 4 tướng. Nếu chấp “phi pháp tướng” cũng là bị chìm trong 4 tướng. Nếu chấp “Phi pháp tướng” lại bị thiên về ngoan không, sa vào đoạn kiến. Thế nên, đức Phật dạy: “Muốn ngộ đạo lý chơn không vô tướng thì không nên chấp pháp mà cũng không nên chấp phi pháp; cả hai đều không nên chấp trước, còn chấp là bị trệ ngại nơi pháp. Trong bản tánh vốn không có pháp, còn chấp phi pháp thì hoàn toàn trệ ngại nơi ngoan không. Trên thật tế, chúng ta không thể chẳng nhờ pháp mà ngộ được bản tánh diệu minh. Do đó mà dùng thuyền bè để thí dụ. Muốn qua khỏi không mê, phải bỏ thuyền bè mới lên được bờ giác. Ý chính nói đã chứng ngộ được bản tánh thì không

có chi gọi là pháp; nếu chưa ngộ bản tánh, trở lại chấp là phi pháp (chơn không vô tướng) thế là không thể qua được con đường sinh tử luân hồi. Trong Thiền Tôn thường ghi: “Ông chưa có thiền trượng, tôi sẽ cho ông thiền trượng; nếu ông đã được thiền trượng, thì tôi phải thu thiện trượng của ông”. Lời dạy người đời xả pháp mà cũng dẹp luôn pháp chấp vậy.

Ngài Phó Đại Sĩ đã nói:

*“Qua sông thì phải nhờ bè,
Đến bờ mà lại dùng ghe làm gì?”*

Đây, chính là ý muốn nói nương nhờ pháp bên ngoài để ngộ được chân tánh bên trong.

GIẢNG NGHĨA:

Ngài Tu Bồ Đề hướng đến Phật Như Lai: Bạch Thế Tôn! Từ Phụ của con đã nói không trụ tướng bồ thí: lại nói thêm rằng nếu thấy các tướng mà phi tướng tức là thấy được Như Lai. Ấy là diệu lý chơn không bồ tướng. Những người nào có căn cơ đại thừa, tự họ tin thọ phụng hành, nhưng đại đa số chúng sinh, nghe thấy lời pháp ấy, không họ có sinh lòng thật tin không?

Phật Như Lai bảo Ngài Tu Bồ Đề:

- Ông không nên nói như thế, pháp mà ta đã nói, tuy là thâm diệu thật, há không có người toan tin sao? Không những hiện tiền có người tin, cho đến tương lai vẫn có người tinh. Chính sau khi ta diệt độ 500 năm, có những người giữ gìn giới luật, rộng tu phúc điền, hay tin một chương, một câu trong Kinh này, tự họ tin cho là

sự thật. Như thế biết chắc rằng những vị ấy căn lành sâu dày, không những họ trồng căn lành trong 1, 2, 3, 4, 5, đức Phật, mà là họ đã gieo căn lành trong vô lượng đức Phật. Người mà có căn lành ấy, chỉ nghe một câu Kinh, một bài kệ trong Kinh này, cũng được tâm thần thanh tịnh không loạn động, lòng tin chắc chắn không nghi ngờ gì cả. Tu Bồ Đề! Như Lai dùng Phật tuệ cùng Phật nhãn thấu suốt các chúng sanh. Có lòng tịnh tín, khai thông Phật tánh, rõ biết phước đức của chúng sinh trong mười phương hư không. Làm sao mà biết được? Chính vì các chúng sanh ấy căn lành đã thuần thực, đã ngộ được đạo lý chơn không vô tướng, đã xa lìa được bốn tướng: ngã, nhơ, chúng sanh và thọ giả; cũng không chấp pháp tướng (chấp trước chương cú Kinh này, thật tin ngôn thuyết kia, rơi vào thấy có

thật pháp tướng); mà cũng chẳng chấp phi pháp tướng (chấp trước nơi trậm không trệ tịch, sa vào vô kiến, ấy là phi pháp tướng). Vì các duyên có ấy, nên chúng sanh, nếu tâm còn chấp trước, tức là còn 4 tướng ngã, nhơn, chúng sinh và thọ giả, nếu ai chấp trước chương cú Kinh này, cũng bị rơi vào 4 tướng.

- Nếu tâm chấp thiên-không, thì bị cố chấp người chết thân tâm đều đoạn diệt, về nơi đoạn kiến làm lẫn một cái không không, thì đâu có hơn gì kẻ chấp 4 tướng. Vì thế cho nên phải buông bỏ cả hai; Không nên chấp có mà cũng chẳng nên chấp không, mới có thể ngộ nhập tánh chơn không, tự nhiên xa lìa các pháp. Nhơn lý nhiệm mầu này, mà Phật Như Lai giảng nói Kinh Kim Cang cũng là việc “bất đắc dĩ”. Nhờ pháp yếu Kim

Cang này, nên các ông mới lìa tướng thấy tánh, vượt lên bờ giải thoát, đưa các ông qua khỏi biển khổ sanh tử. Giả như các ông thấy được bản tánh của chính mình, chúng biết thời gian an vui của Niết Bàn, pháp đó cũng nên xả bỏ, xem đó như là vô dụng. Cũng như thì dụ sau đây, kẻ bện trúc là bè để đưa người qua sông, khi đến bờ rồi, bè kia vô dụng. Giống như chánh pháp của Phật còn phải phóng hạ, huống chi là văn tự thế gian không phải là Phật pháp, sao lại cố chấp không xả ư?

Thơ 6:

Tu Bồ Đề! Hỏi đúng sai,

Câu văn, lời nói có ai tin thành?

Phật dạy chi tiết đành rành,

Năm trăm năm nữa, thật hành vẫn linh.

*Những ai trì giới tụng Kinh,
 Căn lành kiếp trước, hiện hình giúp
 cho,
 Trái bao đức Phật đã lo,
 Đời nay tinh tiến, nguyên do xả trừ.
 Nếu còn bốn tướng khu khu,
 Làm sao giải thoát chơn như xuất triền,
 Giống như qua biển dùng thuyền,
 Đến giờ cập bến, ta liền bước lên!*

PHẦN VÔ ĐẶC, VÔ THUYẾT THỨ 7

PHÂN GIẢI:

Phần trước đã nói Phật không thể thấy, Pháp không thể chứng, Phật đã không thể thấy, thì các Kinh điển do ai nói ra? Pháp đã không thể chứng, thì ai được đắc pháp ư? Các điểm trên chắc chắn kẻ phàm phu

sẽ nghi vấn, cho là vật có thể được thì gọi là đắc, pháp có thể chứng thì gọi là ngộ. Thù bất tri, pháp làm sao mà đối diện, làm sao mà có thể thấy được (pháp đây là chỉ cho chân lý), không thể nào so sánh với vật chất hữu tình được. Phật pháp đã không thể đối diện, không thể thấy thì làm sao mà có thể “được” ư? Lại có hạng người thông minh gọi đó phải dùng tâm mới nhận được. Nhưng tâm ấy cũng là một cái ngã chấp vô hình. Gọi đó là năng tri chướng, lại cũng gọi đó là lý chướng. Sự chướng thì chướng ngại cho phàm phu; lý chướng thì chướng ngại cho Bồ Tát. Nay nói “Vô đắc”, chính là sự lý hai chướng đều phá vậy. Khi chưa giác ngộ phải nhờ ngôn thuyết, khi đã giác ngộ thì ngôn thuyết đều “phi”. Những pháp Như Lai đã nói, có lúc nói có, có thời nói không đều là nhưn bịnh cho thuốc, đều

không có pháp nhất định. Nếu là tùy lời nói sanh kiến giải, chấp trước có không, đều là chứng bịnh pháp chấp, chỉ có ngôn thuyết, đều không thật nghĩa. Nay nói “vô thuyết”, chính là đê phá chướng ngôn ngữ văn tự. Thế nên trong Kinh có bài tụng:

*“Có tâm đều là vọng,
Không chấp mới là chân,
Nếu ngộ phi phi pháp,
Tiêu diêu ra sáu trần”.*

Tu BỒ ĐỀ! Ý ông nghĩ sao? Như Lai có chứng đặng bặt Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không? Như Lai đã chớ thuyết pháp không? – Tu BỒ ĐỀ thưa: “Như con hiểu nghĩa của Phật đã nói không có pháp nhất định, gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; cũng không có pháp quyết định mà

Như Lai đã nói, vì sao? Pháp Như Lai đã nói đều không thể chấp, không thể nói, phi pháp và không phi pháp. Lý do vì sao? Tất cả hiền thánh, hiền thánh. Hiền là ai? Như các vị chứng Tu Đà Hoàn cho đến A La Hớn. Còn Thánh tức là Phật. Tất cả Hiền Thánh là nói đến Hiền Thánh trong tam thừa”

1) **Thịnh Văn Thừa:** Y theo pháp môn tứ đế: Khổ, tập, diệt, đạo; quán sát nghe tiếng của Phật nói pháp, tu hành được giải thoát.

2) **Duyên Giác Thừa:** Nương theo pháp môn 12 nhân duyên, không thầy chỉ dạy, tự ngộ đạo lý nhiệm mầu.

3) **Bồ Tát Thừa:** Y theo pháp môn lục độ mà được giải thoát yên vui, **đều dùng pháp vô vi**, pháp vô vi là giác tính tự nhiên, không thể nương nhờ mà được.

Thế nên, pháp vô vi chính là đạo Vô Thượng Bồ Đề, là Niết Bàn, là Như Lai, là Vô Tướng, là Vô Trụ cho đến Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật v.v...mặc dù có các danh xưng, đều là ý tứ của pháp vô vi. Trái lại là pháp hữu vi, tức pháp thế gian, còn pháp vô vi là pháp xuất thế gian. Xưa nay có một ít người tu hành, chấp lách hai chữ vô vi, nhận làm không tịch, rồi mới huyền nói diệu, tự cho là học Phật. Sự thật đó chỉ là những hạng người bắt gió theo bóng, hoang mê không thể nào luận nói hết được **mà có sai khác**. Sai khác, là nói ý tứ cao thấp không đồng, cũng như voi, ngựa, thỏ lội qua sông. Voi thì ung dung tự tại lội qua, ngựa thì lội qua bị nước ngập ngang đầu; thỏ thì phải bơi trên mặt nước là lội qua. Lại cũng như ba loại chim bay lượn trên không, có con bay trước, có loài bay sau. Nói đến nước sông thì không

có cạn, sâu; luận đến không gian đều không có trước, sau, nhưng vì chân của loài thú thì có ngắn có dài, cánh của các loài chim có mạnh có yếu. Thí dụ trên để cho chúng ta biết pháp vô vi cũng như hư không, cũng như nước dưới dòng sông. Chỉ vì người tu hành, căn tánh lợi, độn khác nhau, thế nên có ra sự phân biệt của tam thừa hiền thánh.

KHÁI LUẬN:

Phần căn bản chính để nói phần trước, nói lên vấn đề ly tướng, muốn cho hàng đệ tử lãnh ngộ Kinh văn, đối với các pháp không nên trụ trước để thực hành đạo lý bồ thí. Xưa nay trong giác tánh, vốn không có bốn tướng, không pháp tướng và phi pháp tướng, do đó Phật Như Lai trong phần thứ 6 đem chiếc bè ra để làm thí dụ, thuyết minh pháp cùng phi pháp đều

không nên chấp. Nhưng Đức Phật Như Lai lại lo sợ hành đệ tử nghi ngờ, cho rằng pháp cùng phi pháp đã không thể chấp thủ, tại sao Đức Như Lai tự Ngài phải dày công tu tập mới chứng được quả Chánh Giác Bồ Đề? Hiện tại trong nhân gian cùng trên trời đã có 16 pháp hội, giảng rộng nghĩa lý Bát Nhã. Theo đây mà nhận xét thì Phật Pháp có thủ có thuyết, vì sao mà dạy chúng sanh không chấp thủ, không có nói pháp, do đó nên dễ sinh nghi lầm. Vì vậy Đức Phật Như Lai dùng câu hỏi Như Lai có chứng đặng bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hay không? (Như Lai đã có thuyết pháp không? . Hai câu trên để thí nghiệm Ngài Tu Bồ Đề thật đã có lãnh hội được ý của Như Lai chưa? Vì đã lãnh hội, nên Ngài bạch rằng, đức Từ Phụ nói thí dụ chiếc bè, con đã hiểu rõ, chưa qua sông thì chấp có

bè, nhưng khi đã qua rồi thì xả tất cả. Do đây mà suy luận, thủ cùng xả đâu có pháp nhứt định, vì biết không có pháp nhứt định, nên gọi là Bồ Đề. Cũng không có pháp gì nhứt định đáng nói; pháp vô thượng bồ đề đều do giác tánh tự nhiên của ta, không thể do ai khác làm ra. Chẳng những Đức Như Lai như thế, mà cả tam thừa Thánh Hiền cũng do có sự sai khác về căn tánh lợi hay độn, ngộ có cạn và sâu, thành công từ ấy mà chia ra có chậm và mau. Vì thế nên Ngài Văn Thù khen ngợi cư sĩ Duy Ma Cật: “Cho đến không có ngôn ngữ văn tự. ấy mới thật là pháp môn bất nhị”. Nên biết rằng Như lai không trụ pháp mầu, vốn ly khai ngôn ngữ văn tự, dù là một cũng không sở đắc. Chỉ vì lợi ích chúng sinh, nên không ngại hiện khởi các thứ hình tướng ngôn ngữ, khiến mọi người quán sát hình tướng,

khởi tâm cung kính, nghe pháp liễu ngộ lý màu. Nếu người có trí tuệ, tức ngôn ngữ, tức danh tướng, ly danh tướng, biết đặng tức không đặng, biết nói tức không nói, như vậy mới ngộ được “Trung đạo đệ nhất nghĩa đế”.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật gọi Ngài Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ thế nào? Như Lai thiết có được Bồ Đề (chánh giác) không? Như Lai quả thật có nói pháp gì nhất định không? Tu Bồ Đề bạch rằng: Như con hiểu ý Phật đã nói, không có pháp nhất định gọi là Bồ Đề; cũng không có pháp nhất định để nói. Như vậy là thế nào? Chính vì Từ Phụ Như Lai, những pháp Ngài đã nói là pháp Vô Thượng Bồ Đề, phải dùng tâm mà liễu ngộ, không thể dùng sắc tướng mà thủ chứng, để chớ thể hội ý, cũng không thể

dùng lời mà nói được. Những lời phi pháp mà đức Từ Phụ ta nói (tuy có mà không), hay là phi phi pháp (tuy không mà có). Các duyên có ấy, chẳng những Từ Phụ Như Lai ta, mà tất cả các bậc Hiền Thánh đều dùng pháp vô vi ấy tự tu, chẳng qua đắc đạo cạn thì gọi là Hiền, hoặc nhờ ngôn thuyết chương cú, rồi sau đó tự ngộ. Những bậc đắc đạo sâu gọi là Thánh, đốn tu đốn ngộ. Thực tế, sự thành công tuy một, nhưng vì căn tánh có lợi và độn, chỗ ngộ phải có cạn, có sâu sai khác; thế nên sự thành công có chậm và mau không đồng vậy.

Thơ 7

Tu Bồ Đề! Ông chớ quên,

*Như Lai có chứng bậc trên thượng
thừa?*

Như Lai đã nói pháp chưa?

Chân thật hỏi đáp cho vừa đại căn!

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng:

Quả không có chứng, có năng bao giờ?

Như Lai thuyết pháp tùy cơ,

*Không vương, không bận, thân sơ giải
trừ!*

Vì sao ta phải suy tư,

Từ Hiền đến Thánh vô sư đều dùng,

Con đường giải thoát vô cùng,

Sai khác là tại đóng khung mỗi loài.

PHẦN Y PHÁP XUẤT SANH, THỨ 8

PHÂN GIẢI:

Tất cả pháp hữu vi trong thế gian, đều từ vọng tâm sinh khởi, nên nói tâm sanh

thì pháp sanh, tâm diệt thì pháp diệt. Tâm là tâm thể, pháp là tâm tướng, tâm tướng có sinh diệt, nhưng bản thể của tâm thì không sinh diệt. Bản thể của tâm nó trạm nhiên thường trú không dời đổi. Nếu dùng chân tâm thường trú, bỗng có vọng kiến thì trái mất bản thể, rồi chuyển thành nghiệp thức. Từ vọng khởi vọng, tinh minh ngoại cảnh, chạy theo sắc theo tiếng, tạo nghiệp chịu các điều khổ lụy. Mê lầm của chúng sanh, trước chấp pháp ngã, sau chấp như ngã, bị hai chấp này, bỗng nhiên cáo tri dùng như vô tướng, để mà hợp với quả vô tướng. Lý Bát Nhã thậm thâm này. Bồ Tát chưa phá pháp “ngã chấp” khó mà rõ được lý này, huống chi là phàm phu chưa phá “như ngã chấp ư?” Chúng sinh từ vô thủy kiếp trở lại, tập khí quá sâu dày, mỗi chỗ mỗi nơi đều bị nghiệp lực làm chủ. Nghiệp trước chưa

trừ, lại tạo nghiệp sau, càng tạo càng sâu, dù có căn bản trí, nếu không nhờ sức Bát Nhã, không thể nào ra khỏi chướng tế phiền não ấy? Phật Như Lai khổ khẩu bà tâm, thuyết một bộ Kim Cương Bát Nhã này, thật có diệu dụng không thể nghĩ bàn. Các thứ phá chướng, nếu nói cạn thì để giáo hóa chúng sinh, còn nói sâu là để khai ngộ cho hàng Bồ Tát. Chúng Sinh ở đời vị lai, như ai hay y theo lời dạy tu hành, thọ trì Kinh này, liền hay vượt ra con đường sinh tử luân hồi. Vì Bát Nhã là pháp môn vô thượng, nên các đức Phật thành bực Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều nhờ sức Bát Nhã, cho nên nói rằng “y pháp xuất sanh”.

- Tu Bồ Đề! Ý Ông nghĩ như thế nào? Nếu có người đem bảy thứ quý báu, đầy cả ba ngàn đại thiên thế giới. Đại thiên

là thế nào? Dưới khắp cả bầu trời, gọi là tiểu thế giới. Một ngàn tiểu thế giới, gọi đó là tiểu thiên. Một ngàn trung thiên thế giới, gọi đó là đại thiên. Thế giới là phương vị giới hạn của thế gian. Bảy món báu là vàng, bạc, ngọc lưu ly, ngọc pha lê, ngọc mã não, ngọc sanh hô, ngọc chân châu vậy, đem ra bố thí, người ấy có đặng nhiều phước đức không? Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng”

- Bạch Đức Thế Tôn! Rất nhiều. Vì sao? Vì phước đức ấy, tức không phải là tánh phước đức. Thế nên Như Lai nói nhiều phước đức.

Đức Phật nói:

- Tu Bồ Đề! nếu lại có người ở trong Kinh này thọ trì sức chánh tín gọi là thọ, thọ rồi không bao giờ quên. Sức chánh niệm gọi là trì, trì lâu mà không nhàm

chán. Thọ trì là vâng giữ giáo pháp không bao giờ trái, ý tứ kết niệm không biếng nhác. **Cho đến một bài kệ bốn câu v.v...bài kệ bốn câu trong phần thứ 26: “Nếu dùng sắc thấy ta, đem tiếng giọng cầu ta, người ấy hành tà đạo, không thể thấy Như Lai”. Và 4 câu nữa ở trong phần thứ 32; “Tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn, bào, ảnh, như sương cũng như chớp, nên quán như thế đó”. Vì người khác giảng nói, phước đức này hơn phước đức bố thí trước, vì sao? Tu Bồ Đề! Bởi vì tất cả chư Phật và các Ngài chúng được bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều nhờ Kinh này mà được. Tu Bồ Đề! Nếu nói là Phật Pháp, tức chưa phải là Phật pháp. Trước đã nói pháp vô vi, sau dùng ý nói không có pháp gì có thể thuyết, ấy là một**

mỗi phù hợp, chẳng phải Phật, chẳng phải pháp, ấy là bố thí không trụ tướng vậy.

KHÁI LUẬN:

Phần căn bản, chỉ rõ chánh tôn trong Kinh Văn, đó là pháp Bồ Đề của chư Phật, đều từ trong ấy mà lưu xuất. Lại nữa, pháp chấp Phật pháp, không phải Phật pháp, ấy mới gọi là Phật pháp, để chỉ rõ tâm người, tự có chơn Phật. Nhưng phương pháp chỉ ra, lại từ trong sự so lường hình tướng về phước đức hữu vi, nói ra một cách cẩn thận. Vì sợ người đời nghi trước nói pháp vô thượng bồ đề (pháp vô vi) đã không thể dùng sắc tướng để mà chứng, lại không thể đem khẩu thiệt mà nói, giống như pháp ấy không thể nói. Phật không thể thành, chúng ta, người tu hành, bó tay đành ngồi trong hầm vô vi, thế có gì đem lợi lạc không?

Do đó, nên đức Như Lai từ trong tình người, nói ra tiêu quả, trước đem bổ thí hữu tướng (nếu ai dùng 7 thứ ngọc báu, bổ thí khắp cả ba nghìn đại thiên thế giới), để so sánh phước đức. Sau Như Lai lại nói phước đức hữu tướng kia, không bằng người dùng phước đức vô tướng, bằng cách thọ trì một bài kệ bốn câu; bởi vì bổ thí hữu tướng, đều là việc thiện hữu vi, tức là hưởng hết phước báo, phải bị đọa lạc trong biển trầm luân. Nếu ai thật hành pháp Bát Nhã, hoặc hiểu rõ bài kệ bốn câu nói ra, hoặc vì người khác giải nói nghĩa sâu Bát Nhã, phước báu ấy, không có khi nào cùng tận. Thế nên, chư Tổ thường dạy dùng của bổ thí, không bằng đem pháp bổ thí. Tài thí có hết, pháp thí không cùng tận. Vì có ấy, nên tất cả chư Phật đều từ trong Bát Nhã (Diệu Trí Tuệ) sanh ra. Cũng do lý ấy mà có một câu “Phật pháp

tức không phải Phật pháp”. đề đã phá “Bát Nhã là mẹ sinh ra chư Phật, Cổ Đức thường nói: “Mẫu như tử quý”, là ý này vậy. Bát Nhã hay sinh ra Phật pháp, nhưng Bát Nhã không phải là Phật Pháp. Vì vậy nói Phật pháp tức không phải là Phật pháp. Đức Lão Tử nói: “Đại đạo không tên, gắng gượng gọi là dào”. Chúng ta nên hiểu rằng, vốn không có Phật pháp, chẳng qua gắng gượng, tạm gọi đó là Phật pháp mà thôi! Lại đem so sánh phước đức hữu tướng cùng phước đức vô tướng, trước sau có 9 lần vấn đáp. Trong phần này, mới là vấn đáp lần thứ nhất.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật nói: “Tu Bồ Đề ý ông thế nào? Nếu có ai dùng vàng bạc v.v...bảy thứ quý báu, đầy cả đại thiên thế giới đem

ra bồ thí, những người ấy có đặng nhiều phước đức không?

Tu Bồ Đề đáp: “Bạch Thế Tôn! Tự nhiên có rất nhiều, Vì duyên có gì? Chính vì phước đức ấy, nhờ bồ thí hữu tướng, ở trong bản tánh chúng ta phước đức cùng trí tuệ, hoàn toàn không quan hệ, rốt ráo là không có tánh phước đức. Từ phụ ta thường nói kết quả của sự bồ thí hữu tướng cùng vô tướng. Phật Như Lai còn nói: “Nếu có người nào, đối với Kinh Kim Cang Bát Nhã này, tùy tiện thọ trì, hoặc một quyển hay nửa quyển, hoặc một chương hay nửa chương, cho đến tối thiểu dùng bài kệ bốn câu (trong phần thứ 26 và 32 đều có kệ mỗi kệ 4 câu); hoặc vì người diễn nói ý tứ của Kinh, thì được phước đức nhiều vô lượng; so sánh với sự bồ thí của báu đầy cả đại thiên thế giới, bồ thí

của báu phước đức ít hơn! Đức Phật lại dạy”

- Tu Bồ Đề! Vì duyên có ấy, nên tất cả chư Phật và pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác của Phật đã thành tựu, đều từ Kinh này lưu xuất. Nên nói Bát Nhã là mẹ của chư Phật.

Đức Như Lai còn dạy:

- Tu Bồ Đề! thế nhưng Bát Nhã ấy đều không phải là Phật pháp.

Ý nói xưa nay không có danh tự Phật pháp, chẳng qua là tạm mượn danh tự Phật pháp để khai ngộ cho chúng sinh, dùng một danh tự để kêu gọi mà thôi! Cho nên nói rằng ai nói có Phật Pháp tức không phải Phật pháp.

Thơ 8

Ý ông đã có đoái hoài?

*Người cho của báu trong ngoài đại
thiên,*

Bồ thí giáp khắp gieo duyên,

Phước đức nhiều ít, xin khuyên trả lời,

Bạch Thế Tôn! Chắc nhiều rồi,

Bởi vì phước đức, không thời gian đâu,

Những ai trì tụng bóng câu,

Vì người giảng nói, trước sau thế nào?

Thí Pháp mới thật là cao

*Chư Phật chứng đắc, nhờ vào Kinh
Văn,*

Chỉ cần dứt bỏ tính “năng” (đối với sở”

*Pháp Phật còn xả, hướng rằng pháp
ma.*

PHẦN NHỨT TƯỚNG VÔ TƯỚNG THỨ 9

PHÂN GIẢI:

Trước nói không nên chấp trước Phật pháp: Đây nói cũng không nên trước tướng về quả Phật. Tu Bồ Đề, nhân ngày xưa Phật vì hàng Thinh Văn nói pháp Tứ Đế, vì Đức Phật đã nói pháp, nên người ta nghĩ quyết có pháp để được, y theo pháp mà tu, chắc chắn được chứng quả. Đây đều là ý nói phân biệt, theo lời nói sanh kiến giải, đều bị rơi vào “năng tri” và “sở tri”. Thù bất tri thật tướng bất nhã, chẳng phải tướng “một”, chẳng phải tướng “khác”, chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng, không phải phi vô tướng, không phải phi hữu tướng, chẳng phải không tướng “một”, chẳng phải không tướng “khác”; chẳng phải “có không” đều là

tướng, cũng chẳng phải “một khác” đều là tướng, lìa tất cả tướng, cũng chẳng phải “một khác” đều là tướng, lìa tất cả tướng, tức tất cả pháp, phạm vật gì đã có hình tướng đều là hư vọng. Phá tướng phải phá tận cùng, tức là diệt trừ hết các vọng. Khi các vọng dứt trừ, thì phần chơn chắc chắn tự hiện.

-Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ thế nào, vị Tu Đà Hoàn, có nghĩ như thế này; Tu Đà Hoàn là dịch âm tiếng Phạn (Srotaapanna). Trung Hoa dịch là Nhập Lưu, vì căn của họ không vào trần cảnh, mà đã vào giòng Thánh. Lại nữa, vì mới dự vào giòng Thánh nhân, nên cũng được dịch là Dự Lưu; mặc dù thân còn đang ở cõi trần, nhưng tâm đã vào giòng Thánh. Sỡ dĩ không nhiếp tướng trạng là vì họ đã đẩy lùi sáu trần xong. Ấy là thể tánh của

sơ quả. Ta đã đặng quả Tu Đà Hoàn không?

Tu Bồ Đề thưa:

- Không phải vậy, bạch Thế Tôn! Vì có sao? Bởi vì Tu Đà Hoàn gọi là Nhập Lưu, nhưng không có chỗ nhập, không nhập sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Ấy gọi là Tu Đà Hoàn.

- Tu Bồ Đề! Ý Ông nghĩ sao? Vị Tư Đà Hàm có nghĩ như thế này. Tư Đà Hàm là dịch âm tiếng Phạn (Sakradagami). Trung Hoa dịch là Nhất Vãng Lai. Xét trong giáo pháp Nguyên Thi, nói tư hoặc ở dục giới có chia ra 9 phẩm, phải chia ra 7 lần mới phá hết, đó là 7 lần sinh tử mới có thể giải thoát.

Mỗi lần sinh tử, sanh lên cõi Trời, khi hưởng hết phước báo, liền chuyển sinh

trong nhân gian, thọ xong phước báo nhân gian, lại sanh lên cõi Trời. Như thế đó 6 lần sinh tử, toan tính phá trừ 6 phẩm tư hoặc. Còn lại 3 phẩm tàn-hoặc chưa hết, phải 1 lần sinh tử để phá trừ cho sạch hoặc nghiệp, rồi lại sinh lên cõi Trời, lần chót thọ sinh nhân gian, đoạn sạch vi tế hoặc. Đây là thể tánh quả thứ hai. **Ta đặng quả Tu Đà Hàm chăng?**

Tu Bồ Đề thưa rằng:

- Chẳng như vậy, bạch Thế Tôn! Vì cớ sao? Vì Tư Đà Hàm, gọi là Nhứt Vãng Lai, nhưng thật không vãng lai. Ấy gọi là Tư Đà Hàm.

- Tu Bồ Đề! Ý Ông nghĩ sao? A Na Hàm có thường nghĩ như vậy, A Na Hàm là tiếng Phạn (Anagami). Trung Hoa dịch là Bất Lai. Quả vị này đã đoạn 9 phẩm tư hoặc, tâm thường an trụ trong tứ

thiền, sanh lên cõi Trời Tịnh Cư, không bao giờ trở lại cõi dục thọ sanh. Ấy là thể tánh của quả thứ ba. **Ta đặng quả A Na Hàm chẳng?**

Tu Bồ Đề thưa:

- Chẳng như vậy, bạch Thế Tôn! Vì có sao? A Na Hàm gọi là Bất Lai, nhưng kỳ thật đều đến, nên gọi là A Na Hàm.

- Tu Bồ Đề, Ý Ông nghĩ như thế nào? A La Hón, hay nghĩ như thế này, A La Hón là tiếng Phạn (Araham). Trung Hoa dịch là Vô Sanh; chính là không sanh không diệt, đã vượt ra 6 nẻo luân hồi, không còn thọ sanh, được nhân thân cúng dường. Đây là thể tánh của quả thứ tư. Địa vị này không nói là quả, mà nói là đạo, bởi vì đã gần với con đường giác ngộ vậy. **Ta có đặng đạo A La Hón không?**

Tu Bồ Đề thừa:

- Chẳng như vậy, bạch Thế Tôn! Vì có sao? Vì không có pháp nào gọi là A La Hớn. Bạch Thế Tôn! Nếu A La Hớn có nghĩ, ta được đạo A La Hớn, tức là còn chấp ngã, nhưn, chúng sinh, thọ giả. Bạch Thế Tôn! Phật nói: Ta đặng vô tránh tam muội, vô tránh tức là không có tâm cạnh tranh. Tam muội là ý nói đã đến chỗ tinh diệu, trong loài người thật là số một. Ấy là bậc A La Hớn ly dục thứ nhất. Ly dục là lìa ái dục ở cõi dục. Bạch Thế Tôn! Con không suy nghĩ, con đã là A La Hớn ly dục. Bạch Thế Tôn! Nếu có nghĩ con đã được đạo A La Hớn, thì Thế Tôn không nói Tu Bồ Đề là người ưa hạnh A Lan Nhã, ưa là ái, là ý tứ ưa muốn. A Lan Nhã là dịch âm tiếng Phạn Aranya, Trung Hoa dịch là vô tịnh,

cũng dịch là tịch tĩnh, là không cố chấp
 nhọn và ngã. Như Bách Nạp thiền sư đã
 nói: “Vô Tịnh là sao? Kinh Niết Bàn nói:
 Tu Bồ Đề trụ nơi hư không, nếu có chúng
 sinh chê tôi đứng yên, thì tôi sẽ suốt ngày
 ngồi đơan trang không đứng; nếu có ai
 chê tôi ngồi, thì tôi sẽ suốt ngày đứng yên
 không dời chỗ, tức là nghĩa này. Hạnh là
 sao? Suy nghĩ trong tâm gọi là niệm, thấy
 nơi hành động gọi là hạnh. **Vì Tu Bồ Đề
 thật không sở hành, nên gọi là Tu Bồ
 Đề, ấy là ưa hạnh A Lan Nhã.**

KHÁI LUẬN:

Phần căn bản, nhân vì phần trước nói ra
 Phật pháp tức không phải là Phật Pháp.
 Đức Phật còn sợ chúng đệ tử chưa thấu rõ
 đạo lý ấy. Ngài muốn chúng đệ tử, xứng
 cơ ngộ lý “trụ tâm vô trụ”. Điều nhọn pháp
 nguyên thủy, cậu nệ nơi danh ngôn, tập khí,

chấp có thật pháp. Do đó, một mặt Ngài muốn từ pháp thấp, hướng dẫn chúng đệ tử lãnh ngộ; mặt khác, Phật biết Tu Bồ Đề đã hoàn thành tỳ đạo của Nguyên Thi, Ngài muốn chính từ lời nói của Tu Bồ Đề nói ra kết quả của mình đã chứng ngộ. Nguyên lai pháp Đại Thừa, là phương pháp tu hành tích cực, tự lợi, lợi tha, thật hành đạo Bồ Tát, đầy đủ “đồng thể đại bi”, đem tâm “vô duyên đại từ”. Pháp tiêu quả là pháp tu hành tiêu cực, ở nơi phân tự liễu sanh tử. Thời cổ Ấn Độ, nước giàu dân yên, trăm họ hưởng cảnh an nhàn. Đức Phật ra đời nhằm quốc độ ấy, không thể không thuận lòng người, nên phải ứng dụng pháp tiêu quả. Vì thế phần căn bản phải nói, nhân vì phần trước đã nói đến Phật cùng pháp đều phi, sợ chúng đệ tử nghi ngờ cho rằng Phật không thể cầu, pháp không thể chứng. Vậy thì tiến thủ

cũng là vô ích. Do đó, mới nhờ chỗ liễu ngộ tiêu quả của Tu Bồ Đề, vì đại chúng khai thông, khiến cho toàn chúng đệ tử lãnh ngộ. Lại nữa trong 4 quả đều có chữ ‘KHÔNG’ (Không chỗ vào, Không qua lại, Không chẳng đến và không có pháp), chính là Pháp vô vi. Chỗ khác nói tất cả hiện thánh, đều nhờ pháp vô vi mà có sai khác, ở đây có thể chứng 4 quả Phật; cũng như đức Không Tử thì có bốn giáo. Nhưng bốn quả Phật đã nói tự có thứ tự:

Thứ nhất, không vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp là biết dục phải tránh. Đây là quả đầu tiên.

Thứ hai, còn một lần qua lại, là không trở lại cảnh dục, tức là quả đã thu.

Thứ ba, là bất lai, đã lìa bỏ cảnh dục, tức là quả đã thành thực.

Thứ tư, là ly dục, anh nhiên diệt trừ tính dục, tức là đã thu thập được.

LỜI PHỤ THUỘC:

Phật Pháp từ ngàn xưa đã chia ra hai, ấy là hiển giáo và mật giáo. Hiển giáo lại chia ra tiểu thặng và đại thặng. Tiểu thặng lại chia ra hai tôn là Câu Xá và Thành Phật. Đại Thặng cũng chia ra: Tam Luận Tôn, Pháp Tướng Tôn, Thiên Thai Tôn, Hoa Nghiêm Tôn, Luật Tôn, Thiền Tôn, Tịnh Độ Tôn có cả thảy 7 thứ. Mật Giáo lại chia ra 2 thứ là Kim Cang Bộ cùng Thai Tạng Bộ.

Câu Xá Tôn của Tiểu Thặng, lập nhân vị, quả vị ba thừa: Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát. Về Thanh Văn thừa, cần phải học và thật hành pháp Tứ Đế. Ai đi nhanh thì được kết quả trong vòng ba đời, vị nào đi chậm thì đến 60 kiếp mới được

đắc quả. Phương tiện tu hành kia lại có 7, đắc quả có 4, xin nêu rõ trong bản đồ như sau:

Thịnh Văn Thừa: Có 7 phương tiện tu hành

1) Ngũ đình tâm quán: Dùng 5 phép quán để đình chỉ 5 vọng tâm:

a. Quán bất tịnh để đối trị vọng tâm tham dục.

b. Quán từ bi để đối trị vọng tâm giận tức

c. Quán nhân duyên để đối trị vọng tâm ngu si.

d. Quán giới phân biệt để đối trị ngã kiến và

e. Quán sở tức để đối trị vọng tâm tán loạn.

2) Biết tướng niệm xứ: Phân biệt thật hành tứ niệm xứ:

- a. Quán thân bất tịnh,
- b. Quán thọ là khổ,
- c. Quán tâm vô thường,
- d. Quán pháp vô ngã.

3) Tổng tướng niệm xứ: Thật hành 4 niệm xứ chung hằng nghĩ thân này bất tịnh, là khổ, vô thường và vô ngã.

4) Noãn: Đối với chân không, phải liễu ngộ tương tợ, chuyển mê làm phiền não đặng phần vị trong Phật pháp. Cũng như vò cây lấy lửa, trước phải được sức nóng. Nên gọi là noãn vị.

5) Đánh: Lúc nào cũng hiểu biết tăng tiến tương tợ, định quán phân minh, ở trên noãn vị, như lên trên đỉnh núi, nhìn thấy 4

phương, một cánh rõ ràng. Nên gọi là đánh vị.

6) Nhân: Lại tăng tiến rõ ràng pháp Tứ Đế, liền được quyết định, kham nhẫn các dục lạc, nên gọi là nhân vị.

7) Thế Đệ Nhất: Tăng tiến thật hành pháp Tứ Đế, dần dần thấy pháp tánh, mặc dù chưa đắc thánh đạo, nhưng ở thế gian xưng là đệ nhất. Nên gọi là Thế Đệ Nhất.

Đặc quả có 4:

1) Quả Tu Đà Hoàn; Sau khi được Thế Đệ Nhất, trí vô lậu pháp sinh, đoạn hết kiến hoặc 3 cõi, gọi là quả Tu Đà Hoàn; lại cũng gọi là Dự Lưu, tức là Sơ Quả.

2) Quả Tư Đà Hàm: Từ đây đoạn ít phần tư hoặc, còn qua lại nơi cõi dục. Nên gọi là quả Tư Đà Hàm. Lại cũng gọi là quả Nhứt Lai. Đây cũng là Nhị Quả.

3) Quả A Na Hàm: Đoạn hết tư hoặc ở dục giới, nên không tái sinh ở cõi Dục. Gọi là quả A Na Hàm. Cũng gọi là quả Bất Lai, là Tam Quả.

4) Quả A La Hớn: Nếu toàn đoạn tư hoặc trong 3 cõi, vượt ra tam giới. Gọi là quả A La Hớn.

Ấy là tứ quả.

Ba cõi: Cõi Dục, cõi Sắc, và cõi Vô Sắc.

Năm cách quán định chỉ vọng tâm: biết tướng niệm xứ, tổng tướng niệm xứ, gọi là Tam Hiền. Noãn vị, Đánh vị, Nhẫn vị và Thế Đệ Nhất Pháp, gọi là Tứ Thiệu Căn. Công Tam Hiền cùng Tứ Thiệu Căn, gọi là 7 phương tiện. Chính là nhơn vị Thịnh Văn Thừa, Tu Đà Hoàn, Tu Đà Hàm, A Na Hàm và A La Hớn là quả vị

Thịnh Văn Thừa. Kiến hoặc, tư hoặc, đồng thuộc phiền não. Nếu phân biệt, phân ở ý thức, khởi các phân biệt, mê nơi chân lý, rồi khởi ra ngã kiến, tà kiến v.v...Gọi là kiến hoặc. Năm thức đối với năm trần cảnh (Nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức, đối với 5 cảnh có tác dụng thấy, nghe, ngửi, nếm, xúc), mê nơi sự tướng, mà khởi ra tham ái v.v...Gọi là Tư Hoặc. Kiến Hoặc làm chướng ngại sự giác ngộ, tư hoặc làm chướng ngại sự giải thoát. Thế nên ai muốn ngộ chơn lý Tứ Đế, cần phải đoạn Kiến Hoặc; ai muốn ra khỏi 3 cõi đê vào Niết Bàn phải đoạn Tư Hoặc, không thể không rõ biết việc ấy. Bậc vô lậu trí phải ngộ chân lý (Hữu lậu, vô lậu) một trong hai trí, lìa tất cả phiền não lỗi lầm, trí tuệ thanh tịnh không cấu nhiễm.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật bảo” Tu Bồ Đề! Ý tứ ông nghĩ như thế nào? Tu Đà Hoàn khi tu hành, trước có tự nghĩ mình sẽ đặng sở quả Thinh Văn không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không thể nào có được niệ̣m sở quả; vì sao? Vì Tu Đà Hoàn tuy không thể đốn ngộ chơn không, hãy còn chế ngự dục vọng. Đầy lùi cảnh giới sáu trần, đi vào cửa vô tướng, được vào dòng thánh nhơn, nên gọi là Nhập Lưu.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ thế nào? Tu Đà Hàm, đương khi tu hành, trước có tự nghĩ mình sẽ đặng quả thứ 2 của Thinh Văn không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không thể nào có ý nghĩ đặng quả thứ 2. Vì sao? Bởi vì tâm cảnh của Tư Đà Hàm, đã di đến chỗ tịch tĩnh, nhưng mắt còn thấy cảnh. Tâm còn một sanh một diệt. Nên gọi là Nhất Vãng Lai. Thật thì không có sinh diệt thứ hai, niệm trước vừa khởi, niệm sau tức lìa, tâm không trước tướng sinh diệt. Do đó nên không có thật vãng lai.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? A Na Hàm đương khi tu hành, trước tự nghĩ mình sẽ đặng quả thứ 3 của Thinh Văn không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không thể nào có ý nghĩ đặng quả thứ 3. Vì sao? Vì A Na Hàm tâm không vô ngã, đã đoạn tư hoặc

của trần thức, trong không có dục tâm, ngoài không dục cảnh, tập định đã sâu, sáu trần và bốn tướng mỗi mỗi đều ngộ lý không, nên chơn tướng được thể hiện. Do đó, nên gọi là Bất Lai, thật lại hằng không đến cõi Dục thọ sanh nữa.

Đức Phật lại hỏi:

- Tu Bồ Đề! A La Hớn đang khi tu hành, có nghĩ mình sẽ đặng quả thứ 4 của Thinh Văn không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Bạch Thế Tôn! Không thể nào có được niệm về quả thứ tư. Vì sao? Vì thật sự A La Hớn, tâm đã không, tướng diệt, không có niệm đặc đạo thì làm gì có nghĩ đặc quả. Thật không có pháp gì mà gọi là A La Hớn cả. Nếu A La Hớn mà còn nghĩ đặc đạo, tức là còn trước 4 tướng, thì

không thể nào gọi là chánh hiệu A La Hớn.

Tu Bồ Đề bách đức Thế Tôn! Từ Phụ đã từng nói qua cho con rõ, nên riêng con suốt ngày ở trong tất cả pháp, không khởi một tí gì phiền não, cũng không nào hại một chúng sinh, không có tâm cạnh tranh (vô tánh), đã đến chỗ tinh diệu (tam muội). Trong hành thượng túc đệ tử Phật, Tu Bồ Đề giải không đệ nhứt, là một vị đã dứt nhân ngã, đoạn tuyệt niệm này. Bật A La Hớn ly dục số một.

Tu Bồ Đề lại bạch rằng:

- Thưa Thế Tôn! Con tuy được Từ Phụ xưng khen như thế, con không bao giờ nghĩ đến danh từ A La Hớn.

Tu Bồ Đề lại thưa tiếp:

- Nếu con có nghĩ chúng đặng A La Hón, tức là còn bị sanh 1 vọng niệm, thì làm gì con được lục dục đốn không. Từ Phụ Thế Tôn thường nói Tu Bồ Đề là vị ưa thật hành hạnh tịch tĩnh (A Lan Nhã). Là vì Tu Bồ Đề con, nguồn tâm “vô sở đắc”, cũng “Vô sở hành”, một mảy trần cũng không chấp trước. Do đó mà được gọi là Tu Bồ Đề. Vì thế cho nên Từ Phụ Thế Tôn của con, cho chọn là người ưa hạnh tịch tĩnh.

Thơ 9:

Tu Bồ Đề có nghĩ ra?

Bốn quả cao thấp, thật là có không?

Trả lời phủ nhận ngoài trong,

Nếu chấp, đâu phải thông dong xuất trần.

*Sơ quả, nhị quả có phần,
 Tam quả, tứ quả ân cần đi lên,
 Đi lên, chức tước phải quên,
 Còn biết chúng quả, bấp bênh siêu
 huyền!*

*Thế nên Thiện Hiện tâm thiên,
 Ở nơi tịch tĩnh cần chuyên từ hòa,
 Sở hành, sở chứng đều xa,
 Một màu xanh đậm, Ta Bà chứa chan!*

PHẦN TRANG NGHIÊM TỊNH ĐỘ THỨ 10

PHÂN GIẢI:

Trên nói 4 quả không thể được; đây nói thánh quả cũng không thể được, nếu có chỗ được đều là trụ tướng. Chỗ nghi vấn của phàm phu, đã là 4 quả không thể

được, tại sao lại có danh xưng 4 quả? Thánh quả nếu không chỗ được, thì tại sao lại nói đặng vô sinh pháp nhẫn? Đó là bịnh trụ tướng của phàm phu. Phải biết danh xưng của Thánh Hiền đều là giả danh. Toàn là mượn pháp hữu vi, để chỉ rõ pháp vô vi; do đó trong Bát Nhã mỗi điểm đều pháp chấp, vì sợ phàm phu tham trước pháp hữu vi. Chỗ khác nói trang nghiêm tịnh độ là thế nào? Không phải sắc tướng trang nghiêm đã thấy trong tâm mắt của phàm phu (như xây chùa toàn bằng vàng, ngọc, cẩm thạch để trang hoàng, mà gọi là trang nghiêm) chính là nói pháp thân phi tướng, không có hình chơn độ, không hình chất có thể thấy được, không sắc tướng có thể xem được, ấy là pháp tánh trang nghiêm huy hoàng.

Đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề, ý ông nghĩ sao? Như Lai xưa ở chỗ Phật Nhiên Đăng, Phật Nhiên Đăng (Dipamkara Buddha) vì khi mới sinh, bên thân có yển sáng như đèn, nên cũng gọi là Định Quang, là thầy thọ ký Phật Như Lai. Đối với pháp có chỗ nào được không?

- Bạch Thế Tôn! Chẳng như vậy, Như Lai ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đối với pháp thật không chỗ được.

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật không?

- Bạch Thế Tôn! Không thể được. Vì sao? Bởi vì trang nghiêm cõi Phật, tức không phải trang nghiêm. Ấy mới gọi là trang nghiêm! Thế nên, Tu Bồ Đề các vị Đại Bồ Tát, phải như thế này để sanh tâm thanh tịnh là không nên trụ sắc

sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp sanh tâm, phải “không sở trụ”, mới sanh tâm kia. Không sở trụ là không trụ trước ở một chỗ, trệ ngại không khai hóa được. Bởi vì tâm này, thần thánh cũng khó lường, biến hóa vô cùng. Ấy là chân tịnh độ vậy. Tâm không thanh tịnh thì theo cảnh đời đời, buông lung khó mà kiểm soát, liền đắm trước 6 trần, rồi phần nhiều do trụ trước. **Ông Tu Bồ Đề! Ví như có người thân như núi Tu Di lớn, núi Tu Di (Sumeru) bề cao, chiều rộng 336 muôn dặm, là núi lớn hơn các núi, đem núi ấy để thí dụ sự cao lớn của thân hình người. Đây là lời giả thuyết; giống cũng như đã nói đem 7 thứ quý báu đầy cả 3.000 đại thiên thế giới, làm việc bố thí. Ý Ông nghĩ sao? Thân ấy có lớn không?**

Tu Bồ Đề bạch rằng:

- **Rất lớn. thừa Thế Tôn! Vì sao? Vì Phật nói phi thân.** Phi thân tức là pháp thân, chính là chơn tâm như như bất động. Trong Cổ Truyện đã nói: “Có hình tròn không lớn, không tướng mới là chân”. Cũng là ý này. **Ấy mới gọi là Đại Thân.**

KHÁI LUẬN:

Phần căn bản, Phật Như Lai hơn vì lo ngại tâm sở đắc của các Bồ Tát, chưa dứt trừ hết, động thì trụ nơi pháp có, không sanh được tâm thanh tịnh. Do đó Như Lai hỏi con, xưa ở chỗ Phật Nhiên Đăng, tuy đặng quả Vô Thượng Bồ Đề, nhưng đối với pháp của Phật Nhiên Đăng bốn sự, có sở đắc không? Ý dẫn từ việc trước, để chứng minh Như Lai tự mình, đối với pháp thật không sở đắc. Hơn vì Phật Như Lai, tuy ở chỗ Phật Nhiên Đăng bốn sự nghe pháp, chẳng qua chỉ là sự khai

đạo của bốn sư mà thôi! Thật thì phải tự ngộ tự tu, đối với pháp thật không sở đắc. Đức Phật mặc dù đặt câu hỏi này, cốt yếu chỉ rõ pháp không sở đắc, là pháp tướng chân không. Kế đó lại hỏi Bồ Tát có trang nghiêm cõi Phật không? Ý chính muốn nói rõ trang nghiêm hay không trang nghiêm, là Phật tướng chân không. Giống như Phật cùng Pháp đều không, mới được sanh tâm thanh tịnh. Sanh tâm thanh tịnh, chính là sanh tâm Bồ Đề. Chánh pháp bồ đề, không thể đặng, không thể nói, vì thế người pháp tâm bồ đề, phát thẳng tâm thanh tịnh mà thôi! Nhưng tâm vốn là thanh tịnh, không có chỗ nào phát, chỉ sinh khởi thế thôi! Tâm thanh tịnh gọi rằng sanh, tâm lục trần gọi là sanh, có thể biết chơn tâm vọng tâm, vẫn do tâm ta tự sinh. Nhưng không chánh pháp Bồ Đề, làm sao còn được giác ngộ; nếu không

sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, thì làm sao chúng sinh bị chìm đắm.

Đức Phật nói đến điểm này, đã phân minh nói ra quả Phật, phải tìm trong tâm chúng sanh. Lại lo sợ chúng sinh xem thấy Phật Pháp quá rộng lớn, do đó, Đức Phật lại đem một thân cao lớn ra để thí dụ, và cho biết Núi Tu Di mặc dù lớn, nhưng sự cao lớn có hình tướng. Như thế gió 10 phương, cũng thành hư không, thế nên biết cái to lớn của núi Tu Di, thật ra không có gì là lớn cả. Dùng thí dụ trên là muốn khiến cho chúng sanh không thấy Phật Pháp mà chỉ thấy nhứt tâm; chơn chánh đến chỗ thanh tịnh, mới vào được chánh định bồ đề (vào chỗ chánh giác tinh diệu). Hoặc nói: Phật Như Lai ở trong phần thứ 7 (phần vô đắc vô thuyết), nhân vì muốn nêu rõ quả pháp ly tướng, từng

hỏi qua “Nhu Lai có chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác không? Nhu Lai có thuyết pháp không? Hơn nữa, trong phần căn bản lại còn hỏi, đối với pháp có sở đắc không? Nên biết lời hỏi trước là thuyết minh “pháp còn phải xả, huống là phi pháp”, nói rõ ý tứ độ sanh ly tướng”.

Tóm lại, trước câu hỏi trên quả Phật tự chứng Bồ Đề, nay hỏi trong như Phật cầu đặng bồ đề. Ý tứ có sai khác, không có trùng lời hỏi vậy.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật nói: Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nhu Lai trước kia ở chỗ Phật Nhiên Đăng, đối với pháp có sở đắc không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Bạch Thế Tôn! Từ Phụ khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng, tự ngộ, tự tu, đối với pháp thật không sở đắc.

Đức Phật lại hỏi:

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ thế nào? Bồ Tát ở trong cõi Phật làm các thiện duyên phước nghiệp có được trang nghiêm?

Tu Bồ Đề đáp:

- Không trang nghiêm. Bởi vì Từ Phụ đã nói không có hình tướng trang nghiêm, như vàng ròng làm đất, bảy món báu làm đài v.v...đó chỉ là danh từ gọi là trang nghiêm mà thôi!

Đức Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Sở dĩ các vị Đại Bồ Tát phải giữ như thế, một lòng không tán loạn, sanh tâm thanh tịnh, trên sự sanh

tâm, không thể trụ sở sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Nếu không như vậy thì bị ràng buộc nơi 6 trần, vọng niệm phát khởi, làm sao thanh tịnh được ư? Xưa nay tâm thanh tịnh (tánh giác), diệu trạn tròn sáng, tánh không chỗ trụ, như gương sáng lạng, vật đến thì chiếu, vật đi thì không. Vì thế mà không chỗ trụ, khả dĩ 10 phần thanh tịnh.

Đức Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Ví như có người, thân như núi Tu Di lớn, ý ông nghĩ thế nào? Thân ấy có lớn không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Rất lớn, bạch Thế Tôn! Vì sao? Bởi vì thân ấy mặc dù lớn, nhưng có sanh có diệt, còn bị luân hồi, gắng gượng mà gọi là thân ấy lớn. Từ Phụ đã nói pháp thân

phi tướng, mới là bản thân thanh tịnh, là chơn pháp thân. Tâm này bao phủ hư không, giáp khắp pháp giới, không tướng không trụ, chóng vào viên minh. Như thế, làm sao đem núi Tu Di mà có thể so sánh được? Đó mới gọi là thân lớn!

Thơ 10:

Đức Phật tiếp tục hỏi han,

Nhiên Đăng Cổ Phật có ban pháp mầu?

Bồ Đề đáp: Ý rất sâu,

Pháp còn ban được còn đâu thượng thừa?

Phật hỏi Bồ Tát xa xưa,

Trang nghiêm cõi Phật, có vừa ý không?

Thiện Hiện lời đáp rất thông,

Trang nghiêm còn nói, hết hòng nghiêm trang.

Sâu xa chỉ tướng Kim Cang,

Không trụ trần cảnh, tâm an trí thiên,

“Ung vô sở trụ” dứt liền,

Kim Cang sanh khởi về miền vô vi.

Thân có như núi Tu Di?

Bồ Đề giải đáp: Những gì Phật nêu,

Phi thân mới thật cao siêu,

Còn thân, còn chấp, còn nhiều trăm luân!

PHẦN VÔ VI THẮNG PHƯỚC THỨ 11

PHÂN GIẢI:

Phàm dùng pháp hữu vi bổ thí, dù được phước báo, phước ấy cũng hết. Trái lại dùng pháp vô vi bổ thí, sẽ được phước báo vô lượng vô biên. Hữu vi vô vi là pháp đối đãi. Vô vi không thể xa lìa hữu vi, ly khai hữu vi thì vô vi không hiển lộ. Hữu vi thật tại là vô vi, chân vô vi chính là hữu vi không trụ trước. Do đó, nên Đại Bồ Tát không trụ vô vi, không chấp hữu vi, mới rõ được thắng phước vô vi. Làm thế nào để không trụ pháp vô vi? Phàm ai thật hành tâm Bồ Tát nên quán tất cả pháp hữu vi, như chiêm bao, như huyễn hóa, như bọt nước, như bóng dáng, như sương mai, như điện chớp; thật hành pháp vô vi, sau khi nghe pháp phải hồi hướng bi, không chịu an trụ vô vi, phát tâm đại bi mà độ đời, bi trí vận dụng song phương, đem pháp “lục độ” nhiếp hóa chúng sinh, mặc dù nói là độ chúng sanh vô lượng vô

biên, nhưng tâm lúc nào cũng không chấp năng độ và sở độ. Đó chính là không trụ vô vi mà thật hành hạnh Bồ Tát vậy. Thế nào gọi là pháp hữu vi không cùng tận? Phàm ai hành Bồ Tát hạnh phá sạch trần sa hoặc, tuy nói là quán chúng sanh vô lượng vô biên, nhưng không giữ tâm nan độ, không cò tâm mỗi một buồn phiền. Hòa quang đồng thể tục, hóa thân nghìn trăm muôn ức, thường hành các việc độ chúng sinh. Chúng sinh vô tận, nguyện lực cũng vô cùng. Đó chính là pháp hữu vi không cùng tận, để thật hành đạo Bồ Tát. Tóm lại, là hữu vi mà không trụ hữu vi, ý tứ vô vi mà thật là vi. Bồ Tát hạnh hay làm công hạnh vô vi. Thế nên, nói lý vô vi phước đức vô lượng vô biên vậy.

- Tu Bồ Đề! Như ở sông Hằng đã có số cát, số cát trong sông Hằng, sông

Hằng là dịch tên, tiếng Ấn gọi là Ganga, từ phía tây của ao A Nậu Đạt (Anavatapta) lưu xuất, chảy quanh 4.000 dặm, cát mịn như bột. Khi nói đến số nhiều, Đức Phật thường đem số cát sông này làm thí dụ; cũng thế lúc nào nói tới việc cao lớn, Phật thường mang núi Tu Di ra làm thí dụ, ý ông nghĩ sao? Số cát sông Hằng đó, có nhiều hay không?

Tu Bồ Đề thưa:

- Rất là nhiều, bạch Thế Tôn! Chỉ các sông Hằng còn nhiều vô số, huống chi cát của nó.

- Tu Bồ Đề! Ta nay hỏi thật ông, nếu có thiện nam, thiện nữ nào lấy 7 thứ của báu đầy như số cát sông Hằng, khắp 3.000 đại thiên thế giới, đem ra bố thí, được phước có nhiều hay không?

Tu Bồ Đề thừa:

- Bạch Thế Tôn! Rất là nhiều.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Nếu có thiện nam, thiện nữ nào, ở trong kinh này, cho đến thọ trì, một bài kệ 4 câu, vì người khác giảng nói. Phước đức này thù thắng hơn phước đức bồ thí trước...

KHÁI LUẬN

Phần căn bản, Phật Như Lai phải theo lòng người thuyết pháp, khai thị so sánh tướng phước huệ lần thứ 2. Từ so lường phước đức dần dần nói đến chỗ phá tướng. Ấy là biểu hiện Phật Như Lai khổ tâm khéo lời khuyến dụ. Trong phần thứ 8 của Kinh này, đã nói đến việc bồ thí, lấy một hạt cát đem làm một thế giới, để thí dụ đem bảy thứ quý báu khắp 3.000 đại thiên

thế giới, dùng số nhiều đầy dẫy như cát sông Hằng. Sự bố thí ấy đã được so sánh với sự bố thí trong phần thứ 7, không hiểu có nhiều hơn muôn muôn phần không? Nhưng ấy là thứ bố thí hữu tướng, mặc dù cũng được nhiều phước đức, song đó là một loại phước đức trước tướng, đều không phải là phước đức tự tính. Ai thọ trì kinh này ngộ được công đức tự tánh, do đó mà Đức Như Lai kêu gọi các thiện nam, thiện nữ phải ở trong Kinh này, lấy tâm trụ trì, trì lâu không quên, cho đến dùng 1 bài kệ 4 câu, vì người khác diễn nói. Như vậy, người biết trước dẫn dắt người đi sau, lợi mình, lợi người, được phước đức từ tự tánh. Lại nữa so sánh dùng 7 thứ báu đầy như số cát sông Hằng, bố thí cả 3.000 đại thiên thế giới, phước đức bố thí ấy thật là nhiều. Nên biết phước đức bố thí hữu tướng tuy nhiều,

nhưng có hạn lượng. Phước đức pháp thí dù ít, nhưng không ngần mé. Một bên liệt một bên thẳng, không nói nhưng quá rõ. Song mà trì kinh phải ngộ chân lý, nếu không như thế, thì rất dễ trước tướng. Thưở xưa có một người vì sự trước tướng cầu danh, nên muốn làm việc phước đức, do đó, nên thường làm sự bố thí. Về sau ông ta đọc tụng Kinh Kim Cang, thấy rằng: Trong kinh đã nói nếu có thiện nam, thiện nữ nào, đối với Kinh ấy, cho đến thọ trì một bài kệ bốn câu, vì người khác giảng nói thì phước đức này thắng hơn phước đức bố thí trước v.v...ông ấy nghe qua cho việc trì kinh dễ dàng, chỉ trì một bài kệ bốn câu là đủ, cần gì phải bố thí! Từ đó về sau đối với việc bố thí, ông không chịu thật hành nữa. Đó là tâm còn chấp trước, không ngộ được chân lý, nên mới có việc thoái thác việc bố thí.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Trong sông Hằng có số cát rất nhiều, tỷ dụ một hạt cát là một sông Hằng, ý ông nghĩ như thế nào? Cát trong những sông Hằng ấy có nhiều hay không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Rất là nhiều, bạch Thế Tôn! Chi nhánh sông Hằng còn nhiều vô số, huống chi là số cát trong các sông ấy!

Đức Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Tôi nay thực tế nói với ông, nếu có thiện nam, thiện nữ nào dùng mỗi hạt cát làm một thế giới, dùng số cát trong sông Hằng rất nhiều ấy, để so sánh với sự đem 7 báu bố thí cả 3.000 đại thiên

thế giới, có đặng phước đức nhiều hay không?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn, rất là nhiều!

Đức Phật bảo Tu Bồ Đề rằng:

- Nếu có thiện nam, tín nữ ở trong Kinh này, mỗi chương mỗi câu, cho đến thọ trì một bài kệ 4 câu, diễn nói cho mọi người nghe, phước đức pháp thí ấy, so sánh với phước đức bố thí của báu ở trước thì quả thật nhiều hơn bội phần.

Thơ 11:

Như Lai tùy tiện giảm, tăng,

Hỏi qua số cát sông Hằng nhiều không?

Tu Bồ Đề, theo ý ông,

*Bạch lên Đức Phật, cát không thể
lường!*

Có ai bố thí phô trương,

*Đem bảy món báu lòng thương cho
người,*

Thí vậy phước có vẹn mười?

Đáp rằng phước đức đều từ lòng cho.

Phật nêu hai việc sánh so,

Phước đức bố thí là do bên ngoài;

Thọ trì Kinh Pháp hoằng khai,

Công đức vô lượng, Như Lai tỏ tường!

PHẢN TÔN TRỌNG CHÁNH GIÁO THỨ 12

PHÂN GIẢI:

Giáo pháp là giáo pháp của Như Lai. Như Lai trụ thế 80 năm, thuyết pháp 49 năm, chia ra thời thuyết giáo:

Thời thứ nhất nói KINH HOA NGHIÊM tối thượng thừa;

Thời thứ hai nói KINH A HÀM, pháp TỨ DIỆU ĐỀ

Thời thứ ba nói KINH PHƯƠNG ĐẰNG, trong đó có LĂNG NGHIÊM;

Thời thứ tư nói KINH BÁT NHÃ

Thời thứ năm nói KINH PHÁP HOA cùng NIẾT BÀN.

Nay nói chánh giáo, tức là chánh giáo của thời Bát Nhã. Tôn trọng chánh giáo là thế nào? Tức là nói chư Phật, các Bồ Tát đều từ Kinh này lưu xuất. Chúng sinh đời mạt pháp nghe được đại pháp này rất khó,

kẻ nói người nghe đều phải mười phần tôn trọng diệu pháp Bát Nhã. Thế nên Kinh thường nói: “Pháp nhiệm màu rất sâu vô lượng, trăm nghìn muôn kiếp khó gặp gỡ...”.

Lại nữa, Tu Bồ Đề! Tùy chỗ nói Kinh này, tùy theo chỗ sở tại kia, cho đến một bài kệ 4 câu v.v...phải biết chỗ ấy, phải biết chỗ ấy, tức là tâm này vậy. Tất cả trong thế gian, trời, người, A Tu La, Trời là bậc ở 4 cõi Trời. Người là những động vật trong thế gian. A Tu La là không phải Trời, không phải người, một loài quỷ thần ưu chiến đấu, đều phải cúng dường, như cúng dường chúa tháp của Phật. Huống chi có người hết lòng thọ trì, đọc tụng. Đọc tụng theo văn, gọi là đọc, trái với văn gọi là tụng. Đọc tụng chính là miệng thuộc văn tự kia, tâm hiểu nghĩa lý

rõ ràng. **Tu Bồ Đề! Phải biết người ấy, thành tựu được pháp hy hữu đệ nhất tối thượng. Nếu Kinh điển này để ở chỗ nào, thì xem là có Phật ở chỗ ấy. Như vậy hàng đệ tử phải tôn trọng.**

KHÁI NIỆM:

Phần căn bản, vì phần trước đã nói phước đức tự tính, thắng hơn phước đức trước tướng. Hiện tại lại tiến thêm một bước, nêu rõ phước đức bổ thí vật báu, không bằng phước đức trì Kinh, đều chú ý ở chỗ rất tôn trọng sự trì Kinh. Nói cách khác chính là phát minh Kinh văn đối với vô trụ thật hành bổ thí, phước đức như thế nào, ý tứ tôn trọng Kinh điển phải như thế nào. Do đó, đoạn thứ nhất, nêu rõ tôn trọng tùy chỗ nói Kinh này, bởi vì tùy chỗ nói Kinh nàym trong ấy tức có toàn thân Như Lai, Trời, người, A Tu La đều đến

kính ngưỡng cúng dường, đồng như chùa tháp nơi thờ đức Phật. Lại có trời rồng, hàng bát bộ (cũng gọi là Long Thần, Hộ Pháp, vì phạm lúc giảng Kinh, thường đến ủng hộ Phật Pháp, nên gọi là Thiên Long Bát Bộ), cũng đến hộ Pháp. Đoạn thứ hai, nêu rõ sự tôn trọng thọ trì đọc tụng Kinh này, nhân vì Pháp Bồ Đề vô thượng, đều từ Kinh này lưu xuất. Ai mà tận tâm thọ trì đọc tụng Kinh này, thì sẽ sanh tâm thanh tịnh, trong tâm thanh tịnh nó vô tướng vô trụ. Thật là thành tựu được pháp hy hữu đệ nhất tối thượng. Nếu trong tâm người ấy, dùng làm chỗ sở tại của Kinh điển này, tức là có Phật sở tại, thì chỗ trì Kinh, chắc chắn có ngôi Tam Bảo (Phật, Pháp, Tăng) hàng đệ tử của Phật đều phải tôn trọng!

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật lại bảo Tu Bồ Đề! Nếu có người tùy tiện ở địa phương mình, diễn đạt Kinh này, cho đến một bài kệ 4 câu v.v...khiến cho các người nghe Kinh, tiêu trừ vọng niệm nên biết một quyền chơn Kinh này, cư trú ở đâu, được cảm hóa đến Bồ Tát, thần minh, chúng sinh ở cõi trời, cõi người, ác quỷ, A Tu La v.v...đều đến dâng hoa đánh lễ, đồng như kính ngưỡng tượng Phật ở trong chùa tháp, một lòng kính ngưỡng cúng dường. Huống chi có người hết lòng thọ trì đọc tụng Kinh này, để cầu tính liễu ngộ. Đức Phật lại nói: Tu Bồ Đề! Những người đó được thành tựu pháp Vô Thượng Bồ Đề (Anuttara Samyak Sambuddha). Lại không có pháp nào cao hơn, quý hơn. Phải biết tâm mình tức là tâm Phật, đều không từ bên ngoài mà dặng. Do đó, nên chỗ nào để Kinh diễn, chỗ đó có Phật tồn tại. Chúng ta nên

biết, cũng như ngôi Tam Bảo ở chỗ nào thì đệ tử Phật phải đến phụng sự, đâu có lý nào không thành tựu, đâu có tâm nào không đáng tôn, không đáng ư?

Thơ 12

*Kinh này linh diệu vô cùng,
 Dù chỉ bài kệ, tôn sùng tối đa,
 Kim Cang Kinh để chỗ ta,
 Trời, người các loại, hương hoa cúng
 dường,
 Cũng như chùa, tháp, Phật đường,
 Chí tâm kỳ nguyện, chân thường tiến
 lên,
 N hững ai trì tụng chớ quên,
 Đệ nhất tối thượng, đứng trên muôn
 loài!*

*Kim Cang tính, Phật chỉ hoài,
 Tại sao không ngộ, lên đài vinh quang,
 Mỗi người sẵn có Kim Cang,
 Chỉ cần khai ngộ, tâm an đời đời!*

PHẦN THỌ TRÌ NHƯ PHÁP THỨ 13

PHÂN GIẢI:

Pháp là diệu pháp Bát Nhã, Kinh, Luật, Luận gồm ba thứ đồng gọi là giáo pháp. Thọ trì như pháp là y theo pháp mà thật hành. Trước do đa văn rồi tìm hiểu, từ tìm hiểu đi đến thật hành, nhờ thật hành mới chứng được đạo quả. Suy luận rộng ra có 84.000 pháp môn để đối trị với 84.000 phiền não của chúng sinh, theo bệnh mà cho thuốc, mỗi pháp môn để đối trị tâm bệnh người đời. Ví như chúng sanh bị bệnh dâm dục, giận tức, si mê, phải nhờ

giới, định, huệ để đối trị, hàng phục Các pháp Tứ Niệm Xứ, Ngũ Căn, Ngũ Lực, Tứ Chánh Cần, Tứ Thần Túc, Thất Bồ Đề phần và Bát Thánh Đạo phần, 37 phẩm trợ đạo, không một phẩm nào mà chẳng phải diệu pháp cho người tu hành. Nay nói ý tứ thọ trì là chuyên chỉ thọ trì diệu pháp Bát Nhã. Nhon vì thọ trì Bát Nhã, các pháp khác đều đầy đủ. Như trước đã nói, pháp thân phi tướng, đem diệu lý Bát Nhã, cao siêu chỉ bày, giải tỏa các nghi ngờ, đưa đến lý cùng cực. Vì thế, nên Ngài Không Sanh lãnh ngộ ý nghĩa, thỉnh Đức Phật gạn hỏi tên Kinh.

Lúc ấy, Ngài Tu Bồ Đề bạch Phật rằng: Thưa Thế Tôn! Sẽ gọi Kinh là gì? Chúng con làm sao phụng trì?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Kinh này gọi là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật (Vajraprajna Paramita), dùng danh hiệu ấy, các ông phải phụng trì, lý do vì sao? Tu Bồ Đề! Phật nói Bát Nhã Ba La Mật, tức không phải Bát Nhã Ba La Mật, ấy mới gọi là Bát Nhã Ba La Mật. Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ thế nào? Như Lai đã có thuyết pháp không?

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Như Lai đã không nói pháp.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ thế nào? 3.000 đại thiên thế giới, đã có bụi trần, thế có nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa:

- Rất nhiều, bạch Thế Tôn.

Phật hỏi:

- Tu BỒ ĐỀ! Các bụi trần, Như Lai nói không phải là bụi trần, ấy mới gọi là bụi trần, Như Lai nói thế giới, không phải thế giới, ấy mới gọi là thế giới. Tu BỒ ĐỀ! Ý ông nghĩ sao? Có thể dùng 32 tướng, thấy Như Lai không? 32 Tướng, Như Lai đầy đủ tướng tốt dung mạo 12 thứ, tướng tốt thân thể 10 thứ, tướng tốt về tay chân có 10 thứ; dùng 32 thứ tịnh hạnh, tu thành 32 tướng tốt; 32 tướng này đều là tướng ứng thân, ứng thân có thể thấy, pháp thân thì không thể thấy. Ba mươi hai tướng danh xưng như sau:

1) Tướng dưới chân an bằng

2) Tướng chỉ dưới chân có ngàn xoáy tròn như hình cả ngàn cây cắm bánh xe.

3) Tướng tay dài, trước đầu ngón tay nhỏ và nhọn

4) Tướng tay chân đều mềm mại

5) Tướng trong kẽ tay, kẽ chân có da mỏng như giăng lưới

6) Tướng gót chân dày đặn

7) Tướng trên bàn chân nổi cao dày đặn

8) Tướng bắp vế như lộc vương

9) Tướng hai tay dài quá đầu gối

10) Nam căn ẩn kín

11) Tướng thân hình cao lớn và cân phân

12) Tướng các lỗ chân lông thường chiếu ra sắc xanh

13) Tướng những lông trên mình uốn về bên mặt

14) Tướng thân thể sáng chói như vàng tía

15) Tướng quanh mình có hào quang chiếu ra một trượng

16) Tướng da mỏng và mịn

17) Tướng lòng bàn chân, bàn tay, hai vai và trên đỉnh, bảy nơi ấy đầy đặn

18) Tướng hai bên nách đầy đặn

19) Tướng thân thể oai hùng như sư tử

20) Tướng thân thể vuông tròn, ngay thẳng

21) Tướng hai vai tròn đầy cân phân

22) Tướng 40 cái răng

23) Tướng răng trắng, trong, đều và khít nha

24) Tướng 4 răng cửa to lớn

25) Tướng gò má nổi cao, như hai mép sư tử

26) Tướng nước miếng đủ chất thượng vị

27) Tướng lưỡi rộng, dài, mềm mại

28) Tướng giọng nói thanh cao, nghe xa, như tiếng nói của Phạm Thiên

29) Tướng con mắt xanh biếc

30) Tướng lông nheo dài đẹp

31) Tướng có chòm lông trắng thường chiếu sáng, mọc giữa chạng mày

32) Tướng trên đỉnh đầu, thịt nổi cao lên như một búi tóc.

Tu Bồ Đề thừa:

**- Không thể thấy, bạch Thế Tôn!
Không thể dùng 32 tướng thấy Như**

Lai, vì sao? Như Lai nói 32 tướng, tức là không phải tướng. Ấy mới gọi là 32 tướng.

Phật bảo;

- Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam cùng thiện nữ dùng thân mạng bố thí như cát sông Hằng. Nếu lại có người, ở trong Kinh này, cho đến thọ trì một bài kệ bốn câu, vì người khác giảng nói, phước này rất nhiều.

KHÁI LUẬN:

Phần căn bản, Tu Bồ Đề nhờ nghe được phần trước, trì nói Kinh này, thành tựu pháp ít có. Kinh ở chỗ nào, Phật ở chỗ này. Tôn trọng Kinh như thế. Do đó, nên đương cơ thỉnh thị tên Kinh cùng đạo lý phụng trì, Phật Như Lai bảo Kinh này gọi là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật. Các ông

sở dĩ phải phụng trì Kinh này, là vì trong Kinh này chấn ngộ được đạo lý vô tướng vô trụ, phát sinh Bát Nhã cứng chắc, sắc bén, sáng soi tất cả (Diệu Trí Huệ), đồng lên bờ giác của chư Phật. Ấy là pháp hy hữu đệ nhất tối thượng, thường ở trong hàng đệ tử y pháp phụng hành. Phật Như Lai nói đoạn này, dù là chú ý hiển pháp, nhưng lại lo sợ hàng đệ tử chấp trước tên Kinh này, bỏ quên tính Kim Cang là Bát Nhã của mỗi người. Vì muốn phá sự chấp tướng tên Kinh, nên nói Bát Nhã Ba La Mật, tức không phải Bát Nhã Ba La Mật, chẳng qua là mượn danh từ gọi là Bát Nhã Ba La Mật mà thôi. Tên Kinh đã không trước tướng, làm gì lại có pháp để nói; trong tâm thanh tịnh, xưa nay không có tướng Kinh Ba La Mật, chẳng qua muốn cho người nhận rõ tự tính sang suốt, bỗng lai cũng không có pháp vậy. Đã không

pháp thì làm gì có Kinh, không Kinh thì làm sao có nói! Chúng ta nên biết phàm có nói ra đều là phương thuốc trị bệnh. Trong bộ Truyền Tam Pháp Yếu: “Phật nói tất cả pháp, vì trừ tất cả tâm; nếu không tất cả tâm, đâu dùng tất cả pháp”. Bởi vì khi chưa ngộ phải nhờ ngôn thuyết, khi liễu ngộ rồi thì ngôn thuyết đều phi. Người bị bệnh không uống thuốc, bệnh ấy thật khó trừ; khi bệnh đã hết, thuốc còn, thì thuốc ấy cũng là bệnh vậy. Đơn cử một việc, vật nhỏ như vi trần, lớn như thế giới, chính như 32 tướng mà Như Lai đã nói, đều là một cái giả danh trống rỗng mà thôi. Phật Như Lai, tuần tự dần nói như thế, đều muốn cho chúng sanh pháp chấp tướng để thấy Như Lai tự tánh. Thế nên, cuối cùng lại so lường phước đức (đây là lần thứ 3), chỉ rõ diệu dụng ly tướng, nêu bày ý tứ của Kinh. Cho biết rằng không

luận bố thí của báu nhiều như số cát sông Hằng, bố thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng, thật nhiều, nhưng mà chỉ là tướng bên ngoài, không bằng kiến tánh để thọ trì lý thâm diệu của Kinh, phước đức rất là thù thắng!

LỜI PHỤ:

Đức Phật nói ba câu: Bát Nhã Ba La Mật, tức không phải Bát Nhã Ba La Mật, ấy gọi là Bát Nhã Ba La Mật. Đây là cương lĩnh của bộ Kinh này mà cũng là tinh yếu của Đại Tạng Kinh. Nói rộng ra, ấy là tâm tạng của Phật tổ, là tủy não của thánh phàm; tam giáo, ngũ tông vô lượng nghĩa nhiệm mầu, đều ở trong Kim Cang này. Kinh Tam Muội nói: “Tâm không tướng tâm, không chấp hư không, không nương Phật địa, không trụ trí huệ. Ấy là diệu lý Bát Nhã Ba La Mật”. Ngài Phó

Đại Sĩ nói: “Sợ người sinh “đoạn kiến”, quyền tạm lập hư danh”. Phát Bát Nhã là tâm pháp. Như người uống nước, nóng hay lạnh tự người đó rõ biết, không thể hình dung cho kẻ khác biết được! Nếu có nói ra tức là hủy báng Phật.

Phật đủ ba thân:

Một là pháp thân thanh khiết, là chơn thân của Phật, bản thể thân này không sắc không hình, Bát Nhã tức là tướng pháp thân chơn tánh vậy.

Hai là báo thân viên mãn, nhờ phước báo hạnh nguyện vô lượng, thân Phật muôn đức tròn đầy được hiển lộ. Có chia ra hai loại là tự thọ dụng báo thân và tha thọ dụng báo thân.

Ba là ứng thân tức là Pháp thân ứng hóa, lại gọi là hóa sinh (trăm, nghìn,

muôn, ức hóa thân), ở cõi trời thân trời, sanh cõi người hiện thân người, trong loài chim hóa thân chim, trong loài nai hóa thân nai, thiên hình vạn trạng, theo mỗi loài hiện thân, 32 tướng, tức là tướng ứn thân vậy. Bồ thí của báu nhiều như số cát sông Hằng, của báu xưa kia tuy nhiều, nhưng về ngoại tài, thí ra còn dễ. Bồ thí thân mạng nhiều như số cát sông Hằng, xả đó tuy trọng, nó thuộc nội tài, thí đó thật khó! Dù rất ráo bồ thí tài sản và thân mạng đều là nhơn hữu lậu. Thấy được tánh, sáng được tâm, mới là chân thật phước đức vô vi!

GIẢNG NGHĨA:

Tu Bồ Đề nghe Phật Như Lai nói xong phần Kinh ở trước, lúc bấy giờ hướng về Phật Như Lai thưa:

- Bạch Thế Tôn! Kinh này nên đặt tên là gì? Chúng con phải thọ trì Kinh này như thế nào?

Phật Như Lai bảo ngài Tu Bồ Đề:

- Hiệp với diệu trí huệ cứng chắc, đưa đến bờ an lạc kia. Kinh này gọi là KINH KIM CANG BÁT NHÃ BA LA MẬT. Các ông phải y theo đó mà phụng hành. Vì sao mà đặt tên như vậy?

Đức Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Bát Nhã Ba La Mật mà Như Lai đã nói là bản tánh diệu giác, trạm nhiên như hư không. Bản thể đã là chơn không, thì làm gì lại có danh từ. Chẳng qua là sợ người đời sanh đoạn kiến, “bất đắc dĩ” gắng gượng đặt danh từ là Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật, để trong hàng thất chúng đệ tử phụng hành mà thôi.

Đức Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai đối với Kinh này có thuyết pháp không?

Tu Bồ Đề đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Bát Nhã là tự tánh tự ngộ, tên đã không thể gọi thì Từ Phụ con làm sao mà nói năng được.

Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Cát hạt bụi đã có trong 3.000 đại thiên thế giới, nhiều hay ít?

Tu Bồ Đề đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Đức Phật nói:

- Tu Bồ Đề! Hạt bụi tuy nhiều, song không có thật thể, đều là hư vọng, ấy chẳng qua tạm gọi là hạt bụi mà thôi.

Đức Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Có thể dùng 32 tướng để thấy Như Lai không?

Tu Bồ Đề đáp rằng:

- Bạch Thế Tôn! Không thể thấy. Tại sao? Vì Từ Phụ con đã nói 32 tướng đó, ly tướng, tướng không phải là pháp thân, có tướng, tướng là ứng sanh, cũng chỉ là giả danh mà thôi!

Phật lại nói thêm:

- Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam thiện nữ nào, xả thân mạng của họ, nhiều như số cát sông Hằng, thật hành bố thí để cầu

phước; lại có một số người khác, ở trong Kinh này, thọ trì cho đến một bài kệ bốn câu, rồi diễn nói cho người khác nghe; phước trì Kinh kia, so với phước bố thí thân mạng trước, thắng hơn rất nhiều!

Thơ 13

*Thiện Hiện bạch Phật những lời,
 Kinh này danh hiệu, hợp thời đặt tên,
 Chúng con trì tụng có nên?
 Xin Phật chỉ dạy, dưới trên thi hành
 Kim Cang Bát Nhã là danh,
 Nhưng phi Bát Nhã mới thành trí siêu,
 Gạn hỏi thuyết pháp mục tiêu,
 Thiện Hiện hỏi đáp những điều quá cao
 Bồ Đề ông hiểu thế nào?*

Vi trần, thế giới có vào danh ngôn?

Cả hai theo ý Thế Tôn,

Phi vi, phi thế bảo tồn Kim Cang.

Nói qua tướng tốt cao sang,

Cùng là bá thí, tam an phép mầu,

Truyền bá ai hiểu chiều sâu,

Phúc đức trí tuệ đứng đầu tâm linh.

PHẦN LY TƯỚNG TỊCH DIỆT THỨ 14.

PHÂN GIẢI:

Ly tướng là thế nào? Là tất cả tướng huyễn; tất cả tướng trang trong thế gian đều là tướng huyễn hóa. Phạm phu không biết huyễn tướng này hư vọng không chân thật, thế nên chấp trước thủ xả, chỗ chỗ đều bị mê làm hư vọng không thiệt. Vọng

cảnh mỗi lúc nó huân tập vào vọng tâm, chân tánh thường xuyên bị tướng ngoại trần ngăn che, suốt ngày bị hoàn cảnh xoay chuyển, do đó rồi khởi hoặc tạo nghiệp, vì tạo nghiệp mà chịu quả báo khổ não, nhiều kiếp luân hồi, không bao giờ thôi dứt. Nếu ai hay xa lìa vọng tưởng, không bị giả tướng cuống hoặc thì không có chấp trước, thủ xả! Động, tịnh không sanh đó là tịch diệt.

Nói thêm nghĩa tịch diệt là thế nào? Ban đầu hàng phục ngoại trần, sau diệt trừ nội căn, căn trần đều giải thoát, trước phá nhân ngã, rồi tiến lên một tầng lại pháp pháp ngã; tướng năng giác, sở giác cũng phải xa lìa, tiến lên một tầng, “câu sinh” phải diệt, tướng năng không sở không cũng dẹp. Sanh diệt dứt rồi thì tịch diệt hiện tiền!

Lúc bảy giờ, Ngài Tu Đề nghe nói Kinh này, hiểu sâu nghĩa thú, hiểu sâu là ý nói trong tâm đại ngộ. Nghĩa thú, chính là tôn chỉ lý thú, cảm động chảy nước mắt, rồi bạch Phật rằng:

- Thừa Thế Tôn! Thật là ít có. Đức Phật nói Kinh điển thậm thâm như thế, từ xưa đến nay, khi con được tuệ nhãn, tuệ nhãn là tim của Thánh như có 7 lỗ, nghe một ngộ nghìn. Đây là mắt trí tuệ vậy, chưa từng được nghe Kinh điển như thế. Bạch Thế Tôn! Nếu lại có người nghe được Kinh này, lòng tin thanh tịnh, sanh được thật tướng, phải biết người ấy thành tựu được công đức hy hữu thứ nhất.

- Bạch Thế Tôn! Nếu cho thật tướng thì là phi tướng. Thế nên Như Lai nói, ấy mới gọi là tướng chơn thật. Bạch

Thế Tôn! Con nay đặng nghe Kinh điển như thế, tin hiểu thọ trì, tin hiểu là tâm không nghi ngờ, liễu nhiên lãnh ngộ, không có chi là khó. Nếu đời đương lai, sau 500 năm, có các chúng sanh, đặng nghe Kinh này, tin hiểu thọ trì, người ấy là hạng hy hữu thứ nhất. Vì sao? Bởi vì người ấy không có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng và cũng không có thọ giả tướng. Lý do vì sao? Ngã tướng tức là phi tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng, thọ giả tướng tức là phi tướng. Vì có sao? Vì là tất cả các tướng, thì gọi là chư Phật.

Phật bảo ngài Tu Bồ Đề:

- Đúng như vậy, đúng như vậy. Đúng như vậy là sâu hợp với lý của Phật, tức là ý công nhận vậy. Nếu lại có người, nghe được Kinh này, không hãi, không sợ,

không sệt, không hãi là kinh hãi trong lỗi về lời nói; sợ tức là lo sợ lý cao trên đượng đạo; sệt nghĩa là khùng khiếp sự khó khăn trên con đường tu hành, **phải biết người ấy rất là hy hữu. Vì có sao? Tu Bồ Đề! Như Lai nói đệ nhất ba la mật, tức không phải đệ nhất ba la mật, ấy mới gọi là đệ nhất ba la mật.**

- **Tu Bồ Đề! Nhẫn nhục ba la mật**, nhẫn nhục: trong tâm bao dung gọi là nhẫn, ngoại cảnh ngang trái gọi là nhục.

Nhẫn nhục có ba thứ:

1) Sanh nhẫn: Đây là tâm phân biệt nhẫn chịu? Tức là người đối với ta, tuy vô lễ muốn gia hại, ta phải nhẫn chịu

2) Pháp nhẫn: Hạnh Bồ Tát làm việc độ tất cả chúng sinh, không bao giờ sinh tâm mỗi một nhàm chán.

3) Vô sanh pháp nhẫn: Không thấy sinh nhẫn mà cũng không thấy pháp nhẫn, nhẫn biết chân pháp tánh không sanh không diệt.

Lại nữa, chữ Nhẫn có 6 nghĩa:

1) Lực nhẫn: Không quên giận, nhưng không trả.

2) Vong nhẫn: Nhã nhận, độ lượng, dung hòa, bị nhục, nhưng như không có gì hết.

3) Phản nhẫn: Việc gì xảy ra tự trách mình, không trách kẻ khác.

4) Quán nhẫn: Ngoại cảnh và nội thân đều xem như mộng.

5) Hỷ nhẫn: Tùy hỷ người hay thành sức nhẫn của ta.

6) Từ nhân: Thương người mang nhục đến cho mình là kẻ si mê, phát nguyện độ họ.

Như Lai nói không phải nhân nhục ba la mật, ấy mới gọi là nhân nhục ba la mật. Vì sao? Tu Bồ Đề! Như xưa kia tôi bị vua Ca Lợi cắt đứt thân thể. Xưa là chỉ cho đời trước mà nói. Vua Ca Lợi, chữ Ca Lợi là tiếng Phạn (Kaliraja). Ý nói chính là ông vua cực ác. Tôi ở trong lúc ấy, không có ngã tướng, không có nhơn tướng, không có chúng sanh tướng mà cũng không có thọ giả tướng. Vì sao? Vì lúc bấy giờ, khi tôi bị cắt đứt chân tay, nếu có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sanh tướng và thọ giả tướng, phải sanh giận tức. Tu Bồ Đề! Lai nữa trong quá khứ 500 đời, 500 đời tức là 500 kiếp, khi làm vị tiên nhân nhục, vị tiên nhân nhục

chính là Phật Như Lai, ở trước 500 kiếp, thời gian thành tiên, mang danh hiệu của một vị tiên, ở trong lúc ấy, không có ngã tướng, không có nhơn tướng, không chúng sinh tướng và không tướng thọ giả.

Thế nên Tu Bồ Đề, Bồ Tát phải xa lìa tất cả tướng, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không trụ sắc sanh tâm, không nên trụ thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà sanh tâm, phải sanh tâm “vô sở trụ”; nếu tâm có trụ thì bị phi trụ. Vì thế cho nên Đức Phật nói tâm Bồ Tát, không nên trụ sắc bố thí. Tu Bồ Đề! Bồ Tát vì lợi ích cho tất cả chúng sanh nên bố thí như vậy.

Như Lai nói tất cả các hình tướng, tức là phai tướng. Lại nữa nói tất cả chúng sanh, tức là phi chúng sanh. Tu

Bồ Đề! Như Lai nói lời chân thật, nói lời đúng lý, nói lời như như, nói lời không cưỡng hoặc, nói lời không sai khác. Tu Bồ Đề! Pháp sở đắc của Như Lai, pháp ấy không thật không hư.

Tu Bồ Đề! Nếu tâm Bồ Tát trụ nơi pháp mà làm việc bố thí, như người vào nhà tối, tức là không thấy được vật gì, nếu tâm Bồ Tát không trụ pháp mà thật hành bố thí, như người có mắt sáng, yển sáng mặt trời soi, thấy tất cả các sắc. Tu Bồ Đề! Đòi đương lai, nếu có thiện nam, thiện nữ nào thường ở trong Kinh này, thọ trì, đọc tụng thì được Như Lai dùng trí huệ Phật, đều biết người ấy, đều thấy người ấy, đều được thành tựu công đức vô lượng vô biên!

KHÁI LUẬN:

Phần căn bản, nhân Ngài Tu Bồ Đề đến lúc này, nghe Kinh hiểu sâu, đã lãnh ngộ đạo lý “nếu thấy các tướng phi tướng, tức thấy Như Lai” cảm động từ trong tâm khảm, thương mến, khóc lóc, phát lên một tiếng khen ngợi “Thế Tôn ít có”. Ở trong phần thứ 2 của Kinh này, cũng đã có khen ngợi một tiếng “ít có Thế Tôn”. Khen ngợi trong phần thứ hai lá tán thán Phật Thế Tôn chỉ dạy trong sự đi đứng nằm ngồi đều có Bát Nhã chân tâm lưu độ. Còn khen ngợi trong phần này là tán thán Phật Như Lai chỉ thị diệu dụng Bát Nhã, như thâm nhập 9 lớp. Dem so sánh một lớp phòng nhà; từ trước chỉ cho thấy mặt ngoài, xem qua kiểu quy mô tráng lệ; giờ đây tiến đến phòng nhà bên trong. Phật Như Lai cũng vì Tu Bồ Đề đã ngộ hữu tướng đều là hư vọng, phi tướng thì thấy được mật nghĩa của Như Lai, thế nên liền

cố gắng công phu thực hành. Thật hành thì không ngoài sáu pháp ba la mật (tức là lục độ; Trí huệ, bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, và thiên định). Bởi vì nhẫn nhục là một độ rất khó thật hành, chung quy vì vọng tưởng chưa diệt.

Nhẫn nhục chưa đến nơi, khiến tâm hồn bị sợ sệt, bị Kinh hãi. Thế nên tín tâm không kiên cố. Vì thế Ngài dùng bản thân hành nhẫn nhục, không bốn tướng để gắng tới ba la mật. Đã chỉ rõ trong văn Kinh, nếu Bồ Tát còn có ngã tướng, nhơn tướng, v.v...tức không phải là hạnh Bồ Tát. Lại đem mỗi phần trước, thường nói phước đức, phần này lại nói công đức, bởi vì công thành quả mãn phước không đủ diễn tả vậy.

LÒI PHỤ THUỘC:

Bát Nhã dịch là diệu trí tuệ, trước đã nói qua rồi. Nhưng diệu trí tuệ ấy phân chia để nói, có chia ra mấy loại: có văn tự diệu trí tuệ, quán chiếu diệu trí tuệ và thật tướng diệu trí tuệ v.v...hai câu căn bản “phân biệt nghe nói Kinh này, hiểu sâu nghĩa thú”, tức bao trùm 3 loại diệu trí tuệ này. Nghe nói Kinh này tức là văn tự diệu trí tuệ. Hiểu sâu nghĩa thú tức là quán chiếu diệu trí tuệ. Còn thông suốt tức là thật tướng diệu trí tuệ.

Như Lai đời trước có một kiếp bị vua Ca Lợi phân cắt thân thể. Mẫu chuyện như sau:

Một hôm, Vua Ca Lợi hướng dẫn đoàn cung phi, mỹ nữ vào trong rừng núi thượng ngoạn và săn bắn. Như lúc Vua mệt an nghỉ, và ngủ say một giấc. Đến lúc tỉnh dậy, không nhìn thấy đoàn cung phi,

mỹ nữ, chỉ thấy vài cận vệ. Vua bèn dùng các cận vệ đi tìm kiếm. Xa xa thấy có một tòa trong động lớn, các cung phi mỹ nữ đều ngồi trong động, vây quanh một vị sư để nghe thuyết pháp.

Vua Ca Lợi rất giận, chỉ vào mặt vị sư trách rằng:

- Tại sao Ông quyến rũ các mỹ nữ đến đây?

Vị sư đáp:

- Tôi thật không làm như thế.

Vua lại gạn hỏi:

- Vì sao thấy nữ sắc mà nói không ham muốn?

Vị sư trả lời;

- Vì tôi giữ giới.

Vua gạn hỏi:

- Ông giữ giới tu hạnh gì?

Vị sư trả lời:

- Tôi tu hạnh nhẫn nhục.

Vua nghe hai tiếng nhẫn nhục, liền nổi giận đùng đùng, rút gươm xông tới, hỏi:

- Ông biết đau không?

Vị sư đáp:

- Thản nhiên.

Vua càng tối tăm mặt mày, liền chặt đứt thân thể nhà sư, rồi hỏi;

- Ông có đau không? Và có thù hận ta không?

Sư đáp:

- Đã không có ngã thì làm gì có hận thù.

Lúc bấy giờ, bốn vị Thiên Vương trong lòng chấn động và phẫn nộ trước sự độc ác của nhà Vua, nên cho một trận cuồng phong, đá chạy cát bay, thiên long bát bộ đồng đến hộ trì. Vị sư bị cắt đứt chi thể, được hoàn lại như cũ. Ông Vua lo sợ, quỳ gối trước vị sư, cầu xin chuộc tội và ăn năn sự độc ác. Vị sư liền xin chư Thiên Vương đại xá lỗi lầm cho nhà Vua, bầu trời trở lại quang đặng. Ông Vua cũng hồi tâm phát nguyện hướng thiện. Vị sư cũng phát nguyện rằng: Khi nào tôi thành Phật, sẽ độ cho ông trước.

Vua Ca Lợi, sau 500 đời là ngài Kiều Trần Như gọi đủ là A Nhã Kiều Trần Như (Ajnata-Kaundinya) sinh trong chủng tộc Bà La Môn, tại thành Ca Tỳ La Vệ, Ấn Độ. Ngài giỏi về bói thuật, thời gian Đức Thích Ca mới giáng sinh, ngài từng được

mời xem bói thuật. Sau khi đức Thích Ca xuất gia, tu khổ hạnh trong núi, bên bờ sông Ni Liên Thiên; lúc ấy Kiều Trần Như là một trong năm vị thường theo hầu hạ đức Thế Tôn.

Trụ sắc bồ thí là tâm chấp tướng. Trụ pháp bồ thí là chấp pháp tướng. Không trụ pháp bồ thí, thì không chấp pháp, cũng chẳng chấp phi pháp. Không chấp pháp thì không thật, không chấp phi pháp thì không hư. Bồ thí như thế thì được chánh giác viên minh, không bị chướng ngại. Như người có mắt, yển sáng mặt trời chiếu soi, thấy các vật sắc, nên nói chánh giác thật là chí lý vậy. Nếu bồ thí mà trụ tướng, tức là có ngã, như v.v...bốn tướng chưa quên, thì sẽ cùng chúng sinh kết duyên thương ghét vậy! Như thế đó lẫn nhau làm cha mẹ, con cháu, thọ oan

gia trái chủ, trăm kiếp nghìn đời, ân oán khó mà giải tỏa, luân hồi trong đường sanh tử, đâu có lúc nào ra khỏi. Vì thế nên Phật Như Lai chỉ dạy thật hành hạnh bố thí, không nên trụ tướng, chính vì lý do nêu ở trên.

GIẢNG NGHĨA:

Tu Bồ Đề nghe Phật Như Lai nói Kinh, lúc nghe trong tâm sâu ngộ lý thú. Có cảm tưởng buồn hận vì khi nghe được nghĩa lý Kinh này thì tuổi đã già, hai hàng nước mắt lăn tròn trên gò má, hướng về Phật Như Lai cất tiếng khen ngợi:

- “Thế Tôn thật là ít có”. Bạch Đức Phật! Sư Phụ đã nói nghĩa lý Kinh điển sâu sắc như thế, con từ trước đã được tuệ nhãn, mặc dù được “nhất văn thiên ngộ”, nhưng chưa từng nghe Kinh điển thâm áo như thế. Tu Bồ Đề lại thưa:

- Thế Tôn! Con vừa nghe lý thú của Kinh này, trong tự tính thanh tịnh, đã chứng ngộ rằng mình có thật tướng toàn chơn từ xưa đến nay. Nếu có người nào được nghe Kinh này, phát tâm nhưt niệm chánh tín, tâm rất thuần chánh, không bị dục trần mảy may, liền hiện diệu trí tuệ thanh tịnh, sanh tướng “chân thật bất hư”. Đó là người biết tu, thành tựu được công đức ít có thứ nhất của chư Phật.

Tu Bồ Đề lại nói:

- Bạch Thế Tôn! Lý rốt ráo của thật tướng Bát Nhã ấy, không như thái hư, không có hình tích, nếu ai chấp trước ngộ thật tướng, tức không phải là thật tướng. Do đó, nên Từ Phụ chỉ nói thật tướng mà thôi.

Lại một lần nữa Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn! Con hiện tại được nghe Kinh này, vì từ lâu sau khi chúng được tuệ nhãn, con rất tin lời chân thật, hiểu lý nhiệm mầu kia, tín phụng tu trì, không có gì khó khăn cả. Nếu đời sau 500 năm, thời kỳ mạt pháp ác trược, xa cách Từ Phụ lâu đời, chúng sinh chìm đắm nơi biển khổ, khi nghe được Kinh này mà có lòng tín giải thọ trì, thì những người ấy thật là minh liễu tự tánh thứ nhất, rất là dễ tu dễ chứng. Vì sao? Bởi vì người ấy đôn ngộ chơn không, quyết không có ngã, như v.v...bốn tướng. Khi xa lìa bốn tướng thì những người ấy quyết đã ngộ được phi tướng như và ngã đều quên. Nếu xa lìa tất cả các tướng, tâm kia không tịch, tức là được giác ngộ hoàn toàn, cùng với chư Phật đồng đẳng chính gọi là bậc Phật.

Phật Như Lai bảo ngài Tu Bồ Đề rằng;

- Như ông đã nói, sâu hợp lý Phật, sau nếu có ai nghe được diệu pháp Bát Nhã, không ngờ vực (tâm không thoái chuyển), phải biết những người ấy thật là ít có. Vì duyên có gì thế? Bởi nhờ Ba La Mật thứ nhất mà tôi đã nói: nguyên do các Kinh cũng đều từ đó lưu xuất. Trí tuệ này đến bờ kia. Nếu còn chấp trước bờ kia, ấy chẳng qua là đặc danh Ba La Mật thứ nhất mà thôi.

Đức Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Phàm cảnh mạ nhục đưa đến, tâm rộng rang đối xử, không nên giận tức, loạn diệu trí tuệ của mình. Tâm ta phải đồng như hư không, tức là đến được chỗ giác. Ấy là nhẫn nhục Ba La Mật. Nhưng chân không bản lai vô tướng, ngoài không biết nhục, trong không thấy

nhẫn, tự nhiên cả hai. Do đó, nên Như Lai thường nói: Chẳng phải nhẫn nhục Ba La Mật, ấy mới gọi là nhẫn nhục Ba La Mật! nói đến sự nhẫn nhục, như tôi kiếp trước, thời gian bị Vua Ca Lợi cắt đứt thân thể, vì tâm như hư không, nên không khởi bốn tướng. Sở dĩ được như thế, là vì thời gian bị cắt đứt thân thể, sự nhẫn nhục đã đến chỗ cùng tột. Thời gian ấy, nếu khởi bốn tướng, quyết định có lòng oán hận, không thể quên thù, trở thành quả khổ. Làm sao mà nói là nhẫn nhục? Tôi hồi tưởng lại 500 kiếp thuộc đời quá khứ về trước, khi làm nhẫn nhục tiên non, thường thật hành hạnh nhẫn nhục. Ở trong đời đó, chính không vướng quả bốn tướng, nhờ nhiều kiếp đốn ngộ chơn không. Thật sự mà nói, người đời tu hành không phải một mai, một chiều mà được thành đạt. Cũng nên biết rằng nhẫn nhục Ba La Mật, thật

là cấp thiết trước tiên cho những ai tu hành trên đường đạo. Quan trọng bước đầu, ta phải phá tâm giận tức, mới xa lìa bốn tướng, bốn tướng đều không, mới hoàn thành hạnh nhân.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Vì duyên có nói trên, nên Bồ Tát muốn thành đạo, tâm phải trống rỗng. Xa lìa tất cả vọng niệm, mới hay phát được đạo tâm vô thượng Bồ Đề; không nên khởi vọng niệm chấp nơi sắc, cũng chẳng nên khởi vọng tâm trước nơi thanh, hương, vị, xúc, pháp, phải sanh tâm “vô sở trụ”. Tâm ấy mới là viên thông vô ngại, thuận chơn không tham dục, tất cả không lãnh thọ sự ràng buộc. Nếu ở trên lục trần, có một trần bị trụ trước, thì khó mà giải thoát trần lao, tức không phải là trụ xứ của Bồ Tát. Thế nên, Như Lai tôi

thường nói, tâm Bồ Tát xưa nay trống rỗng nhưng sáng suốt; nếu trụ nơi sắc, thì không thể giác ngộ. Tôi nói: Không nên trụ sắc bồ thí, chính là ý này vậy.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Bồ Tát do không trụ giác tâm này, phát tâm rộng lớn, không những vì mình mà là vì lợi ích cho tất cả chúng sanh, phải nên bồ thí vô tướng như trên. Tất cả các hình tướng Như Lai tôi đã nói thì nên xa lìa. Vốn là điểm cốt yếu cho các vị Bồ Tát giải thoát mà thôi. Kỳ thật bản thể toàn không đều là phi tướng. Lại nói thêm cho tất cả chúng sanh, cũng là dẫn đạo, cho các vị Bồ Tát sau khi diệt độ mà thôi. Kỳ thật vọng tâm tự xa lìa, nếu thấy bản tánh, tức là không còn tánh chúng sinh nữa.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Như Lai tôi nghiệm xét pháp bát nhã đã được, cùng các pháp thế gian không đồng. Các pháp thế gian không chấp trước bên này thì cũng chấp trước bên kia. Chơn như vô tướng mà tôi đã nói là không thật; tự tính đầy đủ là không hư. Lại nữa, Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát tâm trụ trước nói pháp mà làm việc bố thí thì bốn tướng chưa trừ, như người đi vào trong nhà tối, hôn ám ngăn che, không thấy được vật gì cả; trái lại nếu Bồ Tát, tâm không trụ nơi pháp, mà làm việc bố thí đồng với người đã mở mắt Kim Cang, nhìn suốt ngọn đèn bát nhã, tánh sáng chiếu soi bốn phía, suốt thông chơn không, rõ biết tất cả cảnh vật, thấy suốt các thứ hình sắc.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Như Lai tôi sau khi diệt độ, nếu có thiện nam, thiện nữ nào, hay đối với Kinh này, thọ trì đọc tụng, tức đến quả vị Bồ Đề, thành tựu Như Lai tự tánh. Công đức của các vị ấy, không phải hàng tiểu quả, quyền thừa mà so sánh được. Chắc chắn cảm ứng đến Như Lai tôi, quyết đem trí tuệ vô thượng mà chiếu giám (đều biết đều thấy) những người ấy, đều được thấy tánh thành tựu công đức, khắp thí muôn kiếp, vô lượng vô biên.

Thơ 14

Tu Bồ Đề! Hiểu nghĩa Kinh,

*Khen ngợi lý thú, quang minh Phật
truyền,*

Thế Tôn chỉ giáo nghĩa huyền,

Không lo, không sợ, ngồi thuyền ba la.

Trở lại Phật chỉ cái ta,
 Nếu ai nhẫn nhục, chắc là phá tan,
 Kể lại sự tích tâm cang,
 Cuối cùng thắng lợi, thân an tâm thiên!
 Ly tướng bố thí diệu huyền,
 Những lời chân thật hiện tiền kính
 dâng,
 Bố thí, trì tụng trừ 'sân,
 Công đức khó tả, khó phân cho cùng!

PHẦN CÔNG ĐỨC TRÌ KINH THỨ 15

PHÂN GIẢI:

Phần trước đã nói nhẫn nhục xả thân, đều là phá ngã chấp. Sau khi phá ngã chấp lại phải suốt ngộ lý Bát Nhã; trái lại nhẫn nhục xả thân chỉ là lợi ích tầm thường.

Nếu chỉ biết xả thân nhẫn nhục, mà không chịu thọ trì Kinh điển, trở thành anh hùng can đảm thế gian, đối với chơn tánh khó mà hiển lộ hoàn toàn. Nếu ai hay nhẫn nhục xả thân, mà cũng hay thọ trì Kinh điển, suốt ngộ cái phi của hai chấp, hai ngã đều diệt, chắc chắn được công đức pháp tánh, thì không thể nghĩ bàn vậy.

Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam cùng thiện nữ nào, phần đầu của ngày (sáng) đem thân mạng bố thí nhiều như số cát sông Hằng; phần giữa của ngày (trưa) lại dùng thân mạng bố thí nhiều như số cát sông Hằng; phần sau của ngày (chiều) cũng dùng thân mạng bố thí nhiều như số cát sông Hằng. Như vậy không lường trăm nghìn muôn ức kiếp, đem thân mạng bố thí; nếu lại có người nghe Kinh điển này, lòng tin không

trái, phước này hơn kia, huông chi chép viết, thọ trì, đọc tụng, vì người giảng nói. Tu Bồ Đề! Tóm lại mà nói. Kinh này có công đức vô biên, không thể nghĩ bàn, không thể xúng lọng, Như Lai vì người phát tâm đại thừa mà nói, vì người phát tâm tối thượng thừa mà nói. Chỉ rõ sự sanh tử, không độ chúng sinh, gọi là tiểu thừa; những bậc duyên Giác, nửa vì người, nửa vì mình, gọi là trung thừa; Bồ Tát độ khắp tất cả gọi là đại thừa. Còn tối thượng thừa là thế nào? Là Phật thừa tế độ tất cả các bậc Bồ Tát. Nếu có người hay thọ trì đọc tụng, rộng vì người giảng nói, Như Lai đều biết người ấy, đều thấy người ấy, đều được thành tựu công đức không thể lường, không thể xúng, không có biên giới, không thể nghĩ bàn, những người như thế, thì được gánh vác sáu mệnh Như

Lai, cho đến khi chứng thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Gánh là dùng vai để gánh, vác thì dùng lưng để vác. Nói Vô Thượng Chánh Đẳng là bậc cao quý. Đạo do người hoằng, xác nhận dùng thân thừa nhiệm, do đó phải thành tựu được đại công đức vậy.

Vì có sao? Tu Bồ Đề! Nếu người nào ưa pháp quá nhỏ bị chấp trước ngã kiến, Nhơn kiến, chúng sinh kiến và thọ giả kiến, đối với Kinh này, không thể nghe thọ đọc tụng, vì người giải nói. Tu Bồ Đề! Nơi nào chốn nào, nếu có Kinh này, tất cả trời, người, A Tu La, trong thế gian, phải lo cúng dường. Phải biết nơi ấy, chính là bửu tháp, đều phải cung kính, làm lễ đi nhiều, dùng các hoa hương rải trên chỗ kia.

KHÁI LUẬN:

Phần trước nói đến công đức trì Kinh được thành tựu, phần này lại dùng pháp để so lường (đây là so sánh tướng phước huệ lần thứ 4), dùng thân mạng bố thí nhiều như số cát sông Hằng, nhưng không bằng nghe Kinh điển này, lòng tin cùng phước đức không trái nghịch. Tóm lại mà nói, trì Kinh công đức thù thắng hơn bố thí. Ý nói rõ công vô trụ bất nhã từ nơi nghĩa lý của Kinh. Nếu trừ ngã, nhưn v.v...các việc cố chấp thì không thể nghe thọ, đọc tụng, vì người giải nói. Như vậy là thế nào? Nhưn vì tướng phần vì hạng tiểu căn mà thuyết pháp; kiến phần vì bậc đại căn mà giảng pháp. Tướng phần là nhưn ngã tướng. Kiến phần là pháp ngã tướng. Người ưa pháp quá nhỏ là thế nào? Là ưa hô hào bẻ không phá tướng, ‘thù bất tri’ kiến phần này còn quá nhiều vậy. Kiến phần của mỗi người chưa phá, thì

pháp ngã chấp vẫn còn. Ai còn có pháp ngã chấp, tức là chưa hiểu sâu lý bát nhã, chưa đạt được tể bát nhã. Tự lợi còn chưa trọn thì làm sao có lợi tha. Vì thế nên nói phải phá tan bốn ngã tướng v.v... Những ai ưa pháp quá nhỏ, tức là không thể đối với Kinh này vì người khác giải nói.

Lại nữa, không thể suy tôn Kinh này có toàn thân Như Lai. Gắng gượng cho mọi người, không luận Tăng, tín đồ cúng dường ngoại hộ. Điểm chính thọ trì Kinh này là để sáng suốt trong lòng, cầu đạt đến cảnh giới chí thành vô vọng. Nếu ai thọ trì Kinh này được như vậy, cúng dường tâm sáng suốt, thì tâm ấy tức là Phật, cần gì phải ngoài thân tìm Phật. Như Lai chỉ ở trong tự tâm của chính mình mà thôi!

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật bảo:

- Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam tín nữ nào, ở trong một ngày, sáng sớm dùng thân mạng bố thí nhiều như số cát sông Hằng; đứng ngọ lại dùng thân mạng bố thí nhiều như số cát sông Hằng; rồi chiều lại cũng dùng thân mạng bố thí nhiều như số cát sông Hằng. Những người như thế, trải qua trăm nghìn muôn ức kiếp lâu xa, mỗi ngày ba thời, đều bố thí như thế, chính mình (các người ấy) sẽ đặng phước đức bố thí. Nếu lại có người hay dùng tâm không trái nghịch, chánh tín Kinh này, thì phước đức thù thắng nhiều hơn sự xả thân mạng nói ở trên. Huống chi là tay viết, miệng tụng, vì người giảng nói ý nghĩa của Kinh, giữ tâm lợi mình lợi người, chẳng những sáng chói tự tánh của mình, lại còn khiến mọi người thấy tánh, căn

lành thuần thực, lợi ích không cùng tận, sự nhiều phước đức kia, đâu có thể lấy chi mà so sánh được.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Nói một cách dễ hiểu, công đức xứng tánh mà làm, không thể dùng tâm nghĩ, miện bàn, không thể nào dùng số nhiều ít xưng lường. Thật là công đức không có ngăn mé vậy. Phật Như Lai thuyết Kinh này công đức có ngăn mé hay không? Vì Kim Cang Bát Nhã là bản tính diệu dụng của người đời, là tối thượng thừa của đại tạng Bồ Tát, không phải là nơi của hàng tiểu quả đạt đến được. Vì thế nên Phật Như Lai vì khai thông cho hàng đại căn tính, nên nói lý nhiệm mầu chơn không này; vì khai thông cho những bậc tối thượng thừa, nên thuyết minh pháp Kim Cang Bát Nhã này. Nếu có hạng đại

căn tánh, thọ trì Kinh điển đại thừa này, rộng vì người đời khai phát diệu chỉ, thì những bậc ấy công dụng đức hạnh thành công cho người gồm cả thành đạt cho mình, không thể xưng lường, không thể nghĩ bàn, không thể dùng biên tế chỉ bày được. Những bậc ấy in hạp tâm Phật, công đức được thành tựu, chỉ có Phật Như Lai thấy được biết được. Các vị ấy công đức này đã thành tựu, đầy đủ khả năng đảm nhiệm chánh pháp vô thượng Bồ Đề của Như Lai. Vì duyên có trên, nên các hạng ưa thích pháp quá nhỏ mọn, hạn thuộc trong chỗ thấy nghe, không khởi có ngã, nhưn v.v... tư kiến, đối với giáo pháp tối thượng thừa đại thặng này, liền khởi tâm kinh hãi sợ sệt. Tự tâm đã không thể yên tĩnh, thì làm sao mà nghe thọ đọc tụng vì người giải nói Kinh này ư?

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Những hàng người đại thặng, mỗi chỗ, mỗi nơi, nói Kinh điển này, hay khiến người nghe, tâm khai ý giải, căn lành thông cảm, chắc được trời, rồng, hàng bát bộ, thánh thần đều đến cúng dường, hộ vệ pháp thân. Khắp hiện hoa quang tam muội, thẳng vào một tòa bảo tháp xá lợi, hay khiến xa gần kính ngưỡng đánh lễ, tung rải hoa báu hương thơm, những chỗ trì Kinh này. Ấy là việc cúng dường chí lý vậy! Có thể nói một người tâm sáng, chư Thiên cùng dường hoan hỷ!

Thơ 15

Có người bố thí thân dùng,

*Trải qua nhiều kiếp phước trùng trùng
lai,*

Không bằng trì tụng những ai,
 Vì người giải nói đức hoài thiên thu.
 Nếu ai đọc tụng công phu,
 Như Lai thấy biết đường tu đắc thành,
 Đứng ra gánh vác hạnh lành,
 Vô Thượng Chánh biến tụng hoành
 mười phương.
 Những ai ưa pháp tâm thường
 Bốn phía còn chấp là đường gian nan,
 Chỗ nào xứng lý Kim Cang,
 Chư thiên hoan hỷ, cúng dàng thường
 xuyên

PHẦN HAY TỊNH NGHIỆP CHƯƠNG THỨ 16

PHÂN GIẢI:

Nghiệp chương là thế nào? Hoặc là nghiệp, hành động đời trước, hoặc là hành động hiện tại, đều có thể ngăn che chơn tánh.

Hành động đời trước, chính là sức nghiệp của đời trước, những hành động thuộc nhiều đời nhiều kiếp về trước, không thể tính kể. Bởi vì từ vô thủy kiếp trở lại, những nghiệp đã tạo đều thu nạp vào ruộng thức thứ tám, gặp duyên phát hiện, quả thuận thực liên sanh, luân chuyển trong sáu đạo, không bao giờ thôi dứt, hòa hợp vọng sanh, hòa hợp vọng tử, sinh diệt không thôi, đều là nghiệp lực không thể nghĩ bàn, sức nó lôi cuốn mạnh mẽ. Trong Kinh có nói: “Nghiệp lực của chúng sanh, nếu có hình tướng, đầy cả hư không, không đủ chỗ chứa”. Nói như thế để biết nghiệp lực của chúng sanh vốn thuộc hư

vọng, chỉ vì chúng sanh không rõ duy tâm, do đó tạo ra những nợ hư vọng, tức là thọ khổ hư vọng. Do đó mà chúng ta rõ được nghiệp chướng từ xưa đến nay vốn là không, nếu chưa rõ là phải hoàn lại nợ đời trước.

Nói về hành động hiện tại (hiện nghiệp), tức là đời dữ năm trước này, chúng sinh trả nợ những gì đã tạo công cộng đời trước, vì nó liên quan đến đời này vậy. Nếu có chúng sanh nào thọ trì đọc tụng Kinh này, biết rõ tất cả huyền tướng, đều là “duy tâm sở hiện”, năm uẩn vốn không, sáu trần chẳng có, không bị vật chuyển mà hay chuyển được vật, thì không thọ các khổ hư dối này. Tuy nhiên muốn rõ duy tâm, cần phải sâu thông Bát Nhã. Nếu thâm nhập được Bát Nhã thì rõ các sự vật đều không, tất cả hư vọng dứt sạch. Thế

nên chỉ có Bát Nhã mới hay tịnh trừ được nghiệp chướng.

Lại nữa, Tu Bồ Đề! Các thiện nam thiện nữ nào, thọ trì đọc tụng Kinh này, nếu bị người khinh tiện. Những việc khinh tiện rất nhiều, hoặc là bị ganh ghét, hoặc sanh tị hiềm, hoặc ôm lòng giận mà gia tâm phỉ báng, hoặc ý thế mà lán lướt, thậm chí bị gia hại bởi dao, gậy, ngói, đá. Tất cả đều nằm trong hai chữ khinh tiện. Người ấy đời trước tạo nhiều tội nghiệp, phải đọa vào đường ác, đời này bị người khinh tiện; (đọc tụng Kinh này) tội nghiệp đời trước, chắc chắn được tiêu diệt, sẽ chứng đặng quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Tu Bồ Đề! Tôi nhờ thưở quá khứ vô lượng kiếp a tăng kỳ, a tăng kỳ dịch âm là tiếng Hoa, dịch nghĩa là vô lượng số. Ở

trước Đức Phật Nhiên Đăng gặp được tám trăm bốn nghìn muôn ức na do tha các Đức Phật, gặp, ý nói gặp gỡ. Na do tha dịch âm thành tiếng Hoa, có nghĩa là một muôn muôn, thấy đều cúng dường dâng thờ, không bỏ qua một vị nào. Nếu lại có người, ở trong đời mạt pháp về sau thường thọ trì đọc tụng Kinh này, thu được công đức, đối với công đức của tôi đã cúng dường các Đức Phật, trăm phần không bằng một, nghìn muôn ức phần, cho đến toán số thí dụ cũng không bì kịp.

Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam và thiện nữ nào, ở trong đời mạt pháp về sau, hay thọ trì đọc tụng Kinh này, chỗ được công đức, nếu tôi nói đầy đủ, nói đầy đủ chính là nói rõ ràng, hoặc có người nghe, tâm liền cuồng loạn, hồ

nghi không tin. Tu BỒ ĐỀ! Phải biết nghĩa của Kinh này không thể nghĩ bàn, quả báo cũng không thể nghĩ bàn!

KHÁI LUẬN:

Văn trên nói công đức trì Kinh như thế nào. Phần này là chỉ rõ công đức trì tụng làm sáng tỏ Bát Nhã, có lợi ích ly chướng xuất triền; chẳng những diệt tội mà còn được thắng quả. Chia chẻ mà nói, có hai việc không thể nghĩ bàn:

Một là đời này thọ trì đọc tụng Kinh này, tội nghiệp đời trước tiêu diệt một cách dễ dàng.

Hai là chẳng những tiêu diệt tội nghiệp đời trước, lại còn đăng quả bồ đề.

Việc trước chỉ rõ phước báo không thể nghĩ bàn. Luôn dẫn chứng Phật Như Lai tự Ngài khi chưa gặp Phật Nhiên Đăng,

mặc dù cúng dường vô thờ nhiều đức Phật, nhưng không bằng người đời sau thọ trì đọc tụng Kinh này, công đức nhiều hơn; đem số muôn ức để dụ cho trần sa đều không thể nào bì kịp. (Đây là lần thứ năm, dùng công đức cúng Phật để so sánh với công đức trì Kinh). Lại giải bày có thiện nam thiện nữ nào đời mạt pháp về sau thọ trì đọc tụng Kinh này, công đức không có chi sánh được.

Như Lai cũng vì các bậc hạ căn nói pháp, do đó không thể nào chẳng nói quá báo khiến họ cảm động. Nếu đem công đức này, nói ra tất cả thì sợ chúng sinh hiểu lầm đại phước, tâm bị cuồng loạn, trái với ý chánh trong Kinh, qua đạo lý vô tướng vô trụ, giống như tin mà không tin, gây thành sự hồ nghi. Do đó nên nói quá báo nghĩa Kinh, không thể nghĩ bàn,

chẳng qua là muốn cho chúng sinh hồi tâm tịch chiếu, nương theo giáo pháp tu trì, để sáng suốt tự tánh. Nếu đem Kinh điển mà nghĩ bàn thì trở thành cách ngại.

Tóm lại, Như Lai chỉ rõ Kinh này, vì một điều làm khuôn phép mà phát tâm Bồ Đề. Đại Bồ Tát phải như thế mà hàng phục tâm kia, thiện nam tín nữ cũng phải y theo thế đó mà hàng phục vọng tâm thì chắc chắn không có gì sai khác giữa Phật và chúng sinh.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật nói:

- Tu Bồ Đề! Mỗi khi có thiện nam thiện nữ đều thường hay thọ trì đọc tụng Kinh này, chẳng những không được người, trời, cung kính mà lại bị người khinh tiện là vì có sao? Đó chính là do các vị đó đời trước

có tội nghiệp lớn. Đã có tội nghiệp thời đời sau phải bị vào ba đường ác là địa ngục, quỷ đói, và súc sanh, chịu khổ không cũng tận. Đời nay, nhờ công đức trì Kinh, giảm bớt tội nghiệp kia, rồi bị người khinh tiện, đó là việc phải có. Tu trì dần dần, trừ được quả hiện tại, tội diệt phước sanh, tự nhiên sẽ chứng được Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật lại bảo:

- Tu BỒ ĐỀ! Tôi nhớ nghĩ đến đời trước xa xưa, trải qua số kiếp không lường. Trước khi chưa gặp đức Phật Nhiên Đăng, tôi đã từng cúng dường vô số đức Phật, nối đức Phật đều tự như, đều thành tâm chuyên ý cúng dường, số nhiều không thể tính kể. Thế mà đời sau có những người đối với Kinh này thọ trì đọc tụng, thấy được bản tánh của họ, dứt được sự luân

hồi, đem công đức ấy so sánh với Như Lai tôi trước kia về công đức cúng dường, lại thù thắng hơn xấp muôn muôn lần.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam tín nữ nào, ở đời rớt sau thường thọ trì đọc tụng Kinh này, quyết được công đức vô lượng không nghĩ. Đây là những lời Như Lai tôi lược nói, nếu nói rộng thì công đức ấy bao trùm cả trời đất, số lượng hơn số cát sông Hằng; sợ những người hạ căn nghe đến, tâm tánh bị cuồng loạn, những bật căn tánh khá thì lại sanh lòng hồ nghi, lại cho lời của tôi nói là quá đáng mà ngạc nhiên than thở.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Phải biết công đức, do nơi nghĩa Kinh, mà được quả báo. Nghĩa

Kinh rất là cao siêu, khó mà suy lường,
quả bảo rất là trọng yếu, không thể nào
nói cho hết.

Thơ 16:

*Những ai đọc tụng hữu duyên,
Dù bị khinh tiện, tội khiên đã làm,
Trì Kinh dứt sạch lòng phàm,
Sẽ đặng chứng quả độ hàm linh căn!
Xưa tôi ở trước Nhiên Đăng,
Cúng dường chư Phật như hằng hà sa,
Có người mặt thế lâu xa,
Trì Kinh công đức hơn ta rất nhiều!
Mặt thế trì tụng biết điều,
Nói lắm sợ kẻ đăm chiêu hồ nghi.
Tu Bồ Đề thật trí tri,*

Nghĩa Kinh, quả báo khó ghi tận tường.

PHẦN CỨU KÍNH VÔ NGÃ THỨ 17

PHÂN GIẢI:

Ngài Tu Bồ Đề đối với ý trụ tâm và hàng phục tâm, thô trần đã dẹp, tế hoặc khó dung. Đến đây lại trình bày thỉnh trước, muốn đặng đạo lý trụ tâm và hàng phục tâm rất ráo. Do đó, nên đức Phật hoàn toàn dùng những việc trên thân mình để khai thị, khiến mọi người biết nhân không, pháp không, rốt ráo là vô ngã vậy.

Lúc bấy giờ, ngài Tu Bồ Đề lại bạch Phật rằng:

- Thừa Thế Tôn! Có thiện nam và thiện nữ, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thế nào phải trụ, làm sao hàng phục vọng tâm?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Có thiện nam cùng thiện nữ nào phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, phải sinh tâm như thế này, ta nên diệt độ cho tất cả chúng sinh, diệt độ tất cả chúng sinh rồi, nhưng không có một chúng sinh nào thật diệt độ.

- Vì có sao? Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát còn có ngã tướng, nhơn tướng, chúng sinh tướng và thọ giả tướng, tức không phải là Bồ Tát. Lý do vì sao? Tu Bồ Đề! Thật không có pháp gì chắc thật để phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác hay không?

- Bạch Thế Tôn không. Như con đã hiểu Phật đã nói nghĩa đó, khi Thế Tôn ở chỗ Phật Nhiên Đăng, không có đặng

pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật nói:

- Đúng như vậy, Tu Bồ Đề! Thật không có pháp nào để Như Lai chứng đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Nếu có pháp để Như lai chứng đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Phật Nhiên Đăng tức không thọ ký cho tôi, ở đời sau, sẽ được thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Thích Ca dịch âm tiếng Phạn Sakya, Trung Hoa dịch là Năng Nhân. Mâu Ni cũng dịch âm từ Phạn ngữ Muni, Trung Hoa dịch là Tịch Mặc. Vì thật có pháp để chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thế nên Phật Nhiên Đăng cùng tôi thọ ký nói rằng: Ông ở đời sau, sẽ đặng làm Phật hiệu là Thích Ca Mâu

Ni. Vì có sao? Như Lai tức là các pháp đúng như nghĩa.

Nếu có người nói, Như Lai chứng đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Thật không có pháp để Phật chứng đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Như lai đã đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, ở trong đó không thật không hư. Thế nên Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật Pháp. Tu Bồ Đề! Đã nói tất cả pháp, tức không phải tất cả pháp. Ấy mới gọi là tất cả pháp. Tu Bồ Đề! Thí như thân người cao lớn.

Tu Bồ Đề nói:

- Bạch Thế Tôn! Như lai thường nói thân người cao lớn, tức là không phải cao lớn, mới gọi là cao lớn! Tu Bồ Đề! Bồ Tát cũng như thế, nếu nói thế này,

ta sẽ diệt độ vô lượng chúng sinh, tức không gọi là Bồ Tát. Vì sao? Tu Bồ Đề! Vì thật không có pháp gì gọi là Bồ Tát. Thế nên Phật nói tất cả pháp, không ngã, không hơn, không chúng sanh, không thọ giả. Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nói như thế này, ta sẽ trang nghiêm cõi Phật, tức không phải trang nghiêm, ấy mới gọi là trang nghiêm. Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát thông suốt có ngã, pháp, Như Lai nói ấy mới gọi là Bồ Tát.

KHÁI LUẬN:

Tu Bồ Đề! Cho đến lúc này nghe Phật giảng nói nghĩa Kinh, và lời hộ niệm phú chúc cho các vị Bồ Tát, rất là rõ ràng. Hiện tại lại hỏi các thiện nam, tín nữ, phát tâm Bồ Đề, làm sao hàng phục vọng tâm. Những kiến chấp thánh phàm chưa dứt, đối với tất cả chúng sanh tức là nghĩa phi

chúng sinh, lại chưa được triệt ngộ. Hơn nữa, nghe Như Lai vì những người phát tâm đại thừa mà nói, vì những ai phát tâm tối thượng thừa mà nói, luôn cả các thiện nam, thiện nữ, các thứ công đức trì Kinh, nghĩa Kinh và quả báo không thể nghĩ bàn. Liên tưởng đến các thiện nam cùng thiện nữ phát tâm bồ đề, không thể nào mà không thọ trì Kinh này.

Nhưng hiện tại và đời sau, các thiện nam tín nữ chưa được thân thừa các diệu pháp đã nói từ trước, vị tất đã lãnh hội những lời nói về đại thừa và tối thượng thừa nói trên. Nếu khi phát tâm bồ đề này, phải hàng phục vọng tâm như thế nào? Câu hỏi này ý chánh đã hỏi trong phần thứ hai của bản kinh này. Tự độ, độ tha, một tâm lòng rộng lớn, ở nơi đây có thể nhận thấy. Do đó, nên Phật Như Lai mới

dùng vô pháp phát tâm đề, đoạn trừ pháp nghi của Ngài Tu Bồ Đề.

GIẢNG NGHĨA:

Trong thời gian này, Ngài Tu Bồ Đề đương cơ hướng về Đức Phật Như Lai xin hỏi:

- Thiện nam, tín nữ nào đã phát tâm bồ đề, làm sao hay khiến tâm bồ đề thường trú? Làm thế nào hàng phục được vọng niệm?

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Tâm Bồ Đề xưa nay đầy đủ, đương thể hiện thành, chẳng qua chỉ vì chúng sinh, bị trần nhiễm ngăn che. Thiện nam, tín nữ nào đã phát tâm bồ đề, lòng ham muốn chám dứt, lý mới trở về chơn ngã. Đó là trụ tâm, ấy là hàng phục được tâm, không cần cầu việc gì hơn nữa (phải sanh tâm

như thế). Như tất cả chúng sanh, phiền não, vọng tưởng, thủ xả, nhơn ngã, tham giận, ganh ghét, các loại trong bốn tướng. Như Lai tôi phải dùng nhiên phương tiện để trừ diệt và độ thoát. Nhưng Như Lai tôi thường nói diệt độ, chẳng qua chỉ điểm chơn tán, khiến chúng sanh tự ngộ, trong không thấy ngã tướng hay độ. Bởi vì chúng sinh đã thấy chơn tánh, đã diệt độ rồi thì bát nhã quán chiếu thường trú không diệt; nói một cách rõ ráo, thật không có một chúng sanh nào được tôi độ cả. Vì duyên có gì thế? Bởi vì Bồ Tát học đạo, nếu còn tâm nhờ Như Lai tôi diệt độ, thì in tuồng như bốn tướng chưa trừ, tức từ đâu mà phát tâm Bồ Đề? Làm sao xưng là Bồ Tát?

Đức Phật lại bảo Tu Bồ Đề:

- Chính là tánh vốn không tịch, hồn nhiên thiên nhiên, ai phát tâm này, chẳng qua là tự tu tự ngộ mà thôi! Trong chơn tánh, thật không có pháp phát tâm Bồ Đề.

Đức Phật nói tiếp:

- Ý ông nghĩ như thế nào? Như Lai tôi khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng, có pháp gì đặng tâm bồ đề này không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Thế Tôn không có pháp đặng tâm bồ đề này, đó là đạo lý mà Từ Phụ thường nói. Từ Phụ khi ở chỗ Phật Nhiên Đăng, tự tánh tự ngộ, đều không có pháp gì chứng đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

- Đúng như vậy! Phật nói, Tu Bồ Đề! Như Lai tôi, thời gian ấy, các hạnh đã tu, thật không đặng pháp bồ đề.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Nếu nói có phương pháp chúng đặng bồ đề, thì Phật Nhiên Đăng không cùng tôi thọ ký, tương lai sẽ được truyền trao phương pháp thành Phật. Lại nữa làm sao ký đời sau sẽ được làm Phật ư? Thật tại nhân vì không có pháp gì chúng đặng bồ đề cả. Vì thế, nên Phật Nhiên Đăng, mới cùng tôi trao lời thọ ký, dự định đời sau thành Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni. Ông có biết ý nghĩa của Như Lai không? Như Lai là bản tính trạm nhiên, không nhiễm không trước, như như bất động, nên gọi là Như Lai. Thản như người không biết dụng ý ấy, làm nói là Như Lai tôi, riêng có pháp có thể đặng Bồ Đề.

Ngài dạy thêm:

- Như Lai tôi đã đặng bồ đề là bình đẳng chân như, diệu pháp thật tướng, không thể dùng sắc tướng mà thấy, không thể dùng lời nói mà cầu. Vì thế, nên Như Lai tôi nói trong các pháp, hay tự ngộ chơn như, đều là Phật Pháp.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Song các pháp không thể đắm chìm trong cái đó. Nói rằng tất cả pháp, chẳng phải thật có đối với tất cả sự vật. Đó chỉ là giả danh mà gọi là tất cả pháp mà thôi.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Ví như thân người cao mà lại lớn, đó có thật lớn hay không?

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Ví như thân người cao mà lại lớn, đó có thật lớn hay không?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn! Pháp thể thanh tịnh, lượng của nó như hư không như hư không, mới gọi là lớn. Đức Từ Phụ thường nói thân lớn, nó có sinh diệt, lại có hạn lượng, làm sao cho là lớn, chẳng qua là giả danh để gọi mà thôi.

Phật dạy thêm:

- Bồ Tát cũng như thế, thanh tịnh chơn như, gọi là Bồ Tát. Độ sinh là bốn phận của Bồ Tát, nếu nói ta là Bồ Tát, phải diệt độ tất cả chúng sinh, thế là đã có ngã tướng, không phải là Bồ Tát. Ấy là thế nào?

Phật nói:

- Tu Bồ Đề! Chỉ có sự thanh tịnh, gọi là Bồ Tát, thật không có pháp gì khác mà gọi là Bồ Tát. Do đó, nên Như Lai tôi nói trong tánh không có bốn tướng, chơn tánh không không suốt suốt, chẳng những không chúng sanh, mà không có chỗ nào gọi là Bồ Tát, nên biết lại không có chỗ nào gọi là diệt độ.

Đức Phật lại dạy:

- Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát nói, ta sẽ trang sức nghiêm chỉnh cõi nước của Phật, ấy là còn trước có tướng, không được gọi là Bồ Tát. Vì lẽ đó mà Như Lai tôi nói trang nghiêm cõi Phật, chẳng phải trang nghiêm bên ngoài, chẳng qua là trang nghiêm giả danh mà thôi.

Đức Phật lại dạy thêm:

- Tu Bò Đề! Nếu buông bỏ đại triệt đại ngộ, như không pháp không, rỗng nhiên vô ngã, thân ta đã không làm gì có tâm trang nghiêm độ sanh. Như thế thật là Bò Tát.

Thơ 17:

*Tu Bò Đề bạch Phật thương,
 Làm sao an trụ, khởi vọng vọng trần?
 Phật dạy giải toái dần dần,
 Rồi mới đi đến toàn phần chứng chơn.
 Xưa kia nhờ đó ta hơn,
 Nhiên Đăng thụ ký, Năng Như ta bà,
 Tâm ai còn chấp Phật Đà
 Vô Thượng Chánh Đẳng ắt là khó
 thông!
 Vì thế Phật nói chơn không,*

Khiến cho sinh chúng đại đồng thân tâm,

Loài người, cõi Phật thậm thâm,

Bồ Tát thông đạt muôn năm độ đời!

PHẦN NHỨT THỂ ĐỒNG QUÁN THỨ 18

PHÂN GIẢI:

Đây nói tâm, Phật cùng chúng sinh cả ba không sai khác. Lìa chúng sanh không có Phật, lìa Phật không có chúng sinh, lìa tâm cũng không có chúng sanh và không có Phật. Trong tâm chúng sanh đều có Phật tánh, rồi qua lại sáu đường, tùy nghiệm mà lưu chuyển. Trong biển tánh của Phật vốn có chúng sinh, mà bao la muôn loài, tùy duyên bất biến. Danh tuy có chia phàm thánh, sự thật thể chỉ có một mà thôi. Chỗ sai khác đó, là tại vì chúng

sinh, theo nghiệp đời đời, rồi bỏ quên bản thể. Chư Phật không bị nghiệp chuyển vì đã liễu ngộ được chân tâm. Chỗ vi tế chuyển cùng không chuyển kia là do mức độ biết được chơn tâm, vọng tâm tới mức độ nào. Ngộ thì toàn tướng thành tánh, tức chỗ vọng thất chơn. Mê thì toàn tánh thành tướng, tức là chỗ chơn khởi vọng. Chơn vọng đồng thời, chẳng phải một, chẳng phải khác. Nói như thể đồng quán, tức là nói chúng sanh Phật tánh sẵn có, cùng với Phật không hai không khác. Phật biết chúng sanh đồng thể, nhưn đồng thể mà khởi ra lòng đại bi.

**- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào?
Như Lai có nhục nhãn không?**

**- Như thế, bạch Thế Tôn! Như Lai có
nhục nhãn.**

**- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào?
Như Lai có thiên nhãn không?**

**- Bạch Thế Tôn! Như Lai có thiên
nhãn.**

**- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào?
Như Lai có huệ nhãn không?**

**- Đúng! Bạch Thế Tôn! Như Lai có
huệ nhãn.**

**- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Như Lai
có pháp nhãn không?**

**- Như thế! Bạch Thế Tôn! Như Lai có
pháp nhãn.**

**- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào?
Như Lai có Phật nhãn không?**

**- Chính vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai
có Phật nhãn.**

Trong Kinh thường nói: Nhục nhãn, thiên nhãn, huệ nhãn, pháp nhãn, và Phật nhãn. Gọi chung là ngũ nhãn. Ấy là minh giác trong bản tính. Phàm thấy hình sắc của chúng sinh đầy đủ là nhục nhãn, sắc thân tự có nhục nhãn. Phàm thấy cả đại thiên thế giới, huệ tánh chiếu soi, yển sáng thấu nhiếp cả nghìn sa giới, gọi là thiên nhãn. Phàm thấy được tự tính bát nhã, trở lại soi sáng bên trong, đuốc trí thường minh. Ấy gọi là huệ nhãn. Phàm thấy các pháp đều không, rõ sự vật chẳng có, suốt thông cả thế giới, gọi đó là pháp nhãn. Phàm phóng hào quang sáng chói phá các tối tăm, thường chiếu chơn tánh, trên từ chư thiên, dưới đến địa ngục, mảy may không chướng ngại, ấy gọi là Phật nhãn.

Lục phạm chúng sinh, đều đủ năm thứ con mắt này, cùng Phật không hai. Vì bị bốn tướng, sáu trần ngăn che, chỉ có nhục đoàn nhãn hiển lộ mà thôi. Sách Nho nói: “Tim thánh hơn có bảy lỗ”, tức là chỉ cho ngũ nhãn vậy.

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Như trong sông Hằng đã có cát, Phật hỏi cát ấy có thật hay không?

- Bạch Thế Tôn! Đúng như vậy. Như Lai nói có cát ấy.

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Như trong một sông Hằng đã có số cát, số cát trong sông Hằng như thế, cát trong sông Hằng, dùng một hạt cát so sánh một sông Hằng, so sánh hết cát kia, số nhiều của sông Hằng đã là vô lượng, đem vô lượng sông Hằng để so sánh thế giới. Một hạt cát so sánh một thế giới, mỗi

thế giới đều có 3.000 đại thiên thì thế giới lại thành vô lượng vô biên. **Thế giới Phật nhiều như số cát trong những sông Hằng.** Thế giới Phật, trong 3.000 đại thiên, quyết có một đức Phật thi thiết giáo hóa, nên gọi đó là thế giới Phật. **Như vậy có nhiều hay không?**

- Bạch Thế Tôn! Rất nhiều.

Phật bảo Tu Bồ Đề:

- Trong các cõi nước ấy, đã có chúng sinh, có bao nhiêu loại tâm, Như Lai đều biết. Vì sao? Vì Như Lai nói các tâm, đều là phi tâm, ấy mới gọi là tâm. Phi tâm là tâm thể của người, xưa nay nó thanh tịnh, tất cả vọng niệm do trong hỷ, nộ, ai, lạc, ái, ô, bi sinh ra, đều không phải tâm bản nhiên, nên gọi là phi tâm. Lý do vì sao? Tu Bồ Đề! Tâm quá khứ, không thể đặng; tâm hiện tại, không thể đặng

và tâm vị lai cũng không thể đặng. Suy nghĩ việc trước là tâm quá khứ, suy nghĩ việc bây giờ là tâm hiện tại và suy nghĩ việc sau là tâm vị lai. Không thể đặng, chính là ý nói bản lai không có.

KHÁI LUẬN:

Văn trên phá pháp chấp cùng ngã chấp, kết thành thông đạt không ngã pháp; không nói là “**vô pháp**” mà nói là “**vô ngã pháp**”, thì biết rằng diệt pháp là ngoan không, không đủ để nói diệu giác tròn sáng. Pháp chấp thì trụ tướng cũng không đủ để nói diệu giác tròn sáng. Nói ngã, pháp thế nào? Pháp chẳng phải có nhưng không rơi vào hư không, pháp chẳng phải không, song dính lúu với tích môn; như vậy biết là “**phi pháp**” và “**phi phi pháp**”. Ai thông suốt nghĩa thật tướng kia, nhưng phải quên là “**phi pháp** và

“**phi phi pháp**”. Những cảnh giới ấy, không đủ khả năng quán lại chiếu soi bên trong thì khó mà biết chỗ nhiệm màu của nó. Do đó, nên phân căn bản dùng năm loại mắt, quán sa – giới đặt thành câu hỏi. Muốn quán người, trước phải quán ta, quán sát thấy ta xưa nay tánh giác thanh tịnh, rồi nhận rõ tâm bồ đề này, tức là đạo tâm vậy. Quán sát thấy ta, sau khởi ý niệm lăng xăng, tức là biết không phải tâm bồ đề này cũng tức là tâm người phạm mà thôi.

Chúng sinh ở thế giới hằng sa, đều đủ có Phật tánh, cho nên gọi là Phật thế giới. Đức Phật quán sát mình rồi quán sát người, thì thấy chúng sinh nhứt thể; cho nên, nói bao nhiêu thứ tâm, Như Lai đều biết. Chúng sinh chạy theo tâm vọng, bỏ mất đạo tâm chính; cho nên nói đều là phi

tâm, ấy mới gọi là tâm. Các thứ tâm ở quá khứ, hiện tại và vị lai, đều là vọng tâm. Trong tánh giác xưa nay, không có các vọng này.

Tóm lại, tâm thể chân thật, linh minh của nó có trước trời đất, mỗi người đều có đầy đủ: “**Vô cực**”. Tâm đó xưa nay thanh tịnh vô vi, nhưng sau đó lại bị trần lao che lấp; muốn người trong cõi này phân biệt tâm người và tâm đạo, không có công quán chiếu giác sát thì không thể được. Năm thứ mắt, mắt có đủ thần diệu giác sát; phi giác sát, không thể thông suốt “**vô ngã pháp**”.

LỜI PHỤ THUỘC

Ngài Đức Sơn Đại Sư, nghiên cứu tinh thông tạng luật, thông suốt các kinh tánh tướng. Điểm chính Ngài thường giảng Kinh Kim Cang Bát Nhã, rất là đặc ý.

Đức Sơn Đại Sư họ Châu, người đời thường gọi là Châu Kim Cang. Ngài thường nói với bạn đồng học rằng: “Một mảy lông có thể thôn tính biển cả, hạt cải để trên mũi nhọn, mũi nhọn bén không động, học cùng chẳng học, chỉ có ta mới biết mà thôi”. Lời nói bí yếu trên, khiến đồng học thán phục một thời. Lúc bấy giờ ở phương nam nhiều vị mới tu chạy theo thiên tông, Đức Sơn Đại Sư có vẽ bát bình, Ngài nói: “Sa môn nghìn kiếp phải giữ đủ oai nghi học Phật, muôn đời phải đủ tế hạnh học Phật. Huống chi học còn không được thành Phật. Ma tử ở phương nam kia dám nói câu thẳng chỉ lòng người, thấy tánh thành Phật. Ta sẽ đến quét sạch hào huyết kia, diệt ý kiến đó, để trả ơn đức Phật.”

Lúc ấy, Ngài mang tập Kim Cang Sớ Sao, ra khỏi nước Thục, sang đến đất Phong Dương. Đi giữa đường bị đói, bị khát. Thấy có một tiệm trà, bà cụ đang bán bánh. Đức Sơn Đại Sư đến trong tiệm mua bánh, nước để ăn uống. Bà cụ trong tiệm trà chỉ tập Kinh, rồi hỏi đó là vật gì?

Đức Sơn Đại Sư đáp:

- Đây là tập Kim Cang Sớ Sao.

Bà cụ hỏi rằng;

- Ngài thường giảng Kinh gì?

Đại Sư đáp;

- Tôi thường giảng Kinh Kim Cang

Bà cụ nói:

- Tôi có một câu hỏi, nếu sư đáp được thì tôi xin cúng dường buổi điểm tâm này,

nhược bằng trái lại thì xin Ngài rời sớm chốn này.

Đức Sơn Đại Sư xin bà cụ hỏi. Bà cụ lại hỏi:

- Tâm quá khứ không thể được, tâm hiện tại không thể được, tâm vị lai cũng không thể được mà trong Kinh Kim Cang đã nói, không biết ý của sư sẽ điếm tâm nào?

Đức Sơn Đại Sư nghe câu hỏi này, không thể nào đáp một cách dứt khoát, nên mang hành lý ra đi. Sau đó Đại Sư đến chùa Sùng Tín, xứ Long Đàm, hết sức tinh tiến học hỏi và thật hành Phật Pháp, một hôm Ngài được đại triệt đại ngộ. Lục tổ đã nói: “niệm trước, niệm sau và niệm hiện, mỗi niệm không bị nhiễm tà kiến”. Ngài Trương Chuyết cũng nói: “Một niệm không sanh toàn thể hiện”. Nhon thuộc

phi tâm, cho nên phải gọi là tâm. Nếu biết tâm thể tịch tịnh, vốn không một vật, thì quá khứ, hiện tại và vị lai, cũng không can hệ gì, thì đâu có mấy loại tâm, làm gì có tên thật để mà gọi ư?

GIẢNG NGHĨA;

Đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề

- Ý ông nghĩ như thế nào? Như Lai tôi có nhục nhãn không? Có thiên nhãn không? Có pháp nhãn không? Có Phật nhãn không?

Tu Bồ Đề đáp;

- Vâng, bạch Thế Tôn, Như Lai có đủ ngũ nhãn.

Đức Phật nói:

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Như số cát sông Hằng, đem một hạt cát,

so như một sông Hằng, tính hết số cát đó, so với thế giới chư Phật, thế giới chư Phật có nhiều như số cát sông Hằng không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Rất là nhiều, bạch Thế Tôn!

Đức Phật lại bảo ngài Tu Bồ Đề

- Không luận là nói các thế giới xa nhiều như số cát sông Hằng; chính là gần như, như trong quốc độ mà các ông đang ở, đã có những tâm của chúnhulninh, theo vọng tình mà thay đổi, chạy theo ngoại cảnh mà sanh vọng tâm, điên đảo mộng tưởng, mỗi loại vọng tâm đều không đồng nhau. Như Lai tôi dùng năm loại mắt thanh tịnh, đều thấy và biết hết. Ấy là nhờ duyên có nào? Như Lai tôi đã nói tất cả tâm, đều là vọng tâm của chúng sinh, không phải trong tính không có chơn

tâm thường trú, biết nó không phải là tâm vọng tưởng hẩn, mới hay hiện bản thể bồ đề. Như thế mới có thể gọi là tâm. Đó là duyên có gì?

Đức Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Như Lai tôi, cái phi tâm đã nói, ấy là chơn tâm thường trú, tịch nhiên không động, vật đến thì giác ngộ. Quá khứ không có tâm lưu lại, hiện tại không có tâm chấp trước, vị lai không có tâm dự kỳ, xét lại bên trong, thì cả ba tâm đều không thể được. Biết kia không thể được thì bất nhã xuất hiện thanh thanh tịnh tịnh. Nhờ đó, tâm người tịnh thì tâm đạo sanh; đây mới là chân tâm bồ đề. “Nhất thể đồng quán” vậy.

Thơ 18:

Tu Bồ Đề! Ngũ nhãn tôi:

Ông thầy có thật trong đời này không?
 Thiện hiện lời đáp rất thông,
 Tất cả đều có ngoài tinh tường.
 Thế giới Phật quốc so lường,
 Sông Hằng số cát tổ tường nào hơn,
 Bồ Đề bạch Phật tánh chơn
 Hai bên so sánh Phật hơn quá nhiều!
 Xét về tâm thức một chiều,
 Ba thời không có là điều như nhiên,
 Phi tâm Phật dạy thường xuyên,
 Kim Cang tánh đức đại viên muôn loài.

PHẦN PHÁP GIỚI THÔNG HÓA THỨ 19

PHÂN GIẢI:

Pháp giới tức là mười pháp giới. Thông hóa là trí sáng thông suốt pháp giới, đưa vào hóa cảnh vậy. Phần trước nói ba tâm không thể được, đã nói tâm không thể được, thì phước không cần gì phải tu. Đây lại sợ người đời hiểu lầm, nên nói diệu lý phước mà không phước, đặng mà không đặng. Bởi vì phước mà không phước, mặc dù bố thí, mà quên sự bố thí. Đặng mà không đặng là sao? Là tuy có năng có sở, nhưng quên cả năng lẫn sở. Đại phạm trụ tướng bố thí đều là công dụng hữu vi, không trụ tướng bố thí, tức là công dụng vô vi. Phước hữu vi có ngày hưởng hết, phước vô vi, thời gian vĩnh viễn không cùng tận. Một bên là chỗ sở hành của vọng tâm, một . bên là chỗ kiến tánh của chơn tâm. Phần thứ 8 ở trên nói về bố thí bảy món báu, không bằng thấy tánh là nhiệm màu. Phần thứ 11 nói bố thí bảy

báu, không bằng trì Kinh này là thú thắng. Bởi vì trụ tướng là nhơn hữu lậu, nghiên cứu kỹ không thể nào đặng quả vô lậu vậy. Chỗ cao siêu của Bát Nhã, ấy là phước đức không thật tánh, ở trong không ngã, pháp, thông suốt vô ngại, sáng chiếu thật tế chơn không, thông hóa cả pháp giới, vô lượng vô biên vậy.

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ sao? Nếu cò dùng bảy thứ quý báu, đầy cả 3.000 đại thiên thế giới, để mà bố thí, người dùng nhân duyên ấy, được phước nhiều không?

- Bạch Thế Tôn! Như thế! Người đó dùng nhân duyên ấy được phước rất nhiều.

- Tu Bồ Đề! Nếu phước đức có thật, Như Lai không nói được nhiều phước đức, vì phước đức nó không, phước đức

không, tức là tâm lượng như hư không, nên đặng phước không lường. **Như Lai mới nói được nhiều phước đức.**

KHÁI LUẬN:

Phần này là lần thứ 6, dùng bảy thứ quý báu bố thí, so lường với công đức trì Kinh. Trước nói chỗ được phước đức. Ấy là phước đức hữu tướng. Đoạn văn này nói về phước đức ly tướng. Luận về đặng phước, tất có nhân duyên, có nhân duyên gì, tức là có phước ấy. Dù nếu có người, lấy tâm không thể đặng làm nhơn, dùng của báu đầy đại thiên thế giới làm duyên, bố thí đến mọi người, thì trong tâm có trụ trước nhân duyên; lại trụ nơi tướng hữu vi, cho là phước đức thật có (đây là gồm cả tài thí cùng pháp thí). Phật Như Lai đối trị ý này không nói được nhiều phước đức. Nên dùng tâm không làm nhân, thí

của báu làm duyên, không trụ trước thì được nhiều phước đức, không thể so lường được. Tóm lại phần căn bản trước đã nói tâm không thể được, sợ chúng sinh đời sau, hoặc nghi phước không thể tu, nên dùng phước vô phước, rất là phá hại. Liền nói nhân duyên bố thí, phước do trồng bên ngoài, không bằng phước huệ song tu, phước huệ tự tính liền sanh một cách huy hoàng.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật bảo:

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Nếu có người dùng bảy thứ quý báu đây cả 3.000 đại thiên thế giới, đem ra bố thí. Người ấy dùng của này làm nhân duyên, trồng dưa đắng dưa, trồng đậu đắng đậu (nhơn hữu lậu). Người đó sẽ đặng quả phước đức có nhiều không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Bạch Thế Tôn! Người ấy nhờ nhờ duyên bố thí, phước đức rất nhiều.

Đức Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Nếu đem phước đức hữu tướng cho là thật mà làm việc bố thí, thì tâm hồn bị đắm trước về phước, phước báo kia có hạn lượng, Do đó, nên Phật Như Lai không nói được nhiều phước đức. Phước đức mà Như Lai đã nói đến là bố thí không trụ tướng, dùng tâm không cầu phước (phước tánh vốn không, đức từ huệ phát sinh) mới là công đức vô vi thanh tịnh. Thế nên, Như Lai nói phước đức rất nhiều.!

Thơ 19:

Tu Bồ Đề! Nên xét soi,

Người đem cua bầu cho loài hàm linh,
 Nhon duyên, phước đức phát sinh,
 Bao nhiêu thắng lợi xin trình bấy nhiêu!
 Bạch Thế Tôn! Phúc rất nhiều,
 Như Lai thường dạy những điều cao
 hơn,
 Phước đức vô tướng toàn chơn,
 Dung thông tánh tướng, Linh Sơn hiện
 bày.

PHÂN LY SẮC LY TƯỚNG THỨ 20

PHÂN GIẢI:

Trong Kinh văn nói: Các tướng là phi
 tướng, nói đi nói lại hai, ba lần. Đến đây
 nói ly sắc ly tướng, cùng văn trước lại sâu
 sắc hơn một tầng. Trước nói các tướng phi
 tướng là khiến cho người phá “tướng

phần”. Sau đó, nói một đoạn rất ráo vô nghĩa là phá “kiến phần” vậy. Tướng phần thuộc về sắc. Kiến phần thuộc về tâm. Tâm này là vọng tâm hay suy xét sự lý, vọng tâm này không thể hàng phục, mỗi thời gian vin níu với sáu trần giả cảnh, tức là pháp trần lưu ngại. Tu Bồ Đề đã đặng huệ như không, biết 32 tướng là phi tướng. Rõ đặng kiến tướng phi chơn là phá kiến vậy. Như, pháp, đều không, sắc tâm đều bỏ, tức là ngộ được phi không, phi sắc, lý chẳng phải một, chẳng phải khác. Bởi vì sắc tâm hai pháp, đối đãi nhau mà có, lìa đó là không được, tức đó cũng chẳng được. Nếu nói ly tướng, thì sắc thân chưa từng chẳng phải là pháp thân. Nếu nói tức tướng, thì người nói pháp không phải là sắc thân. Pháp thân chân chánh không thể dùng tức tướng kiến, cũng không thể dùng ly tướng kiến.

Tức tướng kiến gọi là trụ tướng. Ly tướng kiến gọi là đoạn diệt. Nếu tức tướng mà không trụ tướng, ly tướng không sa vào đoạn diệt, ở trong tướng ngộ phi tướng kia, ở trong ngộ phi sắc kia. Thì đó là diệu lý thật hiểu biết lý tướng ly sắc vậy.

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Phật có thể dùng đầy đủ sắc thân thấy được không? Đầy đủ là tròn đầy thành tựu, ý nói mảy may không kém thiếu. Sắc thân là ý nói 32 tướng tốt.

- Chẳng như vậy, bạch Thế Tôn! Như Lai không thể dùng đầy đủ sắc thân mà thấy được. Vì sao? Vì Như Lai thường nói đầy đủ sắc thân, tức không phải đầy đủ sắc thân. Ấy mới gọi là đầy đủ sắc thân.

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Như Lai có thể dùng đầy đủ các tướng

mà thấy được không? Đầy đủ các tướng, thần thông biến hóa, không những là 32 tướng tốt.

- Bạch đức Thế Tôn! Không phải như vậy. Như Lai không thể dùng đầy đủ các tướng mà thấy được. Vì sao? Vì Như Lai nói các tướng đầy đủ, tức không phải đầy đủ. Ấy mới gọi là các tướng đầy đủ.

KHÁI LUẬN:

Phần thứ 5 trước là muốn cho mọi người thấy Như Lai vô tướng. Phần thứ 13 đã nói, cùng với kia thấy sự giả có của 32 tướng, không bằng trì Kinh thấy tánh là chơn. Trong phần này nói chẳng những 32 tướng là giả có, tức là thần thông biến hóa cũng không phải là tướng chân thật. Tóm lại, phần này cùng với phần thứ 5 và phần thứ 13 ý tướng đồng, chẳng qua là ý

có cạn có sâu mà thôi. Dụng ý phải nêu hai điểm như sau:

1) Nói Phật không tướng mới thấy, sợ e trong hàng đệ tử, nghi ngờ cho rằng đã không thân tướng, thì ai đã thuyết pháp

2) Người tu hành trong đời mạt pháp, phần nhiều chấp sắc tướng, thiên trọng nơi bên ngoài với sự hương hoa, lễ bái, không chịu ngộ chân tánh tự mình. Do đó, nhắc đi nhắc lại, cốt yếu pháp sắc tướng đều là chấp trước hư vọng, để hiển lý, ly vọng thấy chơn.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật nói:

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Phật có thể dùng sắc thân đầy đủ thấy được chăng?

Tu Bồ Đề đáp;

- Bạch Thế Tôn! Như Lai không thể dùng sắc thân đầy đủ mà thấy được, vì có sao? Vì Từ Phụ đã nói “Sắc thân đầy đủ, phải dùng tịnh hạnh, thế mới đầy đủ 32 tướng, mặc dù có thần thông biến hóa cũng không phải thật tướng kia vậy. Cho nên nói rằng đầy đủ sắc thân, không phải thật đầy đủ, đặc biệt gọi đó mà thôi.

Đức Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Ý ông suy nghĩ như thế nào? Như Lai có thể dùng các tướng đầy đủ thấy được không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Bạch Thế Tôn! Như Lai không thể dùng các tướng đầy đủ mà thấy được. Ấy là duyên có gì? Bởi vì Từ Phụ thường nói đầy đủ các tướng, không nên cố chấp các

tướng, sắc thân đã thuộc hư giả, các tướng cũng không chân thật. Như Lai các tướng biến hiện, lấy pháp giới làm thể, khắp đầy hư không, ẩn hiện không thường, đặc biệt không thể chìm sâu nơi hình tướng. Cho nên gọi là phi đầy đủ mới thật là đầy đủ.

Thơ 20:

*Nghĩ gì về sắc thân này,
 Dù cho thân Phật đủ đầy tinh thông,
 Thấy được sắc tướng hay không?
 Sắc mà phi sắc, liễu thông đạo mầu.
 Ba hai tướng tốt khó cầu,
 Không nên dùng sắc trong bầu chân
 như.
 Thế nên dùng trí vô sư,*

Tương mà phi tương, mới trừ lòng tham.

PHẦN PHI THUYẾT SỞ THUYẾT – THỨ 21

PHÂN GIẢI:

Phi thuyết là Như Lai thật không có ngôn thuyết. Pháp Như Lai đã nói, chẳng qua là muốn giải tỏa các ràng buộc của chúng sinh, rốt ráo không có pháp thật để nói. Nếu chúng sinh chấp trước Như Lai có ngôn thuyết, theo lời nói mà sinh ra hiểu biết, liền rơi vào chướng ngại ngôn ngữ văn tự, cho nên nói rằng phi thuyết. Sở thuyết tức là có xứ sở, có xứ sở tức là sa vào thính trần. Phi thuyết sở thuyết là sao? Bởi vì không thể chấp trước thân tướng năng thuyết, cũng không thể chấp trước thính trần sở thuyết, không sa vào hai bên có và không. Sự thuyết pháp của

Phật, không có pháp nhưt định để nói, tùy theo trình độ cao thấp của chúng sinh, ứng cơ mà thuyết. Phải dùng pháp nào đặc nhật, Phật liền đem pháp đó dắt dẫn. Do đó, nên bậc chân chánh thuyết pháp, không ngôn thuyết, không khai thị; vị chân chánh nghe pháp, không nghe mà cũng không đặc. Nếu ai ngộ được diệu lý này, mới thật vào cảnh Bát Nhã.

- Tu Bồ Đề! Ông chớ nói Như Lai nghĩ thế này; “Ta đã có thuyết pháp”. Chớ nghĩ như vậy là vì sao? Nếu có người nói Như Lai đã có thuyết pháp, tức là hủy báng Phật. Không thể nào hiểu lời tôi đã nói. Tu Bồ Đề! Người nói pháp, không có pháp gì để nói, mới gọi là thuyết pháp.

Lúc bấy giờ, ngài Huệ Mạng Tu Bồ Đề bạch với Phật rằng: Huệ Mạng là thí

dụ đem trí huệ làm thân mạng. Sinh mạng khi chết là tiêu diệt, còn huệ mạng thì được vĩnh viễn không bao giờ hoại diệt.

- Bạch Thế Tôn! Vả lại có chúng sinh, ở trong đời vị lai, nghe nói pháp ấy, có sanh được lòng tin chăng?

Phật dạy:

- Tu Bồ Đề! Kia không phải là chúng sinh, mà cũng không phải không chúng sinh. Vì cớ sao? Tu Bồ Đề! Chúng sinh, chúng sinh là thế nào, Như Lai nói phi chúng sinh ấy mới thật là chúng sinh.

KHÁI LUẬN:

Phần này là tiếp nối với văn ở trên, chẳng những thân tướng phi thân tướng, tức là nói pháp cũng phi thuyết pháp. Dùng lời nói chẳng phải pháp mới gọi là pháp để phá chỗ nghi pháp đối với Tu Bồ

Đề. Dùng câu không phải chúng sanh mới gọi là chúng sanh là để phá cái nghi có chúng sanh đối với Ngài Tu Bồ Đề. Thật là thuyết pháp, phải biết đối với giáo pháp, nên không có trụ trước. Thật sự chúng sinh, nên biết diệt độ cho chúng sinh kỳ thực không có chúng sinh nào diệt độ cả.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật nói:

- Tu Bồ Đề! Như Lai tôi vì cơ duyên cảm ứng, tùy người ngộ bản tánh, gọi đó là yếu điểm, đầu tiên chưa từng có niệm thuyết pháp. Ông chớ nói Như Lai tôi có tâm nghĩ về thuyết pháp, đem pháp ấy khai thị cho người đời, ông chớ nghĩ như thế đó, vì sao? Vì nếu có ai nói Phật đã có thuyết pháp, ấy chính là người hiểu biết cạn cợt, câu nệ ở nơi văn tự, tức không

khác gì người hủy bán đức Phật, không thể nào hiểu rõ đạo lý của tôi đã tuyên nói.

Đức Phật lại nói:

- Tu Bồ Đề! Như Lai tôi, đã có phương tiện thuyết giáo ấy, chẳng qua là mượn khẩu thuyết diệu lý chơn không. Xưa nay không có pháp, chẳng qua là vì trừ diệt tà ngoại của chúng sinh mà nói, đó tạm gọi là thuyết pháp mà thôi.

Lúc ấy, Tu Bồ Đề hướng về Như Lai thưa;

- Bạch Đức Thế Tôn! Con lo sợ chúng sinh ở đời vì lai, nghe nói, thuyết pháp mà không pháp, nói mà không nói, họ không thể tin hiểu, thì làm sao sanh lòng tin được?

Đức Phật dạy:

- Chúng sinh mỗi người có Phật tánh (nên nói phi chúng sinh), hiện còn chưa giải thoát (nên nói chẳng phải không chúng sanh). Vì duyên có ấy nên phải tạm gọi là chúng sanh, đó là chưa liễu ngộ. Nếu đã liễu ngộ, tức thì “lập địa thành Phật”, vượt ra ngoài danh từ chúng sinh.

Thơ 21:

*Các ông chớ nghĩ rằng ta,
Hô hào thuyết pháp trong đà độ sinh,
Nếu ai bảo Phật giảng Kinh,
Ấy là hủy báng, lại khinh phép mầu.
Pháp mà còn nói còn cầu,
Chưa phải pháp thật trong bầu vô vi,
Huệ Mạng bạch Phật tường tri,
Nói thế còn sợ đa nghi muôn loài.*

*Nhưng rồi Phật giảng trong ngoài,
 Chúng sinh chớ nghĩ bản hoài chúng
 sanh,*

Kim Cương đức tánh tinh anh,

Thoát ly tất cả các danh từ thường.

PHẦN KHÔNG PHÁP CÓ THỂ ĐƯỢC, THỨ 22

PHÂN GIẢI:

Diệu pháp bát nhã vốn là vật trong nhà mình, xưa nay không mất, từ đâu mà có đặng. Chỉ có chỗ đặng đều là lòng chấp chưa quên, năng, sở, chưa phá. Trước nói người đặng phước đức, đây là phân tích bên sự. Nay nói không đặng là nói về lý tánh phước đức, không phải quả phước đức để so sánh. Quả phước đức còn có tướng thấy được, lý tánh phước đức thật

không có tướng, làm gì thấy được. Chẳng những không pháp gì được, tức là người “năng đắc” cũng không. Tướng phần là “sở đắc”, kiến phần là “năng đắc” ; năng, sở đều phá, tức không thấy chúng sanh “sở độ” , không thấy thân mình là “năng độ”. Thế nên vô lượng chúng sinh ta độ, thật không chúng sinh nào được ta diệt độ cả.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng;

- Thế Tôn! Đức Phật đặng bực Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hay là không chúng đặng?

Đức Phật nói:

- Như vậy, như vậy. Tu Bồ Đề, tôi đối với bực Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cho đến không có một chút pháp nào có thể đặng, ấy mới gọi

là bực Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

KHÁI LUẬN:

Trước thường nói tất cả đều không, đức Phật đối với Bồ Đề (chánh giác) thật không có pháp gì có thể đặng. Tu Bồ Đề triệt ngộ lý này, nhưn lại đương cơ hỏi thẳng Phật Như Lai đặng đạo Bồ Đề, rốt ráo thật không chỗ đặng ư? Dấu hỏi này, mặc dù in tuồng nghi vấn, gạn lại chỗ ngộ. Luận về “vô sở đắc”, mới là chơn đắc. Nói không đắc mà đều đắc, mới là chơn đắc. Phần này nói Như Lai không có pháp gì đặng Bồ Đề, cốt yếu phát minh Kinh Văn; diệt độ chúng sanh, thật không chúng sanh nào được diệt độ, đối với pháp không trụ tướng để thật hành đạo lý bồ thí mà thôi.

LỜI NÓI PHỤ:

Lý vô đặc rất là tế nhị và cao thâm. Lúc sơ tổ đến đông độ phá chấp được sáu tôn, quán sát chỗ phá chấp kia có lời vấn đáp ‘vô đặc tôn’, mới vừa rõ chơn lý “không pháp gì có thể đặng”. Tổ sư hỏi:

- Ông nói không đặng, không đặng cái gì? Đã không chỗ đặng, cũng không “năng đặc, sở đặc”.

Luc bấy giờ trong đại chúng có ngài Bửu Tịnh trả lời:

- Con nói không đặng, chẳng phải không ‘năng đặc, sở đặc’, sẽ nói “năng đặc, sở đặc”, không đặng mà đặng”.

Tổ nói:

- Đặng đã không đặng, đặng cũng chẳng phải đặng; đã nói “năng đặc, sở đặc. năng đặc, sở đặc’ cái nào.

Ngài Bửu Tịnh lại bạch:

- Thấy đặng không phải đặng, chẳng phải đặng mới là đặng. Nếu thấy không đặng, gọi là “năng đắc, sở đắc”.

Tổ sư nói:

- Đặng đã không đặng, ‘năng đắc, sở đắc’ cũng không đặng, đã không sở đắc, làm sao có ‘năng đắc, sở đắc’.

Ngài Bửu Tịnh lập tức giải tỏa lưới nghi.

Đoạn vấn đáp trên đây là pháp rất sâu. Tôn này lúc ấy bao gồm trong “Vô đắc tôn”. Thù bất tri còn giữ cái tâm ‘vô đắc’, là đã bị chấp hai chữ ‘vô đắc’. Diệu pháp Bát Nhã không cho sa vào ngôn ngữ văn tự. Nếu chấp trước không quên, đem tri kiến chúng sanh, vọng lờng trí Phật, thì càng tìm càng xa. Vô Thượng Chánh Giác

tức là trí huệ bỗng lai thanh tịnh, chẳng phải riêng có pháp gì có thể đặng. Chỉ không còn một pháp, mới thông muôn pháp, mới là Vô Thượng Bồ Đề.

Có pháp có thể đặng,

Trở thành pháp ràng buộc,

Không pháp có thể đặng,

Ấy mới là giải thoát.

GIẢNG NGHĨA:

Tu Bồ Đề hướng về Phật Như Lai bạch:

- Thừa Thế Tôn! Từ Phụ con đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, rốt ráo thật không chỗ nào đặng ư?

Phật bảo rằng:

- Như vậy, như vậy! Tu Bồ Đề! Tôi ở trong giáo pháp một mấy may cũng không

đặng, vì có đặng là có mất. Dem sự đặng mất ấy nói, đều là vật ở ngoài thân, không phải tự tánh vậy. Tự tánh Bồ Đề, người người đều đủ, đâu có thể nói được, không có một mảy may nào có thể được. Ấy là Vô Thượng Bồ Đề

Thơ 22:

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng:

*Thế Tôn chứng đặng Tánh-Hằng cao
siêu,*

Vô Thượng Chánh Giác mục tiêu,

Như Lai chỉ dạy, những điều con nghi.

Phật dạy như thế liễu tri,

*Vô Thượng Chánh Đẳng vô vi muôn
đời,*

Quả vị còn chứng còn lời,

Trở thành những vật tạm thời có không.

PHẢN TỊNH TÂM HÀNH THIỆN, THỨ 23

PHÂN GIẢI:

Đoạn văn này từ ý ‘không có pháp gì có thể đặng’ mà đến. Phạm phu ra làm nghiệp lành, đều từ tâm cầu phước đức. Đã có tâm cầu phước đức, tức là thiện phước đức hữu vi. Vừa có tâm chấp trước đều là bất tịnh. Nay nói tịnh tâm, tức là không có tâm năng đắc, sở đắc, năng cùng sở không trụ, nên gọi là tịnh tâm.

Nói về thiện hạnh là thế nào? Tức là không có việc làm ‘năng hành và sở hành’, năng sở không lập. Cho nên gọi là thiện hạnh. Tóm lại tịnh tâm hành thiện là thế nào? Tức là thiện sở hành cũng quên, tâm năng hành cũng quên. Phát tâm từ bi,

làm việc lợi ích, ngoài không chấp tâm sở độ, trong không chấp tâm năng độ, không chấp trước bốn tướng, thật hành tất cả pháp lành. Ấy gọi là chân chánh đác bồ đề.

Lại nữa, Tu Bồ Đề! Thiệt Pháp bình đẳng, bình đẳng là thể của chân chánh, tu thiện là dụng của chơn tánh. Bởi vì chơn tánh đầy đầy nhân từ, tu thiện là chỗ nhơn từ phát hiện, nhưng không bị phù trần che lấp, mây hết mặt trăng sáng, chỉ còn một bờ Bồ Đề mà thôi, không có cao thấp. Ấy gọi là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vì không có ngã, không có nhơn, không có chúng sanh và không có thọ giả, thật hành tất cả pháp lành. Phạm như bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí huệ, đều là pháp lành minh tâm kiến tánh. Y theo pháp ấy mà

thật hành, có thể phá ngã, đến chân, sùng đức, theo đạo, để tạo quả vị chí giác, **liền đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Đã nói pháp lành, Như Lai nói tức không phải pháp lành. Ấy mới gọi là pháp lành.**

KHÁI LUẬN:

Trước đã nói Phật đối với pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không có một pháp nào có thể đặng. Đức Phật lại sợ Tu Bồ Đề chấp trước cái vô ngã, nên phải kêu để nói thêm: bản giác mỗi người đều có, thánh nhơn hay phàm phu đều không sai khác, nhưt luật bình đẳng, không có cao thấp. Vì không có ngã, không nhơn, không chúng sanh, không thọ giả, thật hành tất cả pháp lành, liền đặng giác ngộ. Tóm lại Bồ Đề vốn không pháp, nhưng không thể không nhờ pháp tu

trì. Đã đặng giác ngộ, pháp cũng chẳng lập, chính là trong Kinh văn nói rõ, có ngã, nhưn v.v...bốn tướng, tức không phải đạo lý Bồ Tát, nhưng đối với các pháp không có nghĩa sở trụ, lại được chỉ rõ.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật bảo ngài Tu Bồ Đề:

- Tôi đã nói pháp Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là chân tánh. Tại tánh không thêm, ở phàm không tổn, người người đều đủ, kiếp kiếp tương đồng, nên gọi là bình đẳng. Phật cùng chúng sanh, tánh không cao thấp. Ấy gọi là Vô Thượng Bồ Đề. Vì lẽ ấy nên ở trong chân tánh, vốn không có vọng niệm ngã, nhưn v.v...bốn tướng. Có vọng niệm ấy thì bị phù trần căn che lấp. Vì thế nên thật hành tất cả pháp lành để minh tâm kiến

tánh, để thành quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (quả Phật). Đức Phật lại bảo Tu Bồ Đề:

- Như Lai tôi đã nói thiện pháp là thế nào? Đó là diệu tính tự nhiên trong bản tánh, xưa nay không có ác, thì làm sao mà gọi là thiện, chỉ vì muốn khai ngộ cho chúng sanh, quyền gọi đó là thiện mà thôi.

Thơ 23:

*Tu Bồ Đề! Lý phải thông,
Thật pháp bình đẳng, chớ mong xa gần,
Quả Phật muốn được có phần,
Dứt trừ bốn tướng, ân cần pháp cao!
Không nên nghĩ tưởng công lao,
Pháp lành còn nói làm sao gọi lành,
Như Lai nhắc nhở đành rành,*

Chữ Phi chữ Tức hoàn toàn lòng ta.

PHẦN PHƯỚC TRÍ KHÔNG SANH, THỨ 24

PHÂN GIẢI:

Phước có hai thứ: Phước thế gian và phước xuất thế gian. Phước thế gian nhờ sự bố thí mà có. Gieo nhân gì thì được quả phước ấy. Ấy là thiện hữu vi. Đặng phước thiện hữu vi, hưởng hết phước lại bị đọa lạc trong biển khổ sinh tử. Phước xuất thế gian, nhờ quán chiếu Bát Nhã mà có. Ai hay thâm nhập được bát nhã, tức là được giải thoát tự tại. Ấy gọi là phước vô tận. Phước không hết cũng không đọa lạc.

Trí cũng có hai thứ: Trí thế gian và trí xuất thế gian. Trí thế gian là thế nào? Đối với tất cả pháp thế gian hiểu rõ ràng, tuy nói rằng sự lý rõ ràng, nhưng chưa xả trần

tướng, còn bị sự chướng. Trí xuất thế gian là thế nào? Đối với tất cả pháp xuất thế gian hiểu biết tận tường, năng sở đều quên, trừ hết lý chướng. Nay nói phước trí không so sánh là sao? Ấy là phước trí xuất thế gian. Chỗ khác nói là phước thanh tịnh, phước vô lậu. Không phải là phước thế gian như trên đã nói, và là trí hữu lậu mà có thể so sánh được.

- Tu Bồ Đề! Nếu trong 3.000 đại thiên thế giới, đã có các núi Tu Di lớn, như thế bảy món báu chứa nhóm trong ấy, có người mang ra bố thí. Nếu có người dùng Kinh Bát Nhã Ba La Mật này, cho đến một bài kệ bốn câu v.v...thọ trì đọc tụng, vì người khác giảng nói, đối với phước đức (bố thí) trước, trăm phần không bằng một, trăm nghìn muôn ức

phần, cho để toán số, thí dụ cũng không thể bằng.

KHÁI LUẬN:

Phật Như Lai lo ngại vì văn trên có nói ‘không có pháp lành’, chưa giải thích cặn kẽ. Phần này lại nói bổ thí, không bằng phước thọ trì bài kệ bốn câu. Trước là nói chấp tướng, tham cầu lợi ích. Sau là nói ly tướng, siêu thắng vô lượng. Cũng chính là muốn luận về của báu vàng ngọc là những thứ ở ngoài thân, đặng phước thế gian, thọ hưởng có khi hết; trái lại Kim Cương Bát Nhã là của báu ở trong thân, là phước xuất thế gian, thọ hưởng không cùng tận. Dùng đây so sánh với kia, cách xa muôn muôn lần. Tóm lại, phần này cốt yếu là để so sánh phước cùng huệ (đây là so sánh lần thứ 7), thấy rằng Phật Như Lai thuyết Kinh chỉ một lần, so sánh cho người đời

thấy, ân cần dặn dò, khó mà nói đến lần thứ hai, thứ ba vậy.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật bảo:

- Tu Bồ Đề! Tu Di là núi lớn hơn các núi; nếu trong 3.000 đại thiên thế giới, chỗ có các núi Tu Di, có người chứa nhóm của báu như núi, rồi đem ra bố thí, phước kia tuy nhiều thật, nhưng đem ra so sánh, nếu có ai thọ trì đọc tụng Kinh Kim Cương Bát Nhã Ba La Mật này, cho đến một bài kệ bốn câu, đều vì các người khác giảng nói, thì phước đức trước khó bằng phước đức này. Tuy là từ trăm phần, trăm nghìn muôn ức phần, cho đến phần nhiều như toán số, phần rộng như thí dụ cũng không thể bằng một phần trì Kinh.

Thơ 24:

*Của báu bố thí hằng sa,
 Dĩ nhiên được phước, nhưng mà còn
 thiên,
 Thọ trì Bát Nhã tinh chuyên,
 Dùng bốn câu kệ, giảng khuyên mọi
 người.
 So với phước đức vẹn mười.
 Trăm nghìn muôn ức đều từ lòng ta,
 Ngoài dù có phước hằng sa,
 Không bằng tự tánh mới là viên dung.*

PHÂN HÓA, KHÔNG CHỖ HÓA, THỨ 25

PHÂN GIẢI:

Hóa là thế nào? Dùng pháp hóa độ vậy.

Không chỗ hóa là thế nào? Dùng tâm bình đẳng độ chúng bình đẳng, ngoài không thấy có chúng sở độ, trong không thấy có ngã năng độ, làm pháp quán pháp giới bình đẳng, khi nào cũng quên mình và người. Văn này là từ câu: “Thiệt pháp bình đẳng, không có cao thấp”. Đã nói thiệt pháp bình đẳng, không có cao thấp, làm sao lại có chúng sanh đẳng độ vậy. Nếu theo lý pháp giới cùng sự pháp giới so sánh mà quán sát, tức là ngộ được chỗ nhiệm màu bình đẳng độ chúng sanh. Đứng về sự pháp giới mà quán sát, thật có chúng sanh được độ, nếu không có chúng sanh được độ thì Bồ Tát cần gì phải thật hành lục độ vạn hạnh? Đứng về lý pháp giới mà quán sát, thật không có chúng sanh nào được độ thì Bồ Tát tức không thể nào nhất thể đồng quán vậy. Rất ráo chúng sanh làm sao thoát khỏi Bồ Tát hóa

độ; Bồ Tát cũng làm sao mà quên công cuộc độ chúng sanh. Chẳng qua Bồ Tát ngộ lý bình đẳng, biết tâm, Phật cùng chúng sanh cả ba không có sai khác, cho nên nói hóa độ không sai khác. Do đó, mới nói “hóa không chỗ hóa” vậy.

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ thế nào? Các ông chớ nói Như Lai suy nghĩ: Ta sẽ độ chúng sanh. Tu Bồ Đề chớ nên suy nghĩ như vậy, vì có sao? Thật không có chúng sanh nào Như Lai độ cả. Nếu có chúng sanh được Như Lai độ, thì Như Lai có ngã, nhưn, chúng sanh, thọ giả.

- Tu Bồ Đề! Như Lai nói có ngã, thì không phải có ngã, nhưng các người phàm phu cho là có ngã. Tu Bồ Đề! Phàm phu là thế nào? Như Lai nói tức không phải phàm phu. Ấy mới gọi là phàm phu.

KHÁI LUẬN:

Phần căn bản, Đức Phật muốn phá nghi là có như ngã, để hiển lộ pháp thân chơn ngã. Trước đã nói thiết pháp bình đẳng, không có cao thấp. Phật Như Lai sợ người đời hiểu lầm, nghi ngờ cho rằng pháp đã bình đẳng thì không có Phật, không có chúng sanh, vì sao lại nói ta sẽ độ chúng sanh? Chúng sinh là muôn loài chúng sinh, ta độ chúng sanh là có ngã rồi. Do đó mà Như Lai phải nói vô ngã để kêu gọi thức tỉnh chúng sinh và phàm phu. Bởi vì pháp giới bình đẳng, chúng sanh cùng Phật, đồng trong bản tánh. Phật cùng phàm phu đồng là một thể; dùng tâm từ mẫu tìm nhiều phương tiện giải nói để chúng sanh tự giác tự ngộ. Thật thì muốn ngộ tính kia, nên tìm lý do để độ.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật bảo:

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Như Lai tôi độ người, chỉ muốn cho chúng sanh giác ngộ, chỉ dẫn chỗ giải thoát giác ngộ; bản lai chính là tự tánh tự độ. Các ông chớ nên nói Như Lai tôi có tâm hóa độ chúng sanh.

Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Ông chớ nên nghĩ duyên có ấy, như vì tâm chúng sanh bản lai không tịch, trí tuệ bất nhĩ vốn tự đầy đủ; nếu nghe Kinh ngộ đạo, chúng sanh tự có thể hóa độ, thật tại không có chúng sanh để Như Lai tôi diệt độ họ. Nếu nói tất cả chúng sanh được Như Lai tôi độ hóa thì Như Lai tôi liền có ngã, như v.v... bốn tướng, pháp bèn có cao thấp, không được bình đẳng vậy.

Đức Phật lại bảo Tu Bồ Đề:

- Như Lai tôi có ngã, dù miệng nói có ngã, nhưng tâm không chấp. Ở phàm phu thì chấp trước có ngã, cho là chỉ có ngã năng độ, chẳng phải ngã thì không thể độ. Đó là ngã tướng.

Đức Phật lại bảo;

- Tu Bồ Đề! Mê thì phàm phu, ngộ được làm Phật. Phật cùng phàm phu, vốn đồng một tính, vốn là bình đẳng, chỉ hay liễu ngộ, tức không phải phàm phu. Nhưng hạng nào chưa tỏ ngộ, như danh đó mới gọi là phàm phu mà thôi.

Thơ 25

Các ông chó nghĩ Như Lai,

Ra tay tế độ muôn loài chúng sanh,

Thật sự không có trọng khinh,

*Kim Cang tự tánh, chơn minh vô cầu.
 Tu Bồ Đề phải nghĩ sâu,
 Phàm phu phi được mới mau siêu phàm,
 Hóa mà không hóa, không tham,
 Chúng sanh tâm Phật bao hàm như
 như!*

PHẦN PHÁP THÂN PHI TƯỚNG, THỨ 26

PHÂN GIẢI:

Pháp thân giáp khắp pháp giới, không một chỗ nào mà không có pháp thân chơn thể của Như Lai. Pháp thân Như Lai là đầy khắp pháp giới, tức là không thể trụ tướng để quán Như Lai. Cho nên gọi là phi tướng. Như Lai biết phàm phu vọng tình cố chấp quá sâu, nếu nói thẳng pháp thân phi tướng, sợ người đời khó tin hiểu.

Do đó, mà từ các phần trước lớp lớp phá nghi, phá chấp. Đến đây mới tận tình trình bày, bảo ngài Tu Bồ Đề rằng pháp thân phi tướng, thì các nghi vấn từ trước một thời bị phá tan.

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Có thể dùng 32 tướng quán Như Lai được không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Đúng vậy, đúng vậy! Dùng 32 tướng quán Như Lai.

Đức Phật nói:

- Nếu lấy 32 tướng quán Như Lai, thế Chuyển Luân Thánh Vương tức là Như Lai. Chuyển Luân Thánh Vương, tức là bốn vị Đại Thiên Vương, quản thủ thiện ác trong bốn đại bộ châu: thág giêng, thág năm, thág chín quán sát thiện ác

châu Nam Thiệm Bộ; tháng hai, tháng sáu, tháng mười, quán sát thiện ác châu Tây Ngu Hóa; tháng ba, tháng bảy, tháng mười một, quán sát thiện ác Châu Bắc Câu Lư; tháng tư, tháng tám, tháng mười hai, quán sát thiện ác châu Đông Thắng Thần. Chuyển động như bánh xe, nên gọi là chuyển luân.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Như con hiểu Phật đã nói nghĩa, không nên dùng 32 tướng quán Như Lai. Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ rằng: (Kệ là phát lời thành câu).

Nếu dùng sắc thấy ta, (Như Lai)

Dùng tiếng giọng cầu ta,

Người ấy hành đạo tà (đạo tà tức là ngoại đạo)

Không thể thấy Như Lai.

KHÁI LUẬN;

Văn trên đã nói: Phi phàm phu, ấy mới gọi là phàm phu. Phần này lại dùng khác với phàm phu của Phật Như Lai là 32 tướng tốt. Do đó hỏi dùng 32 tướng tốt có thể quán thấy Như Lai không? Chính vì muốn phá 32 pháp tướng, dạy người không nên trụ tướng Như Lai. Vì thế nên KINH HOA NGHIÊM nói: ‘Không rõ chơn tánh kia, người ấy không thấy Phật’. Duy nội quán phản chiếu, tức tánh mà tìm cầu, mới có thể thấy Như Lai.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật nói:

- Tu Bồ Đề! Ý ông nghĩ như thế nào? Có thể dùng 32 tướng quán Như Lai không?

Tu Bồ Đề chưa thấu ý kia, nghĩ rằng muốn quán pháp Như Lai, sẽ không ra ngoài 32 tướng này. Thế nên Ngài đáp:

- Đúng vậy, đúng vậy!

Đức Phật nghe thế mới hướng về Tu Bồ Đề nói:

- Tu Bồ Đề Chuyển Luân Thánh Vương, cũng đủ 32 tướng sắc thân; nếu có thể dùng 32 tướng quán Như Lai, thì Chuyển Luân Thánh Vương đâu không phải là Như Lai ư?

Tu Bồ Đề theo tiếng ấy thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con đã hiểu đạo lý mà Từ Phụ đã nói, không nên dùng 32 tướng mà quán Như Lai.

Thời gian ấy, Phật Như Lai chỉ bài kệ ly tướng để chỉ dạy. Là pháp thân bình đẳng

đồng hư không, linh giác toàn chơn, diệu thể trạm tịch, lìa ngoài hình tích, vượt hẳn tai mắt; các ông nếu chạy theo nhan sắc để thấy hình dùng, hoặc nghe theo tiếng dạy, chạy theo âm thanh, dùng hai yếu tố này để tìm chơn tánh của ta; thì những người ấy chấp nơi sắc thân thấy Phật, bỏ hẳn con đường chánh, hướng ngoài để tìm cầu. Đó tức là đạo tà, quyết không thể nào thấy được bản lai diện mục của Như Lai.

Thơ 26:

Ba hai tướng là Như Lai,

Thánh Vương cùng Phật đúng sai lẽ nào?

Tướng tốt là Phật hay sao?

Không nên chấp trước, sợ vào đường ma.

*Phật dạy dùng sắc thấy ta,
 Âm thanh cầu Phật, thật là tối tăm,
 Hạng ấy hành đạo muôn năm,
 Không bao giờ thấy chơn tâm Phật đà!*

PHẦN KHÔNG ĐOẠN, KHÔNG DIỆT, THỨ 27

PHÂN GIẢI:

Đoạn là chấp người chết rồi mất hẳn. Chấp trước sự vật trong thế gian, không khỏi được tri kiến điên đảo, cho nên ở trong đoạn chấp thường, ở trong thường chấp đoạn. Người đời chấp đoạn, nhưng pháp Bát Nhã không cùng tận, thì làm sao gọi là đoạn. Trái lại người đời cho là thường, nhưng pháp Bát Nhã có dụng tùy duyên, không thể gọi đó là thường. Nay nói không đoạn là thế nào? Là nói pháp

Bát Nhã vốn không đoạn, không thường, không thể dùng kiến chấp rồi cho là đoạn là thường được.

Con diệt là dứt sự sanh diệt vậy. Người trong thế gian không ngộ được thật tế Niết Bàn vì sanh nói diệt, vì diệt nói sanh. Cho là diệt, nhưng pháp Bát Nhã vốn không sanh, không được nói là diệt. Cho là sanh, nhưng pháp Bát Nhã vốn không diệt, không được nói là sanh. Nay nói không diệt là thế nào? Ấy là nói pháp Bát Nhã vốn không sanh không diệt, không thể dùng pháp sanh diệt mà luận nói.

- Tu Bồ Đề! Nếu ông nghĩ như vậy, Như Lai không dùng đầy đủ các tướng, đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Tu Bồ Đề! Chớ nghĩ như thế, Như Lai không dùng đầy đủ tướng tốt để đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh

Giác. Tu Bồ Đề! Nếu ông nghĩ rằng, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nói các pháp đoạn diệt, tức là nói tất cả pháp đều không thể ứng dụng. Chớ nghĩ như thế ấy. Vì sao? Vì người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với các pháp không nói tướng đoạn diệt. Tức là nói khi chưa giác ngộ, quyết phải y theo Phật pháp mà tu hành vậy.

KHÁI LUẬN:

32 tướng là tướng trang nghiêm đầy đủ. Đức Phật đủ công hạnh vô lượng vô biên, rồi sau đó trạm nhiên viên tịch, hiện ra tướng nhiệm màu, Phật đặng Bồ Đề, không duyên nơi tướng mà nhiệm màu, mà do nơi công hạnh. Công hạnh khi viên mãn thì tướng nhiệm màu tự hiện. Tướng nhiệm màu này, không thể chấp có, cũng

không thể chấp không. Chấp có thì trụ một bên tướng, làm sao thấy được Như Lai. Chấp không lại trụ ở một bên phi pháp, lấy gì để khuyến lệ công hạnh. Do đó lại phải trình bày, một là nói “nếu ông nghĩ như vậy”, hai là nói “chớ nghĩ như thế”. Rồi lập lại “nếu ông nghĩ rằng”: người phát tâm Bồ Đề, nói các pháp đoạn diệt”. Lại trình trọng cảnh tỉnh: “Chớ nên nghĩ rằng: “Người phát tâm Bồ Đề, đối với các pháp, không nói tướng đoạn diệt”. Phần này điểm cốt yếu là muốn phá tướng phi pháp, phá sự chấp không của các học giả.

GIẢNG NGHĨA:

Phật Như Lai, dùng 32 thứ tịnh hạnh, thành 32 tướng tốt. Ấy là do nhơn đã tu, nên mới chứng quả bồ đề, nhờ sức tu hành mới có. Do đó mà phải hỏi gạn: ông hoặc

nghe Như Lai, không dùng tướng tốt cụ túc, để đặng Vô Thượng Bồ Đề này. Lại nữa, chính đáng Phật bảo: ông chớ nên nghĩ Như Lai thật không đầy đủ nhân duyên tạo tướng tốt nhiệm mầu này, mà được đạo Vô Thượng Bồ Đề. Rồi một lần nữa, đức Phật còn cảnh tỉnh: nếu ông nói không nhờ tu phước, lại được thành bực Chánh Giác, thì tất cả pháp đều có thể bỏ mà không cần dùng, quyết đến chỗ trầm không trệ tịch, lạnh lòng mờ trí, rồi thành tướng đoạn diệt. Ý niệm này quyết định không thể khởi. Tóm lại, người phát tâm chánh giác, không nương theo Phật pháp tu hành thì không thể được. Cốt yếu là ở nơi KHÔNG nhưng không đoạn diệt, KHÔNG mà chẳng diệt.

Thơ 27:

Nếu ông cứ nghĩ đến ta,

*Không cùng tướng tốt cao xa chứng
thành,*

Tu Bồ Đề! Chớ nghĩ rành,

*Như Lai không tướng thật hành chánh
tri.*

Thế là còn đoạn hữu vi,

Vì sao chớ nghĩ, chớ ghi đạo màu,

Vì còn tướng tốt vọng cầu,

Còn sanh còn diệt, có đâu siêu phàm!

PHẦN KHÔNG THỌ KHÔNG THAM, THỨ 28

PHÂN GIẢI:

Lãnh nạp nơi thân gọi là thọ. Phàm người đối với trần tướng bên ngoài, không luận hoàn cảnh thuận hay nghịch, chỉ đem tâm thương ghét, đều gọi là thọ. Ngược lại

tất cả cảnh thuận nghịch không thọ thọ mà chỉ phần tế, cũng gọi là thọ. Chỉ có lưu tâm động niệm đều gọi là thọ. Nếu xét căn bản tìm thọ, tức là ngã vi tế chưa quên. Đã thông suốt pháp vô ngã, vô ngã thì vô thọ, ngã năng thọ đã không, nên gọi là không thọ. Thường thấy mình chưa đủ gọi là tham, ham tìm vui ngũ dục không thôi dứt, gọi đó là tham, tham cầu phước đức gọi đó là tham, ham muốn Niết Bàn cũng gọi là tham. Bồ Tát sau khi ngộ lý vô ngã, không tham nghĩ ngũ dục, không ruồi tìm phước đức, không tiến tới Niết Bàn. Thế nên gọi đó là không tham.

- Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát dùng bảy thứ báu đầy đủ cả hằng hà sa thế giới, đem ra bố thí; nếu lại có người, biết được tất cả pháp là vô ngã, thành tựu được đức nhẫn. Bồ Tát này thắng hơn Bồ Tát chỗ

đặng công đức. Vì có sao? Tu BỒ ĐỀ! Vì các BỒ TÁT không thọ phước đức.

Tu BỒ ĐỀ bạch Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Thế nào gọi là BỒ TÁT không thọ phước đức?

- Tu BỒ ĐỀ! BỒ TÁT phước đức đã làm, không hề tham trước. Vì thế, nên nói không thọ phước đức.

KHÁI LUẬN:

Pháp không đoạn diệt, nhưng pháp lại không chỗ trụ. Phật Như Lai, lại dùng BỒ TÁT đem của báu bố thí đầy sa giới làm thí dụ để hiển thị công đức vô trụ hành thí. Tiếp theo nói rằng: Nếu có người biết tất cả vô ngã, đặng thành sức nhẫn, người ấy tức là chơn BỒ TÁT, hơn công đức bố thí của BỒ TÁT trước (đây là lần thứ 8 dùng 7 thứ báu bố thí để so lường công đức). Đây

là chỉ cho ta công hạnh thực tại phát tâm Bồ Đề, đã không thể dùng tướng để quán, lại cũng không thể nói tướng đoạn diệt, đây tự có chân đế tồn tại. Phần này điểm cốt yếu là để phá phước đức không thể trụ, pháp chấp có của các học giả.

LỜI NÓI PHỤ:

Tất cả pháp phải cần vô ngã. Không thể vô ngã của người đời đều do không thể nhận. Không thể nhận thì làm gì có vô ngã ư? Sở dĩ nhận nhục ba la mật là vì hay nhận hay nhục, thậm chí không những quên nhục, cũng phải quên nhận nữa, nghịch đến lãnh chịu, lại thêm độ thoát, thì ngã mới được thành tựu. Không thể nhận, làm gì nói vô ngã, chỉ không có ngã mới hoàn thành nhận nhục. Đây là bản lãnh tinh tấn kiên cường để thành Phật. Toàn bộ Kinh hơn 5.000 câu chỉ số

giải mấy chữ này là lời tinh yếu của Phật Như Lai.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật nói;

- Tu Bồ Đề! Nếu Bồ Tát tuy dùng bảy thứ báu làm việc bố thí trong vô lượng thế giới, vì tâm trước tướng, nên phước có sở đắc, mặc dù nhiều, nhưng có hạn. Nếu lại có người, tâm không trước tướng, biết tất cả pháp vô ngã, mỗi thời mỗi thời nhận, mỗi việc mỗi việc nhận, kiên trì nhận nại, nhận ở trong nhận, cho đến nhận mà quên nhận, vô ngã mới được hoàn thành. Như thế thì Bồ Tát này công đức sở đắc, so với công đức của Bồ Tát trước lại quá nhiều. Vì sao vậy? Vì nhờ nhơn ly tướng, thì đặng quả thù thắng, song mà không lãnh thọ.

Tu Bồ Đề bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Như quả thọ thí, lý nó tự nhiên. Sao lại nói Bồ Tát không thọ phước đức?

Do đó, Đức Phật lại bảo:

- Tu Bồ Đề! Bồ Tát bố thí độ sanh vốn là hành chỗ phải hành, ban đầu không có nghĩ kể công lao, phước đức đến cùng không đến chẳng màng, cho đó rồi thôi. Đó gọi là không tham không thọ.

Thơ 28:

Bồ Tát bố thí ra làm,

Bảy báu ban rải thánh phàm ngợi khen,

Thế, thua pháp ngã một phen,

Công đức thù thắng khó xem ngôn từ.

Vì sao tu kiến mỗi người,

*Không thọ phước đức vẹn mười về sau,
 Tu Bồ Đề hỏi một câu,
 Tại sao Bồ Tát không cầu vinh quang?
 Đức Phật dạy lý Kim Cang,
 Ra làm phước đức chớ mang lòng trần,
 Không tham, không trước, không phân,
 Phúc đức không thọ mới gần chơn tâm.*

PHẦN OAI NGHI TỊCH TĨNH, THỨ 29

PHÂN GIẢI:

Oai nghi tức 32 tướng, 80 vẻ đẹp, tướng muôn đức trang nghiêm. Tĩnh tĩnh là thể nào? Tức là thể vắng lặng, không khứ không lai, chẳng động chẳng tịnh. Trong Kinh Tịnh Danh nói: “Không khởi diệt tận định, nhưng hiện các oai nghi, lúc nào

cũng hiện bày hóa thân Bồ Tát”. Ý chính muốn nói Đại Bồ Tát, thể dụng không hai, mỗi thời ở trong định, không có dấu tích khứ lai xuất nhập. Luận về Bồ Tát còn có dụng oai nghi, không mất thể tịch tĩnh, huống chi là Như Lai ư? Như Lai thì tức oai nghi, tức tịch tĩnh, tức thể, tức dụng, tức dụng, tức thể, tùy duyên bất biến, bất biến tùy duyên, vô trụ mà không tự tại vậy. Đoạn văn này là tứ ý vô ngã vô thọ mà đến. Đã còn nói vô ngã vô thọ, thì Như Lai hiện có khứ, lai, tọa, ngọa, đâu không phải là ngã tướng ư? Đã hiện ngã có tướng, thì đâu không thật có thọ ư? Bởi vì chỗ thấy ba thân một và khác chưa quên, không rõ nhất thể của ba thân, còn chưa ngộ lý bình đẳng pháp thân. Nay nói oai nghi tịch tĩnh là sao? Như Lai tuy hiện tướng oai nghi, không phải là thể tịch tĩnh. Mặc dù là thể tịch tĩnh, nhưng tùy

tướng hiện oai nghi. Như Lai ba thân tức một thể, một tức ba, ba cũng tức một. Thế nên nói oai nghi mà tịch tĩnh.

- Tu BỒ ĐỀ! Nếu có người nói, Như Lai, hoặc đến, hoặc đi, hay ngồi hay nằm, người ấy không hiểu nghĩa mà tôi đã nói. Vì sao? Vì Như Lai là không có chỗ nào đến, mà cũng không nơi nào đi, cho nên gọi là Như Lai.

KHÁI LUẬN:

Trước nói Như Lai không thể dùng tướng quán sát, nhưng lại chẳng phải không tướng. Tướng vốn là pháp sở hiện, cho nên đối với pháp không nói tướng đoạn diệt, nhưng lại không thể trước pháp, thẳng nói đến pháp vô ngã, được hoàn thành đức tín nhẫn nhục, biết tất cả pháp vô ngã, thì Bát Nhã được hiển lộ, thành được sức nhẫn thì chúng được ba la mật.

Từ đây, xét lại chỗ cùng cực, tức là Như Lai. Như Lai là các pháp như ý, tức là Thành Nhơn từ tâm biến khởi, không vượt ngoài tánh linh, thì đâu có đến, đi, ngồi, nằm. Phật Như Lai nhơn đó bảo rằng:

- Nếu có người nói, Như Lai hoặc đến, hoặc đi, có ngồi, có nằm, người ấy không hiểu được đạo lý mà tôi đã nói. Chính là không liễu ngộ chân đế viên diệu, trụ nơi tướng danh tự của Như Lai. Ngài lại dạy thêm không chỗ đến cũng không nơi đi. Ấy gọi là Như Lai. Lời nói ấy như bất động, trước trời đất khí tượng vô cực. Đã đem nhứt hiệp tướng không thể nói để ra ngoài ngôn thuyết.

Trước đem 32 tướng để quán Như Lai, là nói tướng ngôn tự. Đây chính là nói danh tự Như Lai. Pháp tướng không thể chấp, tướng phi pháp không thể chấp,

tướng phước đức không thể chấp, tướng danh tự không thể chấp, thì được tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, như mây tan mặt trăng hiện. Phần này cốt yếu nói rõ ý nghĩa của Như Lai và chỉ pháp thân vô tướng, cũng chính là để phá tướng danh tự Như Lai không thể trụ vậy.

LỜI NÓI PHỤ:

Người đời phần đông dùng trong bốn oai nghi, cầu Phật qua sắc thân hữu tướng, mà không biết Phật trong Bát Nhã chơn tính. KINH HOA NGHIÊM nói: “Nước trong mặt trăng hiện, mặt trăng vốn không đến, mây ngăn mặt trăng bị che, mặt trăng cũng chẳng đi đâu. Cũng như vậy, tâm yên tịnh thì thấy Phật, không phải là Phật từ đâu đến, tâm như đục thì không thấy, cũng chẳng phải Phật đi đâu”. Tâm người tự có như sạch, Phật vốn không bao giờ

có khứ lai. Ba mươi hai pháp tướng là ứng thân hóa hiện của Như Lai thôi!

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật nói;

Tu Bồ Đề! Nếu có người dùng bốn oai nghi đi, đứng, ngồi, nằm của Như Lai tôi, mà chỉ cho đó là Như Lai. Ấy đều là chấp trước ở nơi hữu tướng, thật chưa hiểu được đạo lý mà tôi đã nói. Duyên có ấy là do Như Lai, chơn tánh Phật vậy. Chơn tánh như như, đầy khắp pháp giới; tùy theo cảm ứng mà có phát hiện, đến vốn không đến, có khi phải ẩn kín, đi cũng không đi. Duy nhất không khứ lai, cho nên gọi là Như Lai, tức là diệt không, cảm mà bèn thông suốt đó vậy.

Thơ 29:

Tu Bồ Đề! Nghĩa thậm thâm,

*Nếu có người nói, mê làm cần chuyên,
 Như Lai nghĩa thật chân nguyên,
 Không đi, không đến, không riêng,
 không ngồi!*

*Xuất trần chấp tướng giống đời,
 Sự thật mà nói không rời mây may,
 Không lai, không khứ xưa nay,
 Thế nên mới gọi ĐỨC THẦY NHƯ LAI.*

PHẦN NHỨT HIỆP LY TƯỚNG, THỨ 30

PHÂN GIẢI:

Nhứt (một) thì không khác, khác thì không nhứt (một). Nếu nói vi trần không phải thế giới thì khác, nếu nói vi trần tức thế giới là một. Nếu nói là một, thì làm sao có tên vi trần thế giới; nếu nói là khác

thì thật không chia thể giới vi trần. Bởi vì vi trần nhóm lại tức là thể giới, thể giới tan hoại tức là vi trần. . Nói khác không được, nói một cũng không được. Nói hợp không được, nói chẳng hợp cũng không được. Vì hợp một thì không thể khác, hợp khác thì không thể một, đây là mê nơi một và khác, đều không rõ lý pháp thân bình đẳng. Nói tướng một, khác đều là hiểu biết của chúng sanh. Kỳ thật tướng một khác, đều do bịnh chấp danh chấp thủ. Bởi vì thể giới vi trần này đều không phải thật có; nếu vi trần là thật có, tức không thể nhóm hợp thành thể giới; nếu thể giới là thật có, tức không thể tán tác thành vi trần.

Một vi trần gồm có 5 đại tánh, thể giới cũng gồm có 5 đại tánh. Một vi trần tánh, tức tánh thể giới, thể giới tánh tức là tánh

vi trần, chẳng phải một, chẳng phải khác. Tìm tướng một khác kia, rõ không thể được. Nếu ai nói một tướng hiệp không phải một hiệp tướng, đều là biên kiến vậy. Rốt ráo chơn tế pháp thân, tướng nhất hợp không thể thấy tức là lý nhất hợp cũng không thể thấy. Danh tướng đều không, ngôn ngữ đạo đoạn, bình đẳng bình đẳng, trở về chơn tế pháp thân.

- Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam tử, thiện nữ nơn nào, đem 3.000 đại thiên thế giới nghiền nát như vi trần, ý ông nghĩ thế nào? Các vi trần ấy có nhiều hay không?

- Tu Bồ Đề thưa: Rất nhiều, bạch Thế Tôn!

- Vì có sao? Vì nếu vi trần ấy thật có nhiều, Phật liền không nói vi trần ấy là

rất nhiều. Lý do vì sao? Vì Phật nói số vi trần nhiều, tức là không phải là vi trần nhiều. Ấy mới gọi là vi trần nhiều.

- Bạch Thế Tôn! Như Lai đã nói 3.000 đại thiên thế giới, tức không phải thế giới, ấy mới gọi là thế giới. Vì có sao? Vì nếu thế giới thật có, tức là nhưt hiệp tướng. Chân tánh dung thành, hồn nhiên như vậy, không hai không khác. Ấy gọi là nhưt hiệp tướng. Như Lai nói nhưt hiệp tướng, tức không phải là nhưt hiệp tướng. Ấy gọi là nhưt hiệp tướng.

- Tu Bồ Đề! Nhưt hiệp tướng, tức là không thể nói, nhưng các người phạm phu, tham trước việc kia. Tham trước là quyền luyến vậy. Tham trước những việc kia, tức là sắc trong sáu căn vậy.

KHÁI LUẬN;

Phật Như Lai, sợ Ngài Tu Bồ Đề chấp kiến chưa dứt, không rõ chơn đế bát nhã, chưa thông lý pháp thân, ứng thân, cho nên dùng 3.000 đại thiên thể giới nghiền nát thành vi trần, lập thí dụ để pháp trừ. Bởi vì ứng thân không là pháp thân, cũng như vi trần không là thể giới. Thể giới dụ cho pháp thân, vi trần dụ cho ứng thân. Thể giới nghiền nát thành vi trần, tức là pháp thân chia thành ứng thân. Vi trần nhóm thành thể giới, tức là ứng thân quy về pháp thân. Ứng thân chẳng phải khác, ứng thân cũng là thể của pháp thân. Pháp thân chẳng phải một, pháp thân hay khởi dụng ứng thân. Vi trần không phải thể giới, nhưng vi trần thật là thể của thể giới. Thể giới không phải vi trần nhưng thể giới thật do vi trần mà phát khởi. Đức Phật nói thể giới nghiền nát thành vi trần, chính là nói pháp thân chia mà thành ứng

thân. Pháp thân vốn như hư không, thì ứng thân lại không phải thật có. Thế giới vốn như hoa trong gương, thì vi trần cũng đồng như mặt trăng dưới nước. Vi trần đã không thật có thì thế giới cũng không thật có. Thế giới nếu là thật có, tức là một thể, tức là nhứt hiệp tướng tức là không thể nghiền nát thành tướng vi trần.

Tóm lại, ứng thân đã không thật có, pháp thân cũng không thật có. Pháp thân nếu là thật có, tức là một tướng, một tướng cũng là nhứt hiệp tướng, tức không thể phát khởi thành tướng ứng thân. Chẳng phải một, chẳng phải khác, chẳng phải hiệp, chẳng phải không hiệp. Do đó, nên Như Lai nói nhứt hiệp tướng, tức không phải nhứt hiệp tướng, chỉ giả danh nhứt hiệp tướng mà thôi! Phần căn bản

cốt yếu chỉ rõ có tướng đều là hư vọng, để phá nát hiệp tướng cũng không thể trụ.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật dạy:

- Tu Bồ Đề! Nếu có thiện nam, tín nữ nào đem 3.000 đại thiên thế giới, nghiền nát chia thành hạt bụi nhỏ nhỏ, ý ông nghĩ sao? Như thế có nhiều không?

Tu Bồ Đề thưa:

- Bạch Thế Tôn! Vì hạt bụi không thật, nên thấy rất nhiều. Vì có sao? Bởi vì những hạt bụi này dù nhiều vô số, song không có định thể, khởi diệt chẳng thường, có sanh có diệt, cuối cùng không thật có. Nếu vi trần thật sự có thì Phật Như Lai tức không nói là vi trần chúng. Bởi vì Phật nói vi trần chúng không chân

thật, tức là thế giới cũng không thật có, nên tạm gọi đó là vi trần chúng mà thôi.

Tu Bồ Đề lại hướng về Đức Phật bạch rằng:

- Thưa Thế Tôn! Từ Phụ đã nói 3.000 đại thiên thế giới, cũng là một sự chứa nhóm vọng trần, thành tức có hoại, cuối cùng đến chỗ chấm dứt. Hư huyền không thật, nên chẳng phải thật thế giới. Chỉ tạm gọi là thế giới mà thôi. Ấy là thế nào? Lý luận trong thế giới bản thể thật có. Duy có nhứt hiệp tướng, nó chính là chân tính vậy, thường trú không hoại. Một là không thể chia ra làm hai, hiệp không bao giờ tách rời. Như Lai nói nhứt hiệp tướng, dùng hư không dụ cho bình đẳng chơn tánh, không thể dùng ngôn ngữ hình dùng, tức không phải nhứt hiệp tướng, chỉ

gắng gượng gọi đó là nhứt hiệp tướng mà thôi.

Như Lai biết Tu Bồ Đề đã triệt ngộ tính chân thật kia, nên hướng về Tu Bồ Đề nói:

- Đạo lý nhứt hiệp tướng, không mà chẳng không, nhiệm mầu không thể nói. Nhưng các hạng người tầm thường, bản tính che lấp với vô minh, con mắt tham trước, nhận huyền duyên cho là cảnh thật, chấp trước nhiều lớp, không thể nào liễu ngộ.

Thơ 30:

Tu Bồ Đề! Nếu có ai,

*Đem nhiều thế giới, công khai đập
nghiền,*

Trở thành bụi đất chia riêng,

Ông xem như thế, có phiền lắm không?
 Bạch rằng số ấy khó thông,
 Như Lai đã nói mênh mông vi trần,
 Thế là đừng chấp có phần,
 Luận qua thế giới, cũng gần như nhau.
 Phật nói nhứt hiệp trước sau,
 Tức phi nhứt nhiếp mau mau kiện toàn,
 Những người mê chấp nói càn,
 Tham trước danh tướng, Kim Cang bị
 mờ!

PHẦN TRI KIẾN KHÔNG SANH, THỨ 31

PHÂN GIẢI:

Thật biết in tuồng như không biết,
 nhưng không chỗ nào mà chẳng biết. Thật

thấy hình như không thấy, song không chỗ nào mà chẳng thấy. Phạm phu không ngộ được lý Bát Nhã, không thể hàng phục vọng tâm. Phạm có biết thấy, ngoài không thể lìa sáu trần, trong không thể lìa duyên ảnh, biết thấy càng nhiều thì trần lao càng lắm, trọn ngày bị tri kiến làm mê, không vương năng tri kiến, thì cũng sa vào sở tri chướng, không mê nơi tướng phần sở kiến, thì cũng phải mê chỗ kiến phần năng kiến.

Vọng cảnh huân tập vọng tâm, vọng tâm chấp lấy vọng cảnh, đều là ngoài tâm chấp pháp, đối với tự mình, trên bản tánh lại thêm chướng ngại. Chỗ khác đã nói: Dứt trừ phiền não lập thêm bệnh, xu hướng chân như đều là tà. Nếu ai “trực hạ” không sanh tri kiến, rõ biết niết bàn cùng sanh tử, đều như hoa đóm giữa hư

không, bản nguyên tâm thể thanh tịnh, lúc bấy giờ tròn sáng khắp nơi. Thế nên Đức Phật nói: ta đối với Bồ Đề thật không sợ đắc, sợ người đời không tin lý này, nên dẫn năm nhân bị thấy, năm lời bị nói, chân thật bất hư để chứng minh. Song đã nói rằng tri kiến, cũng không phải hoàn toàn không tri kiến, nếu toàn không tri kiến, tức thành đoạn diệt. Đã nói không sanh là không sanh tà tri kiến, chẳng phải là không chánh tri kiến. Nếu ai thấu dụng bát nhã, không xa lìa tri kiến, khéo hay phân biệt tướng của các sự vật, đối với đệ nhất nghĩa không bao giờ động, liền liễu ngộ bản tâm, biết như vậy, thấy như vậy, không sanh vọng tướng sự vật.

- Tu Bồ Đề! Nếu người nói, Phật đã nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến. Tu Bồ Đề! Ý ông

ngĩ như thế nào? Người ấy hiểu được nghĩa ta đã nói không?

- Bạch Thế Tôn! Chắc là khó hiểu. Người ấy không thể hiểu nghĩa Như Lai đã nói. Vì có sao? Thế Tôn nói ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến, thọ giả kiến, tức không phải ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến. Ấy mới gọi là ngã kiến, nhân kiến, chúng sanh kiến và thọ giả kiến.

- Tu Bồ Đề! Người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đối với tất cả sự vật, phải biết thật đúng, phải thấy thật đúng, biết đúng, thấy đúng, tức là chơn tri, chơn kiến của Vô Thượng bồ đề, tin hiểu đúng như thật, không sanh vọng tưởng các sự vật. Sự vật đây là muôn sự muôn vật; tưởng tức là hình tích. Không sanh vọng tưởng các sự

vật là thể nào? Vật gì có hình tướng, như chấp có ngã, nhơn, chúng sinh, thọ giả, đều không móng vọng tâm chấp tướng. **Tu Bồ Đề Đã nói là pháp tướng Như Lai nói tức không phải pháp tướng. Ấy mới gọi là pháp tướng.**

KHÁI LUẬN:

Đức Phật lại sợ Tu Bồ Đề nghi thể pháp thân, đã không thể cùng thấy thì làm sao Phật Như Lai cũng từng nói ngã, nhơn các kiến chấp v.v...nhơn đó mà phá kiến chấp có ly tướng để hiển lộ chơn đế bát nhã.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật nói:

- Tu Bồ Đề! Nếu có người nói Đức Phật nói ngã, nhơn v.v...bốn kiến chấp, ý ông nghĩ thế nào? Người ấy quả thật đã hiểu rõ đạo lý của tôi nói không?

Tu Bồ Đề đáp:

- Bạch Thế Tôn! Đức Thế Tôn nói bốn chấp siêu việt ngoài ý nghĩ của người đời, họ không thể nào hiểu thấu. Những người ấy đâu có thể lãnh hội được đạo lý của Như Lai đã nói? Bốn kiến chấp mà Thế Tôn đã nói, chỉ vì muốn hàng phàm phu, nhổ sạch gốc bịnh, chẳng qua là mượn tên của bốn kiến chấp này mà thôi. Nếu diệu trí tuệ trong chơn tánh như vàng thái dương ở giữa hư không, suốt thông không ngăn ngại, tức là không cò vọng kiến ngã hơn, chúng sanh và thọ giả.

Đức Phật lại nói với Tu Bồ Đề:

- Phàm người phát tâm Chánh Đẳng Chánh Giác đã liễu ngộ được lý nhiệm mầu vô tướng, tự nhiên thật hành diệu hạnh vô tướng. Biết như thế thì cái biết không bị che; thấy như thế thì cái thấy

không bị ngăn. Tin hiểu như vậy, tức là giác ngộ nhiệm màu, không bao giờ sanh vọng tướng sự vật. Vọng tướng dứt trừ, hằng không thoái chuyển. Thế là có sự nhiệm màu vô tướng chân không. Cuối cùng đức Như Lai nói thêm:

- Tu Bồ Đề! Pháp tướng vốn không, tức không có pháp tướng. Ở trong không có tướng, ấy mới gọi là pháp tướng. Thật là pháp tướng chân không thì chẳng có vọng kiến nào mà có thể so sánh được.

Thơ 31:

Nếu ai còn bị chữ ngờ,

Ngã, như bốn chấp, tôn thờ lời ta,

Ông có cho đó cao xa?

Hay là giải tỏa cho ra luân hồi?

Những người phát chí tô bồi,

*Vô Thượng Chánh Đẳng không rời kiến
tri,*

Tín giải chơn thật chi si,

Không sinh vọng chấp, mâu ni hiện bày.

Pháp tướng đã nói lâu nay,

Tức phi pháp tướng có ngài toàn chân,

Ấy là pháp tướng hiện thân,

*Như Lai thuyết giáo, không cần nghĩ
suy.*

PHẢN ỨNG HÓA PHI CHƠN, THỨ 32

PHÂN GIẢI:

Đây là văn tổng kết, nói rằng pháp thân phi tướng, ứng hóa không thật. Các đoạn trước nói như pháp đều không, đã là như pháp đều không, trì Kim có lợi ích

gì? Sở dĩ phần chót quy kết vẫn tôn trọng sự thọ trì đọc tụng. Bởi vì chúng sinh mỗi người trước tướng, nếu không theo pháp Bát Nhã, thọ trì đọc tụng, thì khó mà ngộ lý pháp thân, phi tướng. Không sanh tuy ngộ toàn thể pháp thân, lại nghi ngờ pháp thân không ngôn thuyết, đã là pháp thân không ngôn thuyết, thì tại sao Như Lai hiện có ngôn thuyết. Như Lai đã có ngôn thuyết, đó không phải là hữu tướng hữu thuyết? Người chưa liễu ngộ đều do không hiểu hóa thân của Phật thường nói cấp pháp NHƯ NHƯ. Kỳ thật hóa thân chẳng phải ứng thân, ứng thân chẳng phải hóa thân, có khi cũng ứng cũng hóa, có lúc không ứng không hóa, toàn là đại dụng pháp thân. Thế nào gọi là hóa thân không ứng thân? Pháp thân là pháp thường trú, tùy tâm chúng sanh được sự

cảm ứng, ẩn trong thân Phật, hoặc hiện thân rỗng, quý.

Thế nào gọi là ứng thân chẳng phải hóa thân? Ứng theo địa phương, tùy theo căn cơ hiện thân Phật, chẳng bị nhiếp trong ngũ thú vậy. Thế nào gọi là cũng ứng cũng hóa thân? Thanh van chỗ thấy tướng là tu để thành Phật, thuộc thân hiện có. Thế nào gọi là không ứng không hóa thân? Pháp thân báo thân, không thuộc ứng thân cũng chẳng thuộc hóa thân. Nay nói ứng hóa không chân thật là nói pháp thân vốn không có tướng ngôn thuyết, mượn hóa thân mà nói. Dùng thân như như, nói pháp như như, không chấp nơi tướng, không tướng nhưng đều là tướng. Ba thân một thể, một thể ba thân. Đến đây mới thật là pháp Bát Nhã vô thượng; thể pháp thân như như bất động.

- **Tu Bồ Đề! Nếu có người đem bảy thứ quý báu đầy vô lượng A tăng kỳ thế giới. A tăng kỳ là tiếng Phạn Asankhya. Trung Hoa dịch là vô ương số, đem dùng bố thí; nếu có thiện nam, tín nữ nào phát tâm bồ đề thọ trì KINH KIM CANG này, cho đến một bài kệ bốn câu v.v...thọ trì đọc tụng, vì người diễn nói, phước này hơn phước bố thí trước. Làm thế nào vì người diễn nói, là không chấp nơi tướng, như như bất động. Tâm như gương sáng, nên gọi là như như bất động, không chấp sự tướng, muôn pháp đều không, như như bất động, tức là viên dung tự tại vậy. Như như bất động, muôn pháp về nơi chơn tánh cũng như lưỡng nghi, tứ tượng về nơi thái cực vậy.**

- **Vì có sao? Tất cả pháp hữu vi, như chiêm bao huyễn hóa, bọt nước, bóng**

trong gương. Chiêm bao là khi ngủ thấy cảnh vật giả dối; huyền hóa là huyền thành vọng ý, hóa biết vào huyền, huyền kết thành hóa đều từ điên đảo, mà phát khởi; bọt nước là bào bọt tụ động trên mặt nước, có luồng gió thổi là tiêu tan; bóng trong gương là hình chiếu thành bóng, hình theo bóng diệt, tất cả đều là hư vọng không thật. **Như sương cũng như điện chớp,** sương kết tụ thì mặt trời chiếu soi là tiêu tan; điện chớp, xẹt lên rồi tan, khởi diệt rất mau chóng vậy, **phải quán sát như thế.** Chiêm bao, huyền hóa, bọt nước, bóng trong gương, sương tuyết, điện chớp, sáu thứ này gọi là “lục quán”. Quán sáu cái đó đều giả thì chơn quán hiển lộ. Chơn quán tự nhiên tức là như như bất động, chơn không thật tướng, bản giác của nó có trước vũ trụ muôn loài.

*Các Pháp thế gian thuộc hữu vi,
 Như dương ngon giấc mộng đông thù,
 Như đồ giả dối không bền chặ,
 Như bọt tiêu tan mất cấp kỳ,
 Như bóng bên hình, không lại có,
 Như sương trên cỏ nắng còn chi,
 Như luồng điện nhoáng không tồn tại,
 Nhận xét như vậy, mới thật tri!*

**Đức Phật thuyết Kinh này rồi, trưởng
 lão Tu Bồ Đề cùng các tỳ kheo, tỳ kheo
 ni, ưu bà tắc, ưu bà di, tất cả người,
 trời, a tu la, trong cõi đời nghe Phật
 thuyết KINH KIM CANG này đều rất
 hoan hỷ, tín thọ y giáo phụng hành.**

KHÁI LUẬN:

Trước đã nói nhơn không, pháp không, Đức Phật e sợ người đời sau nghi nhơn, pháp đã không, trì Kinh đâu có lợi ích gì? Thế nên phần cuối lại nói thêm so sánh phước huệ lần thứ 9. Nhơn vì trước tướng đặng phước thọ hưởng có thời gian hết, huống là nhơn hưởng phước mà tạo thêm nghiệm. Duy có phước xuất thế không xót không mất, thụ hưởng vô cùng tận. Tuy là so lường khuyến nói, song làm cho người đời tỉnh ngộ, thọ trì đọc tụng kinh điển là thù thắng, đình ninh lập đi nói lại, muốn cho mọi người lòng tin thanh tịnh, thật tâm hộ niệm phú chúc một tâm lòng thành vậy.

GIẢNG NGHĨA:

Đức Phật dạy:

- Tu Bồ Đề! Nếu có người đem bảy thứ quý báu đầy đầy vô lượng vô ương số thế

giới, thật hành hạnh bồ thí, phước vẫn nhiều. Song mà có thiện nam tín nữ, phát tâm rộng lớn khắp giúp, thọ trì đọc tụng Kinh này dù chỉ là bài kệ bốn câu, không những tự mình thấy tánh, lại muốn vì người diễn nói, khiến người thấy tánh, thì phước xuất thế này so sánh với phước bồ thí trước thù thắng rất nhiều. Phải diễn thuyết cho người nghe như thế nào? Cốt yếu là không trước tướng, không động tâm. Đó là vì duyên có gì? Như vì phạm phu trong thế gian có những cách tạo tác thi vi, hiện diệt bất thường, như đồng cảnh chiêm bao, đồng duyên huyễn hóa, đồng như bóng trong gương, đồng như sương mai có ánh nắng liền tan, đồng như luồng điện chớp liền tan. Phạm những gì thuộc về pháp hữu vi, phải làm sáu cách quán như trên.

Đức Phật lại cặn kẽ giảng thông pháp bát nhã, nói Kinh này rồi, Tôn giả A-Nan ghi lại Kinh này đầy đủ, trưởng lão Tu Bồ Đề cùng các vị tỳ kheo, tỳ kheo ni, thiện nam, tín nữ và trời, rồng, hàng bát bộ cũng như các chúng quỷ thần A Tu La v.v...đồng ngồi trong pháp hội đạo tràng, nghe Kinh được sự cảm hóa bởi Đức Như Lai, toàn thể không sợ hãi, không e dè rất là hoan hỷ, tín thụ lời Phật nói, phụng hành lời dạy của đấng Thiên Nhân Sư.

Thơ 32:

Nếu ai đem của thực thi,

Bố thí bảy báu từ bi giúp đời,

Không bằng những kẻ đúng thời.

Thọ trì diễn nói những lời KIM CANG,

Vì sao thắng phước cao sang?

*Không chấp không trước, tâm an bình
thường,*

Hữu vi sáu pháp tư tường,

*Quán sát như vậy, trên đường thành
công.*

Phật thuyết Kinh Pháp vừa xong,

Thất chúng đệ tử, cũng đông người trời,

Toàn thể tín thọ những lời,

Phụng hành Kinh giáo, trọn đời tiến tu.

*Hết phần VI – Thuyết vào bản Kinh (thứ
21-32)*

**Chú Giải Kinh Kim Cang
Và Chánh Pháp Chưa Từng Có**

Thích Huyền Vi

ĐỨC PHẬT NÓI KINH CHÁNH PHÁP CHƯA TỪNG CÓ

QUYỂN THỨ I

Xứ Tây Thiên, tam tạng dịch kinh, triều đình ban cho chức Đại Phu Thí Hồng Lô Khanh, truyền thọ Đại sư, hiệu là Pháp Thiên, vâng chiếu chỉ phiên dịch.

Tôi nghe như vậy (1), một thưở nọ Đức Phật ngự tại thành Vương Xá (2), trên pháp hội Linh Sơn (3), cùng chúng đại tỳ kheo, một muôn hai ngàn năm trăm vị (12,500). Lúc bấy giờ có các đại Bồ Tát, số tới tám muôn bốn ngàn người (84,000), từ các cõi Phật đến câu hội. Các Bồ Tát ấy đều đủ đại trí, đặng đại tổng trì (4), đủ vô ngại biện tài (5), đạ chứng vô sanh pháp nhẫn (6), vào tam ma địa (7), tổng trì trí môn, rõ biết tâm ưa muốn của chúng sinh, khéo nói pháp yếu (8), như pháp giả thoát.

Lại có bốn vị (9) đại thiên vương và trời Đế Thích, chủ cõi Ta Bà là vị đại Phạm thiên vương và vô lượng trăm nghìn trời, rồng, Dạ Xoa, Càn Thát Bà, A Tu La, Ca Lâu La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người và phi nhân (10) v.v...đều đến nhóm họp. Lúc bấy giờ có vị đại Bồ Tát tên là Diệu Kiết Tường (11) ở bên núi kia (Linh Sơn) cùng 25 vị Đại Bồ Tát. Ấy là: Đại Bồ Tát Long Kiết Tường, Đại Bồ Tát Long Thọ, Đại Bồ Tát Kiết Tường Sanh, Đại Bồ Tát Kiết Tường Tạng, Đại Bồ Tát Tối Thượng Liên Hoa Kiết Tường, Đại Bồ Tát Liên Hoa Kiết Tường Sanh, Đại Bồ Tát Bửu Thủ, Đại Bồ Tát Bửu Ấn Thủ, Đại Bồ Tát Sư Tử Ý, Đại Bồ Tát Sư Tử Úy Âm, Đại Bồ Tát Hư Không Tạng, Đại Bồ Tát Bình Đẳng Tâm Chuyển Pháp Luân, Đại Bồ Tát Liễu Biệt Nhất Thiết Cứ Nghĩa Đại Biện, Đại Bồ Tát Biện Tích,

Đại Bồ Tát Hải Ý, Đại Bồ Tát Diệu Cao Vương, Đại Bồ Tát Ái Kiến, Đại Bồ Tát Hỷ Vương, Đại Bồ Tát Vô Biên Thị, Đại Bồ Tát Vô Biên Tác Hạnh, Đại Bồ Tát Phá Chư Ma, Đại Bồ Tát Vô Ưu Thọ, Đại Bồ Tát Nhất Thiết Nghĩa Thành.

Lại có bốn vị Thiên Tử ở cung trời Đâu Suất ấy là Thiên Tử Phổ Khai Hoa, Thiên Tử Quang Minh Khai Hoa, Thiên Tử Mạn Đà La Hoa Hương, Thiên Tử Tinh Tiến Pháp Hành. Các Thiên Tử ấy dùng tâm tin ưu. Mỗi vị cùng các bà con đồng đến chỗ Bồ Tát Diệu Kiết Tường, nghe thọ chánh pháp. Lúc ấy các vị Đại Bồ Tát cùng chúng thiên tử, đã đến pháp hội rồi, thứ lớp mà ngồi.

Lúc bấy giờ, đại chúng đa số đều nói: Nhất thiết trí của Phật thậm thâm vô lượng, rộng lớn vô biên, không thể nào

ngĩ bàn, không có món gì so sánh, tối thượng không ai hơn, không thể nào rõ biết tận tường. Tại sao Đại Bồ Tát phải mặc áo giáp tinh tiến, mới chứng được Vô Thượng (12) Chánh Đẳng Chánh Giác? Lúc ấy trong pháp hội có vị Đại Bồ Tát tên là Long Kiết Tường nói với các Bồ Tát rằng; nếu có Bồ Tát nào trông các căn lành tâm không trụ trước (13), hồi hướng thật tế. Ấy gọi là an trụ các pháp căn lành, mặc áo giáp tinh tấn. Đại Bồ Tát ấy liền chứng đến nhất thiết trí của Phật tánh.

Bồ Tát Long Thọ nói: Nếu Bồ Tát phát tâm bình đẳng, tâm điều phục, tâm ái lạc, tâm ưu thích, tâm nhu nhuyễn, tâm vô phân biệt. Ấy gọi là kiên cố, mặc áo giáp tinh tấn, liền hay chứng đến Phật nhất thiết trí (14).

Bồ Tát Kiết Tường Sanh nói: Nếu có Bồ Tát ở trong nhiều kiếp, ưa muốn rõ biết Phật nhất thiết trí, phải ở trong vô lượng kiếp mặc áo giáp tinh tấn, vì các chúng sanh, hạnh khổ khó làm, không tự cống cao (15). Vì ấy hay chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Kiết Tường Tạng nói: Nếu các Bồ Tát khởi tâm lợi tha, không đắm trước vui của mình, không ưa thiên định, nhưng hay khắp vì tất cả làm lợi ích lớn cho tất cả chúng sanh, dùng vô lượng căn lành, hồi hướng cho tất cả chúng sanh. Ấy là hay chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Tối Thượng Liên Hoa Kiết Tường nói: Như Phật đã dạy, nếu các Bồ Tát đối với tất cả pháp, không tự tha, không hiển không mật, khắp hay điều phục, không các khởi tác; ở trong tất cả

hành, nhưng dứt năng hành. Ấy là Bồ Tát trụ pháp Xa Ma Tha (16) tương ưng, tự năng hành rồi lại hay giáo tha. Đó là Bồ Tát liền hay chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Liên Hoa Kiết Tường Sanh nói: nếu các Bồ Tát chấp trước pháp thế gian, tức không thể rõ biết Phật nhất thiết trí. Nếu đối với pháp thế gian, không bị đắm trước, không lợi, không suy, không hủy, không dự, không xung, không cơ, không khô, không lạc. Tức là đối với các pháp, không tăng không giảm. Ấy gọi là Bồ Tát xuất ly thế gian, liền hay chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Trì Thế nói: Nếu các Bồ Tát dùng các thắng hạnh, lợi ích tất cả chúng sanh, nhưng đặng lợi mình, không phải do mình và người, rồi sinh ra phân biệt, nhưng đem căn lành hồi hướng tất cả,

khởi lòng đại tinh tấn thường vì chúng sinh trồng các căn lành. Ấy gọi là Bồ Tát an ổn các thắng hạnh, liền chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Địa Trì nói: Thí như trên đất liền hay sanh cây cối cùng các cỏ thuốc v.v...hoa trái tươi tốt đều hay thành tựu, cho đến muôn vật đều như đất mà có ra, nhưng quả đất kia không bao giờ nghĩ; Ta sanh cỏ cây, rồi được thành tựu, đối với muôn vật, nương đất mà được an trụ, tất cả chúng sanh, y đại địa pháp giới mà được sinh trưởng, nhưng không bao giờ suy nghĩ ta hay sinh ra tất cả chúng sinh. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, khởi tâm bình đẳng cũng như quả đất liền, trường kỳ lợi lạc cho tất cả chúng sinh, nhưng không bao giờ nghĩ rằng, ta hay làm lợi lạc cho tất cả chúng sanh, là được sự

phân biệt kia tức hay chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Bửu Thủ nói; người mặc áo giáp tinh tấn, làm các hạnh thù thắng rộng lớn vô biên tự không thấy đầy đủ thiện căn rộng lớn để mà thi hành. Nếu các vị Bồ Tát trụ tâm bình đẳng, không có ý tưởng phân biệt, cho đến trong giấc chiêm bao, đối với các chúng sanh, không sanh tâm buồn giận hay vui mừng, luôn muốn cho các hữu tình mặc áo giáp đại thừa, chứng đến Phật trí bình đẳng, không theo ý niệm Thanh Văn (17), Duyên Giác. Bồ Tát ấy liền hay chứng được Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Bửu Ấn Thủ nói: Đã có cõi chúng sanh mỗi mỗi khiến họ khởi tâm đại bi, khắp thí (18) pháp ấn. Các chúng sanh ấy, những ai chưa tin khiến họ sanh lòng chánh tín, những người chưa nghe

khiến họ nghe pháp thật nhiều, các kẻ xan tham khiến họ thật hành bố thí, những ai hủy phạm cấm giới, khiến họ trì gòì kiến cố; những vị ưa giận tức, khiến họ thật hành nhẫn nhục, những người biến nhạc, khiến họ khởi lòng tinh tiến, ai tâm bị tán loạn, khiến họ trụ thiên định, người nào quá ngu si, khiến họ tập đủ trí huệ, rồi khiến họ thường thật hành pháp lành, đều được tròn đầy thiện căn, thường làm theo ba thứ bửu ấn của Bồ Tát. Những gì là ba?

- Khiến chúng sinh tròn đầy trí Phật của họ, ai có căn lành đều nên hồi hướng cho tất cả chúng sanh. Ấy là bửu ấn (19) thứ nhất.

- Các chỗ mình làm lành, đều có lợi ích, thành tựu căn lành cho tất cả chúng sinh. Ấy là bửu ấn thứ nhì.

- Quán thể giới loài hữu tình cũng như hư không, tự tánh thanh tịnh. Ấy là bửu ấn thứ ba.

Nếu Bồ Tát thường thật hành các việc trên, không có thôi dứt. Tức là hay chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Sư Tử Ý nói: nếu Bồ Tát tinh tiến kiên cố, nhưng không sợ hãi, không thể phá hoại, tâm không biếng nhác, không tưởng sợ sệt, dũng mãnh không thoái chuyển, ở trong vòng luân hồi (20), chịu đựng kham khổ, không khiếp không sợ, nhưng thường xa lìa, chứng đến niết bàn; đối với các việc khổ vui, bình đẳng mà trụ, không có hai tướng. Được như thế đó là hạng Bồ Tát mặc áo giáp tinh tấn, liền hay chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Sư Tử Vô Úy Âm nói: ví như kẻ sĩ trong thế gian có sức mạnh lớn, khuất

phục mọi việc dễ dàng. Ấy gọi là chánh sĩ (21)

Các chánh sĩ thường thi hành các pháp, xa lìa các tội cấu không sanh tà kiến, siêng thật hành đại hạnh, tâm thường nhu nhuyến, không có tướng thô ác, xa lìa các sự tàn bạo. Ấy gọi là chánh sĩ.

Thường pháp ngôn hiền lành, gần gũi các thiện hữu, đem tâm quý trọng, tôn kính sư trưởng, thuận đi theo con đường chánh, không có trái nghịch. Ấy gọi là chánh sĩ.

Xa lìa các sự tham ái, thật hành chánh mạng (22), dùng nghiệp thanh tịnh, dẹp hết các lỗi lầm, dùng tâm trí huệ, đoạn hết tà kiến ngu si, đối với ba nghiệp của mỗi người an trụ tịch tĩnh, đối với kẻ khác không sanh tâm nhiễu loạn, không bàn

luận các việc tốt xấu hay dở, không chê không khen. Ấy gọi là chánh sĩ.

Thương xót các người nghèo cùng, ra ơn bố thí, không nhớ tướng oán thân, trong tâm chất trực, ngoài tướng nhu hòa, xa lìa các tà vạy, gìn giữ thật hành chơn chánh, dùng pháp vô thượng, an vui tâm hồn, tịch nhiên kiên cố, bình đẳng yên trụ. Ấy gọi là chánh sĩ.

Đối với chúng sinh có gặp chướng ngại vì họ mà phá diệt; đối với thân mạng tài sản, thường hay khắp thí, đối với pháp thắng nghĩa không sanh xan lẫn, thấy các chúng sinh, những ai không phước không huệ, vì họ diệt trừ các pháp bất thiện, rồi sau mới thí cho diệu pháp bảo tạng (23), chúng sinh nghèo khổ thường cho những đồ quý báu, chúng sinh đau ốm cho thuốc thang, chúng sanh sợ hãi, cho họ an vui,

người không chỗ nương tựa, vì họ làm chủ tể, kẻ bị sa vào bánh xe luân hồi, vì họ cứu độ, người ở trong chỗ tối tăm vì họ làm yển sáng chiếu soi, ai ở trong tà đạo, chỉ con đường chánh cho họ, thường dùng pháp ngữ (24) giáo dục tất cả, thấy lỗi lầm của họ không sanh giận tức. Ấy gọi là chánh sĩ.

Các Bồ Tát phải thật hành như thế, tức hay an trụ pháp tương ưng với Xa Ma Tha (25), rồi chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Hư Không Tạng nói: Bồ Tát bình đẳng quán sát, nhìn chúng sanh với con mắt đại từ, cũng như hư không, không có ngăn mé, quán sát hành động với tâm đại bi, không lường không ngăn cũng lại như thế, thường sinh tâm hoan hỷ, giữ gìn các giác quan, xa lìa mọi sự nhiễm trước, đối với sáu pháp ba la mật (26) thật hành

không thất mỗi mệ̄t, làm việc bồ thí v.v...tâm như hư không, không bị ngăn ngại; trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, đều cũng như thế. Bồ Tát ấy liền hay chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Bình Đẳng Tâm Chuyển Pháp Luân nói: Như có vị Bồ Tát nào hành đạo bồ đề, phải đối với sự vật không khởi chấp tướng và tâm phân biệt, chắc chắn không bị ma vương làm nã̄o hại, thường được sự hộ niệm của các đức Phật, chư thiên, long thần, thường đến hộ vệ, tạo được căn lành, chân thật không mất. Nếu Bồ Tát đối với sự vật sanh tâm hữu tướng, khởi tướng phân biệt, tức là cảnh giới ma, bị ma khuấy động, các Đức Phật khôn thể nhiếp thọ, chư thiên khó bề hộ vệ. Nếu vị nào kiên cố, không lay động, không trước tướng, không phân biệt. Bồ Tát ấy sẽ

chuyên pháp luân (27) vô thượng, khắp vì tất cả? vì sao? Vì Bồ Tát rõ tánh của sự vật không phát khởi, không tạo tác. Bồ Tát tuy khởi các tâm, nhưng không chấp trước, đem tâm vô tướng để chứng quả Phật Bồ Đề, cho đến chuyên diệu pháp luân, cũng lại như thế. Ấy được gọi là Đại Bồ Tát mặc áo giáp tinh tấn, hay chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Liễu Biệt Nhứt Thiết Cú Nghĩa Đại Biện nói: Các chánh sĩ nên biết, tất cả chỗ là Bồ Đề, phiền não là bồ đề, các chỗ làm là bồ đề, pháp hữu vi là bồ đề, pháp hữu lậu là bồ đề, pháp vô lậu là bồ đề, tâm có chấp trước là bồ đề, tâm không chấp trước là bồ đề, căn lành là bồ đề, căn không lành là bồ đề, pháp thế gian là bồ đề, pháp xuất thế gian là bồ đề, pháp luân hồi là bồ đề, cảnh niết bàn là bồ đề, hư

không là bồ đề, chơn thật là bồ đề, uẩn, xứ, giới (28) là bồ đề, địa, thủy, hỏa, phong, không, là bồ đề, Đại Bồ Tát rõ tất cả pháp tự tánh đều không, các cõi tạo tác đều không tạo tánh, đối với tất cả nghĩa lý như thật rõ biết. Ví như hư không, khắp tất cả chỗ; pháp bồ đề cũng lại như thế, khắp tất cả chỗ. Nếu Bồ Tát hiểu rõ các pháp, phải đủ biện tài, rồi đặng chánh trí, phân biệt cú nghĩa, liền hay chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Biện Tích nói: Nếu Bồ Tát có trí tuệ giải thoát, ra làm việc đều không chấp tướng, vì tâm không chấp tướng, nên không tăng giảm, không động, không lay, đối với tất cả ngôn ngữ như lý mà hiểu, chê bai khen ngợi cũng không chuyển động. Gặp được tất cả ngôn ngữ ngoại đạo, tất cả ngôn ngữ Như Lai, hoặc trong

hoặc ngoài, hoặc ẩn, hoặc hiển, đều xem bình đẳng, không có sai khác, biết rõ tất cả sự vật đều về nơi tịch diệt (29), tâm không bao giờ trụ trước, an nhiên không động, như núi Diệu Cao (30), không có tướng động chuyển. Bồ Tát đầy đủ trí tuệ giải thoát, trở về tâm tịch diệt. Tức là chúng được Phật nhưt thiết trí.

Bồ Tát Hải Ý nói: Bồ Tát có trí tuệ như biển lớn, muôn pháp đều về một vị bình đẳng. Bồ Tát đa văn tổng trì đặc tính của sự vật, một mùi vị không sai khác, biết rõ các pháp vốn là chơn tự tánh, đều là vô sở hữu (31); do nhân duyên sanh ra sự vật, tức là nghĩa chân thật, nơi chốn sinh ra các căn lành, rõ biết các pháp là như vậy, không tăng không giảm, bản tính xưa nay, phước lợi không cùng, rốt ráo vắng lặng, không đoạn không thường, tự biết như

thật. Lại nữa, đối với chúng sanh khởi tâm vô lượng, không quên không mất, thường sanh tâm tôn trọng, vì họ giảng nói rõ ràng, bình đẳng chỉ bày pháp bất cộng, rộng vì các chúng sanh, gieo trồng căn lành. Bồ Tát ấy, thường mặc áo giáp tinh tấn, chắc chắn chúng được Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Diệu Cao Vương nói: Các chánh sĩ phải biết: **“Phật nhứt thiết trí”**, chưa dễ gì biết rõ, khó mà độ lượng trong phần thủ chúng. Vì sao thế? Nếu các Bồ Tát vượt qua tất cả tâm hạnh của chúng sanh trong thế gian, vượt qua tất cả kiến văn chúng sanh trong thế gian, cho đến tin, ưa, hiểu, biết, đều hay vượt qua chúng sinh trong thế gian, triết để thật hành bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định và trí huệ. Phước đức gom góp cao hơn núi Tu

Di. Bồ Tát ấy liền chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Ái Kiến nói: Đại Bồ Tát đối với cảnh sáu trần, quán không chỗ quán, cho đến duyên không chỗ duyên, vì sao? Vì hoặc sắc hoặc tâm bản tánh thanh tịnh, vì sắc thanh tịnh, mắt không chỗ xem, vì tiếng thanh tịnh, tai không chỗ nghe, vì hương thanh tịnh, mũi không chỗ ngửi, vì mùi thanh tịnh, lưỡi không chỗ rõ, vì xúc thanh tịnh, thân không chỗ biết, vì pháp thanh tịnh, ý không chỗ duyên, sở dĩ vì sao? Vì các căn thanh tịnh tự tánh vốn không, không tự, không tha, không ai, không nhằm, tự tánh bình đẳng, quán sát chúng sanh, không có cao thấp, đều là bình đẳng. Đối với giáo pháp của chư Phật, khởi tâm quyết định, không sanh nghi hoặc, ưa giáo pháp không nhằm

chán, đặng rồi liền bồ thí (32), thí không hối tiếc dần dần hay viên mãn tất cả Phật pháp. Đại Bồ Tát ấy, hành được như vậy đó, liền chứng được Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Hỷ Vương nói: Đại Bồ Tát an trụ tâm bồ thí nhẫn nhục; nếu có ai hủy báng, mạ nhục, trách móc, đả đảo, trong lúc ấy, Bồ Tát không sanh tâm giận tức, mà còn hoan hỷ thương xót, đối với các chúng sanh, thường kết bạn lành, không có tướng mình và người, không có người năng hủy mà cũng không có kẻ sở hủy, các sự vật đều không, trong không, ngoài không, tướng người, tướng ta đều là trống không, do đó thường sinh tâm vui mừng, ra làm việc bồ thí. Dù có ai muốn sinh đầu, mắt, tay, chân, vợ con, quyến thuộc, cho đến thân mạng, không sên không tiếc, vui mừng bồ thí. Bồ Tát ưa tìm cầu giáo

pháp nhiệm màu, nếu nghe một bài kệ bốn câu, dù có mất ngôi vị chuyển luân vương (33) cũng không luyến tiếc; nếu được một chúng sinh nào, phát tâm bồ đề, dù có được ngôi vị Đế Thích (34) cũng không có gì ưa thích. Nếu tạm nghe những giáo pháp ít có, dù có được ngôi vị Phạm Thiên (35) cũng không ưa mến. Nếu đặng thấy các đức Như Lai, dù cho có của báu chứa đầy trong 3.000 đại thiên thế giới cũng xem như ngói đá. Ưa thấy các đức Phật vui mừng tràn ngập, đầy đủ các giác quan, thành tựu được pháp phần bồ đề, liền hay chứng được Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Vô Biên Thị nói: Đại Bồ Tát không có tướng ngã kiến (36), quán sát tất cả sự vật đều là thanh tịnh, không sanh nghi lầm, liền hay được thấy tất cả các đức Phật, nhìn các sắc không có tham

trước, không vọng tưởng theo sắc, nhìn các chúng sanh, không cố chấp theo chúng sanh, cho đến quán sát tất cả sắc tượng trong thế gian cũng như thế. Nhục nhãn đã thấy tất cả cõi Phật đều là thanh tịnh, vì nghiệp báo (37) thanh tịnh, liền đặng đầy đủ thiên nhãn (38), đủ đại thần thông rồi được đầy đủ huệ nhãn, tròn đầy Phật pháp bất cộng (39) liền được đầy đủ pháp nhãn, đoạn hết phiền não liền đặng đầy đủ Phật nhãn. Bồ Tát ấy sẽ đặng đầy đủ thập lực (40), liền chứng đặng Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Vô Biên Tác Hạnh nói: Tất cả chỗ làm của chư Phật đều là Bồ đề, vì sao? Bồ đề thường sanh ra tất cả trí tuệ, không nội tướng, không ngoại tướng cũng không trung gian. Thế nên Bồ Tát đối với tất cả sự vật không bao giờ chấp trước, bao

nhiều phiền não giới dứt hết không còn, không có việc ma, vượt ngoài cảnh giới của ma. Bồ Tát ấy liền chứng được Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Phá Chư Ma nói: Nếu Bồ Tát không khởi ngã kiến, liền xa lìa các cô chấp, các cố chấp không sanh, lánh được nghiệp ma, liền hay rõ ngộ các (41) uẩn, các uẩn đều không ngã tướng hằng diệt, ngã tướng diệt rồi, ma không làm hại, ma nghiệp đã diệt, giải thoát các chướng ngại, xa lìa các chướng ngại, liền đặng bồ đề. Ấy gọi là chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Vô Ưu Thọ nói: Nếu người nào tạo nghiệp bất thiện, thường sanh lo sợ, ăn năn tự trách. Nếu người tạo các nghiệp thiện, không có lo sợ. Thế nên Bồ Tát thường thật hành pháp lành, không có gián đoạn, hiên tiền liên tiếp, tức không bị

lo tôn thương tên độc phiến não, liền mặc áo giáp tinh tiến, chứng đến Phật nhất thiết trí.

Bồ Tát Nhất Thế Nghĩa Thành nói: Nếu các thiện nam, giới pháp đầy đủ, hạnh nguyện đầy đủ, liền hay an trụ giới pháp căn bản. Vì như hương thơm, khắp xông tất cả, nhưng hay lìa các lỗi lầm, xa lìa các việc ác mới được giác ngộ hoàn toàn, khi giác ngộ rồi mới hoàn thành nhưt thiết trí. Do đó phải biết giới pháp đầy đủ là gốc, phần bổ đề mới được thành tựu. Bồ Tát rõ biết như thế, tức là chứng đến Phật nhất thiết trí.

Như thế đó các Bồ Tát mỗi ngài nói pháp rồi, trong pháp hội có vị Thiên Tử Đâu Suất, tên là Phổ Khai Hoa, nói lên lời này: Các Bồ Tát! Vì như trong thế gian có loại cây Diệu Hoa, cây đẹp hoa nở tròn

đầy, sắc hương sung mãn nhiều người ưa thích. Các vị Bồ Tát cũng lại như vậy, nếu các pháp môn giải thoát, như hoa nở tròn đầy, trang nghiêm. Tất cả Đại Bồ Tát rất là ưa thích.

Lại cũng như những cây hoa trong vườn ở cung trời Đao Lợi (42), cao lớn trang nghiêm, hoa nở tròn trịa, được các vị trời ưa thích. Đại Bồ Tát, nếu đủ các pháp giải thoát, hoa giác ngộ nở trang nghiêm. Tất cả Bồ Tát và các nhơn thiên rất là ưa thích. Cũng như viên ngọc ma ni tối thượng vĩ đại, trong sạch không có tỳ vết, đủ đức như ý; Đại Bồ Tát trong tâm thanh tịnh, không có các cấu nhiễm, đầy đủ công đức thắng pháp. Như thế tức là chúng được Phật nhất thiết trí.

Thiên Tử Quang Minh Khai Hoa nói: Các Bồ Tát như mặt trời chiếu yển sáng,

phá các chỗ tối tăm, tất cả sắc tướng được hiển bày. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, đủ trí huệ sáng suốt, chăm vào đước diệu pháp, soi khắp chúng sanh, diệt trừ các si ám. Khi si ám đã diệt thì không bị ngu mê che lấp; thường đi theo con đường sáng. Thế nên, Bồ Tát chỉ dẫn cho những chúng sinh nào đi sai đường, quay về con đường chánh. Tức là chúng đến Phật nhất thiết trí.

Thiên Tử Mạn Đà La Hoa Hương nói: Các Bồ Tát! Mùi thơm vi diệu của hoa Mạn Đà La (43) nghe xa hằng trăm do tuần. Đại Bồ Tát đầy đủ giới, định, huệ cũng lại như thế; Thơm giới, thơm định và thơm huệ (44). Nghe khắp tất cả trong thế gian. Nếu các chúng sanh nghe mùi thơm ấy, tất cả phiền não thảy đều tiêu trừ. Đại Bồ Tát ấy, đầy đủ thắng pháp

công đức như thế, liền chứng được Phật nhứt thiết trí.

Thiên Tử Tinh Tấn Pháp Hành nói: Nếu các Bồ Tát tạm thời thoái chí, tức không thể tiến tu thẳng hạnh, khó đặng quả Phật Bồ Đề. Nếu tâm tinh tiến, không tính kiếp số, trường kỳ đồng mãnh, trông các căn lành, tâm không bao giờ nhàm chán, thường thật hành tám pháp trợ đạo. Những gì là tám? **Một là:** khuyên làm hạnh thù thắng, tương ưng các sự vật. **Hai là:** thường thật hành bốn hạnh vô lượng, theo pháp từ, bi, hỷ, xả. **Ba là:** thật hành năm (45) loại thần thông, theo pháp trí huệ. **Bốn là:** thường hành phương pháp tứ nhiếp; ấy là các pháp: bố thí, ái ngữ, lợi hạnh và đồng sự. **Năm là:** đối với ba (46) môn giải thoát, kiên nhẫn thật hành đầy đủ. **Sáu là:** rộng vì người khác, tuyên nói

pháp nhiệm màu. **Bảy là:** phát khởi tâm vô thượng Đại Bồ Đề. **Tám là:** khôn khéo phương tiện, hồi hướng (47) tất cả, nhiếp trì chánh pháp. Bồ Tát thật hành tám pháp này, tức hay chứng đến Phật nhưt thiết trí. Lúc bảy giờ Đại Bồ Tát Diệu Kiết Tường bảo các Bồ Tát và chư Thiên Tử rằng: Các Đại Bồ Tát, đối với các pháp, phải xa lìa những sự phân biệt, liền chứng Phật trí. Thế nào là lìa những sự phân biệt? Nghĩa là không phân biệt ba cõi (48), không phân biệt các kiến chấp, không phân biệt là trong, là ngoài, không phân biệt là quả vị Thanh Văn, quả vị Duyên Giác, là địa vị ngu dị sanh (49), cũng không phân biệt là luân hồi, là phiền não, là năng quán, là sở quán, là nhơn, là quả, là cảnh giới hay phi cảnh giới, là tăng, là giảm, là ngã kiến, là ngã sở kiến, là xan tham, là bố thí, là phá giới, là trì giới, là

giận tức, là nhân nhục, là giải đãi, là tinh tiến, là tán loạn, là thiên định, là ngu si hay trí huệ; cũng không phân biệt là căn lành hay sanh các pháp lành, là căn không tốt hay sinh các pháp không tốt, không phân biệt là pháp thế gian, là pháp xuất thế gian, trụ pháp bình đẳng, không phân biệt là hữu vi, là vô vi, không phân biệt là tâm có chấp trước, là tâm không chấp trước, không phân biệt là hữu lậu, là vô lậu. Các Bồ Tát phải biết: Các pháp nói trên không nên phân biệt, trụ tâm bình đẳng tương ưng, tức hay chứng đến Phật nhưt thiết trí.

Lại nữa, các Đại Bồ Tát: Các Đức Phật nghĩ có chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cũng không thể được. Vì sao? Vì không phải do tâm ‘sở duyên’, cũng chẳng phải do trí “sở trí”, duy có Phật

tánh (50) trực ngộ, cùng với Phật bình đẳng, nhứt thiết trí cũng bình đẳng, đối với ‘nhứt thiết trí’, quán ‘vô sở hữu’, vì ‘vô sở hữu’, nên đối với nhứt thiết trí, không chỗ chấp trước, chẳng phải sắc thủ, thụ, tưởng, hành, thức đều không thể thủ (chấp trước). Ấy mới gọi là nhứt thiết trí. Không có pháp tướng (51), nhưng đều đủ ‘pháp tướng’. Ấy gọi là ‘nhứt thiết trí’; không thể chứng bố thí ba la mật, không thể chứng trì giới ba la mật, không thể chứng nhẫn nhục ba la mật, tinh tấn ba la mật không thể chứng, thiên ba la mật không thể chứng, bát nhã ba la mật cũng không thể chứng. Sở dĩ vì sao? Vì các pháp ‘vô sở đắc’. Thế nên nhất thiết trí cũng ‘vô sở đắc’.

Lại nữa, các vị Bồ Tát! Nhất thiết trí không phải ba đời có thể đặng, đời đã qua

không thể đặng, đời hiện tại không thể đặng, đời chưa đến cũng không thể đặng, vì không trụ trước trong ba đời. Không nhận thức ‘sở quán’, mà cũng không có nhĩ, tử, thiệt, thân, ý ‘sở quán’. Vì có sao? Vì lìa các cảnh giới. Các vị Đại Bồ Tát thành tựu nhưt thiết trí, phải như thế mà trụ. Lý do vì sao? Vì tất cả pháp cũng như thế mà trụ. Các pháp bình đẳng, nhưt thiết trí cũng bình đẳng, cho đến pháp của chư Phật cùng pháp của phàm phu đều là bình đẳng. Như vậy, tất cả pháp bình đẳng. Thế nên gọi là ‘nhưt thiết trí’. Đại Bồ Tát! Phải như thế mà trụ, nên học đúng như vậy. Vì như bốn đại (52) tự tánh đều không, nghĩ rằng vốn tự có tánh cũng không thể được. Vì sao? Bởi vì tự tánh vốn không; trong thế gian các pháp thiện và bất thiện, tự tánh không cũng không

thể được. Vì sao? Vì không phân biệt. Phân biệt đã không, ấy là nghĩa chân thật.

Lúc ấy Bồ Tát Diệu Kiết Tường nói pháp ấy xong trong pháp hội có hai nghìn thiên tử, chúng đặng vô sanh (53) pháp nhân; một muôn hai nghìn thiên tử khác phát tâm vô thượng chánh đẳng chánh giác.

LỜI GIẢI KINH CHÁNH PHÁP CHƯA TUNG CỎ (QUYỂN THỨ NHẤT)

1. **Tôi nghe như vậy:** Tôi có nghe như vậy. Lời của Tôn Giả A Nan nói: Tiếng Pali: **Evam me Sutam.** Tiếng Sanskrit: **Evam Maya Srutam.** Kinh nào có câu này đứng đầu đều là do đức Phật thuyết, sau đó Tôn giả A Nan thuật lại.

2. Thành Vương Xá: (S) Rajagriha (P) Rajagaha: Kinh đô nước Ma Kiệt Đà (Magadha) vua Tần Bà Sa La (Bimbisara) trị vì lúc đức Phật giảng sanh. Sau khi đắc đạo, đức Phật thường thuyết pháp tại thành này để hóa độ Vua và Hoàng tộc.

3. Pháp hội Linh Sơn: (S) Gridhrakuta. Đức Phật thuyết kinh này tại núi Linh. Cảnh núi này hình như con ó ở gần thành Vương Xá. Đọc theo dịch âm là Kỳ Xà Quật, dịch nghĩa Linh Thứu Sơn, Kê Túc Sơn. Tại núi này, đức Phật thuyết nhiều bộ Kinh quan trọng, như KINH PHÁP HOA, KINH KIM QUAN MINH v.v...

4. Đại Tổng Trì: Maha Dharani. Tổng thiết bất thất, trì ác bất sanh, nghĩa là giữ trọn vẹn, không để cho dù là việc thiệc nhỏ không thất lạc, không để cho ác nhỏ khởi lên. Trong khi tổng trì, Bồ Tát hoặc

nhà đạo đức lấy giới, định, huệ, làm thể, nương theo đó mà tu thì có đủ công đức về đại tổng trì.

5. Vô ngại biện tài: Tài biện luận, tài giảng thuyết về đạo lý không ai sánh bằng, tài ăn nói hùng hồn, xảo diệu, khiến ai nấy cũng đều tin thọ. Tài biện thuyết của Phật và Bồ Tát không trở ngại, không có sức chi chống ngăn nổi, không có ai phản đối được. Nên gọi là vô ngại biện tài.

6. Vô sanh pháp nhẫn: Đức nhẫn nhục của người tu học đặc đạo thể nhập chân lý: các pháp không sanh không diệt. Bực tu hành nếu hiểu các pháp không sanh, không diệt, tức là hiểu thật tướng sự vật vốn không sanh diệt. Hiểu như thế thì không còn lo rầu, phiền não, đối với chúng sinh, được vậy gọi là vô sanh pháp

nhân. Đi đến chỗ không còn sinh tử luân hồi.

7. Tam ma địa: Samadhi, pháp đại định của nhà đạo bậc cao, trong khi nhập định thân tâm không xao động, chăm chú vào một mục đích mà thôi. Các vọng tưởng tà kiến không thể nào xâm nhập vào tâm của nhà tu đại định. Đắc cảnh tam ma địa được vào pháp thân thanh tịnh.

8. Nói Pháp yếu: Giảng giải các giáo pháp thiết thực đúng với chơn lý, hợp với sự thật. Nhất là nói pháp hợp căn cơ, độ sinh dễ dàng.

9. Bốn vị Đại Thiên Vương: Caturmaharajikayrika, tứ Thiên Vương là bốn vị trời quản lãnh bốn châu thiên hạ, xem xét các điều thiện ác.

10. **Phi nhơn:** Chẳng phải người, chẳng giống người, chẳng phải người thường, như các hạn tiên, thần, quý, đều gọi là phi nhơn. Nhơn là tứ chúng: Tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di. Phi nhơn là Trời, rồng, dạ xoa, càn thất bà, A tu la, Ma hầu la, khẩn na la v.v...

11. **Diệu Kiết Tường:** Manjusri – tức là Bồ Tát Văn Thù. Ngài Văn Thù có 108 tên, đặc biệt tiêu biểu về trí tuệ căn bản, nên thường gọi Ngài là Đại Trí, cũng như người ta gọi Ngài Phổ Hiền là Đại Hạnh và Ngài Quán Thế Âm là Đại Bi. Lúc Thích Ca ra đời, Văn Thù hiện thân làm Bồ Tát hậu gần Phật, giúp Phật tuyên dương chánh pháp.

12. **Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác:** Anuttara-Samyak Sambhodhi, Quả vị Phật. Tức là quả đạo lý tối cao mà đức

Phật chứng ngộ, lúc Ngài đại định dưới cội Bồ Đề.

13. Tâm không trụ trước: Tâm niệm không bao giờ chấp trước ở vào một chỗ, tức là lòng rộng như hư không, tâm bao la, không dính mắc vào một việc gì, dù việc ấy hết sức nhỏ nhiệm.

14. Nhất Thiết Trí: Cái trí hiểu biết tất cả mọi sự vật, tức là trí của Phật. Trong Kinh thường xưng khen Phật là bậc Nhất Thiết Trí. Những ai theo Phật và nghe chánh pháp, rốt cuộc chắc chắn được nhất thiết trí.

15. Không tự cống cao: Không bao giờ chính mình ngã mạn, tự cao, tự đắc, cho mình là cao thượng, cho mình là số một trên đời này.

16. **Xa Ma Tha:** Samatha, dịch là chỉ quán, định huệ, tịch chiếu minh tịnh. Tức là ngồi suy nghĩ, thân tâm chẳng lay động, chăm chú vào một vấn đề cho ngộ lý, quán sát mọi việc cho sáng tỏ.

17. **Thanh Văn, Duyên Giác:** Thanh Văn là hạng theo giáo lý Tứ Diệu Đế để đắc quả A La Hán, Duyên Giác là bậc theo giáo pháp dạy về Thập Nhị Nhân Duyên, phần nhiều tự tu, tự ngộ đến quả Duyên Giác, Thanh Văn Duyên Giác là hai thừa trong Phật Giáo.

18. **Pháp Ấn:** Dharma-mudra, sự ấn chứng huyền linh của Phật, hành giả đã từng tu trì chánh pháp hoặc thọ trì pháp niệm Phật. Pháp ấn còn có nghĩa: sự ấn truyền cho nhau cái tâm Phật, giữa Phật với Phật, tổ với tổ; sự ấn định vào tâm mà

phú chúc tâm pháp. Còn có nhiều nghĩa khác về Pháp ấn.

19. **Bửu ấn:** Cái ấn chứng đặc biệt vi diệu do chư Phật, chư đại Bồ Tát ban các vị tu trì có đạo đức. Đồng nghĩa với Phật ấn. Ngoài ra khi nhà sư niệm chơn ngôn mà thủ hộ, phép ấy cũng gọi là bửu ấn.

20. **Luân hồi:** Samsara. Luân là bánh xe, quay tròn. Hồi là lần về. Chúng sinh từ vô thủy đến nay, luân hồi mãi, hết sanh rồi tử trong 6 đường, lăn đi lộn lại mãi, hết xuống rồi lên, hết lên rồi xuống, cũng như cái bánh xe lăn tròn mãi không lúc nào thôi.

21. **Chánh sĩ.** Bodhisattva, bậc đại sĩ cầu chánh đạo, chánh quả. Thật hành hạnh Bồ Tát để giúp đỡ chúng sanh ra khỏi sông mê bể khổ.

22. **Chánh mạng:** Samyak-Ajiva: Đời sống chơn chánh, cách sống đời trong sạch của hàng đệ tử xuất gia. Chánh mạng là cách hành đạo thứ năm trong bát chánh đạo. Đệ tử Phật thích sống thanh tịnh ba nghiệp, bằng cách thuận theo chánh pháp mà nuôi mạng sống, là các sinh hoạt tà.

23. **Diệu pháp bảo tạng:** Pháp nhiệm mầu trong tạng quý báu. Dem thân tâm ra giúp ích cho đời, không luận ở đâu và hạng người nào.

24. **Pháp ngữ:** Lời nói ra chánh pháp, những ngôn ngữ giải bày điều hành, diễn thuyết đạo lý nhiệm mầu.

25. **Xa Ma Tha:** Samatha. Chỉ quán, định, huệ, tịch chiếu minh tịnh. Tức là ngồi ngay thẳng suy nghĩ, thân thể và tâm ý chẳng lay động, chăm chú vào một vấn đề cho tỏ ý, quán sát cho sáng suốt...

26. **Sáu pháp ba la mật:** Ce-paramita: Sáu hạnh ba la mật. Lục độ là sáu nền đại hạnh có thể đưa người từ bên mê tới bờ giác, từ sanh tử đến niết bàn, từ địa vị pháp phu đến quả vị Phật.

27. **Chuyển Pháp Luân:** Dhammachakkappavattana. Quay bánh xe chánh pháp, tức là thuyết pháp để cứu độ chúng sanh. Pháp luân thường chuyển huệ tâm khai, nghĩa là bánh xe chánh pháp thường quay làm cho tâm hồn được sáng suốt.

28. **Uẩn, xứ, giới:** Ngũ uẩn: Pacaskandha, sắc, thụ, tưởng, hành, thức. Thập nhị xứ: Dvadasayatana: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý xứ và sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp xứ. Thập bát giới: Astadasadhata. Nhãn giới, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý; sắc

giới, thanh, hương, vị, xúc, pháp; nhãn thức giới, nhĩ, tỷ, thiệt thân và ý.

29. **Nơi tịch diệt:** Chỗ vắng lặng, tức là trở về với bản thể của vũ trụ.

30. **Núi Diệu Cao:** Tức là núi Tu Di, Sumeru. Quả núi lớn nhất ở trung tâm vũ trụ. Ấy là hòn núi của tiên thánh, mỗi ngày các ngôi tinh tú xoay chung quanh quả núi này...

31. **Vô sở hữu:** Không chỗ có, chẳng chớ chi mà được. Tự mình liễu ngộ rằng, các pháp vốn không, tất cả đều huyền hóa, cho nên không thấy rằng mình có, không nhận rằng mình biết. Gọi là vô sở hữu.

32. **Bố thí:** Dana, cho một cách cùng khắp. Bố thí tài, bố thí pháp, và bố thí vô úy. Cao hơn là bố thí đến chỗ ba la mật, rốt ráo không chấp trước, không hư vọng.

33. Chuyển Luân Vương: Cakravartin. Vị Vua dùng chánh pháp trị dân, cũng như người quay cho bánh xe lăn tới, chớ không trở lui. Vị Vua ngồi trên cỗ xe để đi thâm phục thiên hạ.

34. Ngôi vị Đế Thích. Tức là làm đến Vua Trời, Cakra. Đế Thích là Vua ở trời Đao Lợi, cõi dục. Cõi này có 33 cảnh giới. Ngôi vị Đế Thích là một ngôi vị cao sang, quyền quý...

35. Ngôi vị Phạm Thiên. Brahma là ngôi vị cao quý, có cung điện đồ sộ nguy nga. Cõi trời thanh tịnh ở miền sơ thiên trong cõi sắc. Một cảnh trong bốn cảnh: Phạm Thân Thiên, Phạm Chúng Thiên, Phạm Phụ Thiên và Phạm Thiên đều gọi chung là Phạm Thiên.

36. Tướng ngã kiến: Cái tướng chấp chắc cái ta, đem cái thân tâm của mình do

bốn đại, năm uẩn hòa hiệp giả tạm mà cho là cái ngã thường trú bất biến.

37. **Nghiệp báo:** Cái nghiệp nó trả lại bằng sự vui vẻ hay khổ sở tùy theo đời trước mình đã làm lành hay làm ác. Cái nghiệp trong thời kỳ báo đáp. Tức là nghiệp quả hay quả báo.

38. **Thiên nhãn:** Dyvyacaksu. Mắt trời, mắt thần tiên sự thấy bằng thần thông, một thứ mắt trong ngũ nhãn. Với thiên nhãn, người ta có thể thấy mọi vật, các chúng sanh trong 6 đường luân hồi.

39. **Bất cộng:** Giáo pháp riêng biệt. Những pháp riêng biệt mà Phật chỉ dạy cho hàng Bồ Tát, những việc mà Đức Phật thi hành, những việc ấy chẳng giống với việc của ai cả.

40. **Thập lực:** Dasabala. Mười sức lực trí tuệ. 1. Tri thị xứ phi xứ trí lực. 2. Tri tam thế nghiệp báo trí lực. 3. Tri chư thiên giải thoát tam muội trí lực. 4. Tri chúng sanh tâm tánh trí lực. 5. Tri chủng chủng giải trí lực. 6. Tri chủng chủng giới trí lực. 7. Tri nhứt thiết sở đạo trí lực. 8. Tri thiên nhân vô ngại trí lực. 9. Tri túc mạng vô lậu trí lực. và 10. Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực.

41. **Các uẩn:** Các sự chứa nhóm, như là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn, và thức uẩn. Chứa nhóm đúc kết thành sắc thân.

42. **Trời Đao Lợi:** Trayastrimca: Cảnh của chư Thiên cõi Dục, thuộc về lục dục thiên. Cung trời Đao Lợi ở trên cảnh Tứ Thiên Vương. Trời Đế Thích quản trị toàn cảnh ấy.

43. **Hoa Mạn Đà La:** Mandarava. Hoa rất quý ở cõi trời hay cảnh Phật. Mạn Đà La hoa là hoa sen trắng màu nhiệm, mát trắng tinh, mùi rất thơm. Ai thấy màu cả ngửi mùi rất lấy làm thích ý.

44. **Thơm giới, thơm định và thơm huệ:** Tức là giới hương, định hương và huệ hương. Gọi là tam vô lậu học. Ba phần học của hàng vô lậu, của hạng người quyết đắc quả thánh.

45. **Năm loại thần thông:** Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, thần túc thông và lậu tận thông.

46. **Ba môn giải thoát.** Ba cửa giải thoát. Ấy là không (vốn là không); vô tướng (không có thể tướng), và vô tác (không cố ý làm gì) cũng gọi là vô nguyện: không mong cầu gì cho mình.

47. **Hồi hướng:** Hồi là gom góp lại, hướng là gởi đến cho người khác, gọi là hồi hướng. Có 4 nghĩa hồi tự hướng tha, hồi nhưn hướng quả, hồi sự hướng lý, hồi tướng hướng tánh.

48. **Ba cõi:** Cõi dục, cõi sắc và cõi vô sắc.

49. **Ngu dị sanh:** Tức là hàng nhị thừa mới giải thoát một phần vô minh, còn vi tế chưa đoạn, sự ngu mê khác hơn các chúng sanh khác, nghĩa là dứt được phần đoạn sanh tử. Nên gọi là ngu dị sanh.

50. **Phật tánh:** Buddhata. Bản tính sáng suốt giác ngộ của mỗi người. Tánh này, Phật cùng chúng sanh đồng nhau.

51. **Pháp tướng:** Tướng trạng các pháp. Các pháp tức các sự vật đều đồng một tánh, nhưng tướng khác nhau. Các tướng

đều sai biệt nhau. Pháp tướng đối với chúng sanh tướng.

52. Bốn đại tự tánh: Mahabhuta là đặc tánh của bốn chất: đất, nước, gió, lửa. Bốn chất lớn này trong thế giới tạm họp thành con người và vạn vật.

53. Vô sanh pháp nhẫn: Đức nhẫn nhục của người tu học đấng đạo thể nhập chân lý: các pháp không sanh, không diệt. Bực tu hành nếu hiểu các pháp không sanh không diệt, tức là hiểu thật tướng sự vật vốn không sanh diệt. Hiểu như thế thì không còn lo rầu, phiền não, đối với chúng sinh, được vậy gọi là vô sanh pháp nhẫn. Đi đến chỗ không còn sinh tử luân hồi.

ĐỨC PHẬT NÓI KINH CHÁNH PHÁP CHỨA TỪNG CÓ

QUYỂN THỨ II

Ngài Đại sư Pháp Thiên, người Tây Thiên Trúc, hiểu thông ba tạng kinh điển, vâng chiếu chỉ nhà Vua dịch.

Lúc bấy giờ Đại Bồ Tát Biện Tích thưa trước Bồ Tát Diệu Kiết Tường rằng: Chúng ta cùng đến chỗ Phật xin hỏi: “Đại Bồ Tát nên an trụ thế nào?” Khi ấy Bồ Tát Diệu Kiết Tường, ở trong pháp hội không rời pháp tọa, thu hình Bồ Tát, hóa hình tướng Như Lai, đầy đủ tướng tốt, giống đức Thích Ca Như Lai, không khác chút nào, liền bảo Bồ Tát Biện Tích rằng: “Như Lai ở đây, ông nay cứ hỏi. Lúc bấy giờ Bồ Tát Biện Tích, không biết Như Lai hóa tướng, đến trước chỗ Phật, phát lời hỏi rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đại Bồ Tát phải an trụ thế nào?

Hóa Phật đáp rằng

- Như Ta đã làm, Bồ Tát phải như thế mà trụ

Bồ Tát Biện Tích bạch:

- Như Phật Thế Tôn phải an trụ như thế nào?

Hóa Phật đáp rằng:

- Không thật hành những pháp trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí tuệ; không trụ trước cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, không tu thân nghiệp, không phát khẩu nghiệp và không khởi ý nghiệp. Như vậy, ở trong tất cả chỗ đều ‘vô sở hành’ (1). Thiện nam tử! tất cả sở hành đều như huyễn hóa.

Bồ Tát Biện Tích thưa: Như Phật Thế Tôn cũng là tướng huyễn hóa ư?

Hóa Phật đáp rằng:

- Vâng đúng thế! Đại Bồ Tát phải như thế mà trụ.

Bồ Tát Biện Tích liền bạch Phật rằng:

- Vì sao Thế Tôn cũng bị tướng huyễn hóa?

Hóa Phật đáp rằng:

- Vâng, thiện nam tử! Tất cả mọi sự mọi vật đều là tướng huyễn hóa.

Bồ Tát Biện Tích thưa:

- Thật đúng như vậy! Các sự vật đặc tính của nó đều không, đều như huyễn hóa. Nhưng tại sao đức Phật Thế Tôn ta cũng là huyễn hóa?

Hóa Phật đáp rằng:

- Thiện nam tử! chẳng những Phật này là tướng huyễn hóa, mà là tất cả các đức Như Lai đều là tướng huyễn hóa.

Bồ Tát Biện Tích thưa:

- Ai là kẻ năng hóa?

Hóa Phật đáp:

- Tự nghiệp thanh tịnh, không có năng hóa và sở hóa, cũng không có ngã, không có nhân, không có chúng sinh, không có thọ giả, không có sĩ phu, không có thức giả, không có bồ đặc già la (2), không có tướng Phật, không có các tướng dị sanh...

Bồ Tát Biện Tích bạch Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Phải học thế nào mới được bồ đề?

Hóa Phật đáp rằng:

- Tất cả pháp ‘**vô sở học**’; Bồ Tát phải học như thế; cá pháp ‘**vô sở hành**’ Bồ Tát phải học như thế; các pháp ‘**vô sở úy**’ Bồ Tát phải học như thế; Các pháp không nghi lãm, Bồ Tát phải học như thế; các pháp không chỗ có, không chỗ duyên, không hư vọng, không tụ tập, không chỗ làm, không vãn tự, không sanh, không diệt, không đã có, không hiện có, không huyễn hóa, không sắc tượng, không trí sở quán, lĩa tất cả vọng tưởng. Đại Bồ Tát phải học như thế. Học như thế đó mới gọi là chánh học. Không chỗ giảm mất, cũng không tăng trưởng, nếu ai học như thế, không chỗ xa lĩa, không chỗ hý luận, không chỗ ưa thích, không chỗ nhàn chán, không vui, không giận, không đến không đi. Học được như thế gọi là chánh học. Thế nên, này thiện nam tử! nếu có người nào ưa cầu Vô Thượng Chánh Đẳng

Chánh Giác, phải biết đặc tính các pháp không luân hồi, không niết bàn, không lấy, không bỏ, không thí, không xan, không giới, không phạm, không nhẫn, không giận, không siêng, không biến, không định, không loạn, không trí, không ngu, không học, không vô học, không hành, không bất hành, không sở đắc, không sở chứng, không bồ đề, không Phật pháp, không ngã tướng, không nhơn tướng, không chúng sanh tướng, không thọ giả tướng, không bồ đặc già la tướng, không pháp tướng, cũng không phi pháp tướng, không hữu tướng, không vô tướng. Vì có sao? Vì các pháp như huyễn hóa, không hai, không sai khác, không tướng động chuyển. Tất cả pháp không sắc chấp tướng, mắt không thể quán sát; tất cả pháp không tướng phân biệt, không tâm sở tri, các sự vật bản tính vốn không, không có

pháp gì có thể hành, không có bồ đề có thể đặng. Thế nên, thiện nam tử! Các Đại Bồ Tát phải hành như thế, tu học như thế. Nếu có thiện nam tử nào nghe các lời trên, không sanh tâm sợ sệt, chẳng sanh lòng nghi lằm, liền chứng bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, thiện nam tử! Ví như hư không, không thể tổn hại, lửa không thể đốt, gió không thể chuyển, nước không thể ướt, bụi không thể dính, khói, mây, sấm, sét, đều không thể mắc, vì hư không, không ngăn ngại. Đại Bồ Tát cũng lại như thế, tâm không ngăn ngại, không bị động chuyển bởi các sự vật, không ưa muốn, không nhàm bỏ, tâm như hư không, các uẩn ma (3) v.v...không thể làm lay động. Các Bồ Tát ấy, sẽ chứng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác; thường vì

chúng sanh làm việc lợi ích vĩ đại không bao giờ cùng tận.

Lúc ấy, đức hóa Phật nói pháp ấy rồi, ản mà không hiện. Bồ Tát Diệu Kiết Tường trở lại bản hình. Bồ Tát Biện Tích đến trước Bồ Tát Diệu Kiết Tường thưa rằng:

- Như Lai Thế Tôn từ chốn nào đến, vừa mới thuyết pháp, rồi về nơi nào?

Bồ Tát Diệu Kiết Tường đáp:

- Trước không chỗ nào đến, nay Ngài cũng không về nơi nào cả!

- Hỏi: Đến mà không đến, vậy từ chỗ nào đến?

- Đáp: Từ tâm như như đến.

Bồ Tát Biện Tích thưa:

- Như Phật đã nói, tất cả Như Lai đều là tướng huyễn hóa, tướng huyễn hóa thì không từ đâu đến cả, cũng chẳng về nơi nào, phải như thế không?

Diệu Kiết Tường đáp:

- Đúng vậy! đúng vậy! như tướng biến hóa, không đến không đi. Tất cả sự vật, tất cả chúng sinh đều như thế cả.

Bồ Tát Biện Tích lại hỏi:

- Tất cả sự vật trụ chỗ nào?

Bồ Tát Diệu Kiết Tường đáp:

- Tất cả sự vật không tự tánh, phải trụ như thế.

Lại hỏi:

- Tất cả chúng sanh làm sao để trụ?

Đáp: - Tất cả chúng sanh, nghiệp báo (4) của họ cũng phải trụ như thế.

Lại hỏi:

- Nghiệp báo của tất cả chúng sanh như thế nào?

Đáp: - Các pháp không sanh cũng không nghiệp báo, các pháp bình đẳng, như vậy an trụ.

Lại hỏi; - Không nghiệp báo, tại sao chúng sanh nói có bị nghiệp báo?

Đáp: - Như chỗ tác nghiệp, như chỗ thọ báo. Ấy là nghiệp báo.

Lại hỏi: - Nghiệp báo chúng sanh tánh không, đã là không, chỗ nào lãnh thọ?

Đáp: - Như pháp chân thật, không nghiệp, không báo, và không có sanh, chẳng có chẳng không. Ấy là nghiệp báo.

Song nghiệp báo chúng sanh, không quên không mất, tự nghiệp tánh không là nghĩa chân thật. Bồ Tát Diệu Kiết Tường trả lời các câu hỏi xong.

Trong pháp hội của Đức Thích Ca Mâu Ni có các Tôn Giả Xá Lợi Phất, A Nan cùng các vị Thanh Văn (5) khác, nhờ sức oai thần của Phật; đồng nghe Bồ Tát Diệu Kiết Tường đã nói pháp nhiệm màu. Lúc ấy Xá Lợi Phất liền từ chỗ ngồi đứng dậy bạch rằng:

- Thừa Thế Tôn, thật là ít có! Các Bồ Tát kia mỗi vị dùng nhiều phương tiện khôn khéo, tuyên nói các pháp nhiệm màu; nếu ai nghe được, chắc chắn sẽ pháp tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Đức Phật bảo ngài Xá Lợi Phất:

- Đại Bồ Tát phải đem tâm “vô trước”, tu học các hạnh, dùng tâm không biếng nhác tuyên nói chánh pháp. Xá Lợi Tử! Như chỗ thật hành của Bồ Tát, sẽ đặng quả báo, sẽ có trí huệ, và chỗ nói pháp đều cũng như thế. Như Xá Lợi Tử, chỗ thật hành, chỗ học vấn đều là hạnh Thanh Văn, còn có trước tướng, chỗ đặng trí huệ cũng lại như thế!

Lúc bấy giờ có một vị Bồ Tát tên là Quang Nghiêm liền từ pháp tòa đứng dậy, đến trước chỗ Phật, bạch cùng Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Thế nào gọi là hạnh Thanh Văn?

Phật nói:

- Thiện nam tử! hạnh Thanh Văn đối với sự vật thường có hạng lượng, đối với việc tu hành không thể xa lìa các tướng,

ưa rời sanh tử, chúng đến niết bàn, chán bỏ chúng sinh, không muốn tế độ, trí huệ hẹp hòi, không có tâm rộng lớn, do đó Bồ Tát quán sát hạnh Thanh Văn, xem là tầm thường, trí huệ không có hạng lượng, nhưng thường rộng độ chúng sinh, lợi ích vô lượng.

Khi ấy Bồ Tát Quang Nghiêm lại bạch Phật rằng:

Thưa Thế Tôn! Bồ Tát Diệu Kiết Tường và các Đại Sĩ (7) kia, có thường xuyên đến pháp hội này thuyết pháp nhiệm màu không? Chúng con rất ưa nghe. Vì sao? Vì Bồ Tát Diệu Kiết Tường đã chứng ngộ pháp thậm thâm, vào được cửa giải thoát (8), dùng vô ngại biện tài, khéo nói pháp cốt yếu.

Lúc bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni, liền dùng thần lực cảnh giác, bảo Bồ Tát Diệu

Kiết Tường, đến trong pháp hội. Tức thời Bồ Tát Diệu Kiết Tường cùng hai mươi lăm vị Đại Bồ Tát và đại chúng ở nhân thiên, đồng đến chỗ Phật Thích Ca Mâu Ni, mỗi vị đầu mặt đánh lễ dưới hai chân Phật, đi ba nhiều ba vòng, rồi ngồi một bên. Khi ấy, Bồ Tát Quang Nghiêm liền thưa với Bồ Tát Diệu Kiết Tường rằng:

- Vì sao Đại Sĩ rời chỗ Phật, đến nơi khác thuyết pháp?

Diệu Kiết Tường đáp:

- Chỗ Phật thuyết pháp, cao siêu khó hiểu, là các ngôn ngữ, chẳng phải trình độ tôi hiểu được.

Bồ Tát Quang Nghiêm nói:

- Chỗ Phật thuyết pháp, cao siêu khó hiểu, như bậc Đại Sĩ trí tuệ cao cường,

còn không thể hiểu, chúng tôi làm sao mà hiểu cho nổi?

Bồ Tát Diệu Kiết Tường nói:

- Chỉ có Phật cùng Phật mới hay thông suốt, trừ bậc Như Lai, không thể tin ngộ. Thế nên, tôi nay tùy sức diễn nói, chỗ thuyết pháp kia, nhưng đúng như pháp mà nói, đối với pháp giới chơn tế (9), chẳng phải ly, không phải bất ly. Nói được như thế, mới là thuyết pháp. Đối với các ngôn ngữ, các hý luận, đối với các danh tướng, các sanh diệt cũng chẳng phải ly, chẳng phải bất ly, các pháp bình đẳng. Ấy gọi là thuyết pháp. Các pháp không tự tướng, không tha tướng, không pháp tướng cũng không phi pháp tướng, không tướng luân hồi mà cũng không tướng niết bàn. Ấy gọi là thuyết pháp.

Lúc bảy giờ Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, khen ngợi Bồ Tát Diệu Kiết Tường rằng:

- Lành thay! Hay thay! Như Diệu Kiết Tường đã thuyết pháp chân thật. Vì sao? Vì các pháp ly ngôn thuyết, ly tất cả tướng, không có pháp lớn, cũng không có pháp nhỏ, đoạn các phân biệt, không có chỗ quán chỗ thấy, về tâm tam muội (10), chưa có một pháp nào hoặc tăng hoặc giảm. Thuyết pháp như thế gọi là giải pháp, tức gọi là thấy Phật.

Khi Đức Thích Ca Mâu Ni nói pháp yếu này, trong pháp hội có tám nghìn Bồ Tát chứng quả Vô Sanh Pháp Nhẫn, có hai trăm thiên tử, phát tâm đại thừa, giây phút nghĩ rằng: Phật pháp rất là cao siêu, khó hiểu khó biết, không thể cùng tận, nhưng riêng chúng tôi thiệt khó hiểu nghĩa cao

siêu ấy. Thật hành các thắng hạnh, chúng đến vô thượng Bồ Đề, không như quả Thanh Văn Duyên Giác cầu đến Niết Bàn quyết định không nghi lầm, lúc ấy thoái chuyển tâm đại thừa. Trong lúc đó, Thế Tôn biết rõ ý nghĩ của các Thiên Tử, bảo các Thiên Tử rằng:

- Các ông chớ khởi tâm giải đãi, thoái thất hạnh đại thừa (11), nên phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, kiên cố không rút lui.

Lúc bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni vì muốn độ các thiên tử, liền hóa hiện một thân trưởng giả, tay bưng bình bát đầy đựng các vật thực, vào pháp hội đến chỗ Đức Phật, thành tâm dâng bát cơm lên Đức Thế Tôn, rồi đầu mặt lạy dưới chân Đức Thế Tôn tác bạch rằng:

- Cúi mong Thế Tôn thương xót nạp thọ cho đồ ăn này.

Khi ấy, Thế Tôn theo ý trưởng giả nhận các vật thực này. Bấy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường từ chỗ ngồi đứng dậy, chấp tay cung kính bạch Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Phật thọ đồ ăn, không có hạng lượng, giáp khắp pháp giới mà không có trụ trước, không thấy kẻ thí, không thấy người thọ, đều là bình đẳng đúng như pháp thụ thực. Lúc ấy, Xá Lợi Tử tâm sanh nghi ngờ, đồ ăn của trưởng giả từ đâu mang đến? Đâu phải từ chỗ Bồ Tát Diệu Kiết Tường hóa hiện để làm Phật sự? Đức Thế Tôn biết trong tâm của Xá Lợi Tử nghi, liền bảo Xá Lợi Tử rằng:

- Xá Lợi Tử chớ nghĩ như thế; hoặc đến hoặc đi, Phật tự biết thời.

Lúc bảy giờ Đức Thế Tôn thọ thực xong để bình bát dưới đất, bát kia thông xuống thế giới hạ phương, mỗi mỗi cõi Phật hiện nói pháp yếu, trước mỗi Đức Phật bình bát đều hiện ra. Các đệ Phật tử, mỗi người đều hỏi:

- Bát này từ đâu đưa đến?

Các Đức Phật đều nói:

- Thế giới thượng phương, gọi là Ta Bà, có Đức Phật Thế Tôn, hiệu là Thích Ca Mâu Ni, hiện nay đang thuyết pháp. Bình bát này từ kia mà đến, vì muốn giáo hóa các vị Bồ Tát. Bát kia trải qua bảy mươi hai cõi Phật, số nhiều như các sông Hằng. Có một thế giới tên là Quang Minh, Đức Phật đó hiệu là Quang Minh Vương Như Lai Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện tại thuyết pháp ở trước. Đức Phật kia, trụ giữa hư không.

Khi ấy Phật Thích Ca Mâu Ni phóng bình bát rồi, liền bảo Tôn Giả Xá Lợi Phất rằng:

- Ông nên dùng thần lực quán sát bình bát ở chỗ nào, trụ ở nơi đâu?

Xá Lợi Phất liền vào mười nghìn môn Tam Ma Địa (12), ở trong định ấy, dùng sức trí của mình và sức thần thông của Phật; mười nghìn cõi Phật khắp quán sát bình bát này, không thấy chỗ trú. Từ trong đại định ra rồi, bạch với Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Như con đã quán sát trải qua mười nghìn cõi Phật, không thấy chỗ sở trụ của bình bát này.

Lúc ấy, Đức Thế Tôn liền bảo tôn giả Đại Mục Kiền Liên (13) rằng:

- Ông dùng thần lực quán sát bình bát, trụ ở chỗ nào?

Lúc bảy giờ Tôn Giả Đại Mục Kiên Liên, vâng thánh chỉ của Phật, liền nhập tám nghìn định môn, trụ trong định kia, dùng thần lực của mình, ở nơi thế giới hạ phương, tám nghìn cõi Phật, quán sát bình bát này cũng không thấy trụ chỗ nào cả. Từ trong định xuất, đến trước bạch Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Con dùng sức thần thông xem khắp thế giới hạ phương trải qua tám nghìn cõi Phật, không hề thấy bình bát trụ ở chỗ nào.

Đoạn, Đức Thế Tôn liền bảo Tôn giả Tu Bồ Đề rằng:

- Ông dùng sức thần thông, quán sát bình bát, nay ở chỗ nào, và trụ ở đâu?

Tu Bồ Đề vâng thánh chỉ của Phật, liền vào định môn một muôn hai nghìn; ở

trong định ấy, trải qua một muôn hai nghìn cõi Phật, quán sát bình bát này không thấy trụ chỗ nào, từ trong định ra, tới trước đức Phật, thưa rằng:

- Bạch Thế Tôn! Con vận thần lực, trải qua một muôn hai nghìn cõi Phật, xem khắp nơi, nhưng không thấy bình bát ấy trụ ở chỗ nào! Như vậy đó, năm trăm đệ tử hàng Thanh Văn, mỗi vị tự dùng thần thông và sức thiên nhãn, quán sát khắp nơi, nhưng đều không thể thấy!

Lúc bấy giờ, Tôn giả Tu Bồ Đề, bạch với Đại Bồ Tát Từ Thị (15) rằng: Nhơn giả được thụ ký (16), một đời bồ xứ thành Phật; cúi mong Tôn giả nhập định, quán sát bình bát này trụ ở đâu để khai thị cho đại chúng. Bồ Tát Từ Thị bảo Tu Bồ Đề rằng:

- Tôn giả tôi được thụ ký một đời thành bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Song, có Bồ Tát Diệu Kiết Tường cho biết tất cả định môn, danh tự còn không lưu ý, huống là chứng nhập. Bồ Tát Diệu Kiết Tường chứng biết, chỗ tu chỗ hành đều được thông suốt. Tu Bồ Đề! Chỗ hành sự của các đức Phật Như Lai, nay tôi đâu có thể biết được ư? Thế nên thần thông, trí tuệ của tôi đâu có bì kịp Bồ Tát Diệu Kiết Tường! Nay Đức Thế Tôn phóng bình bát ra chỉ có Diệu Kiết Tường là biết chỗ trụ, ngoài ra không ai biết được.

Lúc ấy, Tu Bồ Đề đến trước Thế Tôn, bạch rằng:

- Bồ Tát Diệu Kiết Tường, trừ Đức Như Lai, không ai hơn nổi về việc phóng bình bát của Đức Thế Tôn. Cúi mong Từ Phụ

sắt chỉ Bồ Tát Diệu Kiết Tường, dùng đại thần thông mang bình bát đến pháp hội, chỉ cho đại chúng rõ biết dễ ra làm Phật sự.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn liền bảo Bồ Tát Diệu Kiết Tường rằng:

- Diệu Kiết Tường! Ông biết bình bát ấy đương trụ chỗ nào? Lại ở nơi nào?

Bồ Tát Diệu Kiết Tường, vâng lời Phật dạy, nhưng tự suy nghĩ: Tôi nay không nên rời pháp tòa, không lìa hội Phật, không nên ẩn thân nơi khác, phải lấy bình bát kia, chỉ cho đại chúng. Nghĩ rồi liền vào chánh định (tam ma địa), lúc ở trong định, dũ cánh tay mặt đến thế giới hạ phương, trải qua các cõi Phật, đến trước mõ đức Phật. Tay nhiệm màu kia pháp ra tiếng nói: “Tôi nay kính lạy các đức Phật, thầy tôi là Phật Thích Ca Mâu Ni, hỏi

thăm đức Thế Tôn, có ít bịnh ít nã, khinh an thiên duyệt không? Hỏi lời ấy rồi, mỗi lỗ chân lông trong cánh tay đều phóng ra trăm nghìn yển sáng, mỗi mỗi yển sáng có trăm nghìn hoa sen, trên mỗi hoa sen đều một đức Như Lai ngồi ở trên đó. Mỗi đức Như Lai đều khen ngợi Phật Thích Ca Mâu Ni. Mỗi thế giới đều bị sáu thứ (17) chấn động; hiện hào quang vĩ đại, chiếu khắp cõi Phật, lại hiện tràn phan bảo cái, các đồ nghiêm sức để làm Phật sự. Như vậy mỗi một cõi Phật đều có như thế, qua bảy mươi hai cõi Phật số nhiều như cát sông Hằng rồi, đến cõi Phật Quang Minh Vương, tay kia phát tiếng chào hỏi kính trọng, cũng lại như thế, lại phóng ra trăm nghìn yển sáng, trong mỗi hào quang có trăm nghìn hoa sen, trên mỗi hoa sen đều có Phật ngồi, các đức Phật đều khen ngợi

Thích Ca Như Lai, yển sáng giao chiếu, suốt thông vô lượng!

Lúc bấy giờ, trong pháp hội của Phật Quang Minh Vương, có một vị Bồ Tát tên là Quang Tràng (18), từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước bạch đức Quang Minh Vương Như Lai rằng:

- Cánh tay nhiệm màu này từ đâu đến? hiện tướng phóng quang như thế, lại trong hào quang có hiện hoa sen, trên các hoa sen có đức Như Lai, mỗi đức Phật đều khen ngợi Đức Thích Ca Mâu Ni. Tướng ấy ý nghĩa thế nào? Xin Phật chỉ dạy!

Đức Quang Minh Vương Như Lai bảo Bồ Tát Quang Tràng rằng:

- Thượng phương cách đây bảy mươi hai cõi Phật, số nhiều như cát sông Hằng, có một thế giới tên là Ta Bà (19). Đức

Phật hiệu là Thích Ca Mâu Ni Ứng Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện tại thuyết pháp giáo hóa chúng sinh, cõi kia có một vị Bồ Tát tên là Diệu Kiết Tường, đầy đủ đại công đức, mặc áo giáp tinh tiến không thể nghĩ bàn, có sức đại trí, đã đến bờ kia. Vì Bồ Tát ấy ở trong pháp hội của Phật Thích Ca Mâu Ni kia, không đứng dậy từ pháp tòa, dũ cánh tay mặt lấy bình bát kia, vì duyên có ấy, nên mới có điềm lành này.

Lúc bảy giờ Đức Quang Minh Vương Như Lai, từ trong chân mây phóng ra hào quang sáng soi khắp bảy mươi hai cõi Phật ở thượng phương số nhiều như cát sông Hằng đến thế giới Ta Bà, chiếu khắp rộng lớn, nhưng chúng sanh ở thế giới Ta Bà nhờ yển sáng ấy rất là hoan hỷ như vị chuyển luân vương (20). Những ai thật hành hạnh Bồ Tát, nhờ yển sáng ấy chiếu

soi, đều đặn chứng quả, tự hành viên mãn. Còn các vị Đại Bồ Tát, đều đặn yển sáng mặt trời đại định. Những hàng thật hành vệ hạnh Thanh Văn đều đặn tám pháp môn giải thoát (21). Các vị Bồ Tát ở cõi Phật Quang Minh Vương kia, nhờ yển sáng của Như Lai đều đặn thấy Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế giới Ta Bà này, gồm cả Bồ Tát Diệu Kiết Tường các chúng Thanh Văn vây quanh thuyết pháp.

Khi ấy, Đại Bồ Tát Quang Tràng thấy ác nghiệp trong trược của chúng sinh ở thế giới Ta Bà này, sanh lòng thương xót, liền bạch với Đức Quang Minh Vương Như Lai rằng:

- Thưa Thế Tôn! Con nhờ yển sáng của Phật thấy đặng thế giới Ta Bà kia, uế ác đầy nhầy. Các Đại Bồ Tát sanh ở chỗ đó,

vì như ngọc lưu ly ở trong bùn lầy, việc ấy như thế nào?

Lúc bấy giờ, đức Quang Minh Vương Như Lai bảo Bồ Tát Quang Tràng rằng:

- Thiện nam tử chớ nói như thế, quốc độ của chúng ta, các vị thật hành hạnh Bồ Tát, ở trong mười kiếp, tu tập thiền định, nhưng không bằng chúng sanh ở thế giới Ta Bà kia, phát khởi một niệm đầy đủ tâm từ, bi, hỷ, xả, liền hay thu hoạch, công đức vô lượng, diệt trừ tất cả phiền não trọng chướng. Vì sao? Bởi vì chúng sanh ở thế giới Ta Bà rất là mãnh lợi, thế nên các Bồ Tát sanh trong cõi kia, vì muốn hộ trì Phật pháp, ông nay, chớ nên sanh tâm buồn khóc!

Lúc bấy giờ các chúng Bồ Tát ở trong pháp hội của đức Phật Thích Ca Mâu Ni,

nhờ yền sáng chiếu soi qua, liền bạch Phật rằng:

- Thừa Thế Tôn! Vì duyên gì có yền sáng ấy chiếu soi như thế, cũng khiến chúng con sanh tâm đại hoan hỷ, các chúng sanh thấy thế diệt các phiền não! Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bảo các Bồ Tát rằng:

- Thiện nam tử! hạ phương cách đây bảy mươi hai cõi Phật can già sa (22), có một thế giới tên là Quang Minh, nơi ấy có đức Phật Như Lai hiệu là Quang Minh Vương, ứng chánh đẳng giác, hiện tại thuyết pháp, giáo hóa chúng sanh. Đức Phật kia trong chân mày phóng ra yền sáng lớn, chiếu soi khắp cõi Ta Bà này. Lúc ấy các vị Bồ Tát lại bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Chúng con, giờ đây muốn thấy yền sáng của thế giới kia, kính mong

đức Quang Minh Vương và các vị Bồ Tát dùng sức thần thông (23), khiến cho chúng con được thấy.

Lúc bấy giờ Đức Thích Ca Mâu ni, dưới chân Ngài hiện nghìn tướng bức luân (24), ở trong bức luân kia phóng ra yển sáng lớn, dưới soi đến bảy mươi hai thế giới, số nhiều như các sông Hằng, rộng lớn chiếu sáng đến cõi Phật Quang Minh. Khi ấy, các chúng Bồ Tát nương nơi yển sáng của Phật đều thấy được đức Phật Quang Minh Vương kia và các vị Bồ Tát, rồi thu hoạch được pháp môn tam ma địa (25), ngọn đèn Diệu Cao. Lúc ấy ở hạ phương mỗi cõi Phật yển sáng khắp soi, cùng thế giới Ta Bà này, cùng nhau được thấy không có chi ngăn ngại cả. Như thế các thế giới hạ phương cho đến các chúng Bồ Tát ở cõi Phật Quang Minh Vương

cùng các vị Bồ Tát ở thế giới Ta Bà này lẫn nhau nhìn thấy, hết lòng kính trọng. Thí như mặt trời sáng diệt hết các chỗ tối tăm, tất cả chúng sanh đều được thấy nhau cũng lại như vậy. Lúc đó, các Bồ Tát kia mỗi vị đều phát khởi tâm tinh tiến, chuyên cầu đại quả.

Lúc bấy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường dũ cánh tay đến trước Đức Quang Minh Vương Như Lai, trụ giữa hư không, đương khi lấy bát, có nhiều vị Đại Bồ Tát các cõi Phật vô số trăm nghìn bình bát đến thế giới Ta Bà, diêm tương chiếu sáng đều được tạm ổn. Bồ Tát Diệu Kiết Tường để bình bát trước Phật Thích Ca Mâu Ni, trụ giữa hư không, khi ấy Bồ Tát xuất định, từ chỗ ngồi đứng dậy, đến trước đức Phật, lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi bạch Phật rằng:

- Thừa Thế Tôn! Con vâng ý chỉ của Phật, đến thế giới hạ phương tìm chỗ ném bình bát, nay ở trước Phật để giữa hư không, xin Phật nạp thọ.

Lúc ấy Đức Thế Tôn mặc nhiên lãnh thọ. Khi ấy, ở thế giới chư Phật ở hạ phương cùng các chúng Bồ Tát theo bình bát bay đến, đều đến trước Phật Thích Ca Mâu Ni lễ kính hai chân của Phật, mỗi vị xưng khen danh hiệu đức Phật kia. Trong số đó có một đức Như Lai Chánh Đẳng Chánh Giác chào hỏi Đức Thế Tôn có ít bệnh ít não, khinh an thiên duyệt, khí lực dồi dào không? Giáo hóa chúng sinh có mỗi một không? Cung kính chào hỏi như thế đã xong, đức Thế Tôn an ủi rồi ngồi một bên.

Lúc bấy giờ bảo Ngài Xá Lợi Phật rằng:

- Ông nay lắng nghe, tôi sẽ vì ông nói rõ chỗ hạnh nguyện và nhân căn bản thuở đời quá khứ của Bồ Tát Diệu Kiết Tường.

Khi ấy, Xá Lợi Phất lãnh thọ lời dạy ngồi nghe. Đức Phật dạy:

- Xá Lợi Phất, thuở đời quá khứ, vô số trăm nghìn kiếp câu đê na do tha (27) khi kia có đức Phật, hiệu là Vô Năng Thắng Tràng Như Lai, ứng cúng chánh đẳng chánh giác, xuất hiện trong đời. Thế giới của đức Phật kia gọi là Bất Khả Hủy, có tám muôn bốn nghìn chúng Thinh Văn và một muôn hai nghìn chúng Bồ Tát. Đức Phật kia nói pháp tam thừa (28), giáo hóa chúng sinh. Ngài cũng xuất hiện trong đời ngũ trược (29), ác thế, vì các chúng Bồ Tát nói sáu pháp Ba La Mật (30). Xá Lợi Phất! Lúc bấy giờ, nơi kia có một vị tỳ kheo tên là Trí Vương, thông tuệ sáng

suốt, khéo nói pháp yếu. Vị tỳ kheo kia, gần đến giờ Ngọ, đắp y mang bát vào trong thành vua, thứ lớp đi khát thực. Thành đó gọi là Quảng Đại. Vì sư được các đồ ăn đầy đủ, liền ra khỏi thành, bỗng gặp người con của vị trưởng giả, tên là Tịnh Tý, ngồi bên cạch từ mẫu, thấy vị tỳ kheo mang bát đi qua, liền đến trước vị tỳ kheo có ý muốn xin chút đồ ăn uống trong bình bát. Lúc bấy giờ vị tỳ kheo thấy vị đồng tử kia, căn lành thuần thực, có đại pháp khí (31), liền lấy đồ ăn trong bình bát hoan hỷ trao cho. Đồng tử được các thức ăn, pháp tâm hoan hỷ, đi theo tỳ kheo Trí Vương đến chỗ của Vô Năng Thắng Tràng Như Lai. Khi ấy đồng tử liền đến trước Phật, đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn. Tỳ kheo Trí Vương mang các đồ đã khát thực trao cho vị đồng tử kia, dặn rằng:

- Ông đem các thức ăn này cúng dường Đức Thế Tôn và đại chúng, ông sẽ đặng vô lượng phước báo.

Đồng tử y theo lời vị tỷ kheo nói liền bung đồ ăn kia dâng lên Đức Thế Tôn, nhưng đồ ăn còn nhiều. Sau đó thứ tự cúng dường đại chúng, các bật Bồ Tát, Thanh Văn trong pháp hội đều lạnh thộ thức ăn kia, tất cả đều no đủ, nhưng đồ ăn còn thừa.

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất:

- Đồng tử Tịnh Tý đã cúng dường, tâm rất hoan hỷ, liền đến trước Phật nói bài kệ rằng:

Con dùng thức ăn quý,

Cúng Phật và đại chúng

Nay cúng dường đã xong,

Đặng phúc báo không nghi.

Cúng dàng đã vô tận,

Công đức cũng không cùng,

Đã cúng dường lên Phật,

Quyết đặng phúc vô biên.

Con đem đồ ăn quý,

Cúng dàng lên Thế Tôn,

Tặng trưởng các căn lành,

Tiếp nối không cùng tận.

Như thế đem một bình bát cơm, trong vòng bảy ngày cúng dường các đức Như Lai và chúng Thinh Văn, Bồ Tát, nhờ sức oai thần của Phật đồ ăn còn mãi không hết. Lúc ấy tỳ kheo Trí Vương bảo Đồng Tử rằng:

- Ông cúng dường rồi phải quy y Phật, quy y Pháp và quy y Tăng, trọn đời chỉ giáo của tỳ kheo, quy y Phật, Pháp, Tăng, khi quy y rồi tâm sanh hoan hỷ, pháp lòng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (32)

Lúc bấy giờ cha mẹ của Tịnh Tý đi tìm kiếm con, đến trong pháp hội của Vô Năng Thắng Pháp Tràng Như Lai, đến rồi đánh lễ dưới chân Đức Thế Tôn rồi đứng một bên. Đồng tử Tịnh Tý thấy cha mẹ đến, tâm sanh hoan hỷ, chào hỏi cung kính, đối trước cha mẹ, liền nói bài kệ rằng:

Cha mẹ đến rất quý,

Các Phật rất khó gặp,

Con cầu đại (33)giác ngộ,

Vì tất cả chúng sanh

*Khắp quán tưởng tốt Phật,
Thân phóng yển sáng đẹp,
Những ai có trí huệ,
Phải cầu quả Bồ Đề.*

Con nay cầu xuất gia (34)

*Xin cha mẹ hứa khả,
Con không thích giàu sang,
Vì Phật rất khó gặp!*

Lúc ấy cha mẹ của Đồng tử, vì con liền nói bài kệ:

*Ta cho ông xuất gia,
Đến Vô Thượng Bồ Đề
Ta nhờ nhân duyên ông,
Sẽ cũng học như thế.*

Đức Phật bảo Xá Lợi Phất, lúc ấy đồng tử Tịnh Tý nhờ cha mẹ cho đi xuất gia. Sau đó cha mẹ tin theo Phật Pháp cũng lại xuất gia, trở về với Phật Pháp Tăng hoan hỷ tín thọ. Lúc bấy giờ lại có 500 người, đồng phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều về Phật xin xuất gia, Đức Phật đều nhiếp thọ. Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất.

- Ông nay phải biết, tỳ kheo Trí Vương khi đó, đâu phải ai xa lạ, tức là Diệu Kiết Tường Bồ Tát ngày nay, còn đồng tử Tịnh Tý là thân ta ngày nay. Xá Lợi Phất! Về trước lâu xa, khi ta làm con ông trưởng giả nhờ Diệu Kiết Tường Bồ Tát trao cho ta bình bát, khiến ta phát tâm đại Bồ Đề. Lại nữa, Xá Lợi Phất! ta từ khi mới phát tâm đại bồ đề cho đến kết quả viên mãn pháp thập lực (35), tứ vô sở úy (36), tất cả

công đức, đủ trí không cùng tận, đều nhờ Diệu Kiết Tường Bồ Tát phát khởi khai đạo cho. Vì sao? Bởi vì chỗ phát tâm của ta cũng như hư không, không có ngăn mé. Lại nữa, này Xá Lợi Phất! đã có mười phương vô lượng, vô số đồng danh hiệu Thích Ca Mâu Ni Phật, giống như ta ở chỗ của Diệu Kiết Tường, khai phát tâm bồ đề. Lại nữa, đời quá khứ các đức Đê Sa Như Lai, các đức Như Lai ấy, ta ở trong vô lượng kiếp xưng khen các Ngài, các Như Lai ấy cũng đồng với ta ở chỗ Diệu Kiết Tường Bồ Tát phát khởi đạo tâm, được thành bậc Chánh Đẳng Chánh Giác chuyển bánh xe pháp (37) nhiệm mầu. Lại nữa, Xá Lợi Phất! có các vị thật hành hạnh Bồ Tát. Đầu tiên ở trên cung trời Đâu Xuất (38), thị hiện tướng giáng sanh, xuất hiện trong đời; ban đầu sanh trong cung Vua, rồi sau tu các hạnh khổ,

cho đến lúc ngồi chôn đạo tràng (39), đều nhờ sự giáo hóa chỉ đạo của Diệu Kiết Tường Bồ Tát. Xá Lợi Phất! phải biết Diệu Kiết Tường Bồ Tát là mẹ hiền của các vị Bồ Tát, vì sản xuất tất cả các Bồ Tát. Xá Lợi Tử! những lời ta nói đều là chân thật, nhân duyên trước kia, chúng ta phải biết như thế.

Đức Phật giảng nói lời ấy rồi, tất cả cõi Phật trong mười phương, đều hiện các thứ bảo cái (40), mang đến cúng dường Diệu Kiết Tường, trong mỗi bảo cái, phóng ra yển sáng rộng soi khắp cõi Ta Bà, lại trong bảo cái phát ra tiếng nói nhiệm mầu như vậy; Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói như thế, đúng như thế, về trước theo Đức Diệu Kiết Tường kia phát tâm bồ đề

Lúc ấy, trong pháp hội của Phật Thích Ca Mâu Ni, những vị trước thoái tâm bồ

đề, 200 vị thiên tử thấy đức Phật Thế Tôn và Ngài Diệu Kiết Tường Bồ Tát, hiện bày các việc không thể nghĩ bàn như thế và nghe Phật nói nhân duyên bốn khởi, mỗi vị đều suy nghĩ như thế này: Các đại pháp vô thượng của chư Phật khó mà nghe được, huống là được thấy công đức cao thượng của chư Phật Như Lai. Hôm nay, chúng ta đối với các đức Thế Tôn nên bỏ tâm hạ liệt (41) trước, nên phát tâm vô thượng đại bồ đề, quyết đến quả vô thượng đại bồ đề. Nghĩ như thế rồi liền phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác kiên cố, không bao giờ thoái chuyển.

**LỜI GIẢI KINH CHÁNH PHÁP
CHƯA TỪNG CÓ. (QUYỂN THỨ
HAI)**

1. Vô sở hành: Không chỗ hành động, tức là không chấp trước, không thủ xả. Tâm rộng thênh thang như hư không.

2. Bồ đặc già la: Pudgala dịch nghĩa: Lúc nào cũng có thể đi đến các cảnh thú, nhận lấy các cảnh thú, mà không có lòng chán ngán.

3. Các uẩn ma: Tức là các ma chướng trong ngũ uẩn không làm lay chuyển, đó là sắc uẩn, thọ uẩn, tưởng uẩn, hành uẩn và thức uẩn.

4. Nghiệp báo: Cái nghiệp nó trả lại bằng sự vui vẻ hay khổ sở tùy theo đời trước mình đã làm lành hay làm ác. Cái nghiệp trong thời kỳ báo đáp. Tức là nghiệp quả hay quả báo.

5. **Thanh Văn:** Sravaka. Bậc này nghe Phật nói pháp Tứ Đế mà ngộ đạo, chứng đắc A La Hán.

6. **Vô trước:** Tâm không chấp trước, không vướng mắc một nơi nào, rộng rãi thênh thang như hư không.

7. **Đại sĩ:** Bực Bồ Tát, vì Bồ Tát rất dũng mãnh ra đi cứu đời. Cũng có khi dùng chỉ bậc Thanh Văn có đủ hạnh Bồ Tát và quả vị Phật. Bực Đại Sĩ là hạng người đại từ, đại lực, làm lợi lớn cho mình, vừa làm lợi lớn cho người, cứu nạn cứu khổ và hóa độ chúng sanh.

8. **Cửa giải thoát:** Cửa giải thoát. Người giữ đủ giới luật, thân tâm được thanh tịnh, mới vào cửa giải thoát được.

9. **Chơn đế:** Pháp giới chân thật. Ý nghĩa hai chữ chơn đế, nghĩa lý học

thuyết chơn thật, không sai chạy, trái lại là tục đế. Như nói thế gian pháp là tục đế, còn xuất thế gian pháp là chơn đế. Pháp giới chơn đế là thế giới xuất thế gian.

10. **Tâm tam muội:** Tức là tâm thiền định. Tâm lúc nào cũng an nhiên tự tại, không có vọng tưởng điên đảo.

11. **Hạnh đại thừa:** Hạnh tu theo đại thừa: Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tiến, thiền định và trí huệ ba la mật...

12. **Tâm ma địa:** Samadhi, phép thiền định, đại định của nhà đạo bậc cao trong khi nhập định thì thân thể và tâm trí chẳng còn xao động, chỉ chăm chú vào một mục đích mà thôi. Lúc bấy giờ, những vọng tưởng, những tà kiến, không thể xâm nhập vào tâm của nhà tu đại định.

13. **Đại Mục Kiền Liên:** Maha Mandgalyayana. Một vị đại Thanh Văn, đệ tử lớn của Phật, được khen là thần thông đệ nhất trong hàng đệ tử.

14. **Tu Bồ Đề:** Subhuti là bậc Thanh Văn. Ngài nổi danh về sự hiểu rành và biện giải lý chơn không.

15. **Bồ Tát Từ Thị:** Maitreya Bodhisattva. Họ Từ, dòng lành, dòng Phật, vị Phật lấy đức từ bi làm chủ. Từ Thị là tiếng dịch nghĩa, còn tiếng âm theo Phạn là Di Lạc (Maitreya). Từ xưa, đức Bồ Tát ấy gặp Phật, phát tâm tu hành, chứng phép từ tâm tam muội. Hiện nay Ngài đang ở trên cung trời Đâu Suất nội viện (Tushita).

16. **Thụ ký:** Vyakarana. Thọ là nhận lấy. Ký là ghi nhớ, ghi chứng. Trao cho sự ký chứng, khi một đức Phật phán xét rằng

về sau một vị nào tu hành sẽ thành Phật gì, ở đâu?. Đó gọi là thụ ký.

17. Sáu thứ chấn động: Sáu thứ này hiện ra ở cõi đất lớn, sáu cách rung động trên mặt đất.

1) Động (rung chuyển)

2) Khởi (vùng dậy)

3) Dũng (phun ra) – Ba thứ chấn động trên là biến hóa của hình thể.

4) Chấn (vang dội)

5) Hồng (gào lên)

6) Kích (đánh ra) – Ba thứ chấn động này là biến hóa của âm thanh.

18. Quang tràng: Một vị Bồ Tát sanh trong thời kỳ Phật Quang Minh Vương,

trợ Phật tuyên dương chánh Pháp rất là đặc lực.

19. **Ta Bà:**Saha: nghĩa là Kham Nhẫn. Thế giới đầy đau khổ, người tu hành phải kham nhẫn, phải chịu các sự nhẫn nhục. Vì cõi Ta Bà có đủ các sự trược, ác mà chúng sanh phải chịu.

20. **Chuyển luân vương:** Cakravartin. Vị Vua dùng chánh pháp trị dân, cũng như người quay cho bánh xé lăn tới, chớ không trở lui. Vị Vua ngồi trên cỗ xe dê đi thâm phục thiên hạ.

21. **Tám pháp môn giải thoát:**

1) Nội hữu sắc tướng, ngoại quán sắc giải thoát.

2) Nội vô sắc tướng, ngoại quán sắc giải thoát.

- 3) Tịnh giải thoát thân chúng.
- 4) Không xứ giải thoát.
- 5) Thức xứ giải thoát.
- 6) Vô sở hữu xứ giải thoát
- 7) Phi hữu tướng, phi vô tướng xứ giải thoát
- 8) Diệt tận định xứ giải thoát.

22. **Căn già sa:** Cát sông Hằng. Thí dụ về số rất nhiều như số cát sông Hằng vậy. Đức Phật thường giáo hóa trong vùng sông Hằng. Nên Ngài dùng cát sông Hằng mà thí dụ cho người đời để nhận thức.

23. **Thần thông:** Rddhi, Thần: Linh diệu, bất trắc, không thể đo lường. Thông: vô ngại, không chi ngăn trở nôi, lưu thông tự tại. Thần thông tức là thần túc thông;

Iddhividdha, phép bay đi xa trong nháy mắt. Cũng gọi là thần biết.

24. **Bức luân:** Các chỉ ở dưới chân rất là tốt đẹp, giống như các chỉ lưới đan tròn trịa và trong sáng.

25. **Tam ma địa:** Samadhi, pháp đại định của nhà đạo bậc cao, trong khi nhập định thân tâm không xao động, chăm chú vào một mục đích mà thôi. Các vọng tưởng tà kiến không thể nào xâm nhập vào tâm của nhà tu đại định. Đắc cảnh tam ma địa được vào pháp thân thanh tịnh.

26. **Na do tha:** Navuta, số lớn bên Ấn Độ. Số này hoặc bằng muôn ức, hoặc bằng ngàn vạn.

27. **Câu de na do tha:** Con số lớn: 10 triệu trở lên.

28. **Tam thừa:** Triyana ba cỗ xe dùng để chuyên chở. Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa và Bồ Tát Thừa.

29. **Ngũ trực:** Năm thứ đơ ở cõi Ta Bà này: Kiếp trực, kiến trực, phiền não trực, chúng sanh trực và mạng trực.

30. **Sáu pháp Ba La Mật:** Ce-paramita: sáu hạnh ba la mật. Lục độ là sáu nền đại hạnh có thể đưa người từ bên mê tới bờ giác, từ sanh tử đến niết bàn, từ địa vị phàm phu đến quả vị Phật.

31. **Đại pháp khí:** Khí cụ hành đạo rộng lớn. Căn khí đạo đức vĩ đại. Dụ như bình bát đựng trọn bữa cơm của nhà sư, Pháp khí có sức thọ lấy các pháp môn của Phật v.v...

32. **Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác:** Anuttara-Samyak Sambhodhi. Quả

vị Phật. Tức là quả đạo lý tối cao mà đức Phật chứng ngộ, lúc Ngài đại định dưới cội bồ đề.

33. Đại giác ngộ: Hội được chơn lý, mở mang chơn trí. Các bậc thành đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là vị đại Giác Ngộ.

34. Xuất gia: Ra khỏi nhà thế gian, đi tu. Xuất gia có ba nghĩa:

- 1) Xuất hồng trần gia
- 2) Xuất tam giới gia
- 3) Xuất vô minh gia.

35. Thập lực: Dasabala: Mười sức mạnh trí tuệ;

- 1) Tri thị xứ phi xứ trí lực
- 2) Tri tam thế nghiệp báo trí lực

3) Tri chư thiên giải thoát tam muội trí lực

4) Tri chúng sanh tâm tánh trí lực

5) Tri chủng chủng giải trí lực

6) Tri chủng chủng giới trí lực

7) Tri nhứt thiết sở đạo trí lực

8) Tri thiên nhân vô ngại trí lực

9) Tri túc mang vô lậu trí lực

10) Tri vĩnh đoạn tập khí trí lực

36. Tứ vô sở úy: Bốn đức dạn dĩ chẳng sợ, có 4 đức chẳng sợ ấy, thì dễ giáo hóa chúng sanh, vì lòng mình chẳng khiếp

1) Nhứt thiết trí vô sở úy

2) Lậu tận vô sở úy

3) Thuyết chương đạo vô sở úy

4) Thuyết tận khổ đạo vô sở úy.

37. Chuyển bánh xe pháp nhiệm mầu: Dhammachakkappavattam. Quay bánh xe Chánh Pháp, tức là thuyết pháp để cứu độ chúng sanh. Pháp luân thường chuyển huệ tâm khai, nghĩa là bánh xe chánh pháp thường quay làm cho tâm hồn được sáng suốt.

38. Cung trời Đâu Suất: Tushitadeva, cung trời Đâu Suất về thượng giới. Hiện nay, ở cung Đâu Suất, có rất nhiều vị Bồ Tát, trước khi giáng thế làm Phật đều ở cung trời Đâu Suất. Các vị ấy gọi là Bồ Xứ Bồ Tát, hay là nhưt sanh Bồ Xứ Bồ Tát, đều là các bậc tự tại thần thông, thường du hóa đi tế độ chúng sinh và du hành các cõi Tịnh Độ của chư Phật.

39. Ngõa chôn đạo tràng: Bodhimandala, ngôi nơi thuyết pháp

giảng kinh. Người ta thường dùng chốn đạo tràng mà gọi các chỗ dưới đây:

1) Chỗ thờ Phật, tức là nơi chánh điện mỗi chùa.

2) Chỗ tụng Kinh hằng ngày

3) Chỗ các sư giảng đạo, truyền đạo

4) Chỗ thanh tịnh, nơi ấy vị sư tu luyện tham thiền nhập định

40. **Bảo cái:** Cái lọng báu, lọng quý để thờ Phật, Bồ Tát hoặc để che hầu những vị Hòa Thượng. Lọng ấy có khi làm bằng thất bảo.

41. **Tâm hạ liệt:** Tâm thấp kém, tâm chỉ biết ích kỷ, tâm chỉ biết lo lợi cho mình mà không nghĩ đến ai, nên gọi là tâm hạ liệt

ĐỨC PHẬT NÓI KINH CHÁNH PHÁP CHỮA TỪNG CỐ

QUYỂN THỨ III

Ngài Đại Sư Pháp Thiên, người Tây Thiên Trúc, hiểu thông ba tạng kinh điển, vâng chiếu chỉ nhà Vua dịch.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn Thích Ca Mâu Ni lại bảo ngài Xá Lợi Phất rằng:

- Ông nay phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thật hành các hạnh Bồ Tát, không nên đắm trước theo quả Thanh Văn. Vì sao? Nay Xá Lợi Phất, tất cả chúng sanh ở trong sự luân hồi (1), không sanh lòng sợ hãi, không do dự giải thoát. Thế nên các Bồ Tát phải khởi lòng đại tinh tiến, ở trong nẻo luân hồi, tìm đủ cách hóa độ, khiến chúng sanh sợ khổ sanh tử, vượt ra ba cõi (2). Ông, nếu chỉ

thích quả Thanh Văn, không thể nào khởi tâm đại bồ đề (3), cứu độ tất cả chúng sanh. Thế nên, tất cả chúng sinh, nếu được gặp gỡ vị có Bồ Tát tâm, khuyên họ phải khởi sự tinh tiến, liền đặng giải thoát sanh tử, cũng thường phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Xá Lợi Tử! Thuở đời quá khứ có đức Phật ra đời hiệu là Cự Túc Công Đức Như Lai, đầy đủ mười hiệu: Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Thiện Thệ, Thế Gian Giải, Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn. Trong pháp hội của Đức Phật này có chúng Thanh Văn hàng trăm câu đê (4), có tám nghìn chúng Bồ Tát. Đức Phật kia sống lâu 10 muôn tuổi. Có hai vị Thanh Văn là bậc Thượng Thủ. Một vị gọi là Xuất Hiện, trí tuệ đệ nhất. Vị thứ hai gọi là Tấn Tật, thần thông đệ nhất. Lúc ấy, Cự

Túc Công Đức Như Lai, đến giờ thụ trai, đắp y, mang bát, cùng các đại chúng, thứ tự đi vào một góc thành vua. Thành kia gọi là Diệu Âm, tuần tự khát thực. Khi đức Phật vào thành, vị Thanh Văn Trí Tuệ, đứng ở bên phải đức Phật, vị Thanh Văn thần thông đệ nhất đứng ở bên trái của Đức Phật, còn các chúng Thanh Văn khác đều theo sau Phật, các chúng Bồ Tát tiến tới phía trước. Lại nữa, có các Đại Phạm Thiên Vương, Đế Thích, Thiên Chúa, hộ thế tứ thiên vương, và các thiên chúng. Họ đi nhiễu đức Thế Tôn, vào trong thành vua kia.

Lúc ấy, trong thành có 3 vị đồng tử, dùng các đồ trang nghiêm đứng ở bên đường kia, cùng nhau tỏ vẻ phấn khởi. Ba vị đồng tử ấy, xa xa nhìn thấy đức Thế Tôn, tướng tốt đoan nghiêm, oai đức vô

lượng, yền sáng chiếu soi cũng như Kim Sơn, nghi dung đỉnh đạc như Đại Long Vương (5), thấy rồi tâm sanh hoan hỷ, cung kính tôn trọng. Vị đồng tử thứ nhất nói:

- Các ông có thấy đức Phật Thế Tôn không? Đối với các chúng sanh là bậc tối tôn, tối thượng, phước đức không cùng tận; trên trời cùng nhơn gian, thấy đều tôn kính. Thế nên, chúng ta phải đồng cúng dường, quyết đặng phước báo lớn, cùng nhau bàn luận rồi, vị đồng tử thứ nhất nói bài kệ rằng:

Đức Phật này, tối tôn đại chúng,

Trên trời, nhơn gian nên cúng dường,

Chúng ta nên dâng đồ cúng dưỡng,

Đặng phước báo lớn, nhưng không mất.

Vị đồng tử khác nói tiếp bài kệ:

Ta không dâng cúng dường hương hoa,

Cũng không phải các thứ quý khác,

Duy nhất toàn dùng thân mạng này,

Nên xả cùng dường Phật, Thế Tôn

Lúc ấy, vị đồng tử trước liền côi các anh lạc (6) trên châu trị giá đến trăm nghìn lượng vàng, hướng về hai vị đồng tử kia nói:

Tôi nay đem các thứ quý này,

Cúng Phật Như Lai, đại trí tôn,

Nguyện tôi trình bày cúng dường rồi,

Sẽ đặng Vô Thượng, đại phước tu.

Lúc bấy giờ hai đồng tử khác thấy đồng tử này, hiến cúng của báu rồi, mỗi vị cũng

cỏi chuỗi anh lạc đang mang trong người, hướng về đồng tử nói bài kệ rằng:

*Tôi dùng anh lạc để cúng dường,
Tất cả tôi thẳng chánh giác tôn,
Phát tâm thành này cúng dường rồi,
Thệ nguyện cầu nơi chánh pháp Phật.*

Khi đó, một đồng tử trước thấy hai người này, cũng hiện anh lạc, mà bảo đó rằng:

- Các vị đã làm phước lợi vô lượng, đối với Phật Pháp muốn cầu quả báo gì?

Vị đồng tử thứ hai nói:

- Tôi muốn tương lai sẽ được làm đệ tử hầu bên mặt đức Thế Tôn, và sẽ đặng trí tuệ thứ nhất.

Vị đồng tử thứ ba nói:

- Tôi nguyện tương lai sẽ được làm đệ tử Phật, hầu bên trái ngài và được thần thông thứ nhất.

Hai đồng tử mỗi vị nói sở nguyện của mình xong, lại hỏi đồng tử thứ nhất rằng:

- Ông khéo khai đạo, vì tôi làm bạn lành, ông hiến cúng dường để cầu việc gì?

Đáp rằng:

- Sở nguyện của tôi sẽ cầu được quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đủ tất cả trí, phóng quang chiếu sáng, khiến tất cả chúng sinh, ai thấy cũng đều phát tâm bồ đề. Như sư tử chúa, các loài thú đều vây quanh. Như Đức Phật ngày nay, bình đẳng không sai khác.

Đức Phật bảo:

- Xá Lợi Tử! ba vị đồng tử kia, như vậy, mỗi vị khi phát nguyện thì ở giữa hư không có 8.000 thiên tử, đồng thanh khen ngợi: Lành thay! Quý hóa thay! Các ông khéo nói lời ấy, hy vọng kết quả thù thắng quyết định không nghi! Ba vị đồng tử kia, mỗi người mang chuỗi anh lạc, đến trước chỗ Phật. Khi đó, đức Phật bảo ngài Xá Lợi Tử! Cụ Túc Công Đức Như Lai thấy ba vị đồng tử cầm chuỗi anh lạc đem đến chỗ Phật, liền bảo Hải Huệ Bí Sô (7) rằng:

- Bí Sô! Sư thấy ba vị đồng tử này không?

Hải Huệ bạch Phật rằng:

- Vâng! Con đã thấy.

Đức Phật nói:

- Bí Sô! Đồng tử thứ nhất tâm ý mong cầu, cùng với hai đồng tử khác chẳng

đồng, dờ chân, động bước tự tại đặc tôn, như vị Chuyển Luân Thánh Vương (8), giả sử có trăm nghìn Phạm Thiên, Đệ Thích cũng không bì kịp. Nay đến chỗ Phật, khai phát đạo tâm, mong muốn chúng đến Vô Thượng Bồ Đề.

Ba vị đồng tử ấy đến chỗ Phật rồi, mỗi vị đầu mặt lạy dưới chân đức Phật, dâng chuỗi anh lạc lên đức Thế Tôn, Phật đã thọ rồi, vị phát tâm Thịnh Văn, đã hiến chuỗi anh lạc ở trước đức Phật kia đã phát tâm bồ đề, đã dâng chuỗi anh lạc lên đức Phật, trụ giữa hư không biến thành bốn trụ đài báu, bốn phía nghiêm túc; trên đó có các đức Phật ngồi kiết già (9), hiện các tướng tốt trang nghiêm, thù thắng vô lượng. Lúc ấy Cụ Túc Công Đức Như Lai liền nhập đại định, khắp quán sát tướng biến hóa của chư Phật Như Lai, từ trên

diện môn phóng ra nhiều tia sắc sáng. Ấy là các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía, biếc, lục, yền sáng khắp soi, vô biên thế giới trên đến trời Phạm Thiên, sang chói lán át yền sáng của mặt trời mặt trăng, khó mà hiện bày. Ánh sáng kia chiếu rồi, nhiều bên hữu ba vòng, trở lại nhập vào đánh môn của đức Thế Tôn. Lúc ấy, Hải Huệ Bí Sô, đến trước bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Có nhân duyên gì mà phóng hào quang này. Cúi mong Đức Thế Tôn, chỉ dạy cho chúng con biết.

Đức Phật bảo Bí Sô rằng:

- Ông thấy hai vị đồng tử này đã dâng chuỗi anh lạc, ở trước Phật có trụ không?

Bí Sô bạch Phật rằng: Vâng, con đã thấy.

Đức Phật nói:

- Bí Sô! Hai vị đồng tử này vì cầu quả Thanh Văn, ưa muốn chứng đến niết bàn tự lợi, không thể phát khởi tâm đại bồ đề; Bí Sô! Ông lưu ý vị đồng tử trước, đã dăng chuỗi anh lạc lên trên đức Phật, ở giữa hư không, làm các việc biến hóa. Vị này vì muốn chứng đến Vô Thượng Bồ Đề, lợi ích cho tất cả chúng sinh. Hai vị đồng tử kia chỉ ưa trí huệ thần thông, không thể khắp vì lợi lạc, thế nên chỗ dăng đồ cúng dường cũng không có tướng thù thắng. Phải biết người phát tâm đại bồ đề, ra làm việc phước cũng không thể lường. Ông nay phải nên bỏ tâm Thanh Văn, phải cầu chứng đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đức Phật bảo;

- Xá Lợi Tử! Khi xưa đồng tử phát tâm đại thừa, đâu phải ai xa lạ, mà chính thân ta ngày hôm nay; người mà ưa trí tuệ, tức

là thân ông. Vị ưa thần thông tức là Ngài Mục Kiền Liên đó. Các ông hàng Thanh Văn tuy khỏi sự luân hồi, chỉ ưa thích niết bàn, trọn không làm lợi ích quần sinh. Tâm bình đẳng của chư Phật đồng như hư không, không cùng không tận. Phước tu vô lượng, công đức vô lượng vượt hơn cảnh giới Thanh Văn, Duyên Giác, Xá Lợi Tử! Các vị chúng phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc bấy giờ các ngài Xá Lợi Tử, Đại Mục Kiền Liên, Đại Ca Diếp, A Nâu Lô Đà, Ưu Bà Ly, Phú Lô Na, Tu Bồ Đề...v.v...các vị đại Thanh Văn, khác miệng đồng tiếng bạch rằng:

- Quý hóa thay! Đức Thế Tôn, khéo hay khai đạo kiến chúng con phát khởi tâm đại Bồ Đề. Bạch Thế Tôn! Phải biết các thiện nam tử và thiện nữ nơn, những ai đã

trông các căn lành, tìm cầu giải thoát, nên phát tâm rộng lớn và thật hành hạnh nguyện rộng lớn, các người ấy sẽ thấy được trăm nghìn các đức Phật, được nghe chánh pháp. Bạch Thế Tôn! Chúng con từ xưa đến nay trí tuệ hẹp hòi, không dám mong cầu trí vô biên của Phật, nhưng nay tự lòng khắc trách, nên phát tâm rộng lớn. Ví như có người tạo những nghiệp bất thiện rồi, nếu không ăn năn đổi ác theo lành, thì không do đâu khỏi các khổ não. Chúng con hàng Thanh Văn, chỉ cầu tự lợi, nếu không bỏ tâm hạ liệt, cầu trí tuệ Phật, trọn không khỏi cảnh vô dư Niết Bàn. Lại nữa cũng như người gần đến lúc mạng chung tâm thức hôn loạn, đối với thân bằng quyến thuộc không thể nào đoái hoài! Chúng con nếu cầu niết bàn tự lợi, đối với các chúng sanh, không tâm hóa độ, cũng lại như thế. Thế Tôn phải biết,

tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, cũng như quả đất lớn, tất cả chúng sinh trong thế gian đều nương theo đất mà trụ, nhờ nơi đất mà sinh sống. Tất cả căn lành đều y nơi tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác mà đặng sinh trưởng cũng lại như vậy.

Lúc bấy giờ trong pháp hội có một muôn người, nghe đức Phật nói nhân duyên bốn sự (10), và nghe Xá Lợi Tử nói lời ấy rồi đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc bấy giờ Vua nước Ma Già Đà (11), phục sức nghiêm chỉnh, đích thân đến chỗ Phật, đầu mặt đánh lễ dưới chân đức Phật, đi nhiều ba vòng, rồi ngồi một bên. Khi ấy, đức Vua hướng về đức Phật chấp tay, một lòng tôn kính bạch Phật rằng:

- Thừa Thế Tôn! Tất cả chúng sinh, nhân tạo nghiệp gì? Nhân duyên tạo nghiệp do đâu mà trụ?

Đức Phật trả lời:

- Đại Vương! Tất cả mạng sống lâu của chúng sinh cho đến bổ đặc già la (12) đều y ngã thân kiến (13) mà trụ, điên đảo phân biệt, vì do phân biệt, nên khởi hoặc tạo nghiệp, do tạo nghiệp, nên không được giải thoát.

Vua lại hỏi:

- Bạch Thế Tôn! Ngã thân kiến lấy gì làm căn bản?

Đức Phật dạy

- Vô minh làm căn bản

Lại thưa:

- Cái vô minh đó ai, làm căn bản?

Đức Phật đáp:

- Tác ý không như lý làm căn bản

Lại hỏi:

- Tác ý không như lý lại lấy cái gì làm căn bản?

Đức Phật đáp:

- Tâm bất bình đẳng làm căn bản

Lại thưa:

- Thế nào gọi là tâm bất bình đẳng?

Đức Phật dạy:

- Tử vô thỉ đến nay, biết không như thật, gọi đó là tâm bất bình đẳng.

Lại thưa:

- Thế nào gọi là biết không như thật?

Đức Phật dạy:

- Tất cả chúng sanh từ vô thủy đến nay, ở trong cái không mà chấp là có. Ấy gọi là biết không như thật.

Lại hỏi:

- Thế nào gọi là ở trong cái không mà chấp là có?

Đức Phật đáp:

- Các pháp phân biệt không sanh, không thật, chấp cho là có thật.

Lại thưa:

- Nếu các pháp không sanh nay làm sao nói được?

Đức Phật đáp:

- Đại Vương! Thân ta còn không, pháp không chỗ nói

Lại hỏi đức Thế Tôn:

- Thân nếu không có, làm sao tạo tác, thế nào an trụ?

Đức Phật đáp;

- Đại Vương! Mặc dù có chỗ tạo tác, cũng không nên chấp trước.

Lại hỏi:

- Tức không chấp trước việc ấy thì làm sao mà nói ra?

Đức Phật nói:

- Không chấp trước sự vật, như thật mà nói, ấy là lời Thánh.

Lại hỏi:

- Thế nào gọi là nói lời như thật? Lại làm sao mà cho là lời Thánh?

Đức Phật gọi:

Đại Vương! Đối với tất cả sự vật lia trần cảnh, xa cố chấp, đó là lời chân thật, đó cũng gọi là nói như thật. Người nói như thật, là lời nói của bậc Thánh. Bậc Thánh đã nói, gọi là khéo biết các pháp, vốn không chỗ sanh, phải như thế mà trụ, theo như thế mà học.

Lúc bấy giờ, Vua nước Ma Già Đà, nghe Phật nói chánh pháp, tâm sanh hoan hỷ, rồi bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn, thật là hy hữu, khéo nói pháp này, thật chưa từng có. Như Đức Phật Thế Tôn, dùng trí vô lậu (14), khắp vì lợi lạc cho tất cả chúng sanh, nên nói pháp chân thật. Tất cả chúng sanh tội nghiệp đã ràng buộc, nhưng không thể nghe pháp lãnh thọ, tu hành. Con cũng như thế, Thế Tôn nên nghĩ, con từ xưa đến nay, không gặp bạn lành, đem tâm bất

thiện, con cũng rộng tạo các nghiệp bất thiện. Thế nên không thể nào gần gũi đức Thế Tôn để nghe Chánh Pháp. Con ở trong thâm cung chỉ ưa hý ạc, ăn uống, yến tiệc, suốt ngày lẫn đêm, không bao giờ nhàm bỏ. Thế nên, con không thể đến chỗ Phật, nghe học chánh pháp. Bạch Thế Tôn! Con nay ăn năn tự trách, trước kia đã tạo các nghiệp dữ sâu sắc, ở trong ngày đêm, chưa bao giờ an vui, như người bị tội, thường sanh tâm sợ hãi. Đức Thế Tôn Đại Từ, là đấng cha chung của chúng sanh. Người không chỗ nương tựa, vì họ làm nơi nương tựa, ai không nhẫn nhẫn mục vì họ làm người dẫn đường. Các chúng sanh bị khổ não, vì họ làm an lạc. Những người đi sai đường, vì họ chỉ con đường chính. Các người nghèo thiếu, vì họ thí cho của báu, tâm Phật bình đẳng, không bao giờ mỗi một, khắp hay lợi lạc,

không phân biệt kẻ oán người thân. Bạch Thế Tôn! Cuối mong Ngài thương xót cứu độ chúng con. Con suy nghĩ trước đây đã tạo tội, luôn ôm lòng sợ hãi, cũng như kẻ rơi xuống hầm sâu, chỉ hy vọng cứu vớt. Con lo sợ rơi trong đường ác. Xin Thế Tôn cứu hộ, dứt hết các tội cấu kia hiểu rõ chánh pháp.

Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn biết Vua nước Ma Già Đà, ăn năn vì đã tạo ác nghiệp muôn đời, ưa thích giáp pháp đại thừa thậm thâm, mà tự suy nghĩ: Diệu Kiết Tường Bồ Tát trí tuệ biện tài, hay vì chúng sinh diễn thuyết. Khi ấy, Tôn Giả Xá Lợi Tử, nhờ oai lực của Phật, biết được tâm niệm của Phật, liền bảo Vua nước Ma Già Đà rằng:

- Đại Vương nên biết, Bồ Tát Diệu Kiết Tường biện tài vô lượng, trí tuệ vô biên,

khéo nói pháp yếu, quyết hay vị Vua tuyên nói chánh pháp, khiến Vua khai giải, thu hoạch đại an lạc, nên vào cung Vua thỉnh cầu, ăn cơm cúng dường, lợi ích vô lượng. Lại nữa khiến tất cả nhân dân trong thành Vương Xá, chiêm lễ, khen ngợi, thấy nghe tùy hỷ, trồng các căn lành, thu hoạch phước đức thù thắng.

Lúc ấy Vua nước Ma Già Đà, như tôn giả nói, liền đến trước bạch với Bồ Tát Diệu Kiết Tường:

- Vì lòng đại từ của Bồ Tát thương xót chúng tôi, quá bước vào cung ăn cơm cúng dường, giờ đây cúi mong, thương xót lời cầu thỉnh của chúng tôi.

Lúc ấy Diệu Kiết Tường Bồ Tát bảo Vua kia rằng:

- Tôi nhận lời thỉnh cầu của Đại Vương và sẽ làm Đại Vương như nguyện. Vua phát tâm thù thắng, tôi đã nạp thọ đồ cúng dường, ưa muốn nghe pháp, tôi sẽ vì Vua tuyên nói: Đại Vương! Nên đối với tất cả pháp, không nên chấp trước, tôi sẽ vì Vua thuyết Pháp; đối với tất cả pháp, không có vọng tưởng nghi làm, tôi vì Vua thuyết pháp; đối với tất cả pháp, không có chấp trước ba đời, tôi sẽ vì Vua thuyết pháp; đối với tất cả pháp không dùng Niết Bàn của Thinh Văn, Duyên Giác làm tướng tịch diệt, tôi sẽ vì Vua thuyết pháp.

Vua bạch với Diệu Kiết Tường rằng:

- Lành thay! Rất ít có! Cúi mong Bồ Tát thương xót chúng con, cùng các đại chúng, đồng thọ cúng dường.

Bồ Tát Diệu Kiết Tường nói;

- Đại Vương! Và để lời nói ấy, như Vua dùng đồ uống ăn, y phục cúng dường đại chúng, vì thương xót mà làm đồ cúng dường, đây cũng chẳng vì lợi, không vì phước . Luận vì sự cúng dường, đối với pháp phải khởi tâm ly hữu: không tạo tác, không ngã kiến, không chúng sinh, không thọ giả, không các tướng bồ đặc già la; không trước tự tướng, không chấp trước tha tướng. Ấy là cúng dường. Phải quán sát các pháp không có thủ, không uẩn, xứ giới, không trong không ngoài, không chấp ba cõi, mà cũng không thể lìa ba cõi; cũng không thiện mà cũng chẳng ác, không ưa muốn, chẳng nhàm bỏ, không phải thế gian cũng không phải xuất thế gian, chẳng phải hữu lậu, không phải vô lậu, chẳng phải hữu vi, không phải vô vi, chẳng phải có phiền não, chẳng phải lìa phiền não, không phải luân hồi, mà cũng

không phải tịch diệt. Được như thế đó, mới là chơn cúng dường. Vua lại bạch với Diệu Kiết Tường rằng:

- Bồ Tát thương xót, lợi lạc cho chúng con, xin nguyện lãnh thọ cúng dường.

Bồ Tát Diệu Kiết Tường nói:

- Đại Vương sẽ không cầu lợi lạc, không chỗ nào thương xót. Tâm ấy “không sợ trước” (15), không động, không chuyển, không khen, không chê, không lấy, không bỏ, không cầu lợi lạc, không chỗ thương xót, mỗi pháp bình đẳng, mà không sợ đấng. Ấy gọi là thọ cúng. Đại Vương! Được như thế đó, gọi là chơn lợi lạc!

Vua bạch với Diệu Kiết Tường rằng:

- Pháp vốn vô tướng, mà cũng không động tác, con hiển cúng dường, cũng phải như thế.

Diệu Kiết Tường nói:

- Tánh không vô tướng, cũng không động tác. Người cầu pháp phải là không tướng, không nguyện, không hành động, không tạo tác, mà cũng không vô tác. Vì có sao? Đại Vương! Tự tính các pháp vốn không chỗ động, cũng không có tạo tác. Tự tánh chúng sanh vốn không, ba nghiệp không chỗ động tác. Đại Vương phải quán sát tất cả hành nghiệp thấy đều vô tác, vì rõ biết tất cả pháp tự tánh vốn không.

Vua nói:

- Các hành nghiệp tạo tác, tại sao gọi nó là không?

Diệu Kiết Tường đáp;

- Đại Vương! Như pháp quá khứ đã diệt, pháp vị lại chưa đến, hiện tại không chỗ sinh, các hạnh hữu vi, cũng lại như thế. Do đó không trụ trước ba đời, vì đều là vô thường. Pháp không tăng cũng không giảm. Đại Vương! Đối với các hạnh, phải rõ biết như thế.

Vua nói:

- Thánh đạo cùng phiền não hai pháp có bình đẳng không?

Diệu Kiết Tường đáp:

- Hai pháp này bình đẳng, cũng không tăng giảm. Đại Vương! Yên sáng mặt trời khi mọc ra cùng với bóng tối có hiệp được không?

Vua tra lời:

- Không thể được. Khi yên sáng mặt trời mọc, các bóng tối đều dẹp hết.

Diệu Kiết Tường nói:

- Khi yên sáng mặt trời mọc ra, rồi các bóng tối kia, trở về chỗ nào?

Vua nói:

- Vậy bóng tối kia không có chỗ trụ?

Diệu Kiết Tường nói:

- Phiền não cùng thánh đạo cũng lại như thế. Hai cái này không đợi nhau, cũng không tăng không giảm, không trụ mà đều trụ. Đại Vương! Phiền não bình đẳng thì thánh đạo cũng bình đẳng. Hai cái này bình đẳng cho nên các pháp đều bình đẳng. Đại Vương nên biết! Phiền não tánh không cũng không chỗ trụ, vì phiền não nên đặng thánh đạo, vì đặng thánh đạo

nên không bị phiền não trở lại. Thế nên hai đặc tính này, không tăng, không giảm cũng không sai khác.

Vua hỏi:

- Phiền não cùng thánh đạo từ đâu phát sanh?

Diệu Kiết Tường đáp:

- Từ tâm sinh ra, tâm nếu không sinh, phiền não không lại sanh; phiền não không sanh, thánh đạo không sanh. Thế nên, phải biết phiền não phải quán sát như thế. Thánh đạo cũng phải quán sát như thế, quán như thế rồi, thì tâm “**vô sở đắc**” (16)

Vua nói:

- Pháp thánh đạo trở về niết bàn phải không?

Diệu Kiết Tường nói:

- Không phải thế! Các pháp không khứ lai, niết bàn cũng như thế.

Vua nói:

- Thánh đạo phải trụ như thế nào?

Diệu Kiết Tường đáp:

- Thánh đạo phải trụ **“như như”**

Vua hỏi:

- Được Thánh đạo không phải chộ trụ Giới, Định, Huệ sao?

Diệu Kiết Tường đáp:

- Các pháp không hành, không tướng là các hý luận. Nếu có giới, định, huệ tức là hý luận; có hành, có tướng, không nên trụ như thế. Người trụ như thế, chẳng phải

trụ, chẳng phải không trụ, thánh đạo cũng như thế.

Vua nói:

- Có thiện nam cùng thiện nữ thật hành hạnh bồ đề, có đặng thánh đạo không?

Bồ Tát nói:

- Người thật hành bồ đề, không có một chút pháp nào có thể đặng. Con đường bồ đề không khổ, không vui, phi ngã, phi vô ngã, chẳng phải thường, chẳng phải vô thường, không tịnh, không uế, không nhàm chán luân hồi, cũng chẳng ưa chứng niết bàn. Thế nên tất cả pháp đều không thể đặng. Pháp thánh đạo cũng không thể đặng.

Vua lại bạch với Bồ Tát Diệu Kiết Tường rằng:

- Quý hóa thay! Đại sĩ, thật là ít có, khéo nói pháp yếu, tôi đều tin hiểu. Song, lòng thành của tôi kính biện cúng dường, sẽ mang đồ ăn đồ uống, cúng dường các đại chúng. Bồ Tát hôm nay được thỉnh bởi tôi!

Diệu Kiết Tường nói:

- Ăn ‘**vô sở tác**’ thí ‘**không sở thọ**’, người thí kẻ thọ, không hai không khác. Vua đã thành tâm, sẽ lãnh thọ đồ cúng dường của Đại Vương.

Lúc bảy giờ đức Thế Tôn bảo Bồ Tát Diệu Kiết Tường rằng:

- Nay chính là thời gian, nhận lời thỉnh của Vua, sẽ vì nhiều người làm lợi ích lớn.

Bồ Tát Diệu Kiết Tường bạch trước Phật rằng:

- Con nay vâng thánh chỉ của Phật đã thọ lời Vua thỉnh, sẽ cùng đại chúng đồng thọ cúng dường.

Lúc ấy, Vua nước Ma Già Đà biết Bồ Tát Diệu Kiết Tường đã nhận lời thỉnh, tâm sanh hoan hỷ, đặng đại an ổn, kính lễ đức Thế Tôn và Bồ Tát Diệu Kiết Tường và các đại chúng. Sau đó đến chỗ tôn giả Xá Lợi Phất hỏi tôn giả rằng:

- Bồ Tát Diệu Kiết Tường gần đến thọ lãnh cúng dường của tôi. Vậy Bồ Tát đồng đến số ấy bao nhiêu?

Xá Lợi Phất đáp:

- Sẽ có 500 chúng đại Bồ Tát đồng đến phó hội nhà Vua. Khi đó, Vua nước Ma Già Đà, trước trở lại hoàng cung, trang hoàng chánh điện rộng lớn, sắc lệnh các cấp sứ giả đều giữ thân tâm tinh khiết,

thiết đủ các đồ thượng vị ăn uống, la liệt các đồ tràng phan bảo cái thượng diệu, rải các hoa nhiệm màu, đốt các hương thơm ngát, trên châu anh lạc hết sức hoa lệ, trang hoàng 500 tòa ngòai, lại ở trong thành Vua, ra lệnh sửa sanh đường xá, rải hoa đốt hương, không có các trần cấu, đường lộ huy hoàng. Lúc ấy nhân dân trong thành nghe tin Bồ Tát Diệu Kiết Tường đến trong cung Vua, thọ lãnh đồ cúng dường của nhà Vua. Dân chúng đều sinh tâm hoan hỷ và khát ngưỡng, mỗi người cầm hương hoa đứng chờ hai bên đường để cung nghinh Bồ Tát.

Lúc bảy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường, ở trong buổi tối, khởi tâm suy nghĩ: Ngày mai, do lời mời của nhà Vua, mình sẽ đến phó hội, các vị Bồ Tát đồng với tôi đến đó rất ít. Nay phải đến cõi nước của chư Phật

để thỉnh các chúng Bồ Tát đồng đến cung Vua, trang nghiêm thắng hội. Nếu tôi vì Vua thuyết pháp, các Bồ Tát kia sẽ làm chứng minh sư. Nghĩ thế rồi, liền ở nơi bản xứ, ẩn thân không hiện, trải qua trong giây phút, qua phương đông cách xa tám muôn cõi Phật, có một thế giới, tên là Thường Thanh. Đức Phật cõi ấy, hiệu là Kiết Tường Thanh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng Chánh Giác, hiện tại thuyết pháp, vì các Bồ Tát, nói pháp đại thừa. Các Bồ Tát kia đều là bậc Thoái Chuyển (19). Trong cõi nước đức Phật kia có bảy loại cây quý báu, cây ấy có nhiều hoa quả. Nhánh là của cây ấy thường phát ra tiếng nói nhiệm mầu khen ngợi tiếng giông của chư Phật khen ngợi tiếng pháp ra chánh pháp và khen ngợi tiếng nói của Bồ Tát bậc Bất Thoái Chuyển. Ấy gọi là thế giới Thường Thanh. Bồ Tát Diệu Kiết Tường

đã đến kia rồi, đến trước Kiệt Tường Thanh Như Lai, đầu mặt lạy dưới chân Phật rồi bạch Phật rằng:

- Con từ thế giới Ta Bà đến đây, vì nhận lời thỉnh của quốc vương Ma Già Đà tại cung Vua để thọ lãnh cùng dường trai phạn, vì chúng Bồ Tát quá ít, nên đến thỉnh các Đại Bồ Tát thượng sĩ, cùng con đồng đến cung Vua, thọ lãnh đồ cúng dường kia, khiến tất cả chúng sinh đều được phước lớn, cúi mong Thế Tôn sắc chỉ cho các Bồ Tát, nhận lời con thỉnh cầu.

Khi ấy Kiệt Tường Thanh Như Lai liền bảo tám muôn đại Bồ Tát rằng:

- Thiện nam tử! Nay Bồ Tát Diệu Kiệt Tường đến thỉnh quý vị sang thế giới Ta Bà kia, phó hội trong cung Vua nước Ma

Già Đà, cúng dường các đồ ẩm thực, các ông nên đến vì đồng là việc Phật.

Lúc ấy các Bồ Tát y lời Thế Tôn sắc chỉ, liền phải phụng hành. Khi đó Bồ Tát Diệu Kiết Tường, lễ tạ từ biệt đức Kiết Tường Thanh Như Lai, cùng tám muôn đại Bồ Tát ân thân không hiện; liền trở về thế giới Ta Bà đến trụ xứ chính. Lúc bấy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường cùng các chúng Bồ Tát cùng nhau an tọa, liền bảo các Bồ Tát rằng:

- Tôi có pháp môn, gọi là đại tổng trì (20). Nay vì các Đại Sĩ, phân biệt diễn nói. Thế nào gọi là pháp môn tổng trì? Ấy là người ưa muốn thủ chứng pháp môn tổng trì, phải trụ tâm chánh niệm không tán loạn, lìa các giận si, đối với tất cả pháp trí huệ thông suốt, hành đạo Như Lai, đặng môn biện tài, trụ nơi vô tướng,

vào tất cả pháp được trí môn tổng trì, tương tục thánh đạo, nhưng hay nhậm trì ngôi Tam Bảo, khi nào ngôn luận, không bị trệ ngại, khéo giải tất cả ngôn ngữ của chúng sanh; nếu có biện luận, vấn nạn, đủ cách phân biệt; ở trong đại chúng, tâm không sợ hãi. Chỗ có tất cả trời (21), rồng, dạ xoa, càn thất bà, a tu la, ca lâu la, khẩn na la, ma hầu la già, người và phi nhân, cho đến Đế Thích và Phạm Vương. Dưới đến thuộc dị loại (22), bàng sanh, các loại ngôn âm sai khác, nhưng hayu theo kia, các thứ ngôn âm, mà vì thuyết pháp, khéo biết căn tánh chúng sanh, lợi độn tùy theo mỗi loại mà hiểu biết các căn thanh tịnh, lìa các tà kiến, bình đẳng an trụ pháp môn tổng trì, không trụ trước các pháp thế gian tám thứ trái thuận; viên mãn tất cả thiện pháp xuất thế, vì các chúng sanh nói hạnh nghiệp kia về nhân duyên

quả báo, khiến các chúng sanh đặng an lạc rộng lớn, đối với tất cả chỗ trí tuệ thông suốt, hay khiến chúng sanh, trừ bỏ gánh nặng tâm không lo rầu, biết rõ tự tánh các pháp, tùy theo trình độ diễn thuyết chánh pháp hợp với tâm bịnh, khiến khởi tâm tinh tiến, thu hoạch các lợi lành. Bồ Tát sanh tâm hoan hỷ, không mong cầu quả báo; có được bao nhiêu căn lành cho lo hồi hướng đến tất cả trí tri. Cầu nhất thiết trí (23), khắp vì lợi lạc cho tất cả chúng sanh, ở trong sáu phương, pháp độ thoát đều thành tựu, thí hạnh viên mãn hồi hướng tất cả giống trí. Giới hạnh viên mãn hồi hướng chúng sanh, khiến kia an lạc. Nhẫn hạnh viên mãn, đặng tướng tốt của Phật, trang nghiêm đầy đủ. Tinh tấn viên mãn, thành tựu tất cả căn lành. Thiền định viên mãn, đặng tương ưng với các pháp, tự tại vô ngại. Trí tuệ viên mãn,

thông suốt tất cả sự vật, đối với các pháp tự tại, lìa các lỗi lầm. Các thiện nam! Pháp môn tổng trì như thế, được pháp môn này rồi, không chỗ nào quên mất, vì tổng quát hay nhiệm trì tất cả trí.

Lại nữa, thiện nam tử! Pháp môn tổng trì, lại hay thọ trì tất cả pháp. Ấy gọi là rõ biết tất cả các pháp, không, vô tướng, vô nguyên, không động, không tác, xa lìa sự phân biệt kia, không sanh, không diệt, chẳng đoạn, chẳng thường, chẳng phải có, chẳng phải không, không lai, không khứ, chẳng thành chẳng hoại, chẳng tụ, chẳng tán, chẳng phải có tánh, chẳng phải không tánh, chẳng phải có tướng, chẳng phải không tướng, lìa các hý luận, đối đãi. Không có ngã, như, chúng sanh, thọ giả, không bỏ đặc già la, không thủ không xả, chẳng phải thấy, chẳng phải nghe, chẳng

phải hay, chẳng phải biết. Ấy gọi là “trì tất cả pháp”

Lại nữa, thiện nam tử! lại nữa pháp môn tông trì là gìn giữ tất cả pháp, tự tánh của nó là không; như chiêm bao, như bọt nước, như ánh nắng, như hư không v.v... lại hay trì tất cả pháp, khổ, không, vô thường, vô ngã, tịch diệt v.v... tự tánh của nó không tạo tác, không vui, không khổ, không đặng, không chứng. Lại nữa, pháp môn tông trì vì như quả đất hay duy trì thế gian, không lớn, không nhỏ, đều được duy trì và bảo vệ, cũng không mỗi một. Đại Bồ Tát đặng pháp môn tông trì cũng lại như thế, khắp vì chúng sanh, phát tâm bồ đề, nhiếp thu các căn lành, không cho tan mất, dù trải qua vô số kiếp, không bao giờ tạm giải đãi và thoái chuyển. Lại nữa, cũng như quả đất hay nuôi dưỡng

muôn vật. Bồ Tát đặng tổng trì hay giáo hóa làm lợi ích cho tất cả chúng sinh. Lại cũng như quả đất lớn hay sanh cỏ cây, nuôi dưỡng chúng sanh. Chúng ta được tổng trì Bồ Tát thường sanh tất cả pháp lành, lợi ích chúng sinh. Lại cũng như quả đại địa, không tăng không giảm, nhậm trì muôn vật, không cao không thấp, kia được tổng trì Bồ Tát tâm cũng như thế, không tăng không giảm, nhận trì chúng sanh, không có tướng oán thân. Lại cũng như quả đất lớn, thọ các mưa móc không bao giờ nhàm đủ, kia đặng tổng trì Bồ Tát ưa vui nghe thọ trong pháp hội của chư Phật và Bồ Tát, không bao giờ nhàm đủ. Lại cũng như quả đất lớn hay duy trì tất cả chúng tử, y theo thời gian sinh trưởng, trọn không bao giờ thôi dứt, kia đặng tổng trì Bồ Tát hay duy trì tất cả chúng tử về

pháp lành, y theo thời gian sanh trưởng cũng không thôi dứt.

Lại nữa như kẻ sĩ dũng mãnh trong thế gian, oai lực mạnh mẽ, hay hàng phục các quân ma khác. Kia đặng tổng trì Bồ Tát đầy đủ đại tinh tiến, thần thông oai đức, hay hàng phục ma quân.

Lại nữa, thiện nam tử phải biết tất cả tự tánh các pháp không quên, không chỗ ghi nhớ, là thường là vô thường, là khổ, là vui, là tịnh, là bất tịnh, là ngã, là vô ngã, là hữu tình, là phi hữu tình, là thọ mạng, là phi thọ mạng, là bỏ đặc già la, là phi bỏ đặc già la v.v... pháp môn tổng trì cũng lại như thế. Cũng không ghi nhớ, vì các pháp lìa hai tướng, cũng không chỗ quên.

Lại nữa, thiện nam tử, pháp môn tổng trì, cũng như hư không, nhậm trì đại địa,

không tướng “sở trì” (24). Tổng trì tất cả pháp, không tướng ‘sở trì’.

Lại cũng như yển sáng mặt trời, chiếu soi tất cả sự tướng. Tổng trì hay quán chiếu tất cả pháp.

Lại cũng như chúng sinh hay duy trì tất cả hạt giống phiền não, trọn không tan mất, pháp môn tổng trì thường duy trì tất cả sự vật cũng không tan mất.

Lại cũng như tâm luân ghi nhận của chư Phật và Bồ Tát, hay chuyển được tâm ý cho tất cả chúng sanh, mà không có tướng năng chuyển, pháp môn tổng trì duy trì tất cả pháp, cũng không có tướng năng trì.

Các thiện nam tử! như trước đã nói các thứ thí dụ, không có cùng tận, các pháp không cùng tận, pháp môn tổng trì cũng

không cùng tận, vì nó vô lượng vô biên như hư không.

Khi Bồ Tát Diệu Kiết Tường nói pháp nhiệm màu này, trong pháp hội có năm trăm vị Đại Bồ Tát, chứng đặng Đại Tổng Trì.

LỜI GIẢI KINH CHÁNH PHÁP CHƯA TỪNG CÓ (QUYỂN THỨ BA)

1. Luân hồi: Samsara. Luân là bánh xe, quay tròn. Hồi là lần về. Chúng sinh từ vô thỉ đến nay, luân hồi mãi, hết sanh rồi tử trong 6 đường, lăn đi lộn lại mãi, hết xuống rồi lên, hết lên rồi xuống, cũng như cái bánh xe lăn tròn mãi không lúc nào thôi.

2. Ba cõi: Cõi dục, cõi sắc, và cõi vô sắc

3. Tâm đại Bồ Đề: Maha Bodhi Citta là tâm Phật, là tâm giác ngộ hoàn toàn, là tâm chịu khổ, chịu khó độ tận chúng sinh. Tâm đại Bồ Đề là tấm lòng vị tha vô bờ bến.

4. Câu đê: Koti về số mục, một câu đê là mười triệu (10.000.000)

5. Đại long vương: Maha naga radya: Vị Vua loài rồng vĩ đại thường ở trong cung điện dưới nước, dưới đáy biển, cũng có khi ở trên nước, có phép thần thông, trữ nhiều bảo vật.

6. Anh lạc trân châu: Kevura, : Collier de perles, de diamants. Xâu chuỗi bằng ngọc quý. Ấy là loại trang sức mà các hàng quý phái ở Ấn đeo nơi cổ, nơi ngực, nơi đầu. Chư Bồ Tát và thiên nữ cũng tự trang sức bằng anh lạc trân châu. Lại có

những loại rắn chúa, rồng chúa cũng có mang anh lạc bằng trân châu.

7. Bí sô: Bhiksu: Moine. Vị tu sĩ bên nam đã thọ cụ túc giới, gọi là Bí Sô. Nữ kêu là Bí Sô Ni.

8. Chuyển Luân Thánh Vương: Cakravartin. Vị Vua dùng chánh pháp trị dân, cũng như người quay cho bánh xe lăn tới, chớ không trở lui. Vị Vua ngồi trên cỗ xe để đi thâm phục thiên hạ.

9. Kiết già: Utkutukasana, cách ngồi theo Phật, tréo mấy chân ngồi. Có cách kiết tường tọa và cách khác gọi là hàng ma tọa.

10. Bản sự: Itivrtaka. Ấy là những việc làm, những kiến văn của Phật, trong các đời trước của Phật, do Phật thuật lại.

11. Ma Già Đà: Cũng gọi là Ma Kiệt Đà, dịch nghĩa là Vô Nhuế Hại. Một nước của Ấn Độ, nằm về hữu ngạn miền nam, kinh đô là thành Vương Xá (Rajagaha). Các Vua nước Ma Già Đà: Maha Padma là cha Vua Bimbasara, đã từng thờ phụng đức Phật. Ajatasatru, con Vua Bimbasara, phạm lỗi soán ngôi và giết cha.

12. Bồ Đặc Già La: Pudgala. Lúc nào cũng có thể đi đến các cảnh thú, nhận lấy các cảnh thú, mà không có lòng chán ngán.

13. Ngã thân kiến: Ý kiến chấp có cái ta, sự thấy rằng có cái thân. Dem thân tâm của mình do năm uẩn hòa hợp giả tạm mà cho là có cái nghĩa thường trụ như định.

14. Trí vô lậu: Tức là vô lậu tuệ, trí huệ đã ra khỏi các phiền não ô nhiễm, thông

dong, tự tại, trí tuệ của chư Thánh: La Hán, Duyên Giác, Phật...

15. Vô sở trước: Chẳng chấp trước chi hết, chẳng có chi mà chấp trước. Tự mình liễu đạt các pháp vốn không, tất cả đều như hư không, cho nên không thấy rằng mình đắc, không thấy rằng mình có...

16. Vô sở đắc: Như trên số 15 đã giải.

17. Vô sở tác: Không chỗ làm, không tạo tác, không mưu cầu, không tầm thế mà tạo ra...không hay thí.

18. Không sở thọ: Không chỗ nhận lãnh, không ai nạp thọ, không lãnh, không thọ...

19. Bất thoái chuyển: Avaivartika. Chẳng quay gót trở lại. Kêu tắt là bất thối. Việc tu hành về công đức, thiện căn, trí

huệ càng ngày càng phát triển, chớ không thoái thất.

20. Đại tổng trì: Maha dharani. Tổng trì bất thất, trì ác bất sanh, nghĩa là giữ trọn vẹn, không để cho dù là việc thiện nhỏ không thất lạc, không để cho ác nhỏ khởi lên. Trong khi tổng trì Bồ Tát hoặc nhà đạo đức lấy giới, định, huệ làm thể, nương theo đó mà tu thì có đủ công đức về đại tổng trì.

21. Tất cả trời, rồng v.v... Đây là hàng bát bộ - deva, naga, yaksa, gandharva, asura, garuda, kinara, mahoraga.

22. Di sanh: Prthagjana là loài sanh khác hơn động vật thường (?)

23. Nhứt thiết trí: Cái trí hiểu biết tất cả mọi sự vật, tức là trí của Phật. Trong kinh thường xưng khen Phật là bậc Nhất

Thiết Trí, những ai theo Phật và nghe Chánh Pháp, rốt cuộc chắc chắn được nhất thiết trí.

24. Sở trì: Nói cho đủ là không tương sở trì, nghĩa là không một pháp nào mà không nhiếp trì.

ĐỨC PHẬT NÓI KINH CHÁNH PHÁP CHỨA TỪNG CÓ

QUYỂN THỨ IV

Ngài Đại Sư Pháp Thiên, người Tây Thiên Trúc, hiệu thông ba tạng Kinh điển, vâng chiếu chỉ nhà Vua dịch.

Lúc bấy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường ở trong nửa đêm, lại vì chúng Bồ Tát tuyên nói pháp môn Bồ Tát Tạng (1), bảo các chúng Bồ Tát rằng:

- Các Đại Sĩ! Cần phải rõ biết pháp môn Bồ Tát Tạng, chưa có một sự vật nào mà không nhiếp về Bồ Tát Tạng, đã có các pháp thế gian và xuất thế gian, hữu vi, vô vi, hoặc thiện, hoặc bất thiện, hữu tướng, vô tướng, các pháp hữu lậu (2), vô lậu đều là Bồ Tát Tạng. Thiện nam tử! vì như ba ngàn đại thiên thế giới (3), trong đó có trăm ức bốn đại châu (4), trăm ức mặt trời mặt trăng, trăm ức núi Tu Di (5), trăm ức biển lớn đều không lìa sự thu nhiếp của ba nghìn đại thiên thế giới. Pháp Bồ Tát Tạng cũng lại như thế. Đã có pháp phạm phu (6), pháp Thanh Văn, Duyên Giác, cho đến pháp chư Phật cũng không xa lìa Bồ Tát Tạng. Vì sao thế? Bởi vì Thanh Văn Thừa, Duyên Giác Thừa, chư Phật thừa đều đồng có một. Cũng như cây lớn cọng, cành, nhánh, lá, thưa dày, sum sê đều đồng một gốc. Bồ Tát Tạng là cội gốc

sanh ra pháp tam thừa (7), không sai không khác. Số lượng kia rộng lớn không thể tính toán; vì như biển lớn, bao la không ngần mé. Giả sử có Vua A Tu La (8), các vị Dược Xoa v.v...cho đến các đại lực sĩ, muốn dò xét biển kia, không bao giờ biết được. Các chúng Thanh Văn, Duyên Giác, tất cả trời, người, v.v...muốn biết pháp Bồ Tát Tạng, không thể cùng tận; các người có trí, muốn biết pháp giới, định, huệ, của Bồ Tát còn không thể biết, chỉ có ai vào Bồ Tát Tạng mới tự mình biết rõ ràng.

- Lại nữa, thiện nam tử! Ví như biển lớn chỗ ở của các loại thủy tộc, chỉ uống nước trong biển cả, không biết mùi vị ở sông suối. Người nào thật hành Bồ Tát thừa chỉ biết pháp Bồ Tát Tạng, không thích con đường Thanh Văn, Duyên Giác.

- Thiện nam tử! trong Bồ Tát Tạng tạm gọi có ba: Thanh Văn, Duyên Giác có khác. Thanh Văn chỉ nghe nghĩa lý bốn diệu đế, cầu chứng Niết Bàn. Ấy gọi là Thanh Văn tạng. Ai chỉ ưa thích lý duyên sinh (10), đề cầu chứng Niết Bàn. Ấy gọi là Duyên Giác tạng. Người hành Bồ Tát tạng sẽ chứng đặng Phật nhất thiết trí. Lại nữa, thiện nam tử! nên biết Thanh Văn Tạng, Duyên Giác Tạng, Bồ Tát Tạng bình đẳng không sai khác. Tâm chúng sinh ưa muốn có “**tam thừa học**”, do đó người học cầu Thanh Văn, trí tuệ hẹp hòi, không chỗ dung nạp, sợ khổ luân hồi, đối với pháp tứ diệu đế rất là ham thích, cầu chứng Niết Bàn, cho được yên ổn!

- Người thích cầu quả vị Duyên Giác, tâm có hạn ngại, không thể khắp vì chúng sanh, không đủ tâm đại bi, để thật hành

hạnh lợi tha. Chúng Niết Bàn cho là cứu cánh.

Đại Bồ Tát học Bồ Tát Tạng, tâm lượng rộng lớn, không như chỗ so lường của hàng Thanh Văn, Duyên Giác, chỉ có các vị Bồ Tát tu học pháp kia, mới hay rõ biết. Lại nữa! thiện nam tử! Thanh Văn, Duyên Giác chỉ ưa tự thừa, tu các căn lành cầu quả nhị thừa, đối với pháp Bồ Tát, lại không rõ biết. Các Bồ Tát quán pháp Thanh Văn, đối với pháp tứ đế, đều hay chứng biết, khéo hay phân biệt, nhưng không bao giờ ưa chứng quả kia. Quán pháp Duyên Giác ở trong mười hai nhân duyên đều hay chứng biết, khéo hay phân biệt, nhưng không thú chứng quả kia. Bồ Tát viên mãn các hạnh thông suốt tất cả pháp lành; vì như đồ quý báu trong sạch như ngọc lưu ly, đựng các vật dụng, đều

đồng một sắc sáng sạch không khác; pháp Duyên Giác, Thanh Văn vào trong Bồ Tát Tạng vốn không khác. Thế nên các Đại Bồ Tát vào Bồ Tát Tạng rồi tất các pháp bình đẳng, không có sai khác, không có pháp tướng (11) của chư Phật, không có pháp tướng Bồ Tát mà cũng không có pháp tướng của nhị thừa, đối với tất cả pháp không có chỗ so đo, nghĩ ngợi, là các ngôn ngữ văn tự, không biểu không thị. Vì có sao? Vì không tướng trạng, không thể quan sát, vì là nghĩa lý, nên không thể suy tư. Học được như thế nhiếp tất cả trí. Thiện nam tử! Ấy gọi là Bồ Tát Tạng, thông suốt như thế, tự tại vô ngại.

Lúc bấy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường đến lúc gà gáy sáng lại vì các vị Đại Bồ Tát, tuyên nói câu Kim Cương bất thoái

chuyên bánh xe Pháp, bảo các vị Bồ Tát rằng:

- Thiện nam tử! nếu Đại Bồ Tát, khéo nói chánh pháp, nghe qua hiểu ngộ, kẻ nói người nghe, tất cả đều được pháp bất thoái chuyển (12), các vị đó không chuyển động, không tan hoại. Thiện nam tử! pháp bất thoái chuyển, hoặc thừa, hoặc cảnh giới của thừa, hoặc Phật, hoặc Pháp hay Tăng, đều là bánh xe không thoái chuyển. Vì có sao? Vì bất thoái chuyển, tức là pháp giới, vì không lìa chỗ sanh trong pháp giới, bánh xe kia không tương chuyển. Ấy gọi là chuyển pháp luân, không hai không khác tức là tự tánh pháp giới vậy.

- Thiện nam tử! thế nên người thật hành các hạnh Bồ Tát, phải biết như thế, liền được giải thoát bánh xe bất thoái chuyển

Đại Bồ Tát rõ biết như thế, giải thoát như thế rồi, sẽ chứng đặng quả Như Lai, khắp hay lợi lạc tất cả chúng sanh; đối với cửa giải thoát, không có hai pháp. Như Lai tướng giải thoát, tất cả pháp tướng giải thoát, vì đều không có khác. Tất cả pháp không tướng giải thoát cũng không hai tướng. Vì sao? Vì thân không giải thoát, tâm cũng không giải thoát, hai pháp tự tánh tức là tướng giải thoát vậy. Tất cả sự vật cũng lại như thế. Các Bồ Tát rõ biết như vậy. Ấy tức là bánh xe không thoái chuyển.

- Thiện nam tử! phải biết bánh xe không thoái chuyển, nhưng không chỗ chuyển. Vì sao thế? Vì sắc cùng sắc tự tánh vốn không chỗ chuyển, thọ, tưởng, hành, thức, cũng như vậy, thức tự tánh cũng không chỗ chuyển. Các pháp tự tánh đều không

chỗ chuyển. Ấy tức là bánh xe không thoái chuyển. Bánh xe kia, xưa nay không có đoạn hoại, không tướng đều là tướng chẳng phải ‘**có sở đắc**’, chẳng phải ‘**không sở đắc**’, chẳng phải nói, chẳng phải là không nói, không danh từ, không trụ trước!

- Lại nữa, ‘**không, vô tướng, vô nguyện**’, tướng giải thoát môn là pháp không thể nào phân biệt được, từ đâu mà có. Tất cả tướng kia cũng như hư không, không chỗ gá nương, tự tánh các pháp, không nương không trụ. Ấy gọi là câu Kim Cương (13) bánh xe không thoái chuyển. Thiện nam tử! đặc tính các pháp là không, không thể phá hoại, câu Kim Cương kia xa lìa tất cả kiến chấp, phải trụ như thế vào cửa không giải thoát. Câu Kim Cương kia xa lìa các sự phân biệt,

phải trụ như thế vào môn tướng giải thoát. Câu Kim Cương kia là các nghi hoặc nên trụ như thế vào cửa vô nguyên giải thoát. Câu Kim Cương kia là các chấp trước, phải trụ pháp giới như thế. Câu Kim Cương kia là các sự vật, không ta đây, không tạo tác, không tham, không trước, an trụ tự tánh, thanh tịnh Niết Bàn. Ấy gọi là câu Kim Cương.

Lúc bấy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường ở trong suốt đêm, đầu hôm, nửa đêm, gà gáy vì các Bồ Tát nói các pháp yếu rồi. Các Bồ Tát ấy, đều được pháp môn đại định sáng suốt nhiệm mầu. Mỗi vị Bồ Tát ấy toàn thân trong mỗi lỗ chân lông phóng ra trăm nghìn yển sáng, trong mỗi tia sáng, hiện ra trăm ngàn đức Phật, mỗi một đức Phật ở khắp mười phương thế giới, rộng vì chúng sinh ra làm việc Phật.

Khi ấy Vua nước Ma Già Đà, sắm đủ các đồ ăn uống rồi, bình minh xuất hiện, đến chỗ Bồ Tát Diệu Kiết Tường, bạch với Bồ Tát rằng:

- Nay đúng là giờ mời Bồ Tát thọ lãnh đồ cúng dường của tôi. Bồ Tát nhận lời thỉnh của Vua liền đến hoàng cung. Lúc bấy giờ, tôn giả Đại Ca Diếp! gần đến giờ ăn, Ngài đắp y mang bát, cùng 500 tỳ kheo, muốn vào đại thành Vương Xá (14), thứ lớp khát thực, đi nửa đường trong lòng suy nghĩ, chúng ta, này không nên vào trong thành này, nên đến chỗ Bồ Tát Diệu Kiết Tường nghe thọ chánh pháp, suy nghĩ như thế rồi, liền cùng chúng tỳ kheo đồng đến chỗ Bồ Tát Diệu Kiết Tường, đến rồi cùng nhau hoan hỷ kính lễ hỏi han, rồi trụ một bên. Giờ phút thiêng

liêng ấy, Bồ Tát Diệu Kiết Tường bảo tôn giả Đại Ca Diếp rằng:

- Tôn giả Ca Diếp có sao giờ ăn lại mang bình bát đến đây?

Ca Diếp bạch rằng:

- Chúng tôi muốn vào đại thành Vương Xá khát thực, nhưng trước vào đây

Bồ Tát Diệu Kiết Tường nói:

- Chúng tôi sẽ cúng dường cho Tôn Giả và các tỳ kheo các đồ uống, đồ ăn.

Ca Diếp đáp rằng:

- Bạch Bồ Tát! Không phải như vậy, ngày nay chúng tôi đến đây là để nghe chánh pháp, không phải cầu sự uống ăn.

Diệu Kiết Tường thưa:

- Tôn giả phải biết, các người cầu đạo có hai hạng nhiếp dưỡng: **Một** là hạng uống ăn; **Hai** là hạng nghe diệu pháp.

Ca Diếp bạch rằng:

- Đúng vậy Đại Sĩ, chúng hữu tình thế gian, nếu lìa đoạn thực (15) thì không có chỗ nào hòa hiệp, không thể nuôi dưỡng sắc thân, đâu có thể nghe thọ diệu pháp?

Bồ Tát Diệu Kiết Tường nói:

- Tôn Giả nên thọ lãnh đồ ăn uống, tôi sẽ cúng dường; sự cúng dường ấy không khỏi luân hồi, chẳng chứng niết bàn, không thể lìa pháp dị sanh (16), không trụ pháp thánh đạo. Vì có sao? Sở thí cúng năg thí, không tăng không giảm, không có pháp gì có thể sanh mà cũng chẳng có pháp gì có thể diệt, không có pháp gì có thể học, cũng không sở đắc. Thế nên tôi

phải cúng đồ ăn, đồ uống cho các vị. Ca Diếp bạch với Bồ Tát Diệu Kiết Tường rằng:

- Quý hóa thay, Bồ tát là bậc đại thí chủ. Cúng thí như thế, gọi là chơn bố thí.

Lúc ấy, Bồ Tát Diệu Kiết Tường suy nghĩ như thế này:

- Tôi nay vào đại thành Vương Xá, vì Vua nước Ma Già Đà làm Phật sự vĩ đại, nghĩ thế rồi, tức thời vào tất cả đại định thần thông biết hóa. Ở trong đại định này, phóng ra hào quang sáng lớn, khắp soi thế giới Ta Bà, thấy ba nghìn đại thiên thế giới, như xem trong bàn tay; nơi nào có địa ngục, bàng sinh và các loại hữu tình, nhờ yển sáng chiếu soi đều được xa lìa sự khổ, không một chúng sinh nào khởi tâm tam độc (17), cũng không có tướng ganh ghét oán thù, lẫn nhau thương mến, như

con như mẹ. Trong ba nghìn đại thiên thế giới, đều có sáu thứ chấn động. Khi ấy, chư thiên tử v.v... ở cõi dục và cõi sắc, đều đến cùng đường Bồ Tát Diệu Kiết Tường, trời lên trăm nghìn âm nhạc, mưa các hoa trời tươi đẹp, rải cùng đường xá, rất là trang nghiêm. Bồ Tát Diệu Kiết Tường dùng sức thần thông, khiến đường xá kia thật là bằng phẳng, cũng như mặt bàn, đem vô số trân bửu để mà nghiêm sức, rải các hoa tươi, lớn như vùng bánh xe. Ấy là hoa Ưu Bát La (18), hoa Câu Mâu Đà (19), hoa Bôn Noa Lợi Ca (20) v.v... lại dùng màng lưới báu che khắp ở trên, bủa khắp các trang phan bảo cái đầy cõi hư không, lại hiện đài hoa bảy báu và các loại cây quý báu, trên các cây quý báu đều có ngọc báu lưu ly trở thành hoa quả, dùng các dây báu làm thành hàng rào, mỗi một cây báu đều tỏa ra mùi thơm nhiệm

màu, khắp một do tuần, gần các cây đó lại có những ao quý báu cát toàn bằng vàng rải ở dưới đáy, nước tám công đức (21), đầy nhẩy ở trong, tưới các hoa nhiệm màu. Như hoa Ưu Bát La, hoa Bát Nạp Ma, hoa Câu Mâu Na, hoa Bôn Noa Lợi Ca v.v... lại có các loại chim; Uyên ương, phượng hoàng, bạch hạc v.v... bay liện bốn phía. Trong các cây báu, đài báu, đều có mùi thơm vi diệu, ai ngửi qua là hoan hỷ, dưới mỗi cây có 25 thiên nữ, cầm hương chiên đàn (22), dân lên cúng dàng. Bồ Tát Diệu Kiết Tường ở trong thiên định, hiện các việc thù thắng đặc biệt rồi liền xuất định, liền bảo tôn giả Đại Ca Diếp rằng:

- Tôi nay cùng tôn giả đồng đến đại thành Vương Xá, trong cung vua Ma Già Đà, thọ lãnh các đồ cúng dường, ăn uống;

đại đức trưởng lão phải đi đến trước, tôi sẽ theo sau.

Ca Diếp bạch rằng:

- Không thể như vậy, thưa BỒ TÁT! Đại sĩ đầy đủ trí huệ, thân thôn vô lượng, đa văn biện tài, khéo nói các pháp. Đức Thế Tôn thường khen ngợi thế. Chúng sanh ai thấy đại sĩ đều phát tâm bồ đề, thật hành hạnh nguyện BỒ TÁT. Tôi trong hàng chúng Thanh Văn, dù được xưng là kỳ cựu, nhưng không đủ khả năng như đại sĩ, đâu dám đi trước, ngồi trước, xin đi theo sau BỒ TÁT. Vì có sao? Vì tất cả chúng sanh đều phát tâm bồ đề, chúng Thanh Văn, Duyên Giác khó mà bì kịp, huống chi là những người thật hành đạo BỒ TÁT đã lâu. Ví như sư tử con, dù mới sanh, nhưng có sừng lớn, mạnh mẽ oai hùng, không có sợ sệt, thân nó tỏa ra mùi thơm,

gió thổi khắp nơi các loài thú nghe biết đều là lo sợ! cho đến loài voi lớn, dù có sức mạnh, tất cả thế gian, không thể chế phục; khi nghe mùi hương của sư tử mới sinh cũng sanh tâm sợ hãi. Chúng sanh nếu phát tâm bồ đề, dũng mãnh kiên cố, tất cả tướng ma, chúng sanh sợ hãi, Thanh Văn, Duyên Giác cũng không bì kịp! Các Đại Bồ Tát nghe Phật nói pháp đại thừa, tâm hồn không động, sanh đại hoan hỷ, thường làm cách như sư tử rống để hàng phục ma chướng. Thế nên ở trong chơn pháp (23), không có tam thừa (24), chỉ dùng tâm bồ đề làm tôn trưởng, vì tất cả pháp lành đều từ tâm bồ đề sanh. Nay Bồ Tát đi trước cũng như tâm bồ đề sinh ra vô lượng pháp lành.

Lúc bấy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường hoan hỷ đi trước, các đại Bồ Tát tả hữu

vây quanh, các chúng Thanh Văn đều đi theo sau lìa chỗ bản trụ, vào thành Vương Xá. Khi ấy trời mưa hoa báu, ở giữa hư không, tâu trăm nghìn thứ nhạc trời, phóng hào quang sáng, khắp soi đại chúng, ở trong ánh sáng, mưa các hoa sen, tất cả nhân dân trong thành Vương Xá, thấy Bồ Tát rồi đều sanh hoan hỷ, cầm các hương hoa để mà cúng dường.

Lúc bấy giờ Vua nước Ma Già Đà nghe Bồ Tát Diệu Kiết Tường cùng tám muôn chúng đại Bồ Tát và năm trăm Thanh Văn, đồng đến phó hội, liền suy nghĩ rằng: chỗ tôi chuẩn bị đồ ăn, thức uống cho năm trăm khẩu phần. Nay đâu các chúng Bồ Tát nhiều hơn số kia, làm sao cúng dường đầy đủ; lại nữa nơi đâu mà dung chứa cho hết!

Nghĩ như thế rồi, Bồ Tát Diệu Kiết Tường, biết được ý Vua mới nói với các thiên vương và đại dạ xoa chúa là Cung Tỳ La, ở trong giây phút hóa hình đồng tử đến trước bệ Vua mà tâu với Vua rằng.

- Đại Vương chớ nên lo nghĩ, Bồ Tát Diệu Kiết Tường có phương tiện lớn, phước đức cùng trí tuệ, không thể nghĩ bàn hay dùng một bữa ăn khắp giúp cho tất cả chúng sinh trong ba nghìn đại thiên thế giới, đều được no đủ, đồ ăn không bao giờ hết. Nay đây tám muôn Bồ Tát, năm trăm Thanh Văn, số kia không có nhiều, tại sao phải lo? Vì cớ sao? Bồ Tát Diệu Kiết Tường! vì phước đức và trí tuệ vốn không cùng tận cho nên vật thực cũng không cùng tận.

Lúc ấy Vua nước Ma Già Đà nghe lời ấy rồi tâm sanh đại hoan hỷ, ưa thích vui

sướng, liền đến Bồ Tát Diệu Kiết Tường, khởi tâm cung kính, tôn trọng cho là việc hy hữu, cùng các cung thuộc, mang các thứ hương hoa, hương bột, hương xoa v.v...trôi các bản nhạc, cung nghinh Bồ Tát, gặp Bồ Tát rồi lễ bái hỏi thưa, rải các hoa thơm, đi trước hướng dẫn Bồ Tát vào trong cung Vua rồi. Lúc ấy Bồ Tát Diệu Kiết Tường đến cung Vua rồi, liền bảo Bồ Tát Phổ Chiếu rằng:

- Thiện nam tử! ông phải trang nghiêm đạo tràng nay chính là phải thời.

Bồ Tát Phổ Chiếu nhận lãnh sứ mệnh rồi, dùng sức thần thông làm cho cung điện nhà Vua bỗng nhiên rộng rãi nghiêm tịnh, các chỗ trang nghiêm, không có chi ngăn ngại cả. Treo các hoa thơm, tràng phan anh lạc, nghiêm sức thứ nhất, thành đạo

tràng vĩ đại. Lại bảo Bồ Tát Pháp Thượng rằng:

- Thiện nam tử! ông nên vì tôi trả các toại cụ thượng diệu, để yên trong đại chúng an tọa.

Lúc ấy Bồ Tát Pháp Thượng khảy móng tay để mà triệu tập, ở trong giây phút có tám muôn ba nghìn pháp tòa thượng hạng xuất hiện chôn đạo tràng, các thứ quý báu để mà trang nghiêm. Các pháp tòa chánh giáp khắp chôn đạo tràng không bị ngăn cản. Lúc bảy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường thăng tòa và khiến các chúng Bồ Tát và Thanh Văn cũng an tọa mỗi pháp tòa. Vua nước Ma Già Đà liền đến trước Bồ Tát Diệu Kiết Tường bạch rằng:

- Cuối mong Bồ Tát cùng đại chúng thương xót chúng tôi, từ việc cúng dường các đồ ăn uống đến những nghi lễ thô sơ.

Lúc bảy giờ, bốn vị đại thiên vương cùng các hàng quyến thuộc đồng đến đạo tràng, kính lễ cúng dường Bồ Tát Diệu Kiết Tường và các đại chúng. Lại có vị chúa Trời Đế Thích cùng các quyến thuộc và bà con của A Tu La v.v... mỗi vị đều mang hương bột chiên đàn, đi đến đạo tràng cúng dường đại chúng. Lại có Đại Phạm Thiên Vương chủ thế giới Ta Bà, biến tướng đồng tử cùng các chúng Phạm Thiên, thị giả hai bên đều mang phát trần (25) quý báu đến chôn đạo tràng, lễ kính Bồ Tát Diệu Kiết Tường rồi đứng qua một bên, các chúng phạm thiên cũng mang phát trần cùng các Bồ Tát và chúng Thanh Văn cùng đứng bên hữu. Lại có Long Vương Vô Nhiệt Não, trên đường đến đạo tràng, trụ giữa hư không, không hiện thân kia mang các chuỗi anh lạc, trong chuỗi anh lạc kia lưu xuất nước tám công đức

(26). Tất cả đại chúng dùng nước ấy không cùng tận

Lúc ấy, Vua nước Ma Già Đà liền suy nghĩ rằng: các BỒ TÁT này đều không bình bát, rồi lấy chi mà ăn? Diệu Kiết Tường BỒ TÁT biết ý Vua nghĩ rồi tâu Vua rằng:

- Đại Vương chớ suy nghĩ, các vị BỒ TÁT này tuy không mang theo bình bát, nhưng khi cần dùng, tùy theo mỗi cõi Phật mà bình bát tự nhiên đưa đến.

Đại Vương hoan hỷ! liền bạch với BỒ TÁT Diệu Kiết Tường rằng:

- Các BỒ TÁT ấy ở cõi Phật nào? Từ đâu đến đây? Tôi muốn biết rõ ràng cõi nước và danh tự.

Diệu Kiết Tường đáp rằng:

- Đại Vương nên biết! Ở phương đông có nước tên là Thường Thanh, đức Phật nước ấy hiệu là Kiết Tường Thanh Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Đẳng, Chánh Giác, hiện tại thuyết pháp. Các vị Bồ Tát ấy từ cõi Phật kia đến để thọ lãnh đồ cúng dường của Vương cung, đây là một việc khiến Đại Vương được thấy những việc ít có, đúng theo thời thế giới Thường Thanh, lưu trữ tám muôn ba nghìn bình bát tốt, vì nhờ sức oai thần của đức Phật kia và sức hạnh nguyện của các vị Bồ Tát, các bình bát kia từ hư không đến thế giới (27) Ta Bà này, đến ao vô nhiệt não (28), liền khi đó có tám muôn ba ngàn Long nữ, dùng nước tám công đức rửa sạch các bình bát kia, mỗi vị mang bát đến trước các Bồ Tát.

Vua nước Ma Già Đà thấy việc ấy rồi, khen ngợi chưa từng có, không thể nghĩ bàn, tâm rất hoan hỷ. Lúc ấy, Bồ Tát Diệu Kiết Tường tâu với Vua rằng:

- Giờ đây, các vị Bồ Tát đã có bình bát, Vua nên phân bố đồ ăn đồ uống cúng dường toàn chúng.

Đại Vương liền bình đẳng phân chia các thức ăn vào bình bát dâng lên các vị Bồ Tát và đại tăng. Đại chúng trong đạo tràng cảm kích đầy đủ các đồ cúng dường, không có vị nào thiếu thốn cả, quán sát đồ ẩm thực hãy còn không hết. Vua bạch với Bồ Tát Diệu Kiết Tường rằng:

- Đại sĩ! Thật là ít có, tôi chỉ dùng ít phẩm vật để cúng dường đại chúng, thế mà đồ ăn hãy còn lưu lại.

Bồ Tát bảo rằng:

- Pháp chân thật của Đại Vương không cùng tận, nên phẩm vật mà đại vương cúng cũng không cùng tận.

Chư Bồ Tát và đại chúng, độ ngộ đã xong, phóng bình bát giữa hư không mà trụ, không bị lay động, Đại Vương bạch với Bồ Tát rằng:

- Bát ấy trụ ở nơi nào?

Bồ Tát đáp:

- Đại Vương! Pháp chân thật có trụ chỗ nào không?

Vua bạch:

- Pháp chân thật không trụ chỗ nào cả.

Bồ Tát nói:

- Đại Vương nên biết, chân pháp không chỗ trụ. Bát này cũng không chỗ trụ. Bát

nếu không chỗ trụ, các pháp cũng lại như vậy. Đại Vương phải biết, pháp tánh vốn không, nên như thế mà trụ.

Lúc bấy giờ, Vua nước Ma Già Đà cúng dường Bồ Tát Diệu Kiết Tường và đại chúng xong, đứng trước Bồ Tát, sanh lòng khát ngưỡng, muốn nghe chân pháp kia, liền bạch với Bồ Tát Diệu Kiết Tường rằng:

- Bồ Tát mở lòng đại từ, vì tôi cùng chúng sinh giảng nói giáo pháp hy hữu.

Bồ Tát bảo rằng:

- Đại Vương! Giáo pháp hy hữu, giả sử trải qua nhiều kiếp số như cát sông Hằng, các đức Phật Như Lai Ứng Chánh Đẳng Giác, trải qua trăm nghìn đời, nói cũng không hết.

Đại Vương nghe qua tâm sinh sợ hãi, mê muội không vui. Khi ấy tôn giả Đại Ca Diếp tâu với Đại Vương rằng;

- Chớ nên nghĩ các đức Phật nhiều như số cát sông Hằng, không thể tuyên nói giáo pháp hy hữu. Bồ Tát Diệu Kiết Tường cũng không thể nói hết. Chỉ vì giáo pháp của Phật, nói không cùng tận, không thể dùng ngôn thuyết mà diễn tả được. Đại Vương chỉ theo ý thích ưa muốn nghe giáo pháp gì?

Lời hỏi phớt qua của Bồ Tát Diệu Kiết Tường, nhưng vị Đại Sĩ này có sức phương tiện (29) thiện xảo vô lượng, quyết hay vì Vua thuyết pháp ít có, nghe lời ấy rồi, tâm liền tỉnh ngộ, liền bạch với tôn giả rằng:

- Tôi mới nghe qua Bồ Tát nói, tâm sanh nghi hoặc, nhưng nhờ tôn giả giải

thích tỉ mỉ, tôi được tỉnh ngộ, liền đến trước Bồ Tát Diệu Kiết Tường bạch rằng:

- Bồ Tát như thế nào? Các Đức Phật nhiều như số cát sông Hằng cũng không thể tuyên nói pháp hy hữu, tôi nghe lời ấy, tâm không bị lầm; cúi mong Bồ Tát giải quyết mọi nghi cho tôi.

Bồ Tát Diệu Kiết Tường bảo rằng:

- Đại Vương! Chư Phật số nhiều như cát sông Hằng đều hay tuyên nói pháp hy hữu. Pháp mà không thể nói ấy là pháp hy hữu, Đại Vương! Phải đối với tất cả pháp, tâm không bao giờ trụ trước. Pháp kia không thể nói. Các đức Phật Như Lai cũng không thể nói. Đại Vương! Đối với các đức Phật Thế Tôn, có thấy tướng được không?

- Chẳng phải vậy. Vua đáp.

Lại hỏi thêm:

- Pháp hữu vi (30), pháp vô vi (31), pháp chân thật, pháp hư vọng đều có thể thấy được không?

Vua đáp:

- Đều không thể thấy.

Bồ Tát nói:

- Đối với tất cả pháp có chỗ xem tướng không? Đối với tất cả pháp có chỗ nào nói được không?

Vua đáp:

- Không thể được.

Diệu Kiết Tường nói:

- Đại Vương! Vì do nghĩa này, nên tôi mới nói pháp ít có, chư Phật nhiều như số

cát sông Hằng, không thể nào tuyên nói cho hết.

Lại nữa, Đại Vương! Hư không không hình tướng, cũng không động chuyển; khói mây bụi mù, không thể dính mắc. Hư không bản tánh thanh tịnh, không pháp gì có thể nhiễm, không pháp gì có thể tịnh, chư Phật Như Lai rõ biết tất cả pháp cùng hư không v.v...do nghĩa này nên các Phật số nhiều như cát sông Hằng, nói không thể cùng tận.

Lại nữa Đại Vương! Chư Phật Như Lai ở trong tướng vô trụ, ngưng nhiên không động, dụng công nhưng thường vắng lặng. Vì sao? Vì pháp không thể dời, vì nó “**ly**” xứ nhưng “**phy**” xứ; pháp không thể đặng vì lìa các chấp tướng. Đại Vương nên biết! Các pháp chẳng sinh, cũng chẳng phải không sanh, chẳng lớn, chẳng nhỏ,

không chân thật, không chẳng chân thật, chẳng phải hữu tướng, chẳng phải vô tướng, không chỗ tạo tác, chẳng phải không tạo tác, không trí không ngu, không chấp tướng, chẳng phải không chấp tướng, không tập hợp, không tan mất, không lại, không đi, chẳng điên đảo, chẳng lìa điên đảo, không tức phiền não, không ly phiền não, chẳng phải tự nhiên sanh, chẳng phải do người khác sanh. Đại Vương! Các pháp như hư không vì không động chuyển, các pháp không so sánh vì lìa bạn lữ; các pháp không hai tướng vì không sai biệt; các pháp không có biên giới, vì không thể thấy; các pháp không có hạn lượng vì không lớn nhỏ; các pháp không cùng tận vì thường bị chuyển; các pháp rộng lớn vì nó không trong, ngoài và chính giữa; các pháp không phân biệt vì nó xa lìa vọng tướng; các pháp là thường

vì không chuyển biến; các pháp là lạc vì không khổ não; các pháp có chủ thể vì là vọng chấp; các pháp là thanh tịnh vì không cấu nhiễm; các pháp tịch tĩnh vì thường trạm nhiên; các pháp vô sở đắc vì là ngã tướng (32); các pháp không đáng vui vì tướng giải thoát; các pháp không bị thử vì là ngã thủ (33); các pháp không phá hoại vì là các thứ chấp tướng; các pháp nhất vị vì đồng tánh giải thoát; các pháp một tướng vì xa là các tướng khác; các pháp đều không vì là các kiến chấp; các pháp vô tướng vì tướng nó thanh tịnh; các pháp vô nguyện vì xa là ba đời; các pháp không bị nhiếp trong ba đời vì quá khứ, hiện tại và vị lai không thể đặng, sanh tử, niết bàn vốn bình đẳng; các pháp đều bình đẳng; Đại Vương! Các pháp đã như thế, phiền não, nghi hoặc có thể sanh được không?

- Không thể. Vua đáp. Các pháp đều không, phiền não, nghi hoặc làm sao mà có được!

Bồ Tát Diệu Kiết Tường nói:

- Phiền não không sanh, pháp cũng không nói, phiền não tánh không, các pháp bình đẳng; sanh tử; niết bàn vốn bình đẳng, phiền não, bồ đề cũng bình đẳng.

LỜI GIẢI KINH CHÁNH PHÁP CHƯA TỪNG CÓ (Quyển Thứ Tư)

1. Bồ Tát Tạng: Bodhisattvayana là tạng của Bồ Tát. Bồ Tát Tạng có đủ tam tu tịnh giới là nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới.

2. Hữu lậu, vô lậu: Lậu tức là phiền não, mê dục. Sáu căn đối với sáu trần còn lậu tiết, còn rĩ ra, còn cảm xúc, còn lưu

thông, nên gọi là lậu. Hữu lậu tức là còn lưu chuyển trong vòng phiền não, tham, sân, si, còn vẫn vương trong ba cõi, sáu đường. Trái lại là vô lậu.

3. Ba nghìn đại thiên thế giới: Tức là một thế giới lớn như Ta Bà thế giới. 1000 thế giới nhỏ hiệp thành 1 tiểu thiên thế giới, thêm vô 1.000 thế giới nữa thành 1 trung thiên thế giới, thêm vô 1.000 thế giới nữa thành 1 đại thiên thế giới (1.000 = tiểu thiên; 1.000.000 = trung thiên; 1.000.000.000 = đại thiên). Thế thì 1 tam thiên đại thiên thế giới hay 1 đại thiên thế giới có một ngàn triệu thế giới (1.000.000.000)

4. Bốn đại châu: Bốn châu lớn:

1) Châu Nam Thiên Bộ

2) Châu Đông Thắng Thần

3) Châu Tây Ngưu Hóa

4) Châu Bắc Câu Lư

Ấy là 4 cõi đại lục tại bốn phương núi Tu Di.

5. Núi Tu Di: Sumeru. Quả núi lớn nhất ở trung tâm vũ trụ. Ấy là hòn núi của tiên thánh, mỗi ngày các ngôi tinh tú xoay chung quanh quả núi này...

6. Pháp phàm phu: Prthagjana: là pháp tầm thường, pháp thiếu đạo đức và ưa nhạo báng, pháp phàm phu đối với pháp thánh nhơn.

7. Pháp tam thừa: Giáo pháp của Thanh Văn, giáo pháp của Duyên Giác, và giáo pháp của Bồ Tát.

8. Vua A Tu La: Là vị Vua ưa làm phước nhưng hay giận tức. Có nhiều loại

vua A Tu La; Vua A Tu La ở cõi trời, vua A Tu La ở cõi người, vua A Tu La ở cõi quỷ và vua A Tu La ở cõi súc v.v...

9. Dược Xoa: Yaksas, cũng dịch Dạ Xoa, một loại trong tám loại chúng sinh (xem tám bộ chúng); Hạng quỷ thần thường hãm hại người, súc.

10. Lý duyên sinh: Các pháp do nhân duyên sinh là lối tu quán của Duyên Giác Thừa, quán cây rơi lá rụng, quán pháp sanh diệt, nhận chân lý duyên sinh.

11. Pháp tướng: Tướng trạng của pháp, các pháp tức các sự vật đều đồng một tánh, nhưng khác tướng. Các tướng đều sai biệt nhau. Pháp tướng của chư Phật không thể nghĩ bàn.

12. Bất thoái chuyển: Avaiivarkita: Chẳng quay gót trở lại. Kêu tất cả là bất

thối. Việc tu hành về công đức, thiện căn, trí huệ càng ngày càng phát triển, chớ không thoái thất.

13. **Câu Kim Cương:** Câu xưng tụng thập hiệu. Mười danh hiệu của Phật; lại có những câu kệ, những câu ca ngợi, phúng vịnh xưng tán công đức của Phật. Cũng gọi là Kim Cang cú.

14. **Đại thành Vương Xá:** (S) Rajagriha (P) Rajagaha: Kinh đô nước Ma Kiệt Đà (Magadha) vua Tần Bà Sa La (Bimbisara) trị vì lúc đức Phật giáng sanh. Sau khi đắc đạo, đức Phật thường thuyết pháp tại thành này để hóa độ Vua và hoàng tộc.

15. **Đoàn thực:** Một cách ăn trong bốn cách ăn. Đoàn thực nghĩa là vo tròn miếng ăn bỏ vào miệng. Cũng gọi là đoạn thực,

miếng ăn cắt ra từng đoạn. Đoàn thực là cách ăn thông thường của người đời.

16. **Pháp dị sanh:** tức là chúng sanh pháp. Prthagjana là loài khác hơn động vật thường.

17. **Tâm tam độc:** tâm tham lam, tâm giận tức và tâm si mê.

18. **Hoa Ưu Bát La:** Udambara, dịch là Linh Thụy Hoa. Cây linh này mấy nghìn năm mới trở hoa, khi hoa nở thì có bực Luân Vương xuất thế, hay có Phật ra đời.

19. **Hoa Câu Mẫu Đà:** Kusuma, một loại hoa thơm bát ngát, đẹp tuyệt vời, hương sắc đầy đủ.

20. **Hoa Bôn Noa Lợi Ca:** Pundarika:
Hoa sen trắng

21. Nước tám công đức: Eau ayant les huit bonnes qualites. Nước có 8 công đức, 8 đức tánh; ấy là: lắng sạch, trong, mát, ngọt ngon, nhẹ dịu, nhuần trơn, an hòa, lúc uống trừ được đói khát, và vô số sự làm lỗi lo âu và uống rồi bổ khỏe các căn về thân thể và về tinh thần.

22. Hương chiên đàn: Mùi thơm của cây chiên đàn. Người ta dùng mùi thơm ấy để cúng Phật và luôn tiện khử trừ.

23. Chơn pháp: tức là chơn lý, giáo pháp chơn chánh.

24. Tam thừa: Triyana ba cỗ xe dùng để chuyên chở. Thanh Văn Thừa, Duyên Giác thừa và Bồ Tát thừa.

25. Phát trần: Cây kết bởi sợi, gai, v.v...có cái cán. Các vị tu hành thường

cầm để tiêu biểu cho sự đập giũ các bụi trần phiền não, thân tâm được tự tại.

26. Nước tám công đức: Eau ayant huit bones qualites. Nước có 8 công đức, 8 đức tánh: ấy là: lắng sạch, trong mát, ngọt ngon, nhẹ dịu, nhuần trơn, an hòa, lúc uống trừ được đói khát, và vô số sự làm lỗi lo âu và uống rồi bổ khỏe các căn về thân thể và về tinh thần.

27. Thế giới Ta Bà: Saha. Cõi kham nhẫn. Thế giới Tam Thiên Đại Thiên do đức Thích Ca làm hóa chủ. Thế giới Ta Bà dịch là nhẫn độ. Nơi ấy người tu hành phải kham nhẫn, chịu sự nhẫn nhục, vì cõi này có đủ các sự trược ác mà chúng sanh phải chịu. Ta Bà thế giới cũng gọi là đại nhẫn thế giới, vì ở cõi này rất khó mà tu học và ai tu học được thì có phước đức nhiều hơn ở cõi Tịnh Độ.

28. **Vô Nhiệt Nã:** Manasarovara. Đây là cái ao không nóng bức, không phiền muộn. Cái ao rất là trong mát yên vui, tự chủ và mọi việc được như ý nguyện.

29. **Phương tiện thiện xảo:** Upaya; Monyen habilete dans l'emploi des monyens. Theo phương tiện khéo léo mà làm việc, tùy cảnh ngộ giúp ích chúng sanh về vật chất hay về tinh thần. Cũng gọi là quyền phương tiện là một đức độ lớn của Bồ Tát khi ra đời độ sanh.

30. **Pháp hữu vi:** Sự vật có tạo tác, cố ý tạo tác, chớ không chịu theo cái tự nhiên. Trái với pháp vô vi, những gì có sắc thì thuộc hữu vi. Hữu vi thì có tánh bất thường, vô thường. Hữu vi tức là hữu lậu, còn phiền não, trù mến.

31. **Pháp vô vi:** trái lại với nghĩa pháp hữu vi.

32. **Ngã tướng:** tướng của ta, chúng sanh đối với pháp ngũ uẩn là hòa hiệp một cách giả tạm, thế mà họ kể bậy là có thân mình, cái thiệt mà mình có. Đó gọi là ngã tướng.

33. **Ngã thủ:** Bảo thủ cái ta, chấp chắc thân ta là có thiệt, là hằng còn, bảo thủ tối đa về cái ngã tướng.

QUYỀN THỨ V

Ngài Đại Sư Pháp Thiên, người Tây Thiên Trúc, hiểu thông ba tạng Kinh Điển, vâng chiếu chỉ nhà Vua dịch.

Lại nữa Đại Vương! Pháp ít có, rất sâu khó hiểu, tức là tướng tất cả pháp tịch diệt (1): chẳng phải thủ, chẳng phải xả, không tự không tán, từ nhân duyên sanh, không có chủ tể; vì duyên sanh, nên không tự không tha, các pháp không tự tánh, vì tự

tánh không, tức là “**vô sở đắc**”, do “**vô sở đắc**”, cho nên tất cả pháp tịch tĩnh, tướng tịch tĩnh đó là tướng chân thật. Đại Vương phải khởi tâm chánh tín, phải tu học như thế, quán sát như thế, người học như thế lìa tất cả tướng, chẳng phải có sở học, chẳng phải không sở học, không đặng không mất, hiểu biết như thế là chánh giải thoát. Tướng giải thoát tức là các pháp vậy. Các pháp tánh không là nghĩa chân thật, tức là không chỗ chấp trước, không có ngăn ngại. Ấy gọi là pháp tối thượng hy hữu.

Lại nữa Đại Vương! Phải biết nhẫn căn (2), không nhiếp không tịnh. Vì sao? Vì nhẫn căn tự tánh nó vốn chân thật. Nhĩ, tử, thiệt, thân, ý căn cũng không nhiếp không tịnh, nhưng tự tánh kia vốn là chơn thật. Đại Vương! Sắc không thể nhiếp

không tịnh, thọ, tưởng, hành, thức cũng không nhiếp không tịnh. Vì sao? Vì tự tánh của uẩn vốn là chân thật. Cho đến tất cả pháp cũng lại như thế, không nhiếp, không tịnh, vì tự tánh nó chân thật. Đại Vương nên biết, tâm không hình tướng, không nhãn sở quán, tâm không sở trụ, trong, ngoài và chính giữa đều không thể được. Vì có sao? Vì tự tánh của tâm không nhiếp không tịnh, không chỗ tăng giảm, không chỗ động chuyển. Thế nên Đại Vương! Phải quán như thật, chớ sanh tâm nghi lầm; trụ pháp chơn thật. Vì tâm này chơn thật, các pháp cũng như thế. Đại Vương! Thí như hư không lìa các sắc tướng cũng không động chuyển. Nếu có người nói, ta phải dùng khói, mây, bụi, mù kia để nhiếp hư không, việc ấy có tin được không?

Đại Vương nói: Không thể có, vì hư không vô tướng không chỗ nhiễm trước.

Bồ Tát nói:

- Tâm cũng như vậy, xưa nay thanh tịnh, không lãnh thọ các cấu nhiễm, cho đến tất cả pháp tự tánh không nhiễm, cũng lại như thế!

Lại nữa Đại Vương! Tất cả pháp cùng pháp giới chẳng phải “tức”, chẳng phải “ly”, bản tánh bình đẳng. không có sai khác. Nếu ai hiểu biết được thế, tức là đối với các pháp không có ngăn ngại cũng không tăng giảm.

Bồ Tát Diệu Kiết Tường khi nói pháp ấy Vua nước Ma Già Đà ngộ pháp tánh vốn không, sanh tâm đại hoan hỷ, tức thời chứng đặng vô sanh pháp nhẫn (3), phát

tâm hy hữu, chấp tay cung kính bạch Bồ Tát Diệu Kiết Tường rằng:

- Bồ Tát có lòng đại từ khéo léo phương tiện, như pháp đã nói, rất là ít có, vi diệu sâu xa, xưa nay chưa từng nghe. Hôm nay, tôi đã dứt hết các tâm nghi lầm, thấu rõ vấn đề.

Bồ Tát Diệu Kiết Tường thưa:

- Tâu Đại Vương! Chớ nói như thế, nghi lầm mà trừ hết, còn nói lời ấy, chưa dứt các tướng, có tướng ở nơi tâm là đại nghi lầm. Đại Vương nên biết! Các pháp tịch diệt, không nói, không chỉ, không nghe, không đặng, đâu có chi nghi lầm mà có thể trừ ư?

Đại Vương bạch:

- Bồ Tát! Nếu như thế đó thì tham lam, giận tức, si mê v.v...tất cả phiền não, phải không ngại nơi tâm ư?

Bồ Tát nói:

- Tâu Đại Vương! Tôi trước đã nói hư không vốn thanh tịnh, không bao giờ bị nhiễm ô! Nghĩa kia như thế đó, Đại Vương! Tâm vốn thanh tịnh, phiền não tánh không, cả hai đều không đặng, có chỗ nào mà ngăn ngại ư? Thế nên, không thể dùng tướng tội cấu mà sanh nơi tâm. Đại Vương phải biết, tâm quá khứ không thể đặng, tâm vị lai không thể đặng, mà cả tâm hiện tại cũng không thể đặng, cho đến tất cả pháp cũng lại như thế. Ở trong ba đời không lai không khứ, không trụ không trước, không chỗ nhập, không chỗ về, lìa các vọng tưởng, không phải thấy biết bì kịp, lìa pháp tri kiến; Đức Phật đã nói như

thế đó. Vậy người trí phải quán như thế, phải rõ biết như thế.

Lúc ấy Đại Vương bạch với Bồ Tát Diệu Kiết Tường rằng:

- Như Bồ Tát đã nói, tôi nay hiểu rõ tự tánh của tâm, tự tánh các pháp xưa nay thanh tịnh, không bị chướng nhiễm, cũng không có tướng có thể đặng. Thế nên tôi nay đối trước Bồ Tát, đặng lòng tin không hoại diệt.

Bồ Tát nói:

- Đại Vương! Nếu đúng như thế, tức là giải thoát, xa lìa các sự lỗi lầm.

Lúc bấy giờ Vua nước Ma Già Đà nghe Bồ Tát Diệu Kiết Tường tuyên nói pháp nhiệm mầu, tâm đại hoan hỷ, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, cầm áo báu thượng diệu, giá trị trăm nghìn lượng bạc đến chỗ Bồ

Tát Diệu Kiết Tường dâng lên cúng dường, muồn áo quý báu ấy, mặc trên thân của Bồ Tát. Khi ấy Bồ Tát ở trong giây phút, ẩn thân không hiện, chỉ nghe ở giữa hư không có tiếng nói rằng: Đại Vương! Có chỗ thấy tướng, chẳng phải ngã “**sở thọ**” như ta là người thọ, không thấy tự thân, không thấy tha thân, không có người năng cúng, mà cũng không có kẻ bị cúng, cho đến tất cả pháp cũng lại như thế, không chỗ thấy tướng, lìa tâm chấp trước. Đại Vương! Sự cúng áo quý báu ấy, nếu có thấy thân, phải nên cúng thí. Khi ấy có vị Bồ Tát tên là Trí Ngộ, ông Vua liền đem áo quý báu dâng cúng. Vị Bồ Tát kia nói:

- Đại Vương! Có chỗ thấy tướng, chẳng phải tôi lãnh thọ, như tôi lãnh thọ, thì không chấp trước dị sanh và pháp dị sanh,

không trụ hựu học và pháp hựu học, không chứng vô học và pháp vô học, không đến Duyên Giác và pháp Duyên Giác, cũng không cầu giải thoát, Niết Bàn của chư Phật Như Lai, và chứng quả. Như thế đối với tất cả pháp không chỗ trước tướng, năng thí, sở thí hai thứ thanh tịnh, không lợi không đặng, như thế người thí, nhưng cũng được lãnh thọ.

Khi ấy Đại Vương muốn đem áo quý kia đắp trên thân của Bồ Tát. Bồ Tát tức thời ẩn thân không hiện, nhưng nghe giữa hư không có tiếng nói rằng:

- Nếu có người nào hay thấy thân mạng thì nên bố thí áo. Lúc ấy, lại có Bồ Tát tên là Thiện Tịch Giải Thoát, Vua liền mang áo quý dâng cúng, Bồ Tát kia nói:

- Đại Vương! Có chỗ nào thấy tướng, chẳng phải ngã sở thọ, như tôi thọ lãnh,

không khởi ngã kiến (4) và ngã sở kiến (5), chẳng tức phiền não, chẳng ly phiền não, chẳng trụ định tâm, chẳng khởi tán loạn, không trí, không ngu, lìa các thủ xả, người trí được như thế mới nên lãnh thọ.

Lúc ấy Đại Vương muốn đem áo quý báu đắp lên thân Bồ Tát. Bồ Tát tức thời ẩn thân không hiện, chỉ nghe giữa hư không có tiếng nói rằng: Nếu có người hay thấy bản thân, sẽ nên thí đó. Lại có vị Bồ Tát tên là Tối Thắng Tác ý, Vua liền mang áo quý cúng thí, Bồ Tát kia nói:

- Đại Vương! Có chỗ thấy tướng, chẳng phải tôi đã thọ, như tôi là người thọ, không khởi các tướng, không hành thân nghiệp, không phát ngữ nghiệp, không khởi ý nghiệp, không trụ trước pháp năm uẩn (6), mười hai xứ (7), và mười tám ranh giới (8), rõ biết tất cả pháp đều

không thể đặng, không trí bị hiểu biết, không lời nói nào bì kịp, không chỗ y chỉ, lặng như hư không. Như thế người thí, mới lãnh thọ được.

Khi ấy Đại Vương, muốn đem áo quý báu kia, mặc lên thân của Bồ Tát, Bồ Tát tức thối ẩn thân không hiện, chỉ nghe tiếng nói rằng: nếu có người hay thấy thân mình, sẽ nên thí đó. Lại có Bồ Tát tên là Thượng Ý, Vua lập tức mang áo quý cúng thí, Bồ Tát kia nói:

- Đại Vương ! có chỗ nào thấy tướng, chẳng phải tôi lãnh thọ, như tôi lãnh thọ thì khởi tâm chấp tướng mong cầu, nếu nói người nào phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác (9). Ấy là chấp tướng, có chỗ trông cầu. Vì có sao? Vì lìa tâm có tướng, tức là tâm đại Bồ Tát, tâm này bình đẳng, nên tâm Bồ Đề cũng bình

đẳng. Tâm bồ đề này tức là tất cả tâm Như Lai. Do sự bình đẳng này nên các pháp đều bình đẳng, không hai không sai khác, không thủ cũng không xả, lìa được thủ xả, nên ngã tướng không sanh, ngã tướng diệt rồi, không có chỗ trông cầu. Người thí như thế đáng được lãnh thọ.

Khi ấy, Đại Vương muốn đem áo quý báu mặc trên thân Bồ Tát. Bồ Tát liền khi ấy ẩn thân không hiện, chỉ nghe tiếng nói rằng: Nếu có người nào hay thấy thân mạng, nên thí cho họ. Lại có Bồ Tát tên là Tam Muội Khai Hoa, Vua liền khi đó mang áo quý cúng thí. Vị Bồ Tát kia nói:

- Đại Vương! Có chỗ nào còn thấy tướng, chẳng phải tôi thọ lãnh, như tôi thọ lãnh, đối với tất cả cửa Tam Ma Địa (10), chúng nhưng không tướng, không chỗ phân biệt, rõ biết tất cả pháp tự tánh

không động, tức là tam ma địa. Người thí như thế, đáng được lãnh thọ.

Lúc ấy Đại Vương muốn mang áo quý mặc lên trên thân Bồ Tát, Bồ Tát liền khi đó ẩn thân không hiện, chỉ nghe tiếng nói rằng: nếu có người hay thấy thân nên thí cho họ. Lại có Bồ Tát tên là Thành Tụ Ý. Vua liền mang áo quý cúng thí. Bồ Tát kia nói:

- Đại Vương! Có chỗ thấy tướng thì không phải tôi lãnh thọ. Như tôi lãnh thọ, rõ biết tất cả ngôn ngữ văn tự, tự tánh vốn không, không chỗ trước tướng. Luận về người muốn khởi tâm cầu các pháp, rơi vào trong hình tướng, không gọi là thành tựu. Nếu đối với tất cả pháp, hiểu rõ “**vô sở đắc**”, tức là tất cả nghĩa thành tựu, tất cả đều như ý. Thí được như thế đáng nên lãnh thọ.

Lúc ấy Đại Vương muốn đem áo quý giá mặc lên thân Bồ Tát, Bồ Tát tức thời ẩn thân không hiện, chỉ nghe tiếng nói rằng: nếu có người hay thấy thân, đáng được thí cho. Lại có vị Bồ Tát tên là Tam Luân Thanh Tịnh, Vua liền mang áo quý cúng thí, Bồ Tát kia nói rằng:

- Đại Vương! Có tướng sở kiến chẳng phải tôi sở thọ, như tôi lãnh thọ thì không có kia năng thí và không có đây năng thọ, người thọ “**vô sở đắc**” người thí không quả báo. “**Ngã**” còn không thì “**ngã sở**” cũng không (11). Người thí như thế đáng được lãnh thọ. Vua liền mang áo quý mặc trên thân kia, Bồ Tát kia ẩn thân không hiện, chỉ nghe tiếng nói rằng: nếu có người nào hay thấy thân, nên được thí đó. Lại có vị Bồ Tát tên là Pháp Hoa, Vua

liền khi đó mang áo quý cúng thí, vị Bồ Tát kia nói:\

- Đại Vương! Có tướng sở kiến, chẳng phải tôi sở thọ. Như tôi thọ lãnh thì chẳng dùng Niết Bàn của Thinh Văn Duyên Giác mà làm sự chứng quả cũng chẳng dùng đại bát niết bàn của Phật mà làm sự chứng quả, không lìa pháp luân hồi, không cầu pháp Niết Bàn. Vì sao? Vì sanh tử cùng niết bàn cả hai đều bình đẳng. Thí như thế đó, đáng được lãnh thọ. Vua liền mang áo muốn mặc trên thân kia. Bấy giờ vị Bồ Tát ấy ẩn thân không hiện, chỉ nghe tiếng nói: Nếu có người nào hay thấy có thân đáng được thí đó. Khi ấy Đại Vương dùng áo quý dâng lên các vị đại Bồ Tát nhưng các ngài đều ẩn thân không nạp thọ.

Lúc bấy giờ Đại Vương liền đem áo quý kia, đến chỗ tôn giả Đại Ca Diết, nói như thế này:

- Thưa Tôn Giả Ca Diếp! Ở trong hàng Thinh Văn, ngài là vị niên trưởng có đức, Phật thường khen ngợi, tu hạnh đầu đà số một, xin Ngài nhận lãnh áo quý giá để cho tâm tôi được mãn nguyện.

Ca Diếp đáp rằng:

- Đại Vương! Có tướng “**sở kiến**” chẳng phải sở thọ của tôi, như tôi lãnh thọ, không đoạn tham, sân, si, không chỗ nhiễm trước, cho đến vô minh có ái, thấy đều không đoạn, cũng không cùng câu chấp: thấy khổ, đoạn tập, chứng diệt, thật hành đạo lý, không thấy Phật, không nghe pháp, không vào số chúng, chẳng phải trí cùng tận, trí vô sanh, có thể đặng, có thể chứng, không người thí, không kẻ thọ,

không đại quả cũng không tiểu quả, không nhàm chán luân hồi, không cầu chứng niết bàn, các pháp thanh tịnh, lìa tất cả tướng. Người thí có ý tưởng như thế, mới đáng thọ lãnh.

Vua liền trao áo quý muốn mặc trên thân kia. Ca Diếp cũng lại ẩn thân không hiện, chỉ nghe tiếng nói: nếu có ai hay thấy thân sẽ được thí đó.

Như thế đó, tới năm trăm (500) vị đại Thanh Văn đều mang đến cúng thí, nhưng mỗi vị đều không thọ, ẩn thân chẳng hiện.

Lúc bấy giờ, Đại Vương liền suy nghĩ, nay các vị Bồ Tát, Thanh Văn đây đều không thọ lãnh áo lông cừu quý giá của tôi cúng thí, tôi nay mang đến phía sau hoàng cung, ban cho các phu nơon và các quyền thuộc, các vị đó sẽ lãnh thọ. Nghĩ

như thế rồi liền mang áo quý vào cung để ban cho họ.

Khi ấy Đại Vương không thấy phu nhân, lại nghĩ thí cho cung tần quyền thuộc kia, nhưng lại cũng chẳng thấy ai, như thế thứ lớp quan sát cung thành điện vũ, thấy đều không hiện, đồng như hư không. Bấy giờ Đại Vương lại suy nghĩ, nay đây áo lông cừu cao quý chưa cúng thí được, phải làm sao đây? Nghĩ thế rồi, muốn tự đem cái áo quý này tự mặc vào thân.

Khi đó Vua cũng tự không thấy thân mình, chỉ nghe giữa hư không có tiếng nói: nếu người nào hay thấy thân mạng, phải nên thí áo. Đại Vương! Phải tự quán tướng sắc thân nay ở chỗ nào, như tự quán thân không thấy tướng kia, quán tướng khác cũng như thế, tướng tự tha đều

không thể đặng, nếu người thấy như thế, tức là thấy pháp chân thật. Pháp chân thật xa lìa tất cả kiến chấp, vì lìa các kiến chấp, tức là trụ pháp bình đẳng (12)

Lúc bấy giờ Đại Vương nghe giữ hư không có tiếng nói rồi, lìa tâm hữu tướng, dứt tướng nghi lầm, như người đang ngủ say, bỗng được tỉnh dậy, tức thời cung thành điện vũ, cung phi quyến thuộc, thấy sắc tướng kia trở lại như cũ, liền đến chỗ Bồ Tát và đại chúng, đều đặng chiêm ngưỡng tướng Bồ Tát, như trước không khác. Khi ấy Đại Vương đến trước Bồ Tát Diệu Kiết Tường bạch rằng:

- Bồ Tát và đại chúng mới đây đã đi về đâu, sao tôi không thấy?

Diệu Kiết Tường nói:

- Đại Vương! Chớ sanh lòng nghi nan. Nay đại chúng đây bản tướng không đến, chỗ nào lại đi. Đại Vương! Giờ này đã thấy đại chúng này không?

Vua bạch:

- Vâng! Đã thấy.

Bồ Tát nói:

- Đã thấy gì?

Đáp:

- Như thấy pháp chân thật, quán sát chúng này cũng như thế.

Lại hỏi:

- Chân thật này làm sao thấy được?

Đáp:

- Pháp chơn thật là tất cả tướng, không phải con mắt quan sát được, không ở

trong, không ở ngoài, không ở chính giữa, danh và tướng hai pháp không thể đặng.

Lúc bấy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường lại tâu Vua rằng:

- Đại Vương! Phải biết Vua trước tạo ác, tôi nghe Phật đã ghi chép đến đời sau ông sẽ đọa vào đường ác.

Vua bạch Bồ Tát rằng:

- Không bao giờ, bạch Đại Sĩ! Đức Phật Thế Tôn chưa từng có nói người đọa trong đường ác hay người chứng Niết Bàn. Vì sao? Ở trong chơn pháp, không có hai sự sai khác.

Bồ Tát lại nói:

- Không phải vậy, Đại Vương! Như Phật đã nói thiện ác, như quả báo ứng rõ ràng, những lời nói ấy, nghĩa nó thế nào?

Đại Vương đáp rằng:

- Bồ Tát Đại Sĩ! Theo như ý tôi, chư Phật Như Lai thuận theo phương tiện, khéo nói sanh tử cùng Niết Bàn, khiến các chúng sinh, nhằm khổ sinh tử, đến vui Niết Bàn, như thật mà nói sanh tử cùng Niết Bàn, cả hai đều bình đẳng. Vì sao? Vì các pháp đều không, không có tự tánh, tính của các pháp kia tức tánh pháp giới, trong tánh pháp giới, không hai sai khác. Vì do nghĩa ấy, các pháp không chỗ sanh cũng không chỗ trụ, không ưa muốn, không nhằm bỏ. Tôi nay khởi lòng chánh tín, không sanh tâm sợ hãi. Bồ Tát Diệu Kiết Tường nói:

- Hay thay Đại Vương! Khéo nói lời ấy, lia các tướng có.

Vua nói:

- Bồ Tát! Tánh tôi tự không ai là người nói, pháp vốn không tướng sẽ lìa chỗ nào? Như Phật đã nói, trong pháp chân thật, ngã tướng vốn không lìa “**tình và phi tình**”, các hạnh không tạo tác cũng không lãnh thọ.

Bồ Tát bảo rằng:

- Đại Vương! Vua ở trong pháp chân thật, mặc dù có hiểu biết hãy còn sanh chấp tướng.

Vua lại bạch rằng:

- Thế nào gọi là lìa chấp trước?

Bồ Tát tâu rằng:

- Không hoại tướng ác thú (14), ấy là không chỗ chấp trước.

Vua bạch Bồ Tát;

- Đúng vậy! đúng vậy, như ý tôi hiểu tướng ác thú không chỗ động chuyển, không hoại, không trụ trước, không chỗ sợ sệt. Tôi nay lìa được các cố chấp, không bao giờ lại sanh cố chấp hữu tướng. Ví như Bồ Tát Đắc Nhân, không sanh lại ác tướng ba độc.

Lúc ấy Bồ Tát Trí Tràng tâu với Vua kia rằng:

- Đại Vương! Đối với con đường trí huệ đã được thanh tịnh, lìa các nhiễm trần, đầy đủ sự nhẫn nhục.

Vua bạch với Bồ Tát rằng:

- Các pháp rất là thanh tịnh rộng lớn, không có hạng lượng, phiền não không thể nhiễm, niết bàn không thể đặng, chỉ có Phật Thế Tôn, tự Ngài chứng biết rõ.

Lúc bảy giờ, Bồ Tát Diệu Kiết Tường và các Đại Sĩ, ở trong cung Vua, khi nói chánh pháp, Vua nước Ma Già Đà chứng đặng vô sanh pháp nhẫn (15). Trong cung Vua có 32 phụ nữ, thấy Bồ Tát Diệu Kiết Tường có thần thông biến hóa, đều phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Trong pháp hội lại có 500 người đặng pháp nhẫn tịnh (16). Tất cả nhân dân trong thành Vương Xá đều mang các hoa tốt hương thơm, tụ hội trước cung môn của nhà Vua để thành tâm cúng dường Bồ Tát Diệu Kiết Tường và đại chúng.

Lúc bảy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường thương xót tất cả nhân dân trong thành, vì sự lợi lạc chung nên dùng ngón chân bấm dưới đất, tức thời đại địa trở thành sắc phệ lưu ly (17), trong sạch sáng suốt, trong ngoài chiếu sáng. Khi ấy trong đại thành

hoặc nam hoặc nữ, tất cả nhân dân đều được diện kiến Bồ Tát Diệu Kiết Tường và đại chúng, không có chi ngăn ngại. Ví như tấm gương tròn sáng trong sạch soi thấy toàn diện các hình tướng, tất cả nhân dân chiêm ngưỡng, tướng Bồ Tát cũng lại như thế. Lúc bấy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường, vì các vị đó, đúng thời thuyết pháp, trong thành có tám muôn bốn nghìn người đắc pháp nhãn tịnh, năm trăm người phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Khi ấy, Bồ Tát Diệu Kiết Tường thọ lãnh đồ ăn, đồ uống của Vua nước Ma Già Đà cúng dường, vì Vua cùng các đại thần rộng thuyết pháp rồi cung thuộc của Vua cho đến tất cả nhân dân, đều đặng lợi lạc, phát tâm hy hữu, sang đại hoan hỷ, Bồ Tát Diệu Kiết Tường liền từ chỗ ngồi đứng

dậy, cùng đại chúng và các vị Bồ Tát, cùng nhau vây quanh ra khỏi cung Vua.

Lúc ấy Vua nước Ma Già Đà cùng các Đại Thần và các quyền thuộc lễ kính từ tạ, đi theo Bồ Tát đồng đến pháp hội của Phật. Khi ấy Bồ Tát đã lìa cung Vua tuần tự mà đi. Ở giữa đường thấy có một người, ngồi dưới gốc cây, khóc lóc buồn rầu, phát ra lời nói: “Tôi đã tạo nghiệp sát rất là sợ hãi, tương lai quyết định sẽ đọa vào nơi địa ngục. Tôi nay phải làm thế nào để được cứu hộ?” Lúc bấy giờ Bồ Tát thấy người ấy rồi, quán sát căn duyên của người kia gần được thuận thực có thể kham chịu hóa độ. Bồ Tát liền biến hóa một người tương tự như người kia không khác, đến chỗ người kia, đã cùng nhau tâm sự, cũng lại khóc lóc nói với người kia rằng:

- Tôi lỡ tạo nghiệp sát rất là sợ hãi, tương lai quyết định đọa vào địa ngục.

Người trước nghe rồi liền nói rằng:

- Tôi cũng tạo nghiệp sát giống anh, tình cờ chúng ta gặp nhau, ai có phương tiện gì, tìm người cứu độ

Lúc ấy hóa nhơn (18) liền đề nghị rằng:

- Chúng ta tạo tội rất nặng, dù có sợ hãi, không sao tránh khỏi. Giờ đây chỉ có Phật Thế Tôn có sức oai thần, có thể cứu độ, chúng ta hôm nay nên đến chỗ Phật.

Hóa nhơn nói rồi liền ra đi trước, người kia thấy rồi cũng lại đi theo, liền đến chỗ Phật. Vị hóa nhơn kia đến pháp hội của Phật rồi, đầu mặt đánh lễ dưới chân đức Phật, rồi bạch Phật rằng:

- Thừa Thế Tôn! Chúng con tạo nghiệp sát, sợ đọa vào địa ngục. Xin Phật từ bi cứu độ chúng con.

Lúc bấy giờ, Đức Thế Tôn liền khen rằng:

- Lành thay, lành thay! Thiện nam tử, nay ở trước Phật, nên phát lời thành thật, như các việc đã làm. Cứ xưng thiệt mà nói. Như ông đã thốt ra, đã tạo nghiệp sát, các ông từ tâm nào mà khởi tội tướng (19), là tâm quá khứ, là tâm vị lai hay là tâm hiện tại? Nếu khởi tâm quá khứ, tâm quá khứ đã diệt, không thể được; nếu khởi tâm vị lai, tâm vị lai chưa đến, không thể được; nếu khởi tâm hiện tại, tâm hiện tại không trụ cũng không thể được; cả ba thời gian đều không thể được, tức là không khởi sát (20), vì không khởi tác ở trong tội tướng kia, chỗ nào mà thấy được ư? Thiện

nam tử! tâm không chỗ trụ, không ở trong, không ở ngoài, không ở chình giữa, tâm không sắc tướng, không có xanh, vàng, đỏ, trắng, tâm không tạo tác, vì không tác giả; tâm không huyền hóa vì vốn chân thật, tâm không biên tế vì không hạn lượng; tâm không thủ xả (21) vì không thiện ác; tâm không động chuyển vì không sanh diệt; tâm như hư không vì không ngăn ngại, tâm không nhiễm tịnh vì xa lìa tất cả số mục. Thiện nam tử! các người có trí phải quán như thế, làm phép quán ấy rồi, tức là đối với tất cả pháp cầu tâm không thể được. Vì có sao? Vì tự tánh của tâm tức là tánh của các pháp, tánh của các pháp không, tức là tánh chơn thật. Vì ý nghĩa đó, nên nay các ông không nên vọng sanh sợ hãi.

Bấy giờ hóa như nghe Phật tuyên nói pháp chân thật, tâm sanh đại hoan hỷ, liền bạch Phật rằng:

- Thế Tôn rất là ít có, khéo nói tự tánh pháp giới thanh tịnh, chúng con hôm nay được tội nghiệp tánh không, chẳng sanh lòng sợ hãi. Con nay ưa muốn xuất gia ở trong Phật Pháp, tu hành làm đạo, giữ giới đúng với phạm hạnh (22). Cúi mong Thế Tôn nạp thọ cho con.

Phật nói:

- Quý hóa thay! Thiện nam tử, nay chính đúng thời vì ông mà nhiếp thọ.

Hóa như ở trong giây phút, râu tóc tự rụng, cà sa (23) mặc vào thân thành tướng Bí Sô (24), liền bạch Phật rằng:

- Thế Tôn! Con nay xin vào niết bàn, xin Phật hứa khả.

Phật nói: Tùy ý.

Khi ấy vị hóa tỳ kheo, nhờ sức oai thần của Phật thân liền hiện trên không trung, cao một cây Đa La (25), hóa lửa tự đốt, dứt hết thân không còn, đồng với hư không kia.

Lúc bấy giờ, người thật tạo nghiệp thấy vị hóa như xuất gia và nghe Phật thuyết pháp rồi, tâm sinh suy nghĩ: “Người này cùng với ta đồng tạo tội nghiệp nhưng nay được giải thoát. Còn ta cũng nên cầu Phật hóa độ, nghĩ như thế rồi, liền đầu mặt lay dưới chân đức Thế Tôn mà bạch Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Con tạo nghiệp sát, sợ trong tương lai phải đọa địa ngục, xin Phật từ bi mà rủ lòng tế độ.

Đức Phật nói:

- Quý hóa thay! Thiện nam tử! nay đối trước Phật, phát ra lời thành thật. Ông đã tạo nghiệp, phát khởi từ tâm nào? Tướng tạo nghiệp lại như thế nào?

Giờ phút ấy người kia vì căn lành thành thực, nghe Phật nói rồi, các lỗ chân lông trong thân bốc ra sức nóng, giống như ngọn lửa hùng hực, vây quanh thân người ấy, liền nói như thế này: “Tôi nay quy đầu với Phật được Ngài cứu độ”.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn, dũ cánh tay mặt sắc vàng phóng trên đầu người kia. Vị ấy tức thời lửa trong thân liền diệt, lìa các khổ não kia đặng đại khoái lạc khởi tâm tịnh tín (26), hướng về đức Phật chấp tay bạch với Phật rằng:

- Thật là ít có, bạch đức Thế Tôn! Con trước nghe Phật nói rộng những pháp thanh tịnh ly tướng pháp giới. Con nay đã

ngộ tội nghiệp (27) tánh không, nhưng không sanh tướng sợ hãi. Con nay ở trong Phật pháp, ưa thọ.

Đức Phậ nói:

- Lành thay! Quý hóa thay! Nay rất đúng thời, vì ông mà nhiếp thọ.

Tức thời người ấy râu tóc tự rụng, áo cà sa (29) mặc vào thân, thành tướng Bí Sô (30), như vị 100 hạ lạp (31), các căn thanh tịnh, oai nghi tề chỉnh, sở nguyện thành tựu viên mãn

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn vì người kia tuyên nói pháp tứ diệu đế (32). Vị Bí Sô kia nghe rồi liền xa lìa trần cấu, đắc pháp nhãn thanh tịnh, cao xa hơn Ngài quán sát đế lý (33), tại pháp hội Ngài chứng quả A La Hán, rồi bạch Phật rằng:

- Thừa Thế Tôn! Con nay muốn vào niết bàn xin Phật hứa khả.

Đức Phật dạy: Tùy ý ông.

Khi ấy vị Bí Sô, thân vọt lên hư không, cao bảy cây Đa La (34), hóa lửa đốt thân, tiêu hết không còn. Lúc bấy giờ trong pháp hội có 5.000 thiên nhơn, phát tâm hy hữu, mỗi vị thân tâm cung kính đánh lễ.

LỜI GIẢI KINH CHÁNH PHÁP CHƯA TỪNG CÓ (Quyển thứ năm)

1. Pháp tịch diệt: Giáo pháp tịch diệt. Tức là thật tướng của các pháp, cái lặng lẽ, hoàn toàn, dứt hết các hình tướng, lời ăn tiếng nói, tư tưởng vọng động.

2. Nhãn căn: Con mắt, một căn trong sáu căn, mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý.

3. Vô sanh pháp nhẫn: Đức nhẫn của người tu học đắc đạo thể nhập chân lý: các pháp không sanh không diệt. Bực tu hành nếu hiểu các pháp không sanh, không diệt tức là hiểu thật tướng sự vật vốn không sanh diệt. Hiểu như thế thì không còn lo rầu, phiền não, đối với chúng sinh, được vậy gọi là vô sanh pháp nhẫn. Đi đến chỗ không còn sinh tử luân hồi.

4. Ngã kiến: Ý kiến chấp có cái ta, sự thấy rằng có cái thân thiết. Cũng gọi là thân kiến.

5. Ngã sở kiến: Cái ý kiến khư khư chấp lấy những vật của mình. Vật gì cũng bảo thủ cho là thật có của mình.

6. Pháp nắm uẩn: Năm món tích tụ, hòa hợp làm thành bản thân của mỗi chúng sinh. Chúng che khuất chơn lý,

khiến chúng sanh luân hồi thọ khổ. Ấy là: Sắc, thọ, tưởng, hành và thức.

7. Mười hai xứ: 12 chỗ, sáu căn: Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân và ý, và sáu cảnh là sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Mười hai chỗ nương tựa với nhau.

8. Mười tám ranh giới: Dix huit localites: sáu căn là sáu cảnh ở trong, sáu trần là sáu cảnh bên ngoài, sáu thức là sáu cảnh ở khoảng giữa. Sáu căn nội giới là: nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân và ý. Sáu trần ngoại giới là: sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu thức trung giới là nhãn thức, nhĩ thức, tỷ thức, thiệt thức, thân thức và ý thức. Gọi chung là 18 ranh giới.

9. Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác: Anuttara-Samyak Sambodhi. Quả vị Phật. Tức là quả đạo lý tối cao mà đức

Phật chứng ngộ, lúc Ngài đại định dưới cội Bồ Đề

10. Tam ma địa: Samadhi, pháp đại định của nhà đạo bậc cao, trong khi nhập định thân tâm không xao động, chăm chú vào một mục đích mà thôi. Các vọng tưởng tà kiến không thể nào xâm nhập vào tâm của nhà tu đại định. Đặc cảnh tam ma địa được vào pháp thân thanh tịnh.

11. Ngã sở: Tức là ngã sở hữu. Cái của ta, vật của mình. Tự thân mình, kêu là ngã, các vật ở ngoài thân, thuộc về mình gọi là ngã sở, hay ngã sở hữu. Thí như, nhà của mình, con của mình, tiền của, ruộng vườn, đất nước của mình đều là ngã sở.

12. Trụ pháp bình đẳng: Ở mỗi đặc tính của sự vật đều bình đẳng. Luận về sự

tướng thì có sai khác còn bản tính của sự vật thì bình đẳng như nhau. Hay nói đến chân lý cũng là bình đẳng. Chánh pháp bình đẳng, chân tâm bình đẳng...

13. Tình và phi tình: Tình là tình thức, phi tình là phi tình thức. Chúng sanh là loài có tình cảm, tình thức, tình ý, tình ái, nên gọi là hữu tình. Còn các vật vô tri, vô giác, những vật chẳng phải chúng sanh, thì được gọi là vô tình hay phi tình.

14. Không hoại tướng ác thú: Tướng ác thú cũng có Phật tánh, cũng đầy chơn tâm sáng suốt, đầy sự lân mẫn phạm tình.

15. Vô sanh pháp nhẫn: Đức nhẫn nhục của người tu học đắc đạo thể nhập chân lý: các pháp không sanh không diệt. Bực tu hành nếu hiểu các pháp không sanh, không diệt, tức là hiểu thật tướng sự vật vốn không sanh diệt. Hiểu như thế thì

không còn lo rầu, phiền não, đối với chúng sinh, được vậy gọi là vô sanh pháp nhẫn. Đi đến chỗ không còn sinh tử luân hồi.

16. Đặng pháp nhãn tịnh: Chúng đặng pháp lý, mắt được thanh tịnh. Chúng đặng quả vị Thanh Văn hay Duyên Giác. Pháp thì tự mình tu tập mà được, hoặc là do bực trên trước truyền cho mà được.

17. Phệ lưu ly: Ngọc lưu ly sáng chói trong ngoài, khi tâm đã thanh tịnh rồi, thì tất cả đều thanh tịnh. Lúc ấy ngọc lưu ly sáng hiển lộ.

18. Hóa như: Người được biến hóa. Các vị Bồ Tát có nhiều trường hợp phải dùng thần lực để chuyển hóa nhiều hình thức để hóa độ chúng sinh, bất cứ lúc nào.

19. Tội tướng: Tướng trạng của tội. Trong nhà Phật thường nói. Tội tướng vốn không do tâm tạo, vì nó không có thật, khi còn vọng tâm là còn tội, lúc vọng tâm dứt, thì tội không còn.

20. Không khởi tác: Không có phát khởi và tạo tác. Đây là nói chân tâm thanh tịnh, xa lìa tất cả các phát khởi, tạo tác...

21. Không thủ xả: Không bảo thủ mà cũng không buông bỏ. Đây cũng chỉ là đặc tính của chân tâm. Chân tâm không thủ xả, không tạo tác, không nhiễm tịnh, không không tất cả.

22. Phạm hạnh: Brahmacharya. Hạnh tu thanh tịnh của người xuất gia, đoạn hẳn tứ trọng tội. Người tu phạm hạnh trong đạo Phật sẽ vào niết bàn. Vãng sanh về cõi Phật.

23. Ca sa: Kasaya, kasava, kesa, Soutane, casa nghĩ là hoại sắc, bất chánh sắc. Ấy là bộ áo nhà sư trong đạo Phật, hiệp lại thành 3 cái; 1. Tăng già lê (Samhati); Uất Đà La Tăng (Uttara-samgha) và An Đà Hội (Antarvasaka)

24. Bí Sô: Dịch âm từ chữ Bhiksu. Tỳ kheo trong đạo Phật, vị đã thọ cụ túc giới, 250 giới, để tu hành và hoằng dương Phật pháp.

25. Cây Đa La: Tức là cây thốt nốt. Tên một giống cây, dịch là ngạn thọ (cây ở bờ) hay cao tủng thọ (cây cao vót), hình nó như cây tung lư, mình cứng như sắt, lá dài và đông đặc, dù mưa to lâu ngày mà cái chỗ bóng lá che xuống vẫn khô, như ở dưới mái nhà. Thứ gỗ khô của cây Đa La có thể khắc bản in chữ được. Trái nó chín thì màu đỏ, như trái thạch lựu lớn, người

ta phần nhiều an trái nó. Tại vùng đông Ấn Độ cây này rất nhiều.

26. Tâm tịnh tín: Lòng tin trong sạch. Như đem lòng tịnh tín, thờ trọng Tam Bảo, tụng Kinh, tọa thiền, niệm Phật.

27. Tội nghiệp tánh không: Tội chướng nghiệp chướng, bản tánh của nó vốn không. Không có thật, nhờ vậy người tu hành chuyển được tội chướng, nghiệp chướng.

28. Phạm hạnh: Brahmacharya. Hạnh tu thanh tịnh của người xuất gia đoạn hẳn tứ trong tội. Người tu phạm hạnh trong đạo Phật sẽ vào niết bàn. Vãng sanh về cõi Phật.

29. Ca sa: Kasaya, kasaya, kesa: Soutane, casa nghĩa là hoại sắc, bất chánh sắc. Ấy là bộ áo nhà sư trong đạo Phật,

hiệp lại thành 3 cái: 1 Tăng Già Lê (Samghati); Uất Đà La Tăng (Uttara-Samgha) và An Đà Hội (Antarvakasa).

30. Bí sô: Bhiksu; Moine. Vị tu sĩ bên nam đã thọ cụ túc giới, gọi là Bí Sô. Nữ kêu là Bí Sô Ni.

31. Hạ Lạp: Trọn năm (tuổi) tu, cũng gọi là pháp Lạp, giới Lạp. Tỳ kheo an cư được một mùa hạ, kể là một hạ Lạp, tức là một tuổi tu, Giáo hội xét theo hạ Lạp, nhiều hay ít mà sắp đặt ngôi thứ của vị tỳ kheo. Ngôi thứ ấy gọi là Lạp thứ.

32. Pháp tứ đế: Catvariaryasatyani, quatre, verites, excellentes. Giáo pháp nói về bốn chơn lý. Cũng gọi là Tứ Diệu Đế, Tứ Thánh Đế, Hỉ Chơn Đế. Ấy là khổ, tập, diệt, và đạo. Giáo pháp này đức Phật nói thời đầu tiên tại vườn Lộc Giả ở Sarnath.

33. Đế Lý: Tức là chơn lý chắc thật, bất di, bất dịch.

34. Cây Đa La: Tức là cây thốt nốt. Tên một giống cây, dịch là ngạn thọ (cây ở bờ) hay cao tủng thọ (cây cao vót), hình nó như cây tung lư, mình cứng như sắt, là dài và đông đặc, dù mưa to lâu ngày mà cái chỗ bóng lá che xuống vẫn khô, như ở dưới mái nhà. Thớ gỗ khô của cây Đa La, có thể khắc bản in chữ được. Trái nó chín thì màu đỏ, như trái thạch lựu lớn, người ta phần nhiều ăn trái nó. Tại vùng đông Ấn Độ cây này rất nhiều.

**ĐỨC PHẬT NÓI KINH CHÁNH
PHÁP CHƯA TỪNG CÓ**

Quyển thứ VI

Ngài Đại Sư Pháp Thiên, người Tây Thiên Trúc, hiểu thông ba tạng Kinh điển, vâng chiếu chỉ nhà Vua dịch.

Lúc bấy giờ, tôn giả Xá Lợi Phất thấy người tạo nghiệp sát quy đầu với Phật xuất gia, chứng đặng quả thánh, như thế là một việc ít có. Ngài đến trước Phật bạch rằng:

- Thật hy hữu, thưa Thế Tôn! Như Lai đầy lòng đại từ, khéo léo phương tiện, tuyên nói chánh pháp. Người đã tạo nghiệp sát, tội căn (1) rất nặng. Như Lai chỉ ở trong sát na, khéo hay cứu độ, khiến họ được giải thoát. Đây chính là sức phương tiện của chư Phật Như Lai, chỗ thuyết pháp kia đều là cảnh giới chư Phật. Duy có Đại Sĩ Diệu Kiết Tường và các Bồ Tát, những vị mặc áo giáp tinh tiến, khéo hay rõ biết, chẳng phải là cảnh giới Thanh

Văn, Duyên Giác của chúng ta. Vì sao thế? Vì các chúng Thanh Văn, trí tuệ hẹp hòi, không thể phân biệt cơ nghi (2) của chúng sinh, đâu hay rõ biết, những pháp phương tiện

Đức Phật nói:

- Đúng như vậy! Đúng thế! Xá Lợi Phất! cảnh giới chư Phật chỉ có các bậc Bồ Tát đặng pháp nhãn (3) đầy đủ mới hay chứng nhập. Hàng Thanh Văn các ông mặc dù lìa kiến chấp Bồ Đặc Già La (4), chỉ ưa cầu niết bàn tự lợi, mặc dù có công đức tu tập hạnh đầu đà (5) cũng chỉ ưa cầu cho đầy đủ giới, định, huệ, không thích tu học pháp của chư Phật, các việc ra làm đều có hình tướng, đều có ngăn ngại. Thế nên đối với cảnh giới của chư Phật không thể nghĩ bàn. Xá Lợi Phất! ông nay phải biết, tôi vừa hóa độ cho

người tạo nghiệp sát, vị này đã từng đến 500 chỗ Phật, cung kính cúng dường trông các căn lành, cũng từng đặng nghe giáo pháp như thế. Vì thế cho nên người này nay đối trước tôi nghe nói chánh pháp (6), nhờ sức căn lành đời trước thấy được chân lý chân thật của các pháp, đúng như pháp mà giải thoát.

Lại nữa, này Xá Lợi Phất! nếu ai đối với chánh pháp được nghe chỉ một bài kệ bốn câu, người ấy không bị đọa trong đường ác (7), lìa khổ được giải thoát, quyết định thành Phật nhất thiết trí, huông chi những người thọ trì đọc tụng; đúng như pháp mà tu hành, người ấy tu đặng công đức vô lượng vô biên!

Lúc bấy giờ Bồ Tát Diệu Kiết Tường cùng các chúng Đại Bồ Tát cùng ngài Ca Diếp và các đại Thanh Văn Vua nước Ma

Già Đà cùng các cung thuộc đồng thời đều đến trong pháp hội Linh Sơn của Phật Thích Ca Mâu Ni, đến gặp Phật rồi, mỗi người đánh lễ dưới chân đức Phật, rồi lui đứng một bên.

Tôn giả Xá Lợi Phất liền tâu Vua nước Ma Già Đà rằng:

- Đại Vương đã ưa thích giáo pháp hy hữu của Đại Thừa. Bồ Tát Diệu Kiết Tường đã vì Đại Vương rộng rãi khai thị diễn nói. Đối với giáo pháp ấy, Đại Vương có thật hiểu rõ không?

Vua bạch:

- Thưa Tôn Giả! Tôi đã hiểu thấu giáo pháp hy hữu ấy.\

Xá Lợi Phất nói:

- Đại Vương hiểu thấu giáo pháp bằng cách nào?

Vua bạch:

- Theo như ý tôi, đối với tất cả pháp xa lìa các nhiệm trước, không đắc không thất, chẳng phải thủ, chẳng phải xả, không phải cảnh giới (8) của tâm, tương “**vô sở đắc**” (9). Ấy là pháp chân thật. Như thế rõ biết các nghi làm hằng diệt, tất cả chương lụy không từ đâu sinh.

Khi ấy, Xá Lợi Phất bạch Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Vua nước Ma Già Đà, căn lành thành thực, ưa thích pháp vị cao siêu của đại thừa, ngộ được vô sanh (10), dứt hết các nghiệp chương, thế ấy chắc chắn diệt hết hay còn ư? Việc ấy thế nào? Xin Phật thương xót giảng giải cho.

Đức Phật đáp:

- Xá Lợi Phát! Đại Vương đây, có bao nhiêu nghiệp chướng đều dứt sạch không còn. Xá Lợi Phát! Ví như hạt cải lượng nó rất nhỏ, núi Tu Di (11) lớn có thể xô ngã không? Ông nay phải biết nghiệp chướng của Vua, giống như hạt cải, tôi đã tuyên nói giáo pháp thậm thâm, cũng như núi lớn kia. Thế nên vua này nghe giáo pháp thậm thâm, há co chướng ngại gì mà chẳng ngại ư?

Xá Lợi Phát thưa:

- Bạch Thế Tôn! Rất là ít có. Vua này lợi căn thông suốt, nhưng thích nghe chánh pháp và hiểu rõ để diệt hết các nghiệp chướng. Như lời Đức Phật đã nói không sai!

Đức Phật dạy:

- Xá Lợi Phất! Vua này đã từng ở trong đời quá khứ bảy mươi hai ức chỗ Phật, cung kính cúng dường, đã trồng các căn lành, ở chỗ đức Phật, thường nghe chánh pháp, nhờ đó căn lành tương lai quyết định sẽ chứng đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lại nữa, Phật bảo ngài Xá Lợi Phất:

- Ông thấy Bồ Tát Diệu Kiết Tường này không?

Đáp rằng:

- Dạ thấy.

Đức Phật nói;

- Nay Vua nước Ma Già Đà này cùng Bồ Tát Diệu Kiết Tường có nhân duyên lớn. Xá Lợi Phất! Quá khứ có kiếp tên là Vô Cầu, Đức Phật ra đời hiệu là Diệu Tý,

ở trong kiếp đó lại có ba câu đê (12) đức Phật, xuất hiện trong đời. Các đức Phật ấy đều như Bồ Tát Diệu Kiết Tường khai phát đạo tâm. Các Như Lai kia mạng sống lâu rất dài. Chuyên bán xe pháp lớn, lợi ích chúng sanh. Vua nước Ma Già Đà này ở trong kiếp kia đã được gặp gỡ Bồ Tát Diệu Kiết Tường giáo hóa, phát tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vua phát tâm rồi, đối với các đức Thế Tôn đã trông các căn lành, nghe và lãnh thụ giáo pháp đại thừa ít có, nhờ nhân duyên ấy căn lành sâu dày. Xá Lợi Phất! Ông nay phải biết, Vua nước Ma Già Đà này sau khi mạng chung, sanh về thế giới thượng phương, trải qua 400 cõi Phật. Có một cõi Phật tên là Trang Nghiêm. Đức Phật kia hiệu là Bửu Tụ Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác. Vua này sanh trong cõi kia, cũng thấy được Bồ Tát Diệu

Kiết Tường, nghe thọ giáo pháp thậm thâm, nghe rồi hiểu rõ chứng pháp vô sanh nhẫn (13). Cho đến tương lai Bồ Tát Tỳ Thị, giảng sinh ở thế giới Ta Bà này thành bậc Chánh Giác rồi, Vua nước Ma Già Đà này, theo đức Phật kia, trang nghiêm cõi Phật, sanh sống ở trong giáo pháp của Tỳ Thị Như Lai, trở thành vị Bồ Tát hiệu là Vô Động. Khi ấy cũng được thấy Bồ Tát Diệu Kiết Tường. Đức Tỳ Thị Như Lai vì Bồ Tát Vô Động lập lại các giáo pháp đã giảng đời quá khứ, tuyên nói như thế rồi, bảo đại chúng rằng:

- Các ông có thấy Bồ Tát Vô Động không? Vị Bồ Tát này đâu có xa là gì, ấy là Vua nước Ma Già Đà trong giáo pháp của Phật Thích Ca Mâu Ni ở đời quá khứ. Vị này ở chỗ Bồ Tát Diệu Kiết Tường kia

nghe thọ chánh pháp, chứng đặng quả Vô Sanh Pháp Nhẫn.

Đức Phật bảo Ngài Xá Lợi, Từ Thị Như Lai kia vì Bồ Tát Vô Động, khi nói diệu pháp, trong pháp hội có tám nghìn Bồ Tát, chứng đặng quả vô sanh pháp nhẫn, hai muôn bốn ngàn các Bồ Tát nhỏ, tiến vào sơ địa (14). Xá Lợi Phát! Bồ Tát Vô Động kia từ đây về sau, ở trong tám trăm a tăng kỳ kiếp (15) tu hành, thanh tịnh cõi nước các đức Phật, giáo hóa chúng sinh, khiến đến quả vị Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát, khiến các chúng sanh diệt tất cả nghiệp chướng, giải ngộ chánh pháp, không sanh sự nghi lầm. Bồ Tát Vô Động kia, trải qua tám trăm kiếp a tăng kỳ rồi, liền ở thế giới Vô Nhiễm, chứng đặng bậc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hiệu là Thanh Tịnh Cảnh Giới Như Lai,

Ứng Cúng Chanh Đăng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu (16), đức Phật kia mạng sống lâu bốn trung kiếp (17), chánh pháp trụ thế một câu đê tuế (18), có bảy mươi muôn chúng Thanh Văn đều được đầy đủ pháp tam minh (19) và lục thông (20) đặng tám giải thoát (21), có mười hai câu đê chúng đại Bồ Tát, đầy đủ trí tuệ và phương tiện. Chúng sinh ở cõi kia, đều ưa thích giáo pháp thậm thâm; đức Phật Như lai rộng vì họ tuyên nói, làm cho các chúng sanh nghe giáo pháp giải ngộ, lìa các phiền não, thân tâm đều được thanh tịnh, mỗi vị không bao giờ khởi tướng ngã kiến (22).

Lúc bảy giờ, Phật Thích Ca Mâu Ni, vì Xá Lợi Phất nói Vua nước Ma Già Đà sẽ thành việc Phật; trong chúng hội có ba muôn hai nghìn thiên tử, phát tâm Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều phát thệ nguyện rằng; Cho chúng con sẽ đặng sanh về thế giới Vô Nhiễm kia, để thấy đức Thanh Tịnh Cảnh Giới Như Lai hoàn thành con đường Chánh Giác. Phật Thích Ca Mâu Ni liền thọ ký rằng: Các ông sẽ đặng sanh về thế giới kia, thấy đức Như Lai, hoàn thành con đường Chánh Giác!

Khi ấy, Vua nước Ma Già Đà có một vị Thái Tử tên là Nguyệt Cát Tường, tuổi mới lên tám, trước thường theo phụ vương đến trong pháp hội của Phật, nghe thuyết pháp rồi liền cỡi chuỗi anh lạc (23) trong cổ, đem dâng lên đức Phật, rồi phát nguyện rằng: “tôi nay dùng của quý báu này cúng dường Phật để tạo căn lành, hồi hướng quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nguyện cho chúng tôi sẽ

sanh trong cõi Phật Thanh Tịnh Cảnh Giới Như Lai làm vị Kim Luân Vương (24), cho đến lúc mệnh chung, đem bốn vật (25) cần dùng cúng dường đức Phật kia và các chúng tỳ kheo sau khi đức Phật kia nhập diệt, tôi sẽ thu xá lợi, cung kính cúng dường, nguyện tôi thừa kế, liền ở cõi kia, chứng đặng Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Khi ấy Thái Tử Nguyệt Cát Tường, phát thệ nguyện rồi, nhờ sức oai thần của Phật đã hiển chuỗi anh lạc, trụ giữa hư không, ở trên cõi Phật kia biến thành lầu đài bảy báu (26). Trong đó có tòa làm bằng bảy thứ báu. Trên đó có đức Phật đang ngồi kiết già (27), đầy đủ tướng tốt, các thứ quý báu trang nghiêm.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn từ trên gương mặt phóng ra các sắc hào quang. Ấy là các sắc xanh, vàng, đỏ, trắng, hồng, tía,

biếc, lục, những tia hào quang như thể khắp soi thế giới nhiều vô biên, trên đến cõi trời Phạm Thiên, yền sáng chiếu khắp, ánh sáng mặt trời mặt trăng không thể hiện được. Yền sáng kia trở lại nhiều Phật ba vòng, rồi vào từ đánh môn của đức Phật Thế Tôn.

Khi ấy Tôn Giả A Nan từ tòa ngồi đứng dậy, mích trần vai bên hữu, đầu gối bên hữu quỳ sát đất, chấp tay về đức Phật, rồi nói bài kệ rằng:

*“Đại Mâu Ni đã đến bờ kia
 Đây đủ tất cả công đức tốt,
 Trời, người, nhân gian đều tôn kính,
 Tất cả trí giả lia các chấp.
 Chúng sanh tâm hạnh và căn tính,
 Tất cả Như Lai đều rõ biết,*

*Tuyên nói pháp mâu lợi quần sinh,
 Tất cả thế gian, Ngài tối thắng
 Đã phóng hào quang sáng ít có
 Khắp soi tất cả cõi mười phương
 Chúng sanh rất nhiều vô số kể
 Nhờ yén sáng ấy được yên ổn.*

*Thiền Thệ (28) đầy đủ trong mười
 phương*

*Niệm, huệ viên mãn xuất thế gian,
 Khéo biết tâm, hạnh của chúng sanh,
 Nói pháp, đoạn nghi không ai bằng
 Đã có Phạm Vương cùng Đế Thích
 Trời, trăng, ngôi sao và chư Thiên
 Nghe Phật tuyên nói diệu pháp môn,*

Lìa các phiến não đặng yên ổn.

Như Lai chúng trung tôn (29) tất cả,

Chúng sinh có nghi đều giải quyết,

Ngày nay duyên gì phóng hào quang,

Xin Phật bừ bi vì con nói!”

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn bảo A Nan rằng:

- Ông có thấy Thái Tử Nguyệt Cát Tường không?

A Nan bạch Phật rằng:

- Vâng, con đã thấy.

Đức Phật bảo A Nan

- Thái Tử đây, ở trong đời quá khứ, đã tu hạnh Bồ Tát, cúng dường với ta sâu trồng căn lành, nhờ cơ duyên đó mà đã thành thực. Nay ở trước tôi, phát tâm vô

thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, khởi lời đại thệ nguyện, do nhân duyên ấy, nên phóng hào quang này. A Nan! Vị Thái Tử đây, sẽ sanh ở thế giới Vô Nhiễm, trong giáo pháp của Phật Thanh Tịnh Cảnh Giới Như Lai, làm vị Kim Luân Vương, thường cúng dường đức Phật kia và các chúng Bí Sô, đến sau khi đức Phật kia diệt độ, thu ngọc xá lợi, cung kính cúng dường. Vì vậy, sau khi mạng chung, sanh về cung trời Đâu Suất (30), đến lúc mãn một kiếp sanh đến thế giới Vô Nhiễm, chúng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Hiệu là Nhật Tràng Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Đức Phật Thế Tôn kia và các chúng Thanh Văn Bồ Tát, mạng sống lâu đều bằng nhau.

Lúc bấy giờ, các chúng Bồ Tát ở địa phương khác đến nhóm họp, nghe trao lời thọ ký cho Thái Tử Nguyệt Kiết Tường rồi, đều bạch Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Nay Phật Thích Ca Mâu Ni cùng Bồ Tát Diệu Kiết Tường, ở trong tất cả địa phương ra làm Phật sự vĩ đại, lợi ích chúng sanh, không bỏ qua một nơi nào. Ví có sao? Vì Phật và Bồ Tát dùng tâm đại bi, pháp khởi các phương tiện, ở trong nước, thành, quận, ấy, cho đến các chốn tụ lạc, vì các tầng lớp chúng sanh, thuyết pháp giáo hóa, khiến các chúng sanh, nghe giáo pháp liền được giải thoát, xa lìa các sự sợ hãi, đoạn trừ tất cả phiền não trọng chướng; chúng con ngày nay, đến đặng chỗ này, nghe Phật và Bồ Tát Diệu Kiết Tường, tuyên nói pháp nhiệm mầu, và nhìn thấy những việc

phóng quang ít có, lợi ích cho chúng sinh, thật không diễn tả, thế nào cho cùng tận.

Lúc ấy, đức Thế Tôn bảo các Bồ Tát rằng: Thiện Nam tử, đúng như vậy, nếu các Bồ Tát đối với các phương xứ, vì các chúng sanh, tuyên nói pháp, ra làm Phật sự, phải quán các chỗ ấy, như là tháp miếu của Phật. Vì sao? Tôi ở trong quá khứ khi gặp gỡ đức Nhiên Đăng Như Lai, tôi đem lòng tin cẩn, rũ tóc trải trên đất để cho đức Phật kia đi qua. Sau đó, tôi được quả vô sinh pháp nhẫn, đức Nhiên Đăng Như Lai kia, biết tôi đã được đầy đủ pháp nhẫn, liền vì tôi trao lời thọ ký, quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nói như thế này: “ông đến đời sau trải qua vô số kiếp, sẽ được thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đầy đủ mười hiệu. Phật Nhiên Đăng

kia, thọ ký cho tôi rồi, bảo các chúng tỳ kheo rằng:

- Các ông phải ở chỗ này, khởi lòng tưởng tôn trọng, chớ sanh khinh mạn, vì sao? Vì chỗ này có thiện nam tử rũ tóc trải trên đất, thỉnh Phật đi qua, nhờ công đức thù thắng ấy, liền đặng đầy đủ pháp nhân. Thế nên chốn này có nhiều trời người, chiêm ngưỡng kính trọng, như tháp miếu của Phật không khác.

Khi Phật Nhiên Đăng nói lời như thế có tám mươi ức trời, người, khác miệng đồng tiếng bạch Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Chúng con ngày hôm nay tới chốn này, khởi tưởng tôn kính, như tháp miếu của Phật.

Khi ấy có một trưởng giả tên là Hiền Thiên, ở trong pháp hội, liền bạch với Phật Nhiên Đăng rằng:

- Con nay ở đây tạo tháp bảy báu (31), để cho các chúng sanh, chiêm lễ đặng phước.

Vị trưởng giả kia, khởi tâm ít có, gom góp các đồ quý báu, tạo lập một ngôi tháp, bề cao bề rộng bao la, trang sức các thứ quý giá, công kia thù thắng, không nhờ mặt trời, nhưng vẫn thành tựu. Khi trưởng giả đã tạo tháp rồi, liền đến chỗ Phật Nhiên Đăng bạch rằng:

- Thưa Thế Tôn! Con đã tạo lập diệu tháp bảy báu, đến đời tương lai, đặng bao nhiêu phước báo?

Đức Phật dạy:

- Trưởng giả, nếu có thiện nam tử ở trong chốn đại Bồ Tát, chứng quả vô sanh pháp nhẫn, đào lấy đất kia, xuống đến ngàn nước, rồi đem đất ấy cung kính cúng dường, sẽ đặng phước nhóm, giống như cúng dường tám miếu của chư Phật, đồng nhau không khác; huống chi ông nay khởi tâm tịnh tín, tạo tháp bảy báu, chắc chắn thu hoạch nhiều phước báo gấp hơn phần trước vô lượng vô biên không thể so lường.

Lúc ấy Nhiên Đăng Như Lai lại bảo Hiền Thiên trưởng giả rằng:

- Ông nay ở trong đời này sâu trồng căn lành tới đời vị lai, chỗ Phật Thích Ca Mâu Ni, sẽ đặng thọ ký quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc bấy giờ, Phật Thích Ca Mâu Ni vì các vị đại Bồ Tát từ phương khác đến

nhóm họp nói đến nhân duyên thọ ký (32) đời trước, lại bảo các vị Bồ Tát rằng:

- Các ông nay phải biết, tôi ở thời xa xưa tại chỗ Phật Nhiên Đăng, đã gieo trồng căn lành, nay mới đặng thành Phật, khi kia tôi đã được vị pháp nhẫn (33), các trời người lúc ấy, cung kính như bửu tháp của Phật, các ông ngày nay tới trong chỗ này, cũng nên khởi tâm tôn kính như thế. Lại nữa, này các đại Bồ Tát, các ông nên biết; Hiền Thiên trưởng giả ngày nay, vì trong pháp hội, hiện cũng có một vị tên là Hiền Thiên, hiệu là Thiện Hiện Như Lai, Ứng Cúng Chánh Đẳng Chánh Giác, đầy đủ 10 hiệu. Lại nữa, các Bồ Tát, ta nay đã nói giáo pháp thậm thâm. Nếu có tỳ kheo, tỳ kheo ni, ưu bà tắc, ưu bà di, ai hay nghe thọ, đọc tụng, vì người khác giảng nói, người ấy sẽ được trời người, chiêm

ngưỡng kính trọng, như tháp miếu của Phật không có sai khác.

Lại nữa, các Bồ Tát, nếu có thiện nam tử, hay thiện nữ nơn nào thật hành hạnh bố thí, bảy thứ báu chứa đầy nghìn đại thiên thế giới ở trong ngày đêm sáu thời cúng dường các đức Phật và đại chúng tỳ kheo, như thế cho đến nhiều kiếp, không bằng người ở trong chánh pháp chưa từng có này, nghe giảng hay thọ trì đọc tụng một bài kệ bốn câu, người ấy sẽ đặng công đức thù thắng hơn phần nói trước.

Lại nữa, nếu có người thật hành giới hạnh ở trong một kiếp, giữ giới pháp của Phật không cho khuyết phạm, viên mãn tất cả công đức tịnh giới, không bằng nghe giảng, thọ trì đọc tụng kinh chánh pháp này, so với công đức trì giới trước, nghìn phần không bằng một.

Lại nữa, nếu có ai tu hạnh nhẫn nhục, ở trong một kiếp thường thật hành hạnh nhẫn nhục, đối với tất cả chúng sinh không bao giờ sanh tâm oán hại, như thế tu hoạch được hạnh nhẫn nhục viên mãn. Thế, nhưng không bằng đối với kinh chánh pháp này, nghe giảng thọ trì, đọc tụng, đúng pháp tu hành, chứng đặng pháp nhẫn, đầy đủ công đức, như vậy thật là tối thượng.

Lại có người nào thật hành hạnh tinh tấn ở trong một kiếp, siêng năng giáo hóa chúng sanh, không bao giờ khởi tâm giải đãi. Như vậy đức tinh tấn được viên mãn. Nhưng không bằng đối với kinh Chánh Pháp này nghe giảng, thọ trì, đọc tụng, chắc chắn thu hoạch công đức gấp hơn phần trước.

Lại nữa, nếu có người nào chuyên tu thiền định, ở trong một kiếp trụ Tam Ma Địa (34), một lòng chuyên chú, lìa các tán loạn. Như vậy thu hoạch được định lực viên mãn, nhưng không bằng đối với Kinh Chánh Pháp này, nghe giảng, thọ trì, đọc tụng. Công đức này thù thắng hơn công đức trước.

Lại nữa, nếu có ai tu tập trí tuệ, ở trong một kiếp, thật hành các phương tiện trí tuệ, sẽ đạt được trí tuệ viên mãn. Thế nhưng không bằng ở trong chánh pháp này nghe thọ, đọc tụng, sẽ thu hoạch công đức rộng lớn vô lượng, chóng được viên mãn nhất thiết trí (35) quả.

Khi ấy, các vị đại Bồ Tát từ phương khác đến pháp hội, nghe đức Phật Thích Ca Mâu Ni tuyên nói công đức thậm thâm

của giáo pháp này. Mỗi vị đều bạch Phật rằng.

- Thừa Thế Tôn! Chúng con nghe thọ giáo pháp này, khi trở về bản vị (36), vì mọi người diễn nói, tuyên thông, lưu bố, làm cho các chúng sinh, mỗi người đều được lợi ích.

Phật Thích Ca Mâu Ni nói:

- Hay thay, quý hóa thay! Các thiện nam tử, các ông phải nên tuyên bố pháp này, rộng vì chúng sanh, ra làm việc Phật!

Lúc ấy, các vị Bồ Tát phương xa liền rải các hoa nhiệm màu đầy cả ba ngàn đại thiên (37) thế giới cúng dường đức Thích Ca Mâu Ni và Bồ Tát Diệu Kiết Tường, rồi nói như thế này: nguyện chánh pháp này cứu trụ trong châu Diêm Phù Đề (38), lợi ích cho tất cả chúng sanh, mong đức

Phật Thích Ca Mâu Ni và Bồ Tát Diệu Kiết Tường, trụ lâu trong cõi đời, thuyết pháp sáng suốt, rọi vào tâm hồn của tất cả chúng sanh, chúng con hôm nay đặng vào pháp hội này, thấy đức Phật Thế Tôn, nghe giảng giáo pháp nhiệm mầu, đều do Bồ Tát Diệu Kiết Tường khuyến khích dắt dìu, giả sử chúng con có đem đầu, mắt, tay, chân, phụng thí, cũng khó trả ơn sâu nặng của Bồ Tát. Nay đem hoa này tung rải cũng chưa trả ơn đức kia. Thế nên, nếu có thiện nam và thiện nữ nào được thấy các đức Phật, nghe chánh pháp, giả sử xả đầu, mắt, tay, chân, cũng chưa có thể trả ơn chư Phật; thế nên thường phải đến chư Phật và Bồ Tát và nghe kinh pháp, khởi lòng tịnh tín, tôn kính cúng dường, chớ sinh lòng khinh dễ và có ý tưởng nghi làm. Ai có tâm ý khinh khi, mắc tội rất nặng!

Lúc bảy giờ, các vị đại Bồ Tát, từ phương khác đến hội họp, nói lời ấy rồi, đánh lễ dưới chân đức Thế Tôn, đi nhiều bên hữu (39) ba vòng, ở trong pháp hội, ẩn thân không hiện, trở về cõi nước Phật của mỗi vị. Các Bồ Tát đó đến trước đức Phật kia, tác bạch như thế này: “Chúng con đến thế giới Ta Bà nghe Phật Thích Ca Mâu Ni và Bồ Tát Diệu Kiết Tường tuyên nói chánh pháp, chúng con đã thọ trì, ở đây tuyên bố vì các chúng sanh mà nói, khiến các chúng sanh quyết định chúng được quả vị Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lúc bảy giờ tôn giả Đại Ca Diếp bạch Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Nay đây chánh pháp thậm thâm ít có, như chúng con đã thấy, Bồ Tát Diệu Kiết Tường đến trong cung

vua nước Ma Già Đà thọ thực đồ cúng dường, Bồ Tát vì vua tuyên nói pháp này. Khi ấy vua chứng được quả vô sanh (40) pháp nhẫn, con cũng tùy hỷ, nghe thọ pháp này, sau tự khắc trách, sanh tâm đại hoan hỷ; Bạch Thế Tôn! ở trong đời sau, nếu có chúng sanh nào nghe được chánh pháp này, tâm sanh chánh giải. Người ấy mới hay rõ biết pháp tự tánh đoạn các nghi lầm, tương lai sẽ quyết định thành bực Chánh Đẳng Chánh Giác

Đức Phật nói:

- Ca Diếp! lành thay! Quý hóa thay! Khéo nói lời trên, nếu các chúng sanh nghe pháp ấy rồi, tương lai quyết chứng quả Phật Bồ Đề

Khi ấy, đức Phật bảo Bồ Tát Từ Thị (41) rằng: ông nay thọ trì pháp này, ở trong đời mạt pháp về sau, vì các chúng

sinh, tuyên bố diễn thuyết, khiến các chúng sinh đều đặng lợi ích và thu hoạch được đại khoái lạc.

Bồ Tát Từ Thị bạch Phật rằng:

- Như lời Thế Tôn dạy, con sẽ thọ trì, Bạch Thế Tôn! Con ở chỗ Phật đời quá khứ, cũng đã từng nghe thọ pháp này, nay ở trước Phật lại được nghe thêm thật là may mắn. Con ở trong đời vị lai sẽ hộ trợ tuyên thông, khiến cho chánh pháp cửu trụ; cho đến con lúc mệnh chung sẽ sanh lên cung trời Đâu Suất (42). Trong cõi trời kia, nếu có người nào căn tánh đại thừa thuận thực, con cũng vì họ khai thị diện nói khiến cho họ phát khởi đạo tâm, tại châu Nam Diêm Phù Đề (43), không bao giờ đoạn tuyệt. Lại nữa trong đời mạt pháp, nếu có thiện nam thiện nữ nào, thọ trì đọc tụng chánh pháp này, nếu bị các

quân ma nhiều loạn, con tìm đủ cách, đến tận nơi chốn, để mà hộ trợ, khiến các quân ma, không tiện pháp được. Lại nữa, bạch Thế Tôn, trong đời mạt pháp, nếu có người nào nghe chánh pháp này, nghe rồi lãnh thọ, đọc tụng, đúng theo pháp mà tu hành, phải biết người ấy đang kiến lập oai thần của Phật.

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo Đê Thích (44) thiên chúa rằng:

- Kiều Thi Ca! ông nay thọ trì ghi nhớ chánh pháp tôi đây, đến đời mạt pháp về sau, trở thành vị hộ trợ. Vì sao? Bởi vì pháp này hay đoạn tất cả nghi vấn, hay thanh tịnh các nghiệp chướng, cùng các pháp bình đẳng. Lại nữa có đại thế lực. Đê Thích cũng phải biết, nếu ông khi cùng với A Tu La kia chiến đấu, nên nhớ nghĩ pháp này. Ông sẽ được toàn thắng,

họ sẽ bị thất bại. Lại nữa, nếu người nào bị nạn nhà Vua, nạn giặc cướp, nạn hổ lang, độc trùng, nạn ác thú v.v...trong khi bị nạn, nếu có người suy nghĩ, nhớ đến pháp này, người ấy đều được xa lìa các nạn ấy.

Đề Thích Thiên Chúa bạch với Phật rằng:

- Như lời Thế Tôn chỉ dạy, con sẽ hộ trì cho người đời sau, trong các nước, thành, quận, ấy, cho đến các chốn tụ lạc (45), chỗ nào có chánh pháp này, con sẽ đến đó cung kính cúng dường, nếu có ai hay thọ trì pháp này, con sẽ hộ vệ đến cùng.

Lúc bấy giờ, đức Phật bảo tôn giả A Nan:

- Ông nay thọ trì chánh pháp này cho đến đời sau, vì các chúng sinh tuyên bố

diễn thuyết. Vì có sao? Vì chánh pháp này rất là thâm thâm, xưa nay chưa từng có. Nếu có thiện nam, thiện nữ nào thọ trì chánh pháp này, các vị đó sẽ lìa những nghi lầm, dứt trừ tất cả phiền não tội cấu. Thế nên ông phải ghi nhớ trụ trì.

Tôn giả A Nan bạch Phật rằng:

- Thưa Thế Tôn! Con đem sự gia hộ và sức oai thần của Phật đến trong các đời sau tuyên bố pháp này, khiến cho các chúng sanh đều đặng lợi ích. Bạch Thế Tôn, kinh này đặt tên gì? Chúng con phải phụng trì như thế nào?

Đức Phật bảo ngài A Nan:

- Kinh này tên là **Kinh Chánh Pháp Chưa Từng Có**, và phải thọ trì như pháp.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn dẫn dò các vị Bồ Tát, Thanh Văn và Đế Thích rồi, liền

đến trong pháp hội, hai bên thân Phật phóng ra hào quang sáng lớn, khắp soi mười phương (46), tất cả thế giới, ở trong hào quang kia, phát ra tiếng giọng nhiệm mầu, thông báo cho đại chúng: “N hư Lai, Ứng Cú ng Chánh Đẳng Chánh Giác, đã nói chánh pháp, cho đến kiếp hoại, biển lớn khô hết, nhưng pháp này không hoại! hay vì chúng sanh làm việc lợi ích vĩ đại. Khi ấy trong hào quang phát ra tiếng nói ấy rồi, những tia hào quang kia thu vào thân Phật.

Lúc bấy giờ đức Thế Tôn lại bảo A Nan rằng:

- Ông nên nhớ lời Phật nói, cẩn thận chớ quên mất, tới trong đời sau, phải tuyên thông giáo pháp này, rộng vì lợi lạc cho tất cả chúng sinh. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni khi nói Kinh Chánh Pháp Chư

Tùng Có này, có chín muôn sáu nghìn Trời, người, xa trần lìa cấu, đặng pháp nhãn tịnh (47). Bảy trăm tám mươi muôn người pháp tâm Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ba Muôn hai nghìn Bồ Tát đặng quả vô sanh pháp nhãn. Tám mươi muôn Bí Sô, không lãnh thọ các pháp thế gian, phiền não dứt sạch, ý hiểu biết trong sáng. Tức thời ba nghìn đại thiên (48) thế giới, sáu thứ (49) chấn động. Các cõi trời dục giới (50), ở giữa hư không tâu lên trăm ngàn bản nhạc, cúng dường đức Thế Tôn, vì đã thuyết diệu pháp chưa từng có. Khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói chánh pháp này rồi, có tất cả thiên ma, ngoại đạo nghe qua lo sợ đều quy đầu với Phật. Giống như lúc Phật mới chuyển pháp luân (51), hàng phục thiên ma, ngày nay diễn tiến, không khác chi cả. Pháp này là ấn quyết (52) của chư Phật, là ấn quyết của

đại pháp, là ấn giải thoát. Các người có trí, phải học đúng pháp, và phải thật hành đúng như pháp.

Đức Phật nói Kinh này rồi, vua nước Ma Già Đà cùng quyền thuộc, Diệu Kiết Tường, các Đại Bồ Tát, Ca Diếp, A Nan, Xá Lợi Phất, Mục Kiền Liên v.v...các vị đại Thanh Văn, cho đến Trời, người trong thế gian, A Tu La, Càn Thát Bà v.v...Tất cả đại chúng nghe Phật nói xong, thấy đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

LỜI GIẢI KINH CHÁNH PHÁP CHƯA TỪNG CÓ (Quyển thứ sáu)

1. Tội căn: Góc rễ tội ác. Một khi tội lỗi, nghiệp ác đã ăn sâu, dường như đâm gốc mọc rễ, không thể nhổ bỏ liền được.

2. Cơ nghi: Căn cơ và nghi tắc của mỗi chúng sinh. Mỗi người trình độ không đồng, oai nghi có khác.

3. Pháp nhẫn: Đức nhẫn nhục đối với các pháp, sự vật vô tình. Người tu học cam chịu với các cảnh khổ, nạn khổ xảy đến cho mình như: gió, mưa, lạnh nắng, đói, khát v.v...mà không buồn, không thối chí trên đường đạo đức. Như vậy kêu là pháp nhẫn.

4. Bồ đặc già la: Pudgala dịch nghĩa: Lúc nào cũng có thể đi đến các cảnh thú, nhận lấy các cảnh thú, mà không có lòng chán ngán.

5. Hạnh đầu đà: Dhudanga; dịch là đào thải, tu trị, nghĩa là phải bỏ trần cấu của phiền não, khiến cầu Phật đạo. Về hạnh đầu đà. Kinh Pali giải ra 13 mục. Kinh Tâu biên 12 mục.

6. Chánh pháp: Đạo pháp chơn chánh, cao thượng trong sạch: chánh pháp có hai phần: Lý và Thể

1) **Lý** = ý nghĩa không sai chày, không tà nguy, đạo lý từ lúc ban sơ đến cuối cùng đều có tánh cách trong sạch. Thể nên gọi là chánh

2) **Thể** = pháp tức là nền pháp bảo trong Tam Bảo. Thể của Chánh Pháp lại cũng gom vào trong bốn pháp = giáo, lý, hạnh, quả.

7. Đường ác: Aparagati = Voies mauvaises. Đường xấu nẻo ác. Đường ác có 3 là : Địa ngục, quỷ đói và súc sanh. Ác đạo còn gọi là ác thú.

8. Cảnh giới của tâm: Các nhiệm trước thuộc về vọng, đã là vọng thì làm gì trực

tiếp với tâm, nên nói không phải cảnh giới của tâm.

9. Vô sở đắc: Chẳng được chi hết, chẳng có chi mà được. Tự mình liễu đạt các pháp vốn không, tất cả đều như hư không, cho nên không thất rằng mình đắc, không thấy rằng mình có...

10. Pháp vô sanh: Pháp không sanh, các pháp vốn không sanh. Ấy là chân lý thật tướng, thể của Niết Bàn. Các pháp thật ra chẳng có sanh cũng chẳng có diệt. Chỉ có sự phát hiện, do các nhân duyên hòa hiệp hay ly tán mà mình thấy có sinh có diệt, có khởi có dứt đó thôi.

11. Núi Tu Di lớn: Maha Sumeru. Hòn núi lớn nhất ở trung tâm hoàn cầu. Ấy là hòn núi của tiên thánh, mỗi ngày các ngôi tinh tú xoay chung quanh hòn núi ấy. Theo trong kinh nói: Núi Tu Di cao

84,000 do tuần, bề sâu dưới mặt nước cũng 84, 000 do tuần và bề ngang trên mặt nước cũng vậy. (Xem chỗ giải núi Diệu Cao).

12. Ba Câu Đề: Koti nói về số mục. Ba Câu Đề là ba mươi triệu 30, 000,000.

13. Vô sanh pháp nhẫn: Đức nhẫn của người tu học đắc đạo thể nhập chân lý, các pháp không sanh không diệt, bực tu hành nếu hiểu các pháp không sanh không diệt tức là hiểu thật tướng sự vật vốn không sanh diệt. Hiểu như thế thì không còn lo rầu, phiền não, đối với chúng sinh, được vậy gọi là vô sanh pháp nhẫn. Đi đến chỗ không còn sinh tử luân hồi.

14. Sơ địa: Địa vị đầu tiên, quả vị ban sơ trong thập địa. Tức là Sơ Địa của Bồ Tát Đại Thừa. Gọi là Hoan Hỷ địa, kêu trọn là Sơ Hoan Hỷ Địa.

15. A Tăng Kỳ Kiếp: Asamkhya, inmombrable. Tên số theo bên Thiên Trúc. Dịch là vô số kiếp. Một a tăng kỳ kiếp, thời hạn vô số kiếp; một kiếp có cả trăm vạn năm.

16. Mười hiệu: Dix appellations du Bouddha. Mỗi đức Phật có đủ 10 hiệu. Ấy là:

- 1) Như Lai = Tathagata
- 2) Ứng Cúng – Arhat
- 3) Chánh Biến Tri =
Samyaksambouddha
- 4) Minh Hạnh Túc = Vidya
caranasampanna
- 5) Thiện Thệ = Sugata
- 6) Thế Gian Giải = Lokavidu

7) Vô Thượng Sĩ, Điều Ngự Trượng Phu = Anuttara purusadamyā sarathi

8) Thiên Nhơn Sư = Sastadevamanusyanam

9) Phật = Bouddha

10) Thế Tôn = Lokanatha hay Bhagavat.

17. Trung kiếp: Kalpa moyen: Thường thì kêu kiếp tức là trung kiếp có 20 tiểu kiếp, tính ra có 336,000,000 năm. Tính cho kỹ, trung kiếp có 335,960,000 năm (xem cách tính ở chữ đại kiếp). Một trung kiếp là một phần của đại kiếp, bốn thời kỳ: Thành, trụ, hoại, không tức là 4 trung kiếp, hiệp lại thành một đại kiếp.

18. Câu đê tuế: Luận về số mục của tuổi. Tức là 10, 000, 000 tuổi.

19. Tam minh: Trois connaissances: Ba thuật sáng suốt của hàng Thánh Giả La Hón.

1) Túc mạng minh; biết những đời trước của người và của mình luân chuyển thế nào.

2) Thiên nhãn minh: thấy đời của mình và của người về sau sẽ luân chuyển thế nào.

3) Lộ tận minh; biết những cảnh khổ trong đời hiện tại của mình và diệt hết các phiền não.

20. Lục thông: Abhijna: Six pouvoirs surnaturels. Trong đạo Phật, người tu đắc quả A La Hón được giải thoát, dứt phiền não thì được 6 pháp thần thông:

1) Thiên nhãn thông – Dibba-cakkhu

- 2) Thiên nhĩ thông – Dibba-sota
- 3) Thiên mạng thông –
pubbennivasanussatinana
- 4) Tha tâm thông – parassa-
utoparinnanana
- 5) Thần túc thông – inddhividha
- 6) Lậu tận thông – Asavakkhaya

21. Tám giải thoát:

- 1) Nội hữu sắc tướng, ngoại quán sắc giải thoát
- 2) Nội vô sắc tướng, ngoại quán sắc giải thoát
- 3) Tịnh giải thoát thân chứng
- 4) Không xứ giải thoát
- 5) Thức xứ giải thoát

6) Vô sở hữu xứ giải thoát

7) Phi hữu tướng, phi vô tướng giải thoát

8) Diệt tận định xứ giải thoát.

22. Ngã kiến: Ý kiến chấp có cái ta, sự thấy rằng có cái thân thiết. Cũng gọi là thân kiến

23. Chuỗi anh lạc: kevura; Collier de perles, de diamants. Xâu chuỗi bằng châu ngọc. Ấy là món đồ trang sức mà các hàng quý nhưn tại tục ở Ấn Độ đeo nơi cổ, nơi ngực, nơi đầu. Chư Bồ Tát và chư Thiên nữ cũng tự trang sức bằng chuỗi anh lạc. Lại những loài rắn chúa, rồng chúa cũng có đeo anh lạc bằng châu báu.

24. Kim Luân Vương: tức là vị Chuyển Luân Thánh Vương, cai trị luân

bốn cõi thiên hạ, ngự trên chiếc xe bánh vàng, tiếng Phạn gọi là Tchakravartin.

25. Bốn vật cần dùng: Quatre categories des dons; Bốn vật này những vị thí chủ cung cấp nuôi dưỡng các sư tu hành, bằng bốn việc cúng dường:

- 1) Y phục
- 2) Đồ ăn uống
- 3) Phòng, nhà, giường, nệm
- 4) Thuốc thang.

26. Bảy báu: Sapataratna; Sept joyaux. Bảy món báu vàng, bạc, lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu, mã não. Rất là đẹp đẽ, trang nghiêm

27. Ngồi kiết già: Utkutukasana, cách ngồi theo Phật, tréo mảy chân ngồi. Có

cách kiết tường tọa và cách khác gọi là hàng ma tọa.

28. Thiện thệ: Sugata, một trong 10 hiệu của Phật. Thiện là tốt lành, phải, đúng. Thệ là đi luôn, không trở lại, đi tới nơi chốn. Thiện Thệ là bậc đi tới bờ bên kia: Niết Bàn. Vị làm xong những việc phải làm, như: tế độ chúng sinh, trọn vẹn hạnh nguyện, và không còn trở lại cõi thế, không còn đảo lại vòng sanh tử, biến luân hồi.

29. Chúng trung tôn: Hàng tôn quý trong đại chúng. Đây là một trong ba ngôi Tam Bảo. Bất Tăng Già tu hành chân chánh, được mọi người quý trọng, cung kính, cúng dường, nên gọi là Chúng Trung Tôn.

30. Đâu Suất thiên cung: Tushitadeva, cung Trời Đâu Suất về thượng giới. Hiện

nay, ở cung Đâu Suất có rất nhiều vị Bồ Tát, trước khi giáng thế làm Phật đều ở cung Trời Đâu Suất. Các vị ấy gọi là Bồ Xứ Bồ Tát, hay là nhứt sanh Bồ Xứ Bồ Tát, đều là bậc tự tại thần thông, thường du hóa đi tế độ chúng sinh và du hành các cõi Tịnh Độ của chư Phật.

31. Tạo tháp bảy báu: Xây cất bửu tháp bằng: vàng, bạc, ngọc lưu ly, pha lê, xa cừ, xích châu và mã não.

32. Thọ ký: Vyakarana: prediction concernant l'Etat de Bouddha. Thọ là nhận lấy, Ký là ghi nhớ, ghi chứng. Khi một đức Phật phán xét rằng về sau một vị tu hành nào đó sẽ thành Phật. Đó gọi là thọ ký. Cũng như Phật Nhiên Đăng đã thọ ký cho đức Thích Ca Như Lai vậy.

33. Pháp nhẫn: Đức nhẫn nhục đối với các pháp, sự vật vô tình. Người tu học

cam chịu với các cảnh khổ, nạn khổ xảy đến cho mình như: gió, mưa, lạnh, nắng, đói, khát v.v...mà không buồn, không thối chí trên đường đạo đức. Như vậy kêu là pháp nhẫn.

34. Tam ma địa: Samadhi, phép thiền định, đại định của nhà đạo bậc cao trong khi nhập định thì thân thể và tâm trí chẳng còn xao động, chỉ chăm chú vào một mục đích mà thôi. Lúc bấy giờ, những vọng tưởng, những tà kiến, không thể xâm nhập vào tâm của nhà tu đại định

35. Nhất thiết trí quả: Quả vị Phật đã thể nhập được nhất thiết trí. Cái trí hiểu biết tất cả mọi sự vật, tức là trí của Phật. Trong kinh thường xưng khen Phật là bậc Nhất Thiết Trí. Những ai theo Phật và nghe Chánh pháp, rốt cuộc chắc chắn được nhất thiết trí.

36. Bản vị: Tức là chôn cũ mà quý vị ấy đã ở từ trước: vị trí căn bản.

37. Ba ngàn đại thiên thế giới: Tức là một thế giới lớn như Ta Bà thế giới. 1,000 thế giới nhỏ hiệp thành 1 trung thiên thế giới, thêm vô 1,000 thế giới nữa thành 1 trung thiên thế giới, thêm vô 1,000 thế giới nữa thành 1 đại thiên thế giới (1, 000 = tiểu thiên; 1,000,000 = trung thiên; 1,000,000,000 = đại thiên) Thế thì 1 tam thiên đại thiên thế giới hay 1 đại thiên thế giới có một ngàn triệu thế giới (1,000,000,000)

38. Châu Diêm Phù Đề: Jambudvipa: Một châu trong 4 châu ở địa cầu. Nó ở về phía Nam núi Tu Di, cũng gọi là Thiệm Bộ Châu, tức là trái đất chúng ta ở mà nước Thiên Trúc choán một phần rộng lớn. Tên Diêm Phù Đề có bởi cây

Jambudi, vì ở cõi này có cây linh tên là Diêm Phù, dưới bóng cây ấy Thái Tử Siddharta tham thiền nhằm lúc người ta đang cày ruộng.

39. Nhiều bên hữu ba vòng: Trong nhà Phật, các đệ tử muốn thừa thỉnh việc gì, trước phải đi nhiều hoặc ba vòng hoặc 7 vòng, hoặc 10 vòng v.v...để tỏ lòng tôn kính. Ba vòng là để biểu tôn kính Tam Tôn, diệt tam độc, đặng tam học...

40. Vô sanh pháp nhẫn: Đức nhẫn của người tu học, đắc đạo thể nhập chân lý; các pháp không sanh không diệt. Bực tu hành nếu hiểu các pháp không sanh, không diệt, tức là hiểu thật tướng sự vật vốn không sanh diệt. Hiểu như thế thì không còn lo rầu, phiền não, đối với chúng sinh, được như vậy gọi là vô sanh

pháp nhân. Đi đến chỗ không còn sinh tử luân hồi.

41. BỒ TÁT TỪ THỊ: Maitreya-Bodhisattva Từ Thị: Họ Từ, dòng lành, dòng Phật, vì Phật lấy đức từ bi làm chủ. Từ Thị là tiếng dịch nghĩa, còn tiếng âm theo Phạn ngữ là Di Lạc: Maitreya. Vậy Từ Thị Bồ Tát là Di Lạc Bồ Tát. Từ thuở xưa, đức Bồ Tát ấy gặp Phật, phát tâm tu hành, chứng phép từ tâm tam muội. Từ ấy tới nay, Ngài dùng chữ Từ làm tên họ mình. Về sau, Ngài vẫn giữ một tên đó cho đến khi thành Phật, kế tiếp đức Thích Ca Mâu Ni. Hiện nay, Ngài ở trên cung trời Đâu Suất Đà (Tushita).

42. Trời Đâu Suất: Tushitadeva, cung trời Đâu Suất về thượng giới. Hiện nay, ở cung Đâu Suất có rất nhiều vị Bồ Tát, trước khi giáng thế làm Phật đều ở cung

trời Đâu Suất. Các vị ấy gọi là Bồ Xứ Bồ Tát, hay là nhứt sanh Bồ Xứ Bồ Tát, đều là bậc tự tại thần thông, thường du hóa đi tế độ chúng sinh và du hành các cõi Tịnh Độ của Chư Phật.

43. Châu Nam Diêm Phù Đề: Jambudvīpa; một châu trong 4 châu ở địa cầu. Nó ở về phía Nam núi Tu Di, cũng gọi là Thiệm Bộ Châu, tức là trái đất chúng ta ở mà nước Thiên Trúc choán một phần rộng lớn. Tên Diêm Phù Đề có bởi cây Jambudi, vì ở cõi này có cây linh tên là Diêm Phù, dưới bóng cây ấy Thái Tử Sidharta tham thiền nhằm lúc người ta đang cây ruộng.

44. Đế Thích Thiên Chúa: Indra Cakra. L'Indra des Devas: Đế Thích là Vua chư thiên ở miền Đao Lợi, miền này có 33 cảnh. Miền của đức Đế Thích ở

thượng tầng cõi Trung Giới. Cao hơn miền của Tứ Thiên Vương và thấp hơn miền Dạ Ma. Ngài ngự trong cảnh đèn đài bằng ngọc. Gọi là Hỷ Kiến Thành. Lúc Thích Ca giảng sinh tại thành Ca Tỳ La Vệ, đức Đế Thích có ngự xuống rước mừng

45. Chốn tụ lạc: Nơi ồn ào náo nhiệt, nơi đông người, như ở thành phố hay đô thị ngày nay, gọi là tụ lạc.

46. Mười phương: phương Đông, Tây, Nam, Bắc, đông nam, tây nam, đông bắc, tây bắc, thượng phương và hạ phương. Gọi là mười phương.

47. Đặng pháp nhãn tịnh: Chứng đặng pháp lý, mắt được thanh tịnh. Chứng đặng quả vị Thanh Văn hay Duyên Giác. Pháp thì tự mình tu tập mà được, hoặc là do bậc trên trước truyền cho mà được.

48. Ba nghìn đại thiên thể giới: xin xem số 37 phía trên.

49. Sáu thứ chấn động: xem số 17 trong lời giải quyển 2.

50. Các cõi trời dục giới: Kamadhatu hoặc kamavacara-Region du desir. Một trong ba cảnh giới. Lục Dục Thiên có 6 tầng trời, nơi chư Thiên vừa hưởng các phước lạc về ngũ dục, vừa trông nom cho những hàng A Tu La, Nhơn gian và địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh. Các Ngài ủng hộ nền đạo lý, xem xét thế gian, che chở cho người hiền đức tu hành khỏi bị bọn hung thần hại phá. Sáu cõi Trời ấy là: Tứ Thiên Vương Thiên, Đao Lợi Thiên, Dạ Ma Thiên, Đâu Suất Thiên, Hóa Lạc Thiên, và Tha Hóa Tự Tại Thiên.

51. Chuyển Pháp luân: Xin xem số 27 trong lời giải quyển 1.

52. Ấn quyết: Mudra; Geste magique sceau: Dấu hiệu của một ý định đã quyết. Dấu hiệu bên ngoài dùng để tỏ rằng mình quyết đến quả Phật. Về môn ấn, bàn tay mặt biểu hiệu cho cõi Phật, bàn tay trái cõi người. Ngón tay cái biểu hiệu vũ trụ, càn khôn, ngò trở thế cho phong, ngón giữa là hỏa, ngón áp út là thủy, và ngón út là biểu hiệu cho thổ.

Thần ấn = bắt ấn linh, nhập vào Phật trí.

Phục ma ấn = bắt ấn trừ tà.

Tâm ấn = Sự truyền đạo trong tâm.

Tùng Lâm Linh Sơn, ngày 24-06-1988

Thích Huyền Vi

---o0o---

Mục Lục >> Phần 1 >> Phần 2 >> Phần 3

**Chú Giải Kinh Kim Cang
Và Chánh Pháp Chư Tăng Có**

Thích Huyền Vi

PHỤ TRANG

LƯỢC SỬ ĐỨC THỂ TÔN

I. GIÁNG SINH

Hai chữ Thích Ca (Sakya), Trung Hoa dịch là Năng Nhân: hay làm nhân đức, rộng giúp ba cõi. Hai chữ Mâu Ni (Muni) dịch là Tịnh Mặc = vắng lặng hảnh còn, tự nhiên như nhiên. Thân phụ của Ngài là một vị quốc vương của nước Ca Tỳ La Vệ (Kaplilavastu) Ấn Độ. Ấy là Hoàng Đế Tịnh Phạn (Suddhodana). Thân mẫu của

Ngài là Hoàng Hậu Ma Gia (Mayadevi). Bà là bậc mẫu nghi thiên hạ, cần kiệm trong sáng, không thích xa hoa, ưa nghe chánh pháp. Năm bà 44 tuổi, một đêm nọ nằm mộng, bà thấy một vị khôi ngô, tuấn tú, cỡi voi trắng sáu ngà, khai hông bên hữu, vị ấy đi vào thai tạng. Đến ngày trăng tròn tháng Vesak, Hoàng Hậu đến vườn Lâm Tỳ Ni (Lumbini), trong thời gian ấy, mùa xuân nắng ấm, hoa Vô Ưu (Asoka) nở tròn, tay bà vói hai, Thái Tử giáng sinh. Về sau, người đời tôn xưng Ngài là Phật Thích Ca Mâu Ni. (Sakyamuni Buddha). Theo lược sử Trung Quốc, đã từng có một đoạn nói rõ: “Mùng 8 tháng tư (lịch Trung Hoa) ở Trung Quốc, núi sông chấn động, năm sắc hào quang chiếu đến trời xanh, quan Thái Tử Tô Điền tâu Vua rằng: Có bậc Đại Thánh hơn giáng sinh ở phương Tây, sau 500

năm giáo hóa Pháp của Ngài sẽ truyền đến nước này”.

Sau khi Thái Tử giáng sinh, Hoàng Hậu Ma Gia được hoàng tộc rước về kinh thành Ca Tỳ La Vệ (Kaphilavastu), Vua Tịnh Phạn thấy Thái Tử tướng mạo khôi ngô, trong lòng vô cùng hoan hỷ, lập tức hội họp quần thần lại, đặt tên cho Thái Tử là Tất Đạt Đa (Sidhartha). Ý nghĩa ba chữ Tất Đạt Đa là tất cả mọi việc đều được thành tựu. Hoàng Hậu Ma Gia (Magadevi) sau khi hạ sanh Thái Tử bảy ngày, nhờ phước đức ấy hồn thân của bà rời khỏi xác thân, sinh lên cung Trời Đao Lợi. Từ đó, em Hoàng Hậu là bà Ma Ha Pa Xà Pa Đề (Mahaprajapati) dưỡng nuôi Thái Tử cho đến lúc trưởng thành.

Năm lên bảy tuổi, Vua cho mời học giả Bà La Môn (Brahma) tên là Bạt Đà La Ni

(Bradravani) dạy về văn chương, thi phú ...v.v...nhưng vì lãnh thổ của nước Ca Tỳ La (Kapila), chỉ vuông vức có hơn 500 dặm, là một tiểu quốc, đối với các nước lớn về vấn đề đối lập, thật là đáng lo ngại! Thế nên, Vua Tịnh Phạn mời vị võ sư tên là Sần Đề Đề Bà (Ksantisi), để dạy võ nghệ cho Thái Tử. Thái Tử Tất Đạt Đa thiên tính rất thông minh, văn võ song toàn, thanh danh của Ngài chấn động cả trong lẫn ngoài nước.

*Giáng sinh ngày ấy, muôn nơi rõ,
Là một tin vui khắp mọi miền,
Chiếu rạng tung bừng xua bóng tối,
Rồi đây sẽ có đạo vàng thiên!*

II – XUẤT GIA

Khi Thái Tử Tất Đạt Đa (Sidhartha) giáng sinh, Vua Tịnh Phạn (Suddhodana), có được một vị tiên tên là A Tư Đà (Asitarsi) đến xin phép xem tướng Thái Tử. Ông tiên ấy khi nhìn tướng Thái Tử rồi, chảy nước mắt, than một câu rằng: “Tôn dung của Thái Tử thật là vĩ đại, đầy đủ 32 tướng tốt, 80 vẻ đẹp, không phải là người phàm. Nếu Ngài không xuất gia thì sẽ là một vị Chuyển Luân Thánh Vương, thống lãnh năm xứ Thiên Trúc (5 xứ Thiên Trúc chính là 5 xứ Ấn Độ: Đông, Tây, Nam, Bắc, và Trung Ương), ý nói thống lãnh toàn xứ Ấn Độ. Nếu là xuất gia, chắc chắn làm một vị Đạo Sư trong ba cõi. Tôi than, tôi khóc vì tôi tuổi đã già, không thể đích thân nghe được những lời vàng ngọc của Ngài thuyết pháp”.

Vua Tịnh Phạn nghe qua các tiên đoán của ông tiên, nửa mừng nửa lo. Vua luôn khẩn nguyện cho Thái Tử sẽ trở thành Chuyển Luân Thánh Vương, không một mảy may muốn sự xuất gia đến với con của Ngài. Từ đó, Vua Tịnh Phạn cố ý muốn ngăn cản sự xuất trần của vị Hoàng Tử ưu tú. Vua tưởng những sự khoái lạc đầy đủ trong thế gian sẽ cầm chân được Thái Tử, nên Vua ra lệnh xây thêm ba tòa lâu đài, cho ba mùa, có nơi đặc biệt để Thái Tử hưởng thụ, cũng cấp thêm rất nhiều cung phi, mỹ nữ, kẻ hầu người hạ. Vua Tịnh Phạn đối với Thái Tử rất là chân tình, hết mực săn sóc thương yêu. Vua đổ hết của cải của một tiểu quốc cho Thái Tử cũng không bao giờ tiếc hận.

Năm Thái Tử lên 17 tuổi, Vua Tịnh Phạn làm lễ thành hôn cho Thái Tử với

công chúa Gia Du Đà La (Yasodhara), con gái độc nhất của Vua Thiện Giác (Kusalabuddha). Lễ thành hôn yến tiệc linh đình, đờn ca hát xướng, tận dụng mọi thứ khóa lạc ở trần gian, nhưng trong lòng Thái Tử lúc nào cũng nghĩ đến cảnh vô thường: Sinh, già, bệnh, chết trong nhân gian mà chúng sinh đang gánh chịu. Sự suy nghĩ tìm chân lý cầu giải thoát cho chúng sinh càng tăng thêm trong lòng Ngài. Mặc dù nhiều khoái lạc trong cung đã mang đến cho Ngài, nhưng lòng Ngài không mấy may xúc động.

Một hôm, Thái Tử bạo dạn đến trước Phụ Vương, tỏ bày chí hướng muốn được xuất gia. Vua Tịnh Phạn nghe qua trong lòng sợ hãi. Vua phán, “nếu con muốn thành đạo, độ tất cả chúng sinh, nên trước cứu giúp sự khổ não của cha già. Ta muốn

sớm nhường ngôi lại cho con, để thật hành phạm hạnh. Đây là ước nguyện của ta”. Tuy lời phán của phụ vương Ngài như thế, nhưng chí nguyện xuất gia của Thái Tử không có chi lay động.

Năm Thái Tử đúng 19 tuổi, công chúa sinh được một hoàng nam, ấy là La Hâu La (Rahula), nhân dân trong thành và cả nước ai cũng đều khánh hỷ, chào mừng ngày sanh ra của một vị vương tôn. Nhưng trong thân tâm của Thái Tử giờ phút nào cũng nghĩ đến việc xuất gia là điều trọng yếu. Ngài suy đi nghĩ lại, nghĩ quanh nghĩ quẩn, có lúc Ngài tưởng hiện tại sinh được một vương tôn, nếu ta trái ý của phụ vương xuất gia, chắc chắn sẽ giảm bớt sự lo rầu của phụ hoàng. Thái Tử quyết định giờ tý ngài mừng 8 tháng 2, lúc mà mọi người đều yên giấc điệp, sẽ

cùng Xa Nặc (Chandaka) vượt thành Ca Tỳ La Vệ, quyết chí xuất gia tầm đạo để lợi mình và cứu độ muôn loài chúng sinh thoát khỏi bánh xe luân hồi sinh tử.

Ngài ra đi vì chúng sinh; ra đi vì từ ly vợ hiền con yêu dấu, ra đi biệt cách ngai vàng cùng bóng cha già kính yêu...

III – KHỔ HẠNH

Thái Tử rời khỏi hoàng cung của Ca Tỳ La Vệ (Kapalivastu) hơn 17 dặm, đến thành phố Lam Ma (Ramagrama), rồi tiến về hướng đông qua sông A Nô Ma (Anoma) vào rừng sâu chọn lựa một địa điểm yên tĩnh, làm nơi tu tiến. Lúc bấy giờ Ngài cạo bỏ râu tóc, đổi áo cẩm bào mặc phục cà sa (Kasaya). Bảo Xa Nặc cùng ngựa Kiên Trắc trở lại hoàng cung tâu lên Thánh Thượng, cùng báo tin cho triều đình qua liêu được rõ. Thái Tử gói

trọn chí nguyện trong hai câu gởi về cho toàn thể:

“Tôi sẽ trở về khi thấy đạo, giải thoát nhân gian vạn thâm sâu...”

Từ đây, Ngài hướng về phương Đông hỏi đạo với các vị đạo sĩ, trong số ấy có ông Bạt Ca Tiên (Bahargava), vị này là người Bà La Môn, thật hành khổ hạnh. Ông ấy nói:

- “Không khổ hạnh thì không thể nào giải thoát”.

Thái Tử sau khi mục kích sự tu ép xác của ông Tiên Bạt Ca, liền đến hỏi rằng:

- “Vì sao ông tu khổ hạnh như thế?”

Tiên Bạt Ca trả lời:

- “Vì muốn sanh lên cõi Trời, vì muốn hưởng phước lạc trên cõi trời đời sau, nên

phải ép xác khổ hạnh, không khổ hạnh không được”.

Thái Tử thưa rằng:

- “Ông cầu hưởng phước lạc trên cõi Trời, việc ấy không rốt ráo. Ông nên biết rằng các cõi Trời tuy vui thú thật, song phước báo có hạn lượng, khi phước báo hết lại phải chịu khổ báo luân hồi trong sáu nẻo. Thế nên ông nói phước lạc, nhưng rốt cuộc chỉ là khổ não mà thôi.”

Thái Tử liền rời ông Tiên Bạt Ca mà đi phương khác. Sau đêm Thái Tử rời khỏi kinh thành Ca Tỳ La Vệ, Vua Tịnh Phạn biết được việc ấy trong lòng muôn phần kinh ngạc, lập tức phái các đại thần tìm kiếm khắp bốn phương trời. Trong lúc cả hoàng cung bối rối, nhất là công chúa Gia Du Đà La vô cùng đau khổ, bỗng nhiên Xa Nặc và ngựa Kiên Trắc về lại Vương

thành, Xa Nặc trình tâu mọi việc đến Thánh Thượng cùng Hoàng tộc. Vua Tịnh Phạn lập tức đặc phái hai vị đại thần tài trí cao cường đi rước Thái Tử trở về cung nội.

Tuân lệnh Vua, hai sứ giả đến chỗ vị Tiên Bạt Ca. Tiên ông nói rằng Thái Tử đã rời chốn này rồi, vừa đi về phương Bắc. Hai vị đại thần bôn ba nhắm về hướng Bắc, hy vọng gặp được Thái Tử, xa xa nhìn thấy Thái Tử an tọa nơi gốc cây Bồ Đề. Hai đại thần hớn hờ vui mừng, thưa lên bao nhiêu lời tâm huyết của Vua Tịnh Phạn và công chúa Gia Du. Xin thỉnh Thái Tử trở về hoàng cung.

Nghe qua những lời thông thiết của hai vị sứ giả cao minh, song Thái Tử vẫn cương quyết theo chí nguyện tìm chân lý, cứu độ chúng sinh. Ngài bèn từ giả hai vị

đại thần tìm đến chỗ của các đạo sĩ danh tiếng đương thời. Ấy là các ông A La Lạ (Aradakalama), ông Uất Đầu Lam Phát (Udraka-Ramaputra), ông Ca Lan (Karanda) v.v...trong lúc ấy, hai vị đại thần, rõ biết sự quyết tâm của Thái Tử, không bao giờ trở về Hoàng cung. Họ thương lượng với đoàn tùy tùng trong số được chọn là ngài Kiêu Trần Như (Kaundinya), Bạt Đề (Bhadrika), Bà Sa Ba (Kaysyapa), Ma Ha Nam (Mahanama) và A Thấp Bà (Asvajit) thường theo hộ vệ Thái Tử. Hai vị đại thần đành chịu thất vọng trở về tâu hết mọi việc cho Vua nghe.

Thái Tử cùng năm vị trên , vượt qua sông Hằng, đến nước Ma Kiệt Đà (Magadha) qua thành Vương Xá (Rajagrha). Nhân dân trong thành này,

hầu hết mỗi người đều đến chào mừng Thái Tử. Trong thời gian ấy, Vua Tần Bà Sa La (Bimbisara), từ trên vọng lâu xa xa nhìn thấy dân chúng lũ lượt kéo về nơi Thái Tử ở, Vua biết Thái Tử Tất Đạt Đa đã đến, khuyên nhắc các vị đại thần chuẩn bị nghìn đón Thái Tử tại núi Bàn Trà Bà (Pandaka). Vua Tần Bà Sa La đích thân ngự giá đến thăm viếng Thái Tử và bàn với Thái Tử rằng:

- Nhơn giả tại sao xuất gia? Nếu vì không được sớm lên ngôi Vua mà xuất gia, ta sẽ chia cắt nữa quốc gia này mời Nhơn Giả thống trị; nếu Nhơn Giả thấy không đủ đất dụng võ ta sẵn sàng biếu hết cả nước. Ta nguyện thoái vị làm dân và hết lòng giúp nước. Còn nếu Thái Tử thấy không đủ đất đai, ta sẽ hạ lệnh cử đại binh

mà xâm lược các nước lân bang đem về một mối để Nhơn Giả thống trị.

- Xin đa tạ hảo ý, Thái Tử thưa. Chí nguyện của tôi muốn chấm dứt bốn khổ: Sinh, Già, Bệnh, Chết, đặng giải thoát Vô Thượng Bồ Đề. Tôi đâu có muốn cầu ngũ dục (Tài, sắc, danh, thực, thù), trong thế gian mà xuất gia. Tôi chỉ có một điều là mong đại vương dùng nhân đức mà trị nước giúp dân, không nên đả ngược dân chúng.

Vua Tần Bà Sa La nghe Thái Tử nói những lời cao quý trên, trong lòng hết sức cảm động và kính phục vô cùng, phát tâm cao khiết, quỳ xuống đất thưa rằng:

- Khi Nhơn Giả được giải thoát, trước xin nhớ độ cho tôi với.

Thái Tử ghi nhớ lời cầu xin và cảm tạ hậu ý của nhà Vua, rồi xin cáo biệt. Thái Tử lội qua sông Ni Liên Thiên (Nairanjana) hướng về hướng Bắc núi Di Lô (Menu), để hỏi đạo với các vị đạo sĩ danh tiếng đương thời như Ưu Lô Tần La Ca Diếp (Uruvilva Kaasyapa), Già Da Ca Diếp (Gayakasyapa) và Na Đề Ca Diếp (Nadikasyapa); Thái Tử nghe ba vị này nói đạo của họ, biết chẳng đi đến đâu, chưa phải là con đường giải thoát sinh tử luân hồi. Sau đó Ngài xuống núi Di Lô mong gặp các đạo sĩ sanh tiếng khác, ấy là A la La Ca Lam (Arada-kalama), ông Uất Đầu La Ma (Usraka-Ramaputra), Thái Tử cũng hết lòng nghe giáo pháp của hai vị này, nhưng xét cho kỹ cũng chưa được giải thoát. Duy nhất là phải tự tu, tự giác. Lúc bấy giờ, Thái Tử lên núi Chánh Giác, phía Đông gần bờ sông Ni Liên

Thiền, tìm một nơi thích ứng làm đạo tràng tu tập, chấm dứt lương thực cung cấp từ Phụ Vương, ở đây một đường tu hành khổ hạnh sáu năm trường:

Sáu năm tu tập chốn rừng già,

Khổ hạnh ai bì Đức Thích Ca...

Chim hót trên vai, sương phủ áo,

Hưu kê dưới gối, tuyết đơm hoa... Suy cơ...

IV – THÀNH ĐẠO

Thái Tử ở trong rừng cây tại núi Chánh Giác, thời gian sáu năm chuyên tu khổ hạnh. Mỗi ngày chỉ dùng một ít vừng (mè), một ít bắp, còn da bọc lấy xương, thân hình không khác gì cây khô, hết nhựa sống. Sau đó chính tự Thái Tử suy nghĩ:

“Đạo là hơn huệ giải mà thành, huệ giải nhờ căn tính mà được, căn tính do ăn uống mới sung mãn. Đoạn thực không phải là hơn đắc đạo. Ta phải thọ thực để chứng thành đạo quả”.

Nghĩ như thế rồi Ngài bèn đứng dậy xuống sông Ni Liên Thiên tắm rửa; nhưng vì tiết thực đã sáu năm qua, nên thân thể Ngài quá ốm yếu, chỉ còn da bọc xương, đi đứng rất là khó khăn.

Lúc bấy giờ bên bờ sông, gần rừng cây rậm rạp, có hai chi em nàng Suru Già Ta (Sujata) hướng về vì Bồ Tát tu khổ hạnh lễ một lay, dâng lên Ngài một bát sữa bột. Bồ Tát tiếp nhận uống qua, thân thể dần dần phục hồi sức khỏe. Năm anh em của A Nhã Kiều Trần Như thường theo phò trì Thái Tử, thấy Thái Tử dùng sữa, cùng hoàn cảnh đã hạn san, rất lấy làm bất mãn.

Năm vị này nghĩ rằng, đạo tâm của Thái Tử đã thoái chuyển. Họ không đồng ý ở chung với Thái Tử nữa, bèn ly khai hướng về phương Tây, trực chỉ đến địa phương Ba La Nại (Varanasi). Còn lại một mình Thái Tử, độc hành xuống núi, qua sông Ni Liên Thiên, đến chôn Già Gia (Gaya), tọa thiền dưới gốc cây Tất Bát La (Pippala), phát tâm dũng mãnh, thề quyết rằng:

- “Ta nay nếu không chứng được Vô Thượng Đại Bồ Đề, thà rằng thịt nát xương tan, không bao giờ đứng dậy chỗ ngồi này”.

Với chí hùng dũng cương quyết ấy, chắc chắn đắc đạo.

Trong thời gian ấy, có một vị đồng tử, mang một bó cỏ xanh dâng lên Thái Tử để trải lại chỗ ngồi, Lúc bấy giờ Thái Tử tự mình chuyên tu, tĩnh tọa thiền quán, trong

khi nhập chánh định, sách nói Ngài trai qua vô số cảnh giới. Năm ấy Ngài 35 tuổi, mùng 8 tháng 12 (tính theo lịch Hoa), nửa đêm Ngài quán sát yết sáng trên hư không, toàn thắng với nội chương, ngoại chương, Ngài hoát nhiên đại triệt ngộ, thành bậc Vô Thương Chánh Đẳng Chánh Giác (Anuttara Samyakam Buddha).

Ánh đạo từ nay dọi sáng,

Thôi rồi hết ngày đờn đau!

Cầu thành đạo quả, đé.

Trên đèn đáp bốn ơn sâu,

Dưới cứu vớt ba đường khổ.

THUYẾT PHÁP

Sau khi Thái Tử thành Phật, hiệu là Thích Ca Mâu Ni (Sakyamuni Buddha), trước Ngài muốn đến núi Di Lô (Menu)

đề độ cho hai vị đạo sĩ, ấy là A La La Ka Lam và Uất Đầu Lam Phát, nhưng khi đến nơi dân chúng cho biết tin là hai vị đạo sĩ ấy đã qua đời. Ngài mới chuyển hướng đến vườn Lộc Giả (Sanarath) gần thành Ba La Nại (Varanasi) đề độ cho năm anh em Kiều Trần Như, trở thành năm vị kỳ kheo (Bhiksu), Ngài thuyết pháp Tứ Thánh Đế (Catvariaya-Satyani). Đức Phật ở tại vườn Lộc Giả chỉ trong ba tháng, độ được 56 người đệ tử; rồi Đức Phật đến Linh Sơn, gần thành Vương Xá (Rajagraha) đề độ cho Vua Tần Bà Sa La (Bimbisara), vì đã có lời ước hẹn lúc ra đi. Vua đã thưa trước nếu đắc thành chánh quả xin nhớ độ Vua.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 2, thứ 3**, Đức Phật ở tại kinh thành Vương Xá (gần Linh Sơn hội thượng) từ quan đến dân bỏ

Bà La Môn Giáo, quy y với Phật, và học đạo giải thoát với Ngài.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 4**, Đức Phật chuyển về tịnh xá Đại Lâm (Mahavanavihara), gần thành Tỳ Xá Ly (Vaisali).

Sau khi thành đạo, **năm thứ 5**, Đức Phật ở tịnh xá Đại Lâm, giảng nói giới luật, và hướng dẫn các đệ tử từ tịnh xá Đại Lâm, đến Linh Sơn hội thượng. Trong lúc ở đây, nghe tin Phụ Vương đau nặng, Ngài liền về nước Ca Tỳ La (Kapila) để thăm, đồng thời giảng nói pháp yếu cho Vua cha nghe. Vua Tịnh Phạn thấm nhuần đạo lý, linh tánh của Ngài hoàn toàn siêu thoát. Vua Tịnh Phạn băng hà, đám tang cử hành đúng theo nghi lễ cổ truyền, và long trọng số một.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 6**, Đức Phật vẫn trở lại thành Vương Xá thuyết pháp.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 7**, Đức Phật ngự tại thủ đô nước Kiều Tát La (Kausambi), giáo hóa tại kinh thành Xá Vệ (Sravastinagar). Năm này Vua Ba Tư Nặc (Prasenajit) và Thái Tử Jeta kiến lập Kỳ Hoàn tịnh xá.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 9**, Đức Phật khai đàn thuyết pháp tại Kỳ Viên Tịnh Xá; nhiều bộ Kinh quan trọng được Đức Phật thuyết tại đây.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 12**, Đức Phật đến chốn Ma Hê Thấp La (Mahasvara), Ba La Nại (Varanasi) và Tỳ Xá Ly (Vaisali) cùng các quận, các ấp để hành hóa chúng sanh.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 13, 14**, đức Phật trú tại nước Kiều Tát La (Kausambi) cùng các nơi trong quốc độ này để chuyển mê khai ngộ chúng sinh.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 15**, đức Phật trở về nước Ca Tỳ La Vệ (Kapilavastu) để thuyết pháp cho hoàng tộc, cùng đi các vùng lân cận kinh thành để giáo hóa chúng sinh.

Sau khi thành đạo, **nam thứ 17**, Đức Phật ngụ tại Trúc Lâm tịnh xá (Venuvana) để giáo hóa nhân sinh và các vùng lân cận, dân chúng trở về nghe pháp tu hành.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 18**, Đức Phật thuyết pháp giáo hóa tại kinh thành Xá Vệ (Sravasti), độ vô số chúng sanh.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 19**, Đức Phật về lại Trúc Lâm tịnh xá rồi đi hoằng

hóa toàn cõi Ma Kiệt Đà (Magadha) đi đến hang cùng ngõ hẻm để thuyết giáo.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 20**, đức Phật an cư kiết hạ tại Kỳ Hoàn tịnh xá, và thuyết pháp giáo hóa độ chúng sanh tại quốc độ này.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 21**, từ trong các hàng đệ tử, Đức Phật cho Ngài A Nan làm thị giả, hầu cận hai bên, đồng thời Đức Phật thuyết pháp cho các hàng đệ tử khác.

Từ đây về sau, trong 25 năm, A Nan học rộng nghe nhiều, thâm thập hết những lời Phật dạy, như nước bình này rót vào bình khác không rơi ra ngoài một giọt. Ngày nay chúng sanh được nghe giáo pháp của Phật, đều là nhờ công lao vĩ đại của tôn giả A Nan.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 22 đến năm thứ 36**, các phương cung thỉnh Đức Phật, nhất là ba pháp hội đạo tràng, Đức Thế Tôn thường trú: Ấy là tịnh xá Đại Lâm, tịnh xá Kỳ Hoàn và Linh Sơn hội thượng. Ngài thuyết nhiều bộ Kinh quan trọng tại các đạo tràng này.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 37**, Đức Phật ngự tại Linh sơn để thuyết kinh Pháp Hoa, đến **năm thứ 44**, thuyết 8 năm trường mới xong.

Sau khi thành đạo, **năm thứ 45**, Đức Phật đến thành Câu Thi Na (Kushinagar) gần con sông Hê Lan Nhã (Hiddalanka) và nhập Niết Bàn tại rừng Sa La. Lúc bấy giờ là ngày 15 tháng 2 năm 950 trước kỷ nguyên Tây lịch.

Đức Thích Tôn từ khi giáng sinh, xuất gia, tu khổ hạnh, thành đạo, thuyết pháp

cho đến nhập Niết Bàn, cộng tất cả là 80 năm. Ngày chót là ngày trăng tròn tháng 2, năm thứ 52, đời Châu Mục Vương, Trung Quốc.

Thuyết ra chân lý nhiệm mầu,

*Pháp dùng phương tiện ngô hầu khai
thông,*

Nhập vào bản tánh chân không,

*Diệt bao phiền não cõi lòng NHƯ
NHƯ!*

TÂM KINH

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA

TÂM KINH BÁT NHÃ BA LA MẬT

***(PRAJNAPARAMITAHRIDAYA
SUTRA)***

CHÚ GIẢI:

v **Bát Nhã:** là Trí Tuệ.

v **Ba La Mật:** là đến bờ bên kia.

v **Đa:** là định tĩnh.

v **Kinh:** là chơn lý, đường tắt. Kinh nay chỉ con đường tắt định tâm vậy.

Đức Bồ Tát Quán Tự Tại khi Ngài thật hành sâu xa về trí tuệ Bát Nhã, Ngài soi thấy năm uẩn đều không, liền qua tất cả khổ ách.

Này Xá Lợi Tử! Sắc chẳng khác với không, không chẳng khác với sắc, sắc tức là không, không tức là sắc, thọ, tưởng, hành, thức, cũng lại như vậy.

Này Xá Lợi Tử, tướng không của các pháp ấy chẳng sanh, chẳng diệt, chẳng như, chẳng sạch, chẳng thêm, chẳng bớt...thế nên trong cái không đó, nó

không có sắc, không có thọ, không có tưởng, không có hành, không có thức, (và nó cũng) không có mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. (Nó cũng) không có sắc, thính, hương, vị, xúc, pháp. Không có nhãn giới cho đến không có ý thức giới (tức là không có 18 giới). Không có cái vô minh mà cũng không có cái hết vô minh. Cho đến nó không có lão tử mà cũng không có cái hết lão tử; không có khổ, tập, diệt, đạo, cái trí cũng không có và cái được cũng không, (không như vậy) là vì nó **không có chỗ được**.

Bồ Tát nương nơi trí huệ cứu cánh này, tâm không ngăn ngại, không có sợ hãi, xa lìa tất cả những điều điên đảo, các mộng tưởng, được Niết Bàn rốt ráo.

Các Đức Phật trong ba đời đều nương theo trí tuệ Bát Nhã này, mà được Vô

Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Thế nên biết rằng, trí tuệ rốt ráo này là đại thần chú, là đại minh chú, là vô thượng chú, là vô đẳng đẳng chú, hay trừ tất cả khổ, chân thiết không giả dối. Cho nên nói chú Bát Nhã Ba La Mật Đa, liền nói chú rằng: *Yết Đé, Yết Đé, Ba La Yết Đé, Ba La Tăng Yết Đé, Bồ Đề Tát Bà Ha.*

CHÚ GIẢI:

- Quán Tự Tại là thế nào? (Avalokitesvara), biến hóa từ tâm, thông suốt quán sát tự đặng.

- Bồ Tát (Bodhisattva) - nghĩa là giác hữu tình. Nghĩa lý đã giảng giải đầy đủ ở trước. Có nghĩa là thường giác ngộ tất cả chúng hữu tình.

- Chữ Uẩn là chứa nhóm; sắc, thọ, tưởng, hành, thức, gọi đó là năm uẩn. Toàn Kinh chú trong một câu này.

- Độ tất cả khổ ách, gồm cả tự độ, độ tha mà nói.

- Xá Lợi Tử (Sariputra) là tên người.

- Nhơn sắc mà có thọ, nhơn thọ mà có tưởng, nhơn tưởng mà có hành, hành mà không được thì hiểu biết cùng tâm tánh khó quên, năm thứ này nó nương tựa cùng nhau.

- Các pháp tướng không là thế nào? Tức là chân tánh có mà chẳng có, không nhưng chẳng không. Ấy là tướng không của các pháp. Chân tánh nhiều kiếp không hư hoại, cho nên nó không sinh không diệt. Chân tánh xưa nay không nhiễm, cho nên nó không cấu không tịnh; chân tánh

không trụ trước một vật gì, nên nó không tăng không giảm.

- Nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý – gọi là sáu căn

- Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp – gọi là sáu trần.

- Mọi sự vật đều vin nơi ý mà phát khởi, cho nên sự vật thuộc về ý. Hoặ nói sự vật cùng ý pháp khởi đồng thời, tức là phát động vậy, cung chung liên quan mật thiết với nhau về phần vọng động.

- Chỗ thấy của mắt là nhãn giới, chỗ biết của vọng tâm là ý thức giới.

- Vô lão tử là sao? Là thường còn không hoại diệt.

- Khổ tức là các phiền não.

- Tập là chứa nhóm, là nguyên nhân, chứa nhóm muôn tội nghìn lỗi ở trong thân thể người ta.

- Hai cái khổ - tập là quả khổ và nhân khổ.

- Diệt – là tịch diệt, Niết Bàn.

- Đạo là con đường, cung như nói con đường tu hành để đạt đạo.

- Hai cái này gọi là quả vui vào nhân vui. Tiếng Phạn gọi là Bodhisattva. Trung hoa dịch là Giác hữu tình.

- Chử Niết (nir) là không sanh;

- Chử Bàn (vana) là không tử.

- Chử A là không; chử Nậu Đa La (Nuttara) là thượng có nghĩa là cao nhất.

- Chữ tam (sam) là chánh, chữ miệu (yak) là đẳng.
- Tam Bồ Đề (Sambodhi) là chánh giác.
- Yết đế, yết đế (gate, gate) là chơn lý nhiệm mầu để độ chúng sinh. Nói Yết Đế hai lần, ý nói độ mình và độ người.
- Tăng là tăng tiếng.
- Tát bà ha – có nghĩa là nhanh chóng. Nghĩa là việc làm nhanh chóng thành tựu cứu độ cho tất cả chúng sanh.

MA HA BÁT NHÃ BA LA MẬT ĐA TÂM KINH

Quán Tự Tại Bồ Tát, hành thâm Bát Nhã Ba La Mật Đa thời, chiếu kiến ngũ uẩn giai không, độ nhất thế khổ ách.

Xá Lợi Tử, sắc bất dị không, không bất dị sắc, sắc tức thị không, không tức

thị sắc, thọ tướng hành thức, diệt phục
 như thị. Xá Lợi Tử, thị chư pháp không
 tướng, bất sanh, bất diệt, bất cấu, bất
 tịnh, bất tăng bất giảm. Thị cố không
 trung vô sắc, vô thọ tướng hành thức,
 vô nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, vô sắc,
 thanh, hương, vị, xúc, pháp. Vô nhãn
 giới nãi chí vô ý thức giới. Vô vô- minh,
 diệt vô vô-minh tận. Nãi chí vô lão tử;
 diệt vô lão tử tận. Vô khổ tập diệt đạo;
 vô trí diệt vô đắc. Dĩ vô sở đắc cố; Bồ
 Đề tát đỏa, y Bát Nhã Ba La Mật Đa cố;
 tâm vô quái ngại, vô quái ngại cố, vô
 hữu khủng bố, viễn ly điên đảo mộng
 tưởng cứu cánh Niết Bàn. Tam thế chư
 Phật, y Bát Nhã Ba La Mật Đa, cố đắc
 A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề.
 Cố tri Bát Nhã Ba La Mật Đa, thị đại
 thần chú, thị đại minh chú, thị vô
 thượng chú, thị vô đẳng đẳng chú;

năng trừ nhất thiết khổ, chơn thiệt bất hư. Cổ thuyết Bát Nhã Ba La Mật Đa chú, tức thuyết chú viết: Yết đế, yết đế, ba la yết đế, ba la tăng yết đế, bồ đề tát bà ha (3 lần).

GIẢNG RỘNG: Tôn giả A Nan nói: Đức Thế Tôn chỉ dạy chúng ta có đức Quán Tự Tại Bồ Tát công hạnh tu hành rất sâu, đầy đủ đại trí tuệ, tạo căn bản đến bờ bên kia, soi thấy năm uẩn chính mình cùng năm uẩn chúng sinh đều không có thật. Đối với mình thì tu đến Vô Thượng Bồ Đề, đối với người thì nhiều phương tiếp dẫn, khiến qua tất cả khổ não, được về con đường giải thoát. Đệ tử thượng túc của Phật là Ngài Xá Lợi Phất chính là muốn lìa khổ ách, Bồ Tát gọi danh Ngài mà bảo rằng:

- Xá Lợi Tử, ông biết trong thế gian những gì có hình là sắc, vô hình là không, không biết sắc kia chính là mộng, huyễn, bào, ảnh, chẳng khác gì với không; không là nhất chân hiển lộ, chẳng khác gì với sắc. Sắc tức là không, không tức là sắc. Luận về nhơn sắc mà có thọ, nhơn thọ mà có tướng, nhơn tướng mà có hành, hành đó không thông thì thức đối với tâm không quên. Năm cái này nhơn nhau mà sinh ra vọng kiến. Nay sắc đã là không thì thọ tướng hành thức, cũng lài như vậy. Do đó, chân tánh thường thanh thường tịnh, mảy may không pháp tướng có thể xưng gọi, không thật là tướng không trong các pháp ư? Luận về chỗ màu nhiệm kia thì thường còn bất biến, không sinh không diệt, trạm nhiên trong sáng, không như không sạch; tự nhiên tốt đẹp không tăng không giảm. Vì thế, cho nên trong tánh

chơn không đã không có sắc, thọ, tướng, hành, thức, thì sáu căn đều thanh tịnh, không nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý. Sáu trần không nhiễu loạn, không sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Đầu mỗi khổ lụy của sáu căn, do nhãn căn đứng đầu, nay nhãn giới đã không thì muôn trần duyên đều dứt, rồi ý giới cũng quên luôn. Các việc nhận định đều do định mà được yên tĩnh, do yên tĩnh mà phát sanh trí tuệ; không có vô minh, cũng không có sự hết vô minh. Nhờ lâu mà bền chắc, do bền chắc mà an nhiên; không có lão tử, cũng không có hết lão tử. Quả khổ của phiền não là do nhân khổ tác nghiệp; quả vui của Niết Bàn do nhờ nhân vui tu trì, một thời đều dứt! Trong tính chân không, vốn không có danh từ trí tuệ, đến bờ bên kia cũng thuộc về hư giả, thì lại đâu có đặc ư? Song mà không trí không đặc, từ đâu đã

đặng bồ đề mà nói ra. Trước khi chưa được, đâu có thể nào không pháp ư? Sở dĩ nói Bồ Đề tát đỏa là vì trí tuệ đến bờ bên kia, nhờ phương pháp tu hành, giữ gìn sáu căn, dứt hẳn sáu trần, nên tâm không trệ ngại, xa lìa các sự điên đảo thần thức, vọng tưởng mộng寐, đến chỗ bất sinh bất tử mới thôi. Chẳng những Bồ Tát làm như thế, mà các Đức Phật trong ba đời, muốn đặng Vô Thượng Bồ Đề, cũng phải y nơi trí tuệ đến bờ bên kia. Thế nên biết rằng trí tuệ đến bờ bên kia là mật ngữ biến hóa không lường, là mật ngữ thần quan phổ chiếu, mà mật ngữ chí cực vô thượng, là mật ngữ độc tuyệt vô luân.

Tôn Giả A Nan đã nói:

- Hay trừ tất cả khổ ách, lời nói ấy chân thật không hư dối. Lại nữa có mật chú các ông mỗi thời phải trì tụng, có thể được

phát sanh trí tuệ, được đến bờ giải thoát bên kia. Thần chú nói: Gate, gate, lưu xuất chân lý nhiệm màu để độ chung sinh. Lời lập lại có ý nghĩa độ mình độ người. Ba la yết đế, muốn đến bờ kia, cần phải nhờ chân lý nhiệm màu này. Chũ tăng ở đây lá chúng, là đông, là thêm vậy. Tát bà ha là nhanh chóng, nghĩa là tu hành nhanh chóng để thành tựu cho tất cả chúng sinh.

Tóm lại, mật chú dù là con đường tắt tu hành, nhưng không ngoài tâm niệm mỗi người; Ai hay không vướng, không chấp năm uẩn kia, thì chủ nhân ông thường định, rồi dũng cảm tự thanh, làm gì mà không được Bồ Đề ư?

HẾT

---o0o---

Mục Lục >> Phần 1 >> Phần 2 >> Phần

3

---o0o---